

TẠI SAO CẦN PHẢI CHÚ TRỌNG ĐẾN về sinh răng miệng?

- Chú trọng đến vệ-sinh răng miệng
tức là tăng cường việc bảo vệ sức khỏe.
Với lý từ FLUOR màu nhiệm
Perlón quyết tâm
góp công vào việc này.

CONNELL
UNIVERSITY
JUN 26 1967
LIBRARY



Perlón

LÀ CHÌA KHÓA
MỞ ĐƯỜNG CHO CHIẾN DỊCH
DIỆT TRỪ SÂU RĂNG.

PHỔ THÔNG XUÂN

Giám-đọc : NGUYỄN - VỸ

1967

PHỔ THÔNG XUÂN ĐÌNH MUI • PHỔ THÔNG XUÂN ĐÌNH MUI



PHỔ THÔNG XUÂN ĐÌNH MUI • PHỔ THÔNG XUÂN ĐÌNH MUI • PHỔ THÔNG XUÂN ĐÌNH MUI

Cầu chúc

Toàn thể dân tộc Việt-Nam

một năm

Hòa-bình — Hạnh-phúc

thân ái chúc

Bạn đọc Phở-Thông

trong Nước và Hải-ngoại

một năm

Vui-Tươi — Thanh-vượng

GIÁM-ĐỐC và TOÀN BAN BIÊN-TẬP
PHỞ-THÔNG TẠP CHÍ

XUÂN ĐÌNH-MÙI



PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HOÁ VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỎ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn: 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ IX * SỐ 186 * 15,30-1-1967

1.— Mùa xuân của suy vong	Nguyễn Vũ	6 — 10
2.— Con Dê từ Đông sang Tây	Từ trần Lệ	11 — 22
3.— Bốn mùa xuân (đoản thiên)	Hoàng ngọc Liên	23 — 27
4.— Đối Tết nhà họ Đỗ	Thái Bạch	28 — 30
5.— Tình khúc mùa xuân (thơ)	Tần hoài Dạ-Vũ	31
6.— Giao thừa ở phố Thiên-thai	Minh Đức	32 — 40
7.— Truyện Tấm Cám có thật trên Lịch sử ta không?	Phạm văn Sơn	41 — 48
8.— Mùa xuân vẫn còn (truyện ngắn)	Bùi kim Định	49 — 56
9.— Một mình trong thành phố Huế (thơ)	Kiên Thềm	57 — 58
10.— Người và khỉ (khoa học)	Võ Quang Yến	59 — 64
11.— Hoa hạnh phúc (thơ)	vuơng huyền Trang	65
12.— Xuân Hòa-Bình và Xuân Dân Tộc	Thiếu Sơn	66 — 70
13.— Vũ khúc Khoa (tác giả, tác phẩm)	Duy Thức	71 — 76
14.— Đường vào thơ (thơ)	Mạch Quế Hương	77
15.— Ai lo phận nầy (truyện dịch)	Phong Sơn	78 — 85
16.— Tôi ước mơ (thơ)	Xuân Trươc	86

XUÂN ĐỊNH - MÙI

17.— Walt Disney, không còn nữa	Diệu Huyền	87 — 91
18.— Hoa xuân mắt đẹp (thư Paris)	Nguyễn văn Cồn	92 — 96
19.— Tô Võ chân Dè	Thanh việt Thanh	97 — 104
20.— Bi ca tổng nguyên (thơ)	Tổng minh Phụng	105
21.— Những mùa xuân (truyện ngắn)	Hoài Trinh	106 — 113
22.— Phê bình sách: Đất mẹ	Đoàn hồng Yến	114 — 117
23.— Hoàng hôn (thơ)	Tôn hoàng hao	118
24.— Con hẻm ngày cuối năm (truyện)	Hoàng Thẳng	119 — 125
25.— Mây chiều (thơ)	Bình đạt Sơn	126
26.— Ngày xuân kể chuyện thời miên	Lâm tùng Sinh	127 — 132
27.— Ngậm đắng mà ca (truyện)	Nguyễn văn Hồng	133 — 140
28.— Những tay lỏ trong ngành gian điệp		
lừng danh quốc-tế.	Nguyễn Minh	141 — 147
29.— Những vũ điệu Cao Miên	Lê Hương	148 — 153
30.— Minh ơi!	Diệu Huyền	154 — 162
31.— Thông Bầy (thơ)	Phương Duyên	163
32.— 9 ngày ở trung tâm 3	Nguyễn Thu Minh	164 — 167
33.— Hà hồ im lìm (thơ)	Ly hương Tử	168
34.— 4.000 năm dân ca	N.V.	169 — 174
35.— Vực thăm (truyện dài)	Thâm thế Hà	175 — 183
36.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	184 — 188
37.— Thư bạn đọc	Pho hồng	189 — 194



- Tổng phát hành PHỔ - THÔNG toàn quốc :
ĐÔNG NAI 270 Đà-Thám — Saigon
- Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)

Mùa Xuân của

Suy Vong

Mùa Xuân của Tin Tưởng

Là thời điểm của kết cuộc, hay là kết cuộc của khởi đầu?

Hãy nhìn hồi năm song song dưới màn đèn đêm màu của chiến tranh, bao vây bởi vô số bọn bất lương, tha địch của Trí óc và của Ánh sáng.

Ngay trên cương vị Văn hóa, chiến tranh xâm lược của mọi ý thức hệ giả tạo, đã không giải quyết được gì, mà chỉ loạn là phá hoại. Chiến tranh nuôi chiến tranh. Mau nuôi máu. Và hỗn loạn nuôi hỗn loạn. Nhưng nghệ thuật phá hoại của nó đã đạt đến một mức độ tinh vi cực kỳ nguy hiểm.

Trong khu vườn hoang phế của văn nghệ điêu tàn, Phong hoa đổi bại, Nhân phẩm suy vong, người ta nghe trời đổ chói tai liếng cộc cộc keng keng của một bọn phù thủy. Phù thủy đã có quần áo và phù thủy khả nghi, từ trong các bóng tối nhẩy ra, là bét ồm sồm, đuôi là xua quỷ, mà mặt Thánh.

Một bọn quỷ dữ, đầu mọc sừng dê của thần thoại Tây phương, xuất hiện khắp nơi dưới các lớp áo đạo đức, mô phạm, tá hánh, văn nghệ, chính là đồng minh và đồng lõa của bọn phù thủy cộc cộc keng keng, bọn ròi thịt hay huênh hoang trong lòng Bút Mực.

XUÂN ĐÌNH-MÙI

Khấp rẻo đất cực cùng khổ lụy, đầy dẫy tha ma, sắc nồng tử khí, ma vương và quỷ sứ trần thủ các nẻo đường Mạt-pháp. Âm dương xáo trộn, cửa ngục âm ty đã mở ra rồi, bọn ma quỷ đã ào ạt tràn lên Dương-thế. Đa xea khiêu vũ trên các đại lộ, dưới ánh mặt trời.

Tiếng cười kích động, rùng rợn, dôi lên ngọn cỏ, đầu cành. Gió độc điu hiu ngắt những mầm non, những nụ xanh của tương lai, những nhụy vàng của Đất Nước. Nó bẻ rụng tan tác những chồi hoa niên đang ngát-ngào nhựa sống.

Linh-hồn binh-hoạn, đã nhiễm độc, hấp hối, quần-quai, nhứt nhẽ-xác lại reo mừng trong Sodome — Gomor-rhe chán chường của thời đại.

Oan-hồn lão-đảo, những bóng ma trôi, chen-chức đông vô số kẻ các nẻo đường u-uẩn, khát thêm thịt máu.

Da thịt buồng trôi, chảy theo giòng tóc loạn. Từng mảnh vụn trôi theo, của tất cả những gì còn lại. Những gì còn lại?

Cho đến một dấu vết của hãnh-diện cũng đã ứa máu. Đền đài đã sụp đổ.

Những tám hồn mạng cao bản lĩnh dân tộc, đứng trên bực đá của điêu-tàn, âm-thảm câu-nguyên Hồn Thiêng Đất Mẹ. Một chút thiện-chí cũng là nhiều thiện-chí. Bởi tất cả đều hiếm. Còn gì nữa đâu? Nhưng Đạo đức, Tư tưởng, là tinh túy của Giang-Sơn, sẽ phục-hồi nguyên vẹn trong ngày hội Long-Hoa.

Nay đành bỏ mặc cho quỷ phá nhà chay. Cho Tử-thần vung lưới hái gặt những đầu-lâu của tội-ác, mê-lầm.

Đây mùa Xuân của Suy-Vong, Chúng được no-nê, thỏa mãn trong những cuộc liên hoan, ngây-ngất bên những sọ dừa đầy rượu máu. Ghê-tởm ời là ghê-tởm !

Thấy kiếm ăn được trên địa-hạt văn-ngệ tùy thời và bệnh-hoạn, bọn phù-thủy ùn-ùn xuất hiện, Chúng đua nhau về bùa, bắt ấn, Cốc-cốc keng keng.

Một số người ngây thơ nhẹ-dạ hòa theo, bị chúng mất mát. Bọn thợ mã hoan-hô cổ-vỏ. Nay khánh, nay mỗ, nay Đạo-sĩ, pháp-sư.

Chúng là ai ? — Một thiếu-số những tên phản-động, hoặc đầu cơ Văn-hóa, chính trị, hoặc háo danh thêm thường địa-vị, mệnh-danh « tri-thức », « Giáo sư », « luật-sư », « Bác-sĩ », « học giả « Văn-ngệ sĩ » nào đó, mạo xưng ái-quốc, rêu-rao « phục vụ Dân-tộc » nhưng không nhiều thì ít, không công-khai thì lên-lút âm-thầm, không thật-sự thì vô-tình bởi vô-ý-thức, làm lợi-khi không công cho Cộng-sản, hoặc lời-ló của Cộng-sản, hoặc bị bùa mê bả-dột của Cộng-sản.

Khai-thác những chứng bệnh của thời-đại, lợi-dụng các nhược-điểm nhất-thời của một xã-hội đang ở giai-đoạn khủng-hoảng của tiền-triển, bị chiến tranh xâm-lãng của Cộng-sản làm cho trầm-trọng thêm, chúng gây ra những mâu thuẫn và chia-rẽ trong khắp các lĩnh-vực Quốc-gia.

Đặc-biệt nhất, và rõ rệt nhất, chúng bắt đầu phá rối trong các ngành văn-hóa và Giáo-dục, nấp dưới chiêu-bãi giả-tạo và quỹ-quyết « bảo vệ Văn-hóa dân-tộc », « đả kích văn-hóa ngoại-quốc xâm lãg v.v... »

Hoặc thật-sự, hoặc vô tình, khôn khéo hay là vô ý thức chúng cũng đã để lộ ra vai trò « cán-bộ » văn hóa « nằm vùng », đội quân thứ-năm của Cộng-sản đang âm mưu thực hiện du kích chiến, phá hoại cương vị giáo-dục và văn hóa ở Việt-Nam Tự do.

Lợi dụng tình hình văn nghệ truy lạc của bọn buôn văn bán chữ làm sa đọa tuổi trẻ hiện nay, mấy tên điểm văn nghệ kia đặt ra « ủy ban chấp hành trung ương » này, « lực lượng » nọ, với « tổng thư ký » của chúng, « chủ tịch » của chúng, để đem chiến lược « du kích » vào địa hạt văn-ngệ.

Chúng đề phòng cần mật bằng những tuyên ngôn ngoài mặt là quốc gia chân chính, văn hóa « lành mạnh », chúng bày một bối cảnh dân tộc có vẻ thuần túy lắm, nhưng dưới mặt nạ « quốc gia » « dân tộc » « bảo vệ văn hóa » đó, vẫn lộ ra chân tướng xảo quyệt và ghê-tởm của một lũ phản-động âm mưu ám hại Nhân-dân,

Nhưng chúng nó đã thất bại. Vì mặc dầu chúng dùng thủ-đoạn lôi kéo vào hàng ngũ hiểm nguy của chúng những con người văn nghệ và tri thức chân chính, những người này vẫn không toa rập theo chúng, và nhân dân rất thờ ơ với chúng.

Do thực trạng ấy, mà những hoạt động rầm-rộ của chúng, hội-thảo, biểu-ngữ, ấn-phẩm tuyên truyền, đều chẳng có một tiếng vang trong quảng-đại nhân dân. Con quỷ-sứ vẫn để lộ ra hai cái sừng và bốn móng chùn dề. Mọi người đều lánh xa.

Bọn quỷ sa-tăng hóa thân là phù-thủy tập-sự, tiếp-tục lập đàn chay, hét la thân chủ. Tà-ma yêu-quái được dịp nhao-nhao fèo hò. Vì đồ-đề của Ma-vương đâu có sợ tay-ấn vô linh-nghiêm của lũ pháp sư giả hiệu.

Thật ra, chúng chỉ thờ con Bò Vàng, và con Bò Cái Mập. Mắt chúng vẫn nhấp-nháy không rời đĩa thịt măm xoi, tay vẫn gõ keng-keng cốc-cốc, môi-mép vẫn « bảo vệ văn-hóa dân-tộc », « chống văn-hóa xâm-lãng của ngoại-quốc », « bảo vệ luân lý Đạo đức », v.v...

Cốc-cốc keng-keng !... Bão chúng nó bỏ cái nghề đó sao được ? Bọn phù-thủy mạng khắn-gối đồ đã kỹ khế-uớc đồng-minh với quỷ-sư.

Đáng kính phục thay Dân-tộc Việt-Nam ta ! Cứ bị cái nạn phù-thủy mà Dân ta vẫn sáng suốt, điềm-nhiên ngồi xem chúng nó múa, như một trò giải-trí !

Nội giống Tiên Rồng đang bình tĩnh đợi cho qua kỳ Mạt pháp, Hội-Long-Hoa không xa, thời Thượng nguyên sắp đến.

Mùa Xuân Đinh-Mùi là mùa xuân suy vong có lẽ là mùa Xuân cuối cùng của ác quỷ.

Nhân dân ta tin tưởng rằng từ khi sẽ tiêu tan, ma quỷ sẽ diệt vong khi mặt trời sẽ chiếu ánh sáng Thanh-Bình trên đất nước Rồng-Vàng.

Đạo pháp nhiệm màu của Chân Thiên Mỹ sẽ điều hòa lại trong vinh quang phục hồi của Dân tộc.

Và sẽ tự đào thải, rút lui vào bóng tối bọn vẽ bùa bắt ấn, cốc cốc keng keng..

Nghìn năm Vinh-Quang cho Nhân-dân Việt-Nam !

★ NGUYỄN - VỸ

XÃ-LUẬN

10



CON
DÊ



ẤM Ngựa qua, năm
Dê đến. Tuy không nhiều
lai lịch và nhiều công

dụng như con ngựa, nhưng trong
sử sách hình ảnh con Dê cũng
không đến nổi tịch mịch vô danh
và địa vị nó trong sử sách kẻ
cũng khá quan lắm.

Người Trung-hoa vẫn xem con
dê là tượng trưng cho thái bình,
thịnh vượng. Ở nước Trung-hoa
có huyện Nam Hải thuộc Quảng
châu gọi là Ngũ Dương thành,
nghĩa là thành năm con dê. Sở
dĩ nó có cái tên lạ kỳ như vậy,
nguyên do ngày xưa có năm ông
tiên cõi n năm con dê năm sắc khác
nhau từ trên trời hạ xuống cầm
mấy cây lúa trao cho người Trung
châu làm giống trồng. Từ đó
Quảng châu trở nên một nơi nông

từ
ĐÔNG

sang
TÂY

★ TỪ-TRẦM-LỆ

ngiệp phát đạt vào bậc nhất
Trung-hoa, sự buôn bán làm ăn
ngày một thịnh vượng, nhân dân
đều trừ phú. Người trong xứ tin
rằng cảnh thịnh vượng ấy do ở
sự giáng lâm của năm ông tiên
cõi dê đem điều lành đến cho,
nên đề ghi ơn, mới đặt tên thành
là Ngũ Dương thành. Người ta
cũng có khi gọi tắt là Dương
thành. Nghĩa là thành Dê. Lại

xưa kia ngày nọ, vua Hán Vô Đế ngự thuyền trên sông Phần hà, nhà vua trông thấy một con dê trắng từ trên núi chạy lạc xuống sông. Vua cho đó là điềm lành trong nước, nên khi về đến triều liền hạ lệnh đại xá tù đồ. Ở nước Việt mình đây, ta nhớ lại năm Ất Mùi cách đây vừa tròn một con giáp, đó là năm đầu mà cảnh thanh bình trở lại trên non sông nước Việt sau chín năm khói lửa ngút trời trong công cuộc toàn dân kháng Pháp để thu hồi Độc Lập, Tự Do. Ngược dòng lịch sử, xa hơn nữa, cách đây đúng 540 năm, cũng vào một năm Đinh Mùi (1427), sau chín năm đầu tranh gian khổ, ông Lê Lợi đã đánh đuổi được quân Minh, mang lại độc lập thanh bình cho đất nước.

Trước khi đề cập đến những con Dê... dưới đất, tôi xin điểm qua Dê... trên trời. Năm con dê nói trên đây là dê trên trời ở Đông phương. Dê trên trời ở Tây phương nuôi trong kho thần thoại Hy Lạp. Theo Thần thoại Hy Lạp, dê là một linh vật, không phải bởi con dê có một ánh chất huyền nhiệm nào, mà bởi nhiều vị thần hay hóa thành

hình con dê, cũng tựa như con ông vua Thủy-tề trong truyện Tàu hay hóa thành hình con rắn mỗi khi đi ngao du vậy. Trong những vị thần hóa thành hình dê, có nữ thần Amalthee và thần Pan là được sùng bái hơn hết. Amalthee là vị nữ thần mang hình dê dùng sữa mình nuôi Chúa các thần là Jupiter hồi Chúa thần còn thơ ấu. Không ai hình dung nữ thần Amalthee trong hình thể con người hết, vì dân cổ Hy Lạp bao giờ cũng vẽ một con dê cái có vú sữa thộn thộn để tượng trưng bà vú sữa của Đức Ngọc Hoàng-Phương Tây. Một trong hai cái sừng của nữ thần Amalthee là biểu tượng sự phú túc. Còn thần Pan sinh ra với một tướng dị kỳ: trên đầu có hai cái sừng dê và hai chân là hai chân dê. Khi lớn lên, trong trận chiến tranh giữa các thiên thần và bọn cự nhân (người khổng lồ), thần lập nên công trạng lớn đem lại chiến thắng về phe các thiên thần, nhờ thần dùng một cái kèn loa thổi lên yang-dây như sấm sét khiến bọn cự nhân hoảng sợ kéo nhau chạy hết. Thần Pan được người Hy Lạp dựng đền

thờ sùng bái rất thành kính. Và vì họ tin thần là hình dê nên họ không dám động đến dê, dê ở đó là « dê thần » như « bò thần » ở Ấn độ vậy. Trước đây không lâu, ở những miền Mendès xứ Ai Cập, vẫn còn lệ cấm ăn thịt dê, vì cho dê là hiện thân của thần Pan. Trái lại ở xứ Sparte, dê là con thú mà người ta dùng để làm lễ tế thần Héra và thần Apollon (thần coi mặt trời). Ngoài ra, theo Thiên chúa giáo, dê là con thú mà Lucifer tức Quỷ vương hay dùng để hóa hình ra, nên những họa sĩ thời xưa ở Âu châu thường hình dung Lucifer dưới lớp một con dê bốn sừng. Tiếc đây, cũng xin nói luôn là người Mường khi bị ai hà hiếp quá đáng, họ thường lấy giấy viết tên người đó lên rồi đem nhét vào miệng một con dê, đoạn họ mang con dê đó vào rừng, đọc chú và khấn, xong dùng gậy đâm chết. Họ tin rằng hồn con dê sẽ mang việc uất ức đó xuống âm phủ, và người bị họ viết tên đó cũng phải chết theo.

Dê là con thú có dự phần trong lễ tam san (bò, heo, dê), để cúng quí thần. Và máu dê được các ông vua chư hầu hồi đời Xuân

thu chiến quốc bên Tàu dùng để « uống máu ăn thề » khi họ lập lời thệ nguyện đồng minh với nhau trong một công cuộc to tát nào đó. Họ hợp nhau tại một địa điểm, làm lễ tế cáo trời đất, rồi theo thứ tự chức tước lớn nhỏ, mỗi người uống một chén máu dê (hay máu trâu), và đọc lời thệ nguyện, gọi là « huyết minh ». Dê cũng được đem dùng làm lễ tế cờ ra quân. Trong truyện Nhạc Phi, tên gian thần Trương-bang-Xương đã cùng Tần Cối hãm hại Nhạc Phi, bị đem ra thọc huyết thay cho con dê để các con cháu Nhạc Phi làm lễ tế cờ mang quân đánh Phỉên. Nói về con dê trong việc tế lễ, ngày nọ, trong khi đức Khổng Tử diễn giảng về lễ, đệ tử ngài là thầy Tử Cống muốn bãi bỏ lễ tế bằng dê ngày mồng một, Đức Khổng Tử quở rằng: « Người tiếc con dê, còn ta không nỡ bỏ lễ. Vì con dê là một vật tế tự tôn miếu. » Theo ý đức Khổng Tử, việc tế lễ mà thiếu con dê thì không còn vẻ tôn trọng nữa. Trong cuộc đời của đức Khổng Tử, con dê cũng có một « liên hệ » quan trọng. Bấy giờ, vào đời Lỗ Định Công sau khi đi chu du liệt quốc mà không ai biết dùng tài mình,

Không Tử trở lại quê hương ở nước Lỗ, và ngài được tiến cử với Quý Tôn Tư để dẹp yên biến loạn trong nước. Vừa lúc ấy có người ở Phi-ấp đến báo với Quý tôn Tư rằng họ đào giếng thấy một con dê sống. Muốn thử tài Không Tử, Quý tôn hỏi : « Có kẻ đào giếng bắt gặp một con chó sống ở trong đất, như vậy là nghĩa thế nào ? » Không Tử đáp : « Đây là con dê ». Quý tôn Tư kinh dị cho sức hiểu biết của Không tử, mới hỏi « Sao ngài biết được đây là con dê ? » Không tử đáp : « Tôi nghe nói loài sơn quái gọi là Quỷ vòng lạng, loài thủy quái gọi là Long vòng tượng, loài thổ quái gọi là Phần dương. Nay đào được con vật ở dưới đất thì chính là con phần dương đây. Phần dương nghĩa là con dê không phải đực, không phải cái, chỉ có hình giống con dê mà thôi. » Quý tôn Tư cho gọi người ở Phi ấp vào hỏi thì quả hình dáng đúng như lời Không tử càng thêm kính phục ngài. Nhờ chỗ trị ngộ đó mà Không tử được cầm quyền chính nước Lỗ. Như vậy, ta có thể nói rằng chính con dê đã đưa Không tử lên ngôi Thừa tướng. Một ông khác cũng nhờ con dê mà được làm tướng

quốc. Đó là Bách lý Hề mà Tần mụ Công đã theo kế của mưu thần cho sứ giả mang năm bộ da dê sang dâng Sở-vương xin chuộc mạng Bách lý Hề về thác rằng đề trị tội, nhưng chính là để dùng làm tướng quốc. Do đó, Bách Lý-Hề được mệnh danh là « Ngũ cổ đại phụ » nghĩa là quan lớn năm bộ da dê. Còn như Yên Tử nước Tề thì dân gọi bằng « Cao dương đại phụ », do chỗ vua Cảnh Công phong Yên Tử chức đại phụ và ban cho chiếc áo bằng da dê. Hồi thời cổ, người ta đi rước đạo binh thắng trận khai hoàn, một tay dắt con dê, tay kia xách hũ rượu, để khao thưởng các chiến sĩ chiến thắng quay về. Và trước đây chẳng lâu, một trong những tiểu đoàn Bắc Phi của quân đội Pháp thường dùng dê dắt đi đầu đoàn, để tiêu biểu những đức tính tốt của quân sĩ. Còn như chuyện người bán thịt dê tên Duyệt trong đời Xuân Thu, vì xét thấy mình chẳng có công gì xứng đáng nên từ chối những phần thưởng của vua Sở ban cho, trong ấy có cả chức Tam công, lưu lại hậu thế một tấm gương đẹp về khí tiết.

Có một con dê mà giới

những bà nhan sắc diễm kiều rất ngóng trông, o bế, đặt cả số phận của mình vào nó. Đó là con dê kéo những vì vương để hồi xưa bên Trung hoa, đêm đêm đi tìm nguồn ân ái trong tam cung lục viện. Các vì vua đó, ngoài Hoàng hậu và các Quý phi ra, còn có đến những ba ngàn cung tần mỹ nữ. Không thể làm sao đáp lại cho được tấm lòng mang ơn mưa móc của cả một rừng giai nhân như thế, nên nhà vua ngồi trên một chiếc xe nhỏ dùng dê kéo dạo qua các cung phòng, phở mặc hề con dê ngừng đâu thì dừng ấy vua nghỉ lại nơi đó. Thành thử, muốn được kề mặt « long nhan », các bà đã cạnh tranh nhau quyết liệt, họ dùng đủ mọi thứ thuật, nào tìm hoa thơm, cỏ lạ, lá dâu, muối, đem rắc, đem cắm trước cửa phòng mình để dụ chú dê bắt thèm ghé lại ăn, tức là đem ấy mình... chộp được nhà vua (có thể rằng, do sự tranh dành quyền lợi đó, hồi ấy, các bà cung nữ thế nào chẳng có xô xát nhau, và là đàn bà thì làm sao họ không chanh chua, mai mỉa, kháy, móc nhau, chẳng hạn : « chị muốn dê lắm phải không ? chị ham dê lắm mà ! ») khiến cho tiếng « dê » lan

lần biến thành cái nghĩa « bình Tề Tuyên ». Con dê kéo xe cho các vì vương để đi tìm ân ái thì được trọng vọng là thế, nhưng cũng cùng là con dê mà khi nó kéo cũng một chiếc xe nhỏ, trên



cũng là một vì vua ngồi, nhưng vì vua này lại mặc sơ gai, thì con dê này ai cũng không ham. Vì đó là cái cảnh một vì vua đến lúc thế cùng vận bĩ, phải mặc sơ gai, ngồi xe dê kéo, mở cửa thành ra để hàng bên địch. Như trường hợp Hậu chủ Lưu Thiện ra hàng tướng Ngụy là Đổng Ngải. Có một con dê khác lại rất ác độc, nó làm chết người như không, làm tán gia bại sản chỉ trong một sớm một chiều, là con dê... « chệt ». Đó là con dê « sông đê » do người Tàu nhập cảng vào Mong-cây. Lạng sơn, lan tràn xuống Hà-nội rồi vô Nam — cách đây khoảng hơn 10 năm

về trước — gốc nó ban đầu là 36 chữ, chơi theo cách đổ chữ, rồi 36 chữ biến thành 40 con thú, trong đó con dê đứng hạng số 35. Do đó, mới, có chuyện người ta gọi kẻ nào có « máu dê » là 35, hoặc « 70 chia cho hai », hoặc « 105 chia cho ba ». Con dê « chệt » này, trong khoảng thời gian nói trên đã từng làm cho bao người « mê mệt », nó, phải bại hoại thanh danh, vào tù, phải làm chuyện trốn chúa lộn chồng, phải nhảy xuống cầu Bình Lợi, phải uống dầu nóng, nuốt thuốc ngủ để về nơi âm ty cho thoát... nọ con dê.

Còn, còn nhiều chuyện về con dê nữa. Như vì sao mà dê được dê cái đều có râu hết. Cái này là tại cái ông Tà Từ đời Đông Hán, gốc ở đất Lữ-Giang, tên chữ là Nguyên Phong, đạo hiệu là Ô-Giác tiên sinh đấy. Ông ta vốn là một tay rất giỏi pháp thuật. Tào Tháo trọng vọng ông lắm. Nhưng ông thì hay giấu cợt, khinh lờn Tháo khiến Tháo riết sinh bực tính, bắt ông giết thì ông nhào vô vách biển mất. Sau Tào Tháo lúc mang quân đi ngang qua một ngọn núi gặp ông. Tháo cho quân bắt. Lúc ấy, có

một bầy dê nơi đó. Tà Từ lúi vào bầy dê biến đầu mất. Tháo nổi giận cho bắt chém đầu trọn cả bầy dê. Lúc Tháo đi rồi; người chăn dê đang ngồi khóc, thì ông Tà Từ hiện ra bảo dê ông ráp đầu cho bầy dê sống lại đầy đủ. Ông mới ráp, lại ráp càng ráp đại, lấy đầu dê này ráp cho con kia, hóa ra dê cái cũng có râu (ấy, cũng tại cái lối ráp đầu bầy bọ của ông ta mà giờ đây... đàn bà cũng thả ga tự do, chớ đâu phải riêng gì đàn ông mới có râu... dê). Rồi nào chuyện mấy ngàn con dê mà Lữ Ngao đời Đông Hán vâng lệnh tên loạn thần là Vương Mãng tải đến cho đạo binh của Vương Tâm đang vây Hồn Man Võ, thỉnh linh một trận giông to gió lớn nổi lên, cát bay đá chạy, mù mịt cả trời đất, đến khi giông gió yên, coi lại thì mấy ngàn con dê đều hóa thành đá hết. Nào chuyện ông Tô Vũ, triều thần nhà Hán, đi sứ sang nước Phiên bị vua Phiên đẩy ải bắt đi chặn dê nơi chốn đèo heo hút gió suốt cả 19 năm trời...

Tự này giờ nói chuyện về dê... của người lớn (xin đừng hiểu theo nghĩa bóng) giờ tôi xin sang con dê của trẻ em cho công bình đôi chút. Đó là chuyện mà các

em thường đổ nhau. Nó thế này : có một con dê, một con cạp và một bắp cải muốn qua sông. Nhưng ghe chỉ chở được mỗi bận một trong ba « món » ấy thôi. Rắc rối là nếu để cạp ở lại với chú dê thì cạp buồn



miệng hơi mất đà đi, mà nếu cạp ở lại chờ với bắp cải thì có khác nào mỡ dê miêng mèo. Đó là chuyện con dê của trẻ em. Giới học sinh cũng có con dê nữa. Con dê này cứ những học sinh lười biếng, hành kiểm xấu mà tìm tòi. Những học sinh giỏi đôi khi lăm lăm gì đó mà phải mang lấy nó thì râu là râu. Các cô nữ sinh mà vương nó là nước mắt đầm đìa. Xin chưa mau rằng con dê này là... con « dê rô » đó. Nó còn được mệnh danh là « trứng ngỗng », « trứng gà », « trứng vịt ».

Đến đây, xin chuyển sang phần « thực dụng » của con dê. Phần này có những lợi ích thiết thực. Ta nên biết rằng sữa dê tốt hơn sữa bò nhiều lắm. Chẳng những sữa dê béo hơn sữa bò mà nó còn ít khi bị vi trùng tảo làm cho sữa dê thành ra độc, nó lại còn nhiều chất mỡ hơn sữa bò nữa. Người bệnh, trẻ em,

người già cả đều dùng được, vì sữa dê rất dễ tiêu, dù dạ dày yếu đến đâu cũng vậy. Nuôi dê lợi hơn nuôi bò nhiều, vì giá nó rẻ, lại rất dễ nuôi. Mỗi năm nó có thể cho ta từ 600 đến 900 lít sữa, và mỗi mùa xuân dê thường đẻ được hai con. Mỗi con dê lấy số sữa nặng được từ 10 đến 12 lần sức nặng của nó, trong khi bò chỉ lấy sữa nặng không quá 5 lần sức nặng của nó. Thịt dê lại rất béo. Trong tờ « Điều tra phóng sự » số xuân Ất Mùi, ông bạn Quang Đức có một bài nghiên cứu rất có ích về « được tánh » của những bộ phận trong con dê. Tôi xin mạn phép ông bạn Quang Đức trích ra đây vài « món ăn dê » giúp cho đồng bào trong việc trị bệnh bằng... dê. « Thịt dê không độc, nhưng tánh

rất nóng. Thịt dê bồ khí dương gốc trong người, trị chứng hư hao, gây ốm. Trong sách « Tùy tức cư ẩm thực phồ » của Vương sĩ Hùng đời Hán có bàn khá rõ về thịt dê : « ... bồ dưỡng, tươi nhuận, ngừa phong hàn, sanh da thịt, mạnh sức khỏe, lợi thai sản, trị sin khí, trừ đau nhức. Ăn nhiều động khí, sanh nhiệt. Đừng ăn với bầu bí vì sợ dồn hơi sanh bệnh. Trước sau khi cầm mào cùng những khi bị chứng rét rừng kiết lý, cam tích, huỳnh đảm, no chương, suyền... đều nên cử. Mọi sanh chỉ được uống nước thịt dê, chớ dùng xoi thịt ». Gan dê, tánh chất : đắng, lạnh không độc. Bồ gan, trị gan hư nóng, mắt đỏ đau ngăm, sau khi hết bệnh nóng rồi không thấy đường (ăn gan sống và đắp gan lên mắt). Lại giải được trùng độc chứng cồ trướng. Tim dê, tánh chất ngọt ấm, không độc. Dứt buồn giận, ngăn ghen, lại bồ tim. Nếu có cồ thì ăn chết người (Bản thảo thập di — Trần Tông khí). Huyết dê chủ trị đàn bà huyết hư, trứng phong, và sau khi sanh huyết rất ngặt mình, Phôi dê bồ tạng phôi, dứt ho hen, bồ phần khí lực thiếu ở

trong, lại trị phong tà. Chứa khát nước và dứt đi tiểu thường quá, nhưng thông đường tiểu. Bao tử dê chủ trị bạo hạ, hư hao gây ốm, đi tiểu quá thường, dứt mồ hôi, đổ vì hư yếu. Làm canh ăn năm ba lần. Ăn nhiều lại bại bao tử. Trái cật dê bồ thận, khí hư nhược, thêm tinh thêm tửv. Nấu với, thịt dê làm canh trị chứng lao nhọc sanh kiết lý. Ăn với tỏi nên trị báng tích trong bụng. Chứa hư tổn, ra mồ hôi trộm, thận hư làm lở tai lưng bưng, mạnh dương khí. Mật dê cho sáng mắt, chủ trị thông minh. Giải độc cồ trướng, chứa cam tích có hơi ẩm sanh ra nhiệt. Lại trị ghê độc và thêm huyết mạch trong người. Tủy xương sống dê trị nam nữ bị nội thương khí âm dương không đủ, thông lợi huyết mạch, thêm sức cho kinh mạch. Tủy xương ống chân chủ trị vết thẹo sau khi trái giống tróc mặt. Trộn với khinh phấn nghiền thành cao, thoa lên chỗ thẹo. Óc dê, tánh chất có độc hay sanh phong, ăn uống rượu thì loạn tim, làm điên. Đàn ông ăn thì hại tinh, ít con. Ăn óc dê trắng đầu đen thì có ghê trong ruột. Xương dê trị hư lao, gây ốm mà hay

lạnh. Bồ thận hư, thông mạch đốc, chứa đau lưng, kiết lý. Xương ống chân cùng tánh, nhưng trị lao nhọc lạnh hư. Chứa tỳ nhược thận hư khó giữ tinh dịch. Xương đầu cũng đồng tính chất, trị chứng có phong làm chóng mặt, gây ốm, và trẻ em kinh giựt. Xương đuôi ích thân, sáng mắt, bồ phần dưới mình hư lạnh. Mỡ dê giúp cho có mỡ, dứt kiết lý, lồi tròn trề. Trừ tăng nhang, phong sưng. Nhuận da, trị lát, tránh khí ôn. Lông dê trị vọp bẻ (nấu dấm bó vô chân).

Trên địa hạt nghệ thuật, ở Âu Mỹ người ta thường vẽ một thiếu nữ xinh đẹp, khỏe mạnh, vui tươi, tay cầm một cái sừng đựng đầy hoa đồ đốc xuống để tượng trưng sự phú túc. Thiếu nữ là nữ thần tượng trưng hạnh phúc, còn cái sừng đựng hoa chính là cái sừng dê. Amalthée có nói ở trên. Ở viện tàng cổ của Tòa thánh có bày những bức họa con dê Amalthée rất linh hoạt, thần tình của những họa sĩ Hy - Lạp và Ý - Đại - Lợi. Viện bảo tàng Le Louvre nước Pháp, Munich nước Đức cũng có những họa phẩm hình con dê, và những bộ điêu khắc

dê bằng cẩm thạch, đã nói ở đoạn trên, họa sĩ Âu châu ngày xưa hình dung Lucifer dưới lớp con dê bốn sừng. Dung mạo của Lucifer cũng thay đổi tùy thời đại. Hồi thế kỷ 15, Lucifer mang hình mình người đầu dê, sừng ngay hoặc cong, chân chia hai, vuông dít có mặt người, và một cái đuôi dài. Dần dần, hình Lucifer có chân dê, hai bàn tay như chân cá sấu, trên cửa phía Tây vào giáo đường thành Lyon, có hình một bà phù thủy tức là kẻ bán linh hồn cho Lucifer để lâu đời : trần trường, ngồi trên lưng một con dê, một tay nắm sừng một tay nắm chân một con mèo để quay mòng mòng. Ở nước mình, dê tài « Tô Vũ chăn dê » rất được các họa sĩ dùng đến để tạo nên những bức tranh đẹp để vào dịp Tết Nguyên Đán.

Ở địa hạt văn thơ, hình ảnh con dê cũng có rất nhiều. La Fontaine có những bài ngụ ngôn về con dê ý nghĩa rất thâm thúy. Nhất là bài « hai con dê cái » đi ngược chiều nhau, tranh nhau qua cái cầu chỉ là một tấm ván lung lay, bên dưới là khe (sâu) con nào cũng kêu căng tự xem

minh là anh hùng, chẳng con nào chịu nhường con nào dễ rồi :

« Ganh nhau cho đến đâm đầu xuống khe

Câu này nào phải chuyện dè

Bước đường danh lợi người đi cũng nhường.

(Nguyễn văn Vĩnh dịch)

Đọc bài đó mà ta liên tưởng đến hai « con dê » của thời đại nguyên tử này là Nga và Mỹ. Nếu cả hai cũng chẳng ai nhường ai thì rồi cũng sẽ như hai ả dê trong ngụ ngôn mà rơi lồm xuống « vực nguyên tử ». Còn ả dê non của ông Seguin thì thật đáng thương. Tuổi trẻ thật rất nông nổi, không hiểu rằng có những tự do không phải đường hầm khi đưa đến những tai hại to tát. « Chết dê da cộp » là chỉ hạng người mang lớp giả dối bên ngoài mà lừa gạt thiên hạ. Đó là « dương chết hồ bì » thấy cò thì thích, thấy sói thì sợ, chẳng khác « hồ giả hồ oai », « gà lòi mang lột con công », « Bán chó treo dê », thành ngữ này cũng dùng chỉ những kẻ lừa đảo xảo trá, gạt gẫm thiên hạ, chẳng khác anh hàng dê treo đầu dê mà bán toàn là thịt chó. « Thơ dè » cô nhất

của ta có lẽ là bài dưới đây của Khuyết Danh :

« Giống nài sao có tiếng bê hè ?
Coi lại mà coi vốn thiệt dè,
Được cái những râu không hồ thẹn.
Vợ chồng một mặt hết khen chê
Sớm phơi bốn móng sân Tô Vê
Chiều gác đôi sừng cửa Lý Hề.
Bờ nó sợ trâu kia đón dác
Cam lòng chịu buộc lĩnh vua Tề. »

Trong « Lục súc tranh công » dê đã tranh cãi với ngựa thồ nào, các bạn chắc đều biết hết, xin miễn ghi ra đây. Hồ Xuân Hương thì có « xĩa » cho mấy câu « thợ thợ » múa rìu qua mắt thợ bằng mấy câu đau đặng :

« Khéo khéo đi đâu lữ ngàn ngo
Lại đây cho chị dạy làm thợ.
Ông non ứa nọc châm hoa rữa
Dê non buồn sừng húc giậu thưa. »

Danh từ « Bù Kiệm » đồng nghĩa với thi rớt. Nhưng « Bù Kiệm » đồng nghĩa với... « máu dê ». Vì ông Đỗ Chiêu có nói :

Còn người Bù Kiệm máu dê,
Và Lục Vân Tiên cũng có bảo :
Trong lòng hồ thẹn mình vì máu dê.

Nói về « Câu chuyện con số 35 », anh bạn Mai Danh có bài thơ « thời đại ».

« Bấm lăm sao lại là con dê ?

Câu chuyện « bấm lăm » cốt chuyện « dè ».

Trách bầy những người bày đặt dè

Làm cho bao kẻ phải say mê
Trai vì bày chục đành đeo nợ
Gái bị bấm lăm cưới lỏi thề
Con số 35 hằng phở dụng
Sự đời thăm nghĩ tức cười ghê. »

Trong « Tần cung oán », nỗi mong đợi xe của người cung phi thật là bi thiết :

« Ngăn phượng liểu chòm rơi lỗ chồ.

Dấu dương xa đắm cỏ quanh co.
Lâu Tần, chiều nhạt về thu.

Gối loan tuyết đóng, chăn cù giá đông.

Sự đời có những duyên số như do tiền định, cứ gì phải rắc lá dâu :

« Phải duyên hương lửa cùng nhau
Xe dê lợ rắc lá dâu mới vào »

Bài hát của Đỗ Thị là vợ Bách Lý Hề trách chồng sang cả quên người cùng chia sẻ đói khát với mình trong thuở hàn vi đáng cho người đời nay đọc đến :

« Bách Lý Hề, năm bộ da dê !
« Nhớ ngày nào cùng nhau ly



biệt, mồ con gà mái, thoi nôi cơm gạo vàng... Chứ thương thế thương... Ngày nay giàu sang, quên ta hay sao ? ... »

(Nguyễn đỗ Mục dịch)

Trong bài « hạch tướng sĩ » của Trần quốc Tuấn cũng có chữ dê, nhưng dê ở đây mang một tánh cách không đẹp chút nào :

« Những nguy sứ đi lại...
« Uốn lưỡi cú điều mê si mắng triều đình.

« Đem thân dê chó mà bắt nạt tề phụ !

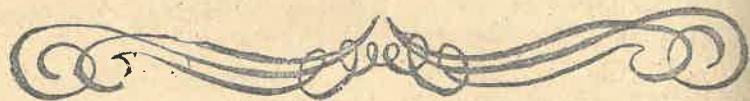
Về mặt bói toán, ở Tây Trúc, người ta lấy một mảnh xương bả vai con dê đem nướng rồi coi theo lằn nứt mà đoán việc. Hễ lằn ngay là kết, lằn chế mà rành mạch cũng

khá, còn lẫn quẩn rối rít là hung. Ở miền tây vực tức miền Khiết Đan. Mông - cổ cũng có tục này.

Theo khoa đoán mộng Tây Phương, nếu mộng thấy dê được mập mạp là được phú túc, thấy cưỡi dê là có thành công chắc chắn, thấy bị dê húc là có chuyện ngang trái, trắc trở, thấy dê cái trắng là công việc hay ước vọng được thành tựu, thấy dê cái đen

là thất bại, thấy một đàn dê cái đen là kiện cáo thất.

Đề kết thúc, chúng tôi mong rằng, với con Dê đến tượng trưng cho thái bình thịnh vượng, năm nay khói lửa im tắt trên đất nước ta và cảnh thanh bình thái lạc về với người Việt như năm Ất - Mùi và Đinh Mùi ngày trước.



★ VÔ DUYÊN

Hai bà bạn lâu ngày gặp nhau. Bà A hỏi bà B:

— Chị mạnh khỏe chứ?

— Cảm ơn chị, chúng tôi vẫn khỏe mạnh luôn. À, còn anh ở nhà thế nào?

— Thôi khỏi hỏi, nhà tôi vẫn tấp nập lắm, không vắng vẻ.

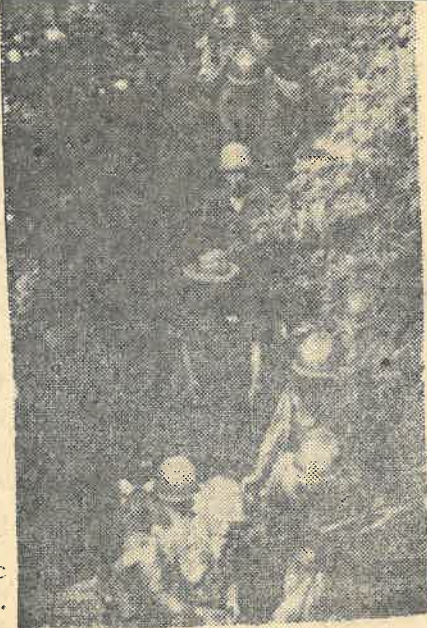
— Chẳng lẽ chị để anh hoài vậy sao?

— Tôi đang nghĩ kể để cho nhà tôi bớt bớt đấy. Chị có cách gì chỉ giúp tôi đi.

— Nhưng tấp nập gì đã chứ?

— Tấp... lắm nhiều.

— Sao chị nói vô duyên vậy?



ỪNG lớp bụi theo bánh xe thồ mộ bay lên dọc con đường đất gồ ghề.

Lúa vàng chín cả cánh đồng bát ngát. Gió mát rượi. Nơi đóng quân của anh là một gò đất nổi giữa ruộng lúa và gần con đường đất đỏ. Đứng trong vị trí, anh có thể nhìn thấy thôn dừa cuối con đường và những căn nhà mái ngói phía ngoài quốc lộ. Mùa Xuân sẽ về trên giải đất này, giữa những niềm yêu thương ruột thịt của đồng bào và giữa những người trai mang súng. Quê hương anh xa vời quá. Những mùa xuân của ười đời niên thiếu chỉ còn lại trong ký ức. Một con sông đào thẳng tắp và cũng ruộng lúa phì nhiêu. Xa xa là dãy Trường-sơn xanh thẫm, gần gần là những hàng thông ngả nghiêng trong mưa phùn lấm

BỐN MÙA XUÂN

Đoản thiên

★ HOÀNG-NGỌC-LIÊN

tắm. Gió lạnh cắt da. Đường làng anh nhiều nét vui vẻ cùng tên và đầy xác pháo. Những bộ quần áo mới, những tiền mừng tuổi, bàn thờ nghi ngút khói

hương. Tết thiêng liêng từ ngày xưa bây giờ trở lại trên miền Nam nắng cháy, trên vết tích chiến tranh ở đây. Từng vạt đất, từng giao thông hào. Tiếng súng vang dội từ một địa điểm có đặt trọng pháo. Và đêm giao thừa chắc sẽ có nhiều hòa châu sáng rực chứ không tối đen như mực. Tối như đêm ba mươi trên đất Bắc. Một thùng gỗ làm bàn viết, anh đặt trên đó những cánh hoa đại trong một vỏ đạn đại bác 105 ly. Tấm hình của em ở giữa, mấy cuốn sách — trong đó có « Chatteley phu nhân » mà em đã gửi ra tiền tuyến tặng anh — vài bản nhạc, thế thôi.

À quên, còn những lá thư em viết cho anh. Lá thư mới nhất, em còn nhớ không ?

— « ... Anh, miền núi Điện đạo này lạnh nhiều, vài trận mưa cuối mùa làm buồn thành phố, giấc vẫn gây cảnh tang tóc khắp nơi. Ngày xưa mùa Xuân về có loài tu hú kêu, bây giờ được thay bằng tiếng súng, tiếng máy bay. Núi Điện vẫn vang danh là thắng cảnh, đã rừng cây trụi lá, du khách vắng tanh. Suốt những tháng ngày thăm lặng sống với

con phố buồn tênh, em thấy mình khô khan tình cảm. Những ngày hội lễ ở tòa thánh Cao Đài, rộn ràng mà buồn tẻ. Khu rừng thiên nhiên già theo thời gian. Tây - Ninh không còn bóng dáng ngày xưa nữa. Tây-Ninh sỏi đá khô cằn, em không biết gửi gì làm quà cho anh Tết này cho xứng đáng... »

Những giòng chữ của em đủ rồi. Trang giấy học trò đơn sơ mà đôn hậu. Anh đã thấy nguồn an ủi vô biên trong những giòng chữ ấy. Cuối thư, em biểu anh kê cho em chuyện mùa Xuân ở chiến trường. Nào có gì đâu mới lạ. Tiếng súng sẽ tạm ngưng. Có thể thay bằng tiếng pháo. Anh sẽ sống giữa nông thôn này vì anh đang dự một cuộc hành quân bình định nông thôn. Một số du kích quân đã lẫn trốn. Thanh bình trở lại. Đồng bào đang bắt tay vào công cuộc kiến thiết quê hương. Mùa Xuân đẹp tươi thứ nhất đến giải đất này. Sẽ còn những mùa Xuân khác đến. Sẽ còn tương lai tươi sáng cho mọi người, cho anh, cho em, cho chúng ta. Anh đang mơ một giấc mơ về Hà-nội. Em

biết không ? Mùa xuân 1953 anh sống giữa cố đô hoa lệ ấy. Đã 13 năm rồi ! Bao giờ anh sẽ đưa em về thăm đất Bắc. Máy bay hạ cánh xuống phi trường Bạch-Mai. Chúng ta sẽ đi ngược con đường từ ngã tư Cổng vọng qua Ô chợ Dừa vào thành phố. Đường Duy-Tân, phố Huế, Tràng tiền bên cạnh đó, hồ Gươm. Em đã được xem hình ảnh của hồ Gươm chưa ? Đẹp tuyệt vời và bao trùm khí thiêng sông núi. Đền Ngọc sơn, chùa Trấn Võ, hàng đào, hàng ngải, hàng đường, hàng giấy, chỉ Đồng xuân, hàng Than. Cờ ngư, Quan-Thánh v.v... Bao giờ anh đem em về quê Bắc ? Trăm ngàn cảnh đẹp của quê hương luôn luôn theo dõi anh, hy vọng trong anh một buổi về quê mẹ !

Mùa xuân này sắp đến giữa những ước nguyện chưa thành và tâm tư chưa trọn vẹn. Mỗi tình nhỏ bé của chúng ta. Mỗi tình rộng lớn của dân tộc. Những nguồn yêu thương Bắc Nam còn chưa nối tiếp. Em hỏi anh nghĩ gì về mùa Xuân ? Đó, những hình ảnh quê hương ! Hình ảnh của em ! Con đường quốc gia số 1.

Chiều nay, nơi đóng quân của

anh đột nhiên có mưa bụi, có gió lạnh. Anh nhớ nhiều về em. Anh muốn bay về Tây-Ninh để thăm Ba Mẹ, thăm em. Anh còn muốn được cùng em trở về thăm xứ Huế. Xa Huế bao nhiêu lâu rồi, em nhỉ ? Kinh thành cổ kính ấy vẫn luôn luôn mê đắm lòng người. Anh không bao giờ quên được những hình ảnh vô cùng thơ mộng của một buổi bình minh, đứng trên cầu Bạch-Hồ nhìn về phía thành phố. Con sông Hương buổi sáng lặng lẽ trong xanh. Những mảng nắng trên thôn Vỹ Dạ, những con thuyền lơ đãng, những nhịp cầu Tràng-Tiền, cột cờ Huế, những đóm phượng đỏ rực một phương trời. Cảnh đẹp không sao nói thành lời được.

Mùa xuân, chắc Huế bớt cái lạnh của mùa thu trên đất Bắc. Có mưa phùn không em. Sao anh nhớ những cảnh mưa phùn không đủ làm ướt vai áo của thuở còn Hà-nội. Bây chừ anh ở đây, xa em bao nhiêu cây số đường thẳng chim bay ? Anh mong lá thư này đến tay em trước ngày Mồng Một Tết. Gọi là những giòng chữ gửi về thăm em, cầu nguyện cho em một

mùa Xuân mạnh khoẻ và nhiều may mắn. Và mặc dù hai phương trời cách biệt, anh vẫn nhớ về em trọn vẹn với tất cả tư tưởng của tâm hồn. Chắc chắn rằng em cũng nhớ về anh như vậy. Thế cũng đủ cho anh, cho em.

Có nhiều lúc anh tự hỏi rằng cuộc chiến tranh này sẽ còn kéo dài bao nhiêu lâu nữa? Còn bao nhiêu lâu nữa anh mới được đứng chân lại để thấy rằng mình đã làm tròn nhiệm vụ kẻ làm trai, để mình tìm được một mái nhà?

Từ lâu rồi, anh mơ có được một mái nhà, có vườn cây, có lối đi rải sỏi trắng và nhất là có một giồng suối chảy quanh. Rất giản dị phải không em. Dĩ nhiên là dưới mái nhà đó, có em, có anh. Bao giờ giấc mơ của anh được thực hiện? Bao giờ chúng ta được sống bên nhau, nhất là vào những ngày cuối năm như thế này để chuẩn bị đón mừng một cái Tết?

Thế-Vinh vừa gửi thư cho anh. Có gửi lời thăm em. Vinh hỏi anh bao giờ gửi qua Thái-Lan cho Vinh một tấm thiệp báo tin mừng? Anh chàng gần đó ấy, năm hết Tết đến cũng động

lòng tha hương, nhớ Nước Vinh nói sẽ trở về vào dịp lễ Phục-Sinh 1967. Thế mà gần hai năm rồi, từ ngày chúng ta tiễn Vinh lưu lạc quê người. Hai năm trời dài đặc xa Vinh, xa em, những nguồn an ủi chân thành nhất chỉ còn đến với anh qua những lá thư tình nghĩa.

Chiều hôm nay sau khi viết gửi em lá thư này bằng một chuyến liên lạc về hậu cứ, anh sẽ tham dự cuộc hành quân bình định phía Tây-nam địa điểm trú đóng. Đêm nay anh sẽ ngủ ngoài trời và sẽ nhớ em đến quay quắt.

Bởi hôm nay là một ngày kỷ niệm cuối tháng dương lịch chúng ta gặp nhau. Bảy năm qua đi thật mau nhưng anh đã đếm từng ngày, tháng. Lại một mùa Xuân nữa sắp về. Hai năm sau này đây nhớ nhung của anh từ mặt trận vùng một, vùng hai chiến thuật. Đơn vị di chuyển không ngừng, làm sao anh có thể tìm về thăm em được. Nhưng anh tin tưởng sắt đá rằng một ngày không xa lắm, khi tái ngộ, chúng ta sẽ có hoàn cảnh để không bao giờ xa nhau nữa!

Anh sẽ đi ngược con đường

số 1 Saigon — Tây Ninh. Em sẽ đón anh ở chân núi Điện. Một mùa Xuân mới sẽ trở về và bốn mùa của những năm tháng tới sẽ là mùa Xuân cả.

Thư dài rồi, anh sửa soạn hành trang cho một chuyến đi,

em nhé. Chúc em những phút giây đầu năm tin yêu và nhớ rằng dù ở nơi xa xôi, dù trên những bước đời đầy thử thách, lúc nào anh cũng nghĩ về em, thật là trọn vẹn.



ĐỪNG MANG GIÀY, KHỎI CHẾT

Để giúp các tài xế xe hơi tránh mệt mỏi, bần thần và hoa mắt trong những cuộc xe hơi quá xa và lâu dài. Bác sĩ Abynre, trong một bài đăng tải trên tờ « Y khoa nhật báo » ở Luân đôn, có đưa ra một phương pháp rất đơn giản:

« Chỉ cần cởi giày ra là đủ. Theo ông, chân trần hay mang vớ đập vào chân Ga hay Âm-bay-da có tác dụng kích thích thần kinh và giúp ta minh mẫn khỏe khoắn hơn nhiều, không sợ đường xa nữa.

TIN CHÓ MẮT CHỒNG.

Một thiếu phụ tên Wood ở Bridlington (Anh) giận chồng bỏ ra đi lại mang theo con chó. Con chó có thói kỳ lạ là nghe tiếng chuông rung thì sủa vang lên. Ông Wood biết ý, cứ mỗi đêm xách chuông đi khắp phố phường rung lên, mong được chó nghe để biết chỗ ở của vợ. Không ngờ chàng ta rung đã gây tay mà vợ đâu chẳng thấy, lại bị cảnh sát phạt về tội gây tiếng ồn ban đêm.

GIAI - THOẠI
VĂN - CHƯƠNG

ĐỐI
TẾT
NHÀ HỌ
ĐỒ

● THÁI-BẠCH

XUÂN ĐÌNH-MÙI

Cứ mỗi lần Tết đến, nhà cửa đồng bào ta lại đồ rục lên những câu đối. Không có câu đối kẻ như là thơ kệch, là kém phần thanh nhã, nhất là không có gì để cho ra vẻ Tết. Chẳng thế mà đời đã có câu :

*Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ,
Nêu cao pháo nổ bánh chưng xanh.*

Quả thật câu đối là cần thiết. Vai trò của nó quan trọng chẳng kém gì thịt mỡ, dưa hành, bánh chưng là những thứ để cho ngon miệng, no bao tử ; và nêu cao, pháo nổ là những thứ để khử tà diệt quỷ. Bởi thế, một người khinh đời ngạo vật như Tú-Xương Tết đến cũng nghĩ phải có câu đối dán nhà :

Nhập thế cục bất khả vô văn tự.

Chẳng hay ho cũng phải nghĩ một đôi bài.

Hướng chỉ mình đã đỗ Tú tài.

Ngày Tết đến cũng phải dán một hai câu đối.

ĐỐI TẾT

Lại như ông hàng thịt nọ cả năm chỉ sống bằng nghề thọc huyết heo. Tết đến cũng phải đến cụ Yên Đỗ để xin hai câu về dán nhà :

*Từ thời bát tiết canh chung thủy,
Ngạn liễu đôi bờ dục diễm trang*

Vì thế, có người nghĩ rằng, Tết dán câu đối chẳng những để cho ra vẻ mà còn cho thiên hạ biết mình cũng có chữ trong nhà, bởi không có chữ, chưa hẳn đã hoàn toàn là người.

Nghĩ như vậy, kẻ ra cũng đúng, nhưng chỉ đúng phần nào vì ở đời thiếu chi những kẻ có chữ mà vẫn chẳng hoàn toàn là người, và những kẻ càng tỏ ra có chữ bao nhiêu lại càng thêm bêu chuyện bấy nhiêu.

Thí dụ : trường hợp của nhà tổng đốc Đỗ-Hữu-Phương xưa kia, cho đến bây giờ vẫn còn là cái bia miệng ở đất Đồng-Nai này.

Phương, người tỉnh Chơn, xuất thân là một tên họ trường, khi Thực dân Pháp đem binh sang xâm chiếm nước ta. Phương trở thành một tay đắc lực của « nhà nước tân trào »

sau thắng dẫn đến chức vụ Tổng đốc.

Đối với thời ấy, Phương chẳng những là tay quyền thế mà còn là tay giàu thứ hai sau Huân-Sĩ, trên bá hộ Xường, hộ trưởng Định, nên đời đã có câu :

Nhất Sĩ nhị Phương.

Tam Xường tứ Định.

Phương có năm con trai đều được giặc Pháp cho làm quan to và 3 người con gái đều lấy chồng làm quan to cho giặc..

Nếu gác bốn chữ « mai quốc cầu vinh » ra, nhà Phương quả đúng là « Tam đa ngũ phúc ».

Có lẽ tự hào như thế, nên gặp dịp Tết nọ, Phương cho dán ngay trước nhà một câu đối :

Đất Chơn có nhà họ Đỗ, đỗ trước cửa ngũ phúc tam đa »

Phương treo giải mười nén bạc cho ai đối được. Phương chủ quan tưởng thế là hay, là một cách làm tăng uy tín, chứ có biết đâu, đối với nhà Phương, sang đấy, giàu đấy, nhưng đồng bào mỗi khi nhìn thấy cái bộ mặt « bán nước hại

ĐỔI TẾT

dân » của y, vẫn thấy kinh tởm như lư phong cùi ở đất cù lao Rông. Bởi vậy, nhân dịp, có người đã gửi lại một câu đề đối.

Đối rằng :

« Cù lao Rông có lư thẳng
phụng, phụng (l) một lư cù trùng
bát nhả. »

Đối hay, người đối lại không thêm lấy tiền vì mục đích chỉ đề cảnh cáo một kẻ xây phú quý trên máu và nước mắt đồng bào.

Nghe truyền lại, khi nhận được câu ấy, Phương mặt đỏ gay lên, tỏ vẻ sượng, sùng thay. Y nghĩ tức giận lắm nhưng không lý gì trả thù được, nên đành phải phục, và nén bực làm thỉnh cho qua câu chuyện đi.

Từ đó, Tết đến, Phương không còn dám ngo ngoe chữ nghĩa nữa.

Thật cũng là một giai thoại



GIÀY CỎ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Một nhà sản xuất giày ở Dallas vừa sáng chế một loại giày có máy điều hòa không khí. Máy này chạy bằng Bin đặt trong gót giày và lúc dùng đến tỏa ra một hơi lạnh, làm mát bàn chân. Nguyên do là vì dân ở đây dùng toàn là xe hơi hay ngựa chở không mấy khi đi bộ.

Tình khúc mùa Xuân

★ TÀN-HOÀI DẠ-VŨ

Em có đến nhớ đề buồn bay trên tóc
Ngày nào xuân thương nhớ ngủ trong môi
Đôi hồn tôi hoa cỏ đợi lâu rồi
Xin em dạo bằng đôi chân của nắng

Tay tôi mong xin dịu em qua phố vắng
Dù mưa chiều tôi cũng bảo trời xanh
Ngày sắp tàn sẽ thừa mới bình minh
Và tình chúng ta bốn mùa hoa nở

Em có mỗi vì giày đau gót nhỏ
Tôi sẽ trải lòng làm thảm cỏ nghỉ chân
Vai tôi xanh vùng bóng mát thiên đàng
Xin em ngã đầu hiền ngoạn giấc ngủ

Xin em hôn tôi kéo mùa vàng tư lự
Lỡ mưa về hồn sẽ ướt đêm nay
Phố vào khuya gió rụng kín vai gầy
Tay tôi lạnh tình nào cho đủ ấm?

Trong đầu tôi điều thuốc vừa tắt ngấm
Em làm ơn châm đóm lửa thương yêu
Đề mùa sang con chim hót trong chiều
Sẽ dấu tiếng ngủ vui trong hạnh phúc

Và tôi nữa, đêm không còn thao thức
— Hồn thơ đau gom nước mắt cho đời
Mai xuân về mùa hoa cỏ trên môi

Tôi sẽ dịu em đi vào tình sử



GIÀO THỪA **Ở PHỐ** **THIÊN** **THAI**

★ MINH - ĐỨC
 HOÀI TRINH

XUÂN ĐÌNH MÙI

NHÌN tập thiệp mời
 đi ăn Tết trên
 bàn, tôi ngáp
 ngừng chưa biết

tính cách nào, chỉ có một
 Giao thừa và một cái thân
 tôi làm sao chia năm sẻ bảy
 ra được.

Một ý nghĩ thoáng qua, tìm
 tấm thiệp nào in đẹp nhất,
 mỹ thuật nhất, chứng tỏ
 rằng chủ nhân có khiếu về
 thẩm mỹ tức thị đêm Giao
 thừa sẽ được tổ chức một
 cách chu đáo chứ không phải
 chỉ có ăn, và say, và nói tục
 như những phường tục tử
 thế nào cũng xong ấy.

Mắt tôi ngừng lại khi tay
 đang lần lần dờ lên từng
 tấm, bỗng 1 tấm thiệp màu
 phớt hồng như nhiều cánh
 hoa đào ghép lại, lác đác vài
 bông hoa in nổi nhưng không
 phải in mà là do bàn tay vẽ.
 Chữ cũng không phải chữ in
 mà là thư chữ viết tay. Nếu
 là chữ in thì nhà in nào đó
 chắc phải đập đầu lăm, giá
 cả không thể bằng giá ở
 những nhà in thường.

GIÀO THỪA

Vốn vẹn trong thiệp có
 mấy chữ đại ý cũng như tất
 cả những tấm thiệp khác,
 mời đến dự lễ giao thừa đón
 xuân, khai mạc một năm
 mới tại phố thiên thai. Ngoài
 ra không có địa chỉ và cũng
 không có tên họ của chủ
 nhân. Thế này thì đi thế
 giờ nào được, mời mà không
 nói giờ giấc đường lối. Định
 xé bỏ vào giỏ rác nhưng
 nhìn nét vẽ nét viết và thứ
 giấy nhẹ nhàng tươi hệt
 những cánh hoa đào được
 ép sạ lại, tôi tiếc rẻ để riêng
 nó ra một chỗ. Dầu sao cũng
 còn ba ngày nữa, nếu chủ
 nhân nghĩ lại sự vô ý của
 mình thì chắc hôm nay hay
 ngày mai tôi sẽ nhận được
 một tấm thiệp khác hoặc
 như lệ thường các bạn biết
 tôi ở xa nên ai muốn mời là
 phải đến đón tôi đi và sau
 đấy đưa tôi về tận nơi.

Chỉ có mỗi một chủ nhân
 gửi thiệp màu hoa đào ở phố
 Thiên Thai ấy làm cho tôi
 xiêu lòng muốn đi, còn thì
 những người khác, chẳng
 có gì đặc biệt để tôi phải
 phung phí đêm giao thừa,

có mỗi một lần xảy ra trong
 năm.

Ba ngày qua tôi chờ mà
 không thấy một tấm thiệp
 hoa đào khác tới, có lẽ người
 ta mãi lo tổ chức mà quên
 đi chẳng. Hỏi thăm các bạn
 chẳng anh nào biết cái phố
 Thiên thai ở chỗ mô mà tìm.

Tôi quyết định giao thừa
 này ăn một mình vậy, những
 đĩa mà cung mệnh có sao
 có sao quả thì sự sống một
 mình không phải là một sự
 bắt buộc mà lại là một sự
 vui thích. Không những
 không sợ sự cô đơn mà
 còn chạy theo vồ lấy như
 trẻ con vồ chiếc bánh của
 mẹ dành cho. Mười giờ, lũ
 con cháu nhà tôi đi chơi cả,
 chỉ mình tôi trong phòng làm
 việc, mùi hương trên bàn thờ
 xông tỏa khắp nhà, tôi cố
 chọn thứ hương thơm nhất
 để cho đêm giao thừa mang
 một sắc thái riêng biệt khác
 với những đêm thường. Có
 tiếng chuông gọi cửa.

— Có Uyên.

— Tôi.

— Mời cô đi dự lễ giao

thừa, chắc cô đã nhận được tấm thiệp mời của chúng tôi.

— Phố Thiên Thai, tấm thiệp màu cánh hoa đào?

— Đúng.

Tôi đã sẵn sàng quần áo mới đón giao thừa của tôi nên khỏi cần phải soạn sửa lâu, chỉ có đóng cửa khóa kỹ để tránh đạo chích mà thôi.

Người đến đón tôi mặc áo gấm lam, đầu vấn khăn đen, thật là hợp với ý kiến tôi vẫn thường đề nghị trong các bài văn. Ngày Tết nên mặc quốc phục cả dân ông lẫn đàn bà như thế trông nó mới khác thường và dân xứ nào mới khỏi mất gốc xứ ấy. Khỏi bị đồng hóa như các nước Âu-Mỹ hiện tại, người nào cũng giống nhau.

Bước ra khỏi nhà, tôi chờ đợi một chiếc xe hơi, hoặc xe Hoa Kỳ, xe Đức, hay Pháp thì trái hẳn với lệ thường, một cỗ xe với hai con ngựa trắng cao lớn đang sừng sững trước mặt.

— Có lên lối này.

Tôi ngoan ngoãn theo lời

người hương dẫn đi vòng sang bên kia, bước lên xe trong khi anh chàng ra ngồi đằng trước rất lễ độ.

Mấy con ngựa mới chờ có một tí mà coi bộ đã nóng ruột, thấy chúng tôi lên xe chúng nó tỏ vẻ hải lòng nhào ra trước định cất vó đi ngay.

Đường đi đáng lẽ phải gập gềnh nếu là một chiếc xe thô mộc tầm thường nhưng đằng này trái hẳn, tôi không hề thấy một lần nào bị giật người vì những lỗ trùng ở trên đường. Xe như lướt trên không gian, tai chẳng nghe cả tiếng vó ngựa đập xuống đường. Chung quanh tôi im lặng, ngấm kỹ chiếc xe, chủ nhân tuy tôi không biết là ai nhưng phải công nhận là một tay sành sỏi, biết sống đúng điệu. Tôi tin chắc sẽ được dự một đêm Giao-thừa đặc biệt.

Chung quanh mỗi lúc một sáng rực, tôi ngờ ngác không biết đây là con đường gì mà đèn sáng thế. Không còn

nhận ra xứ Sài-gòn âm u của tôi nữa.

Xe ngừng, tôi đang tìm lối bước ra thì cửa xe mở nhẹ nhàng, người đánh xe ngửa đã xuống xe, cả cái anh chàng đi đón tôi mà suốt buổi không hề nói với nhau một câu, hình như muốn tỏ ý kính trọng sự suy nghĩ của kẻ khác.

Lạ quá, đây là đâu tôi chưa hề biết, một khu vườn mông mênh, không gian xanh thẳm, xanh màu xanh chúng ta vẫn nhìn thấy mỗi khi ngược mắt lên trời ở những đêm đô thị. Vườn nở đầy hoa đào, có những cành cúi hoa vươn dài ra tận lối đi, hoa đơn hoa kép dày đặc. Mùi thơm phát tự lòng mỗi bông hoa dịu dịu xa gần, nhìn ra chung quanh đâu đâu cũng đầy hoa.

Chân tôi bước trên một thứ cỏ tơ, êm và nhẹ, thứ cỏ này phải lấy giống từ Triều Tiên, làm sao chịu nổi khí hậu Sài-gòn. Người đón tôi là một cô gái, mặc theo lối cổ trong tranh, cô gái mặt

tròn, tóc dài xỏa chấm đầu gối, phía sau gáy buộc một giải lụa đồng màu ngà như màu chiếc áo cô đang mặc. Tay cô gái mang chiếc đèn lồng xinh xắn, bàn tay dong đưa cây đèn theo nhịp bước chân. Một thứ yên lặng huyền ảo như ở một thế giới nào khác, tôi muốn hỏi cô gái xem đây là con đường gì, thuộc về quận nào vùng nào. Trông như ngoài ô mà sao ban này đi trên xe lại không thấy xa lắm.

— Đây là đâu hở cô?

Nghe giọng tôi, cô gái quay lại mỉm cười, trả lời gọn:

— Thiên-Thai.

Cô gái nói vậy thì biết vậy chứ tôi chẳng rõ gì hơn, người nào cũng hà tiện lời ăn tiếng nói. Chẳng có ba hoa ăm ỉ như những người mà tôi vẫn phải chung đụng quanh năm, giọng cô gái nói thâm thi.

Cô gái đưa tôi vào một gian phòng rộng xây toàn bằng cẩm - thạch trắng, tôi kéo tay định nhìn đồng hồ

nhưng lúc này đi gặp quên mang theo. Bàn tiệc dài đầy các thứ quả mà ở Saigon chúng ta không tìm thấy, nhìn ra các quan khách tôi không hề nhận ra một khuôn mặt nào quen thuộc để tôi có thể đến hỏi thăm.

Âm nhạc từ đầu vang lên khắp nơi. Không thấy máy phóng thanh mà sao âm nhạc lại rót vào tai một cách vừa phải như vậy. Thứ nhạc tôi chưa từng nghe không hẳn là Âu hoàn toàn mà cũng không phải là cổ nhạc năm bậc Cung thương giốc chủy vũ như chúng ta vẫn thường biết. Loại nhạc riêng biệt như được chọn từng âm thanh, những thanh âm nào êm tai nhất mới được nhạc sư ghép lại thành bè, thành khúc.

Các quan khách mặc toàn cổ phục, nếu không là áo lam khăn đen như anh chàng đến đón tôi ban nãy thì lại là thứ áo tay thụng cài khuy ở giữa. Mọi người đều im lặng hoặc có chuyện trò thì giọng nói âm thầm

nhỏ nhẹ như chỉ muốn hẹn hò riêng với nhau.

Màn vén lên thêm một người khách vào, tôi mừng rỡ nhận ra đó là một ông chủ báo tôi quen. Hình như ông ta cũng có vẻ hải lòng khi nhận ra tôi, chúng tôi gật đầu chào nhau bằng mắt. Vào đây ai cũng nhập gia tùy tục hay là chủ nhân chỉ muốn chọn cái thứ khách cảm ít nói. Mỗi đến phút này tôi cũng chẳng biết người có đẹp ý mời tôi là ai và ai là chủ nhân khu vườn Thiên thai, ngôi nhà cẩm thạch xây như một cái vòm trời này.

Tôi đi lần đến phía ông chủ báo định hỏi thăm xem ông ta có biết gì hơn mình, tôi cũng phải dùng cái giọng thăm thì hẹn hò ấy để nói chuyện với nhau và tôi ngạc nhiên khi nhận thấy ông này mới lên mà đã nhận xét và hóa mình ngay trong khung cảnh.

— Sao chỉ có mình ông đến đây sao?

— Đã đến đây chúng ta nên xử với nhau thân mật hơn, cô hãy gọi tôi bằng anh.

— Ai đưa anh đến đây?

Ông chủ báo đưa mắt tìm cái anh chàng đi đón khách, tôi hỏi tiếp :

— Anh cũng đi bằng xe ngựa phải không?

Ông chủ báo lắc đầu.

— Còn cô, ai mời cô?

Thật là huyền hoặc, anh không biết rằng anh đang mơ hay đang tỉnh, nếu không gặp cô chắc anh nghĩ rằng anh mơ. Vô lý quá, Saigon anh biết không thiếu một ngõ ngách nào mà sao vùng này anh chưa hề đặt chân tới.

Quả thật như thế, chúng tôi thay phiên nhau mà ngạc nhiên, có tiếng chuông rung nhẹ, một vài người đưa tay ra lấy quả đang bày trên bàn nhẹ nhàng cắn, những người khác làm theo, hai chúng tôi cũng bắt chước, tôi bắt đầu cảm thấy đói.

Tôi nhìn theo từng cử chỉ của ông chủ báo, ngày thường ông ấy nổi tiếng là lắm tình, thấy người đẹp thường xiêu lòng một cách dễ dãi chứ không « bích bưng » như mấy ông chủ báo tôi vẫn cộng tác thường xuyên. Thế mà hôm nay có bao nhiêu người đẹp, quả thật như thế cô nào cũng mặc theo lối cổ, tay thụng thắt lưng buông dài thướt tha phủ gót màu sim, màu huyết tươi, màu cánh đào, ngọc bích. Nhìn lên nhan sắc cô nào cũng đều đặn như do một bàn tay tạo nên, một bác sĩ đã giải phẫu để sửa chữa lại theo ý mình. Tất cả đều mang cái thứ nhan sắc của nàng Tố-nữ trong tranh, một chút gì trang trọng, một chút gì thanh thoát lạnh lẽo. Không phải loại nhan sắc sôi động quyến rũ, hấp dẫn kêu gọi như các cô gái đô thị hiện tại. Chủ nhân tìm đâu ra thứ quý khách này, và trong đám người thanh thoát ấy tôi thấy mình đâm ra trần tục trong chiếc áo dài thắt chặt hờ hờ.

Những quả đào có lớp da nhưng mượt màu vàng ngả sang hồng, không phải thứ « Pêche abricot » mà chúng ta thường gặp ở Pháp hoặc Trung Hoa. Thử đào này thanh tao hơn, ngọt đậm thắm hơn, làn da nhưng bên ngoài cũng mượt hơn. Tôi chưa bao giờ ăn quả đào ngọt ngào như thế, nhớ đến mẹ tôi hay nói đến vườn đào của Tây Vương Mẫu, tôi định mang ra nói với ông chủ báo nhưng ông chủ báo đã thăm thì trước.

— Chúng mình được chọn lọc, may mắn quá nhỉ.

Tôi lắc đầu vẫn chưa hiểu vì sao mà chọn lọc kỳ lạ như vậy, ông chủ báo kia chắc trong tâm hồn chất đầy tội lỗi và riêng tôi cũng bấp bênh, sóng gió đâu có tinh khiết như những kẻ sống từ thuở bé trong gấm nhung. Sao lại là hai chúng tôi mà không là những người khác?

Những mâm hoa quả vui dân, các cô gái ăn mặc theo lối tỷ nữ ra dọn dẹp pha trà, cũng lại một thứ trà đặc biệt không có ở hạ giới. Cứ cho

nó là như thế đi, dầu đây chỉ là một sự dàn cảnh của chủ nhân muốn cho đêm giao thừa năm nay mang sắc thái độc đáo không giống mọi năm. Cố nhiên chủ nhân phải là kẻ giàu tiền, giàu trí tưởng tượng, đầy đủ phương tiện mới có thể cho chúng tôi sống một đêm kỳ diệu của cô bé Lọ Lem như thế.

Tôi quay sang hỏi một người tiên đứng bên cạnh, chẳng biết cô người miền nào mà xinh thế, và áo cô may ở đâu, các bạn chung quanh cô may áo ở đâu.

— Hết mục này còn gì nữa không cô nhỉ?

— Vũ khúc Thiên-thai.

— Ban vũ nào thế cô?

— Quần tiên, Ban vũ của Thiên-thai.

— Ồ hay.

Tôi ngơ ngác, chủ nhân quả đã đẩy trí tưởng tượng đi hơi xa. Các cô các cậu này bây giờ nhất định muốn xưng mình là tiên luôn chẳng. Tôi cần phải tìm hiểu rõ thêm mới được, không thể để ngoại giới mê hoặc mình

và chủ nhân đưa mình ra làm trò chơi cho con bé lên trời một chuyến như thế này.

Màn lại kéo lên một lớp, rồi hai lớp, âm nhạc đổi sang vũ điệu, một bày tiên thời thì đánh gọi họ là tiên vì họ đẹp, họ ăn mặc giống như tiên trên trời, như những hình ảnh thêu chỉ trên mấy bức trường gấm treo trong nhà mà tôi vẫn thấy mỗi ngày khi còn bé.

Họ múa theo nhạc, nhịp nhàng, thoát tục, không phải thứ vũ điệu khêu gợi, gào thét, cuồng loạn như chúng ta vẫn thường xem ở sân khấu loài người.

Đây nếu không phải là xứ của tiên tiên thật sự thì phải là một cái hộp đêm đặc biệt của một ông nhà giàu muốn đổi khung cảnh để câu các chú Hoa-kỳ ngơ ngáo thèm khát của lạ Á-đông, hoang đường thần bí, nhất định như thế.

Ánh sáng xanh chuyển sang hồng rất nhạt từ hồi nào, ông chủ báo đến gần tôi hỏi

thăm, xem đã nể đứng lên xin về được chưa vì hình như trời sáng, đã sang mừng một Tết rồi. Tôi cũng thấy cần phải về nghỉ ngơi một tí tuy không hề cảm thấy mệt mỏi. Đến bây giờ tôi cũng chưa biết ai đã gửi giấy mời tôi, ai là chủ nhân đêm nay, nên chúng tôi rủ nhau lặng lẽ ra về kiểu « vắng lẽ » cho tiện. May quá, ông chủ báo có xe hơi chúng tôi cứ thế mà tìm lối cũ đi ra. Đi một quãng thật xa cả hai đều im lặng, không ai nói với ai một câu nào. Có lẽ cùng đang mãi suy nghĩ đến buổi lễ giao thừa kỳ lạ, không biết nên tin rằng thật hay chỉ là một giấc mơ như có bao nhiêu người hay mơ.

— Cô có tin rằng chúng ta vừa ăn Giao-thừa với tiên không?

— Vô lý, tôi chắc chúng ta vừa đi xem hát.

— Cũng có thể nhưng điểm chắc nhất là chúng ta vừa ăn Giao-thừa với nhau.

Ông chủ báo gật gù, cúi nhìn đôi chân tôi thương hại

vì thấy từ nãy đến giờ đi bộ trên con đường trần nhựa khá xa mà vẫn chưa đến chỗ để xe, ông chủ báo nói để an ủi và gỡ trách nhiệm.

— Tội nghiệp thứ dày cao của các cô đầu phải đi bộ, nhưng ban nãy kẹt quá không có chỗ để xe nên tôi phải đi xa, ai ngờ bây giờ phải làm tài xế như thế này.

— Nguy nhè, quanh năm phải làm tài xế đấy.

— Chẳng sao, cái kiếp đàn ông ở thế kỷ này làm tài xế cho đàn bà là chuyện thường. Đây rồi xe của tôi.

Ông chủ báo chỉ ra đằng xa, tôi nhận thấy chiếc xe 2 ngựa cũ kỹ. Tôi thở phào nghĩ đến sự giải thoát của đôi chân từ mấy giờ đồng hồ bị gò ép trong hai chiếc giày mới. Chúng tôi lên xe và việc thứ nhất là cởi giày cho hai chân tự do. Ông chủ báo mở máy, xe giật mấy cái, ông ta

lại phải nói chống đỡ,

— Xe này tôi mượn tạm của nhà báo, không quen lái thành thử hơi giật, cô chịu khó vậy.

Đường về nhà tôi hơi xa, lúc này thấy trời nhuốm hồng sao bây giờ còn tối mịt, hai bên đường nhà ai cũng đóng cửa bít bùng, mọi người đang ngủ say, tôi cũng che miệng ngáp mợ đến gian phòng ngủ quen thuộc. Giọng ông chủ báo hỏi thăm nghe như từ đâu vọng về.

— Một không, mai Mừng một phải cho tươi nhè, để quanh năm tươi, đừng có ngồi đâu gặt đó.

Tôi trả lời mợ hồ, không biết mình đã nói gì. Giọng ông chủ báo lại vang lên càng như xa hơn.

— Đêm nay không ngờ mà định mệnh lại xếp hai chúng ta ăn Giao-thừa bên nhau.

❖

KHI ĐÁNH DƯƠNG CẦM

Ông John Lewis, nhà dương cầm trứ danh Tân-tây-Lan dạy cho con khỉ của ông đánh dương cầm. Đến bài thứ 6, con khỉ nọ đã bắt đầu đánh được mấy câu đầu của bài « Dưới ánh trăng ».

CHÚNG ta hồi còn hàng ngày cấp sách đến trường thường được đọc truyện Tăm-Cám hay ít nhất cũng được nghe kể chuyện này.

Quả vậy, truyện Tăm Cám là một truyện cổ tích rất phổ - biến trong nhân dân và có nhiều tính chất bình-dân vì nếu so sánh, các làng các xóm biết nó nhiều hơn là các nơi thành thị.

Gần đây, truyện cổ tích này đã được cứu xét lại bởi một số sử-gia miền Bắc và các sử gia này đã đặt nhiều giả-thuyết, nhiều nghi vấn bởi truyện Tăm-Cám đã bị xuyên tạc trên một số tiêu-tiết hoặc đã bị gò ngay cả ở nơi xuất-xứ.

Trong « Truyện-cổ-tích Việt Nam » ông Vũ-ngọc-Phan nhà phê bình văn học thời Tiền-Chiến gần đây viết: « Như truyện Tăm-Cám vốn là truyện của Ấn-Độ nhiễm tính chất của đạo Phật, của thuyết luân hồi, trong có việc người hóa ra chim, ra cây, ra quả. Truyện Tăm-Cám đã

truyện

TĂM CÁM

có thật

trên

LỊCH-SỬ

ta

không ?

★ PHẠM-VĂN-SƠN

truyền sang Việt-Nam vào khoảng Lý-Trần là thời đạo Phật ở nước ta đang thịnh, nên nó đã bén được rễ và đâm được chồi. Một khi đã vững được gốc tính chất tôn giáo của nó mỗi ngày một phát nhat. Tuy những nét lớn của nó vẫn còn nhưng nó đã hoàn toàn Việt-hóa về phong tục, tập quán cũng như nó đã bị Pháp-hóa khi nó truyền sang đất Pháp và biến ra truyện Cendrillon.»

Có người nói rằng đã được coi một đoàn kịch Triều-Tiên ở Bắc kinh diễn một vở nội dung giống truyện Tắm-Cẩm.

Vậy truyện Tắm Cẩm không có thật ở Việt Nam chăng ?

Cũng trước vấn đề này, một số người tin Tắm Cẩm là một truyện cổ tích có thật ở nước ta nhưng đã biến khoản ở một số chi tiết khá quan trọng. Người ta đặt câu hỏi :

« Tắm có thực là Ý-lan thái phi không ? (Tắm là nhân vật một truyện cổ tích, còn Ý-lan thái phi là nhân vật có thực trong lịch sử).

— Khi nhà chép sử viết về Ý-lan thái-phi sao không đã động gì đến Tắm Cẩm ? Truyện Tắm Cẩm cũng không thấy dính

dáng đến vị hoàng hậu nhà Lý v.v....»

Trước khi phân tích vấn đề, chúng ta hãy coi người ta ghi chép gì về truyện Ý-lan thái phi và Tắm Cẩm thế nào đã.

Việt Nam sử lược ghi : « Vua Nhân tôn (12) là con Ý-lan thái phi, người ở Siêu loại (Bắc ninh) khi trước vua Thánh Tôn đã 40 tuổi mà không có con đi cầu tự qua làng Thổ lợi (sau đổi là Siêu loại rồi lại đổi là Thuận quang) người đi xem đứng đầy đường, có một người con gái đi hái dâu thấy xe nhà vua đi, cứ đứng tựa vào cây lan chứ không ra xem. Vua thấy thế lấy làm lạ, truyền gọi đem vào cung-phong là Ý-lan phu nhân. Được ít lâu, có thái tử đẻ ra hoàng tử Càn-đức, được Phong là Nguyên phi.

Càn Đức làm Thái tử rồi lên nối ngôi, tức là Nhân tôn-phong cho mẹ đẻ làm Ý-lan thái phi (?)

Thái phi hay ghen ghét, thấy bà Đương thái hậu giữ quyền, trong bụng không yên, bèn xui vua bắt thái hậu và 72 người thị nữ bỏ ngục tối rồi đem giết cả.

« *Lý triều đệ tam hoàng hậu sự tích* » của làng Thuận-quang

cũng không chép gì khác điều đã kể trong *Việt nam sử lược*. Bản này viết bằng chữ Hán có thêm một vài tiểu tiết :

« Hoàng thái hậu (Ý-lan thái phi) quê ở huyện Gia-lâm, làng Cổ Lỗi, tự Siêu-loại sau đổi là Thuận quang.

Ông Lê công Thiết có vợ là Vũ thị Tĩnh chuyên nghề làm ruộng trồng dâu, nuôi tằm. Một đêm nằm mơ thấy nuốt mặt trăng rồi sinh ra một người con gái tên là Yến, còn gọi là Cẩm (?) hiệu là Khiết Nương, mặt mũi xinh đẹp, tính hạnh nết na. Khiết-Nương năm 12 tuổi thì mẹ bị đau nặng, cha đi làm quan ở xa. Có chằm nom mẹ rất có hiếu nhưng rồi mẹ chết. Bố về về lo việc chôn cất xong thì lấy người vợ kế là Chu thị. Bà này sinh được một gái tên là Tắm (?)

Một hôm hai chị em ra sông Thiên Đức bắt cá. Tắm không bắt được con nào. Cẩm bắt được nhiều. Hai người rủ nhau về làng. Tắm sinh bụng lừa chị bảo rằng chị lắm đầu hãy húp xuống nước cho sạch rồi hãy trở lại nhà. Trong khi Cẩm húp đầu xuống nước, Tắm vét hết cá của Cẩm và giỏ của mình. Cẩm lên bờ thấy mất

cá không dám về sợ dì mắng mỗ ngồi khóc. Một lúc sau, một nhà sư đi qua. Nhà sư này tên là Thái diên (có sách chép là Đại diên), tu ở chùa Linh-nhân thấy vậy hỏi duyên cớ. Cẩm kể lại truyện vừa xảy ra nhà sư liền bảo : « Xem lại đồ còn gì không ? » Cẩm thưa : « Còn một con bóng ! » Sư liền dặn : « Con hãy mang bóng về nuôi ở cái giếng gần vườn dâu sau này sẽ gặp điều lành, ba năm nữa bóng sẽ lớn bằng cái chĩnh... »

Người đi ghé được biết chuyện Cẩm nuôi bóng, một hôm bắt nàng đi làm một việc ở nơi xa để có dịp bắt sống ăn thịt. Về thấy mất bóng Cẩm khóc lóc. Vị nhà sư đến hỏi và bảo Cẩm nhặt các xương cá cho vào chĩnh rồi chôn chĩnh ở đầu giường, trăm ngày hãy đào lên sẽ được thấy quý vật có giá trị vô song. Cẩm mừng quá, làm theo lời sau đó thấy có đôi hài rất đẹp liền đem ra lau chùi và phơi ngoài sân. Chàng nay một con qua bay qua cắp một chiếc hài đem tới kinh đô và bỏ xuống trước cung vua. Vua cho là điềm lành sẽ có hoàng tử kế vị liền truyền cho toàn dân đi ước hái. Trong khi này ngà

nghe nói bên Bắc-ninh có chùa Linh-nhân rất thiêng, ngài cho lập đàn tràng đề sang cầu tự và cho phép dân chúng đi xem vua. Hôm ấy dân làng Cồ lỗi có mặt đầy đủ ở ngoài đường đề đi đón vua duy có Cẩm (kiệt nương) cứ đứng hái dâu bên cây lan. Lúc này có một ông hàng dầu thấy có đám mây che nắng cho cô Cẩm liền đến hỏi tại sao cô không dự với đám đông đáng đi xem vua. Cô trả lời: « Tôi là con gái nhà nghèo không đáng đi xem vua. »

Ngồi trên xe vàng, nhà vua lấy làm lạ vì thấy cô gái hái dâu không có cử chỉ như nhiều người cho quan đến hỏi. Cẩm tâu: « Đi tôi bảo đi hái dâu, chứ không bảo đi xem vua, tôi phải nghe lời. »

Vua bảo các quan: « Đây là một người có phúc, trong thiên hạ không có đến hai. » Rồi vua cho mang Cẩm về cung và cho vớ chân vào chiếc hài thì thấy đúng. Nàng được thâu nạp vào hàng phi hậu và được phong là Ý-lan phu nhân...

Từ đó cứ đến rằm và mồng một, vua sai ông Nguyễn Bông

dem lễ vật đến tạ ở chùa Linh nhân.

Sư Thái-diên thấy Nguyễn Bông là người có tín tâm, chuyên cầu Phật đạo, một hôm hỏi:

— Người có muốn làm hoàng tử không?

Nguyễn Bông đáp:

— Ai mà chẳng muốn làm vua!

Thái Diện liền dặn nhỏ:

— Trốn vào phòng tắm của hoàng hậu, xem hoàng hậu tắm sẽ được như ý muốn.

Nguyễn Bông y lời. Hoàng hậu thấy việc bày liên tâu vua. Vua hạ lệnh chém Bông. Bông khai là sư Thái Diện chỉ bảo làm vậy và trước khi chết xin được đặc ân gặp nhà sư.

Khi Bông gặp Thái Diện, Thái diện nói:

— Phàm thân tạo hóa, thánh thân thủy thành!

Lính đem Bông ra sau chùa chém thì ngay đêm ấy vua Thái-tôn nằm mộng thấy một tiên ông ôm một đứa nhỏ đến cho. Nhà vua biết đó là điềm lành và cái thai đó là Nguyễn Bông.

Sau 14 tháng, hoàng hậu thụ thai sinh được một hoàng nam,

Dương hậu không có trai cũng nhận mình tất kinh rồi, nhân vua Thái-tôn đi đánh Chiêm Thành vắng nhà bà, cho người đánh cắp hoàng tử, vu Ý lan phu nhân sinh quái thai (1) là một con mèo) và bắt giam vào lãnh cung.

Hoàng tử lớn tên vẫn không biết có vụ gian xảo bí mật này sau có kẻ tọc mạch hoàng tử mới hay. Lúc này hoàng tử đã lên ngôi liền tôn mẹ lên làm thái hậu và bắt Dương hậu cùng 71 người cung nhân đem chém ở Thánh tôn lăng. Bà Lê thị sau biết được việc này cho làm 72 ngôi chùa hàng năm cứ đến rằm tháng bảy cho làm lễ giải oan. Ngày 25-7 Lê thái hậu chết. Lý triều làm đền ở cạnh chùa Linh nhân Tư phúc tự đề thờ. »

Sự tích lý triều đệ tam hoàng hậu chấm dứt ở đây.

Đề trả lời những ai nghi ngờ truyện Tấm Cám là một cổ tích của Ấn độ hay của Trung quốc Triều tiên v.v., chúng ta có nhiều bằng cứ xác thực như sau:

(1) việc này làm ta liên tưởng đến vụ « Lý miếu hoán chúa » đời Tống.

Tại Bắc-ninh có làng Thuận quang thuộc huyện Thuận thành cũ là Cổ lỗi nay thuộc về huyện Gial âm cách ga Phú-thủy chừng 300 thước. Ở đây có một ngôi chùa gọi là chùa Bà, thờ « Bà Tấm, bà Cám » (Làng Cồ lỗi sau được đổi ra siêu loại và bà Tấm được nhà vua coi là người dân bà phi thường.

Hàng năm vào ngày 20 tháng 2 làng mở hội rất linh đình ở đây.

Ở làng Nam sơn, huyện Võ giàng cũng thuộc tỉnh Bắc ninh về sườn phía Nam núi Dạm cũng có một ngôi đền nhân dân cũng gọi là đền « Bà Tấm, Bà Cám » Đền Tấm Cám ở cạnh một ngôi chùa gọi nôm là chùa Dạm.

(Việc có 2 ngôi đền ở một địa phương không đáng lạ là vì trường hợp này rất thông thường do sự ngưỡng mộ của dân chúng, bởi đã có những vị thần hoàng được thờ ở nhiều làng trong một địa hạt). Hai ngôi đền thờ bà Tấm, bà Cám đã nói lên rằng Tấm Cám là những nhân vật có thật.

Đến địa phương có đền Tấm Cám hỏi ai cũng biết truyện Tấm Cám. Họ còn chỉ cho ta nào

sông Thiên Đức nơi hai chị em Tắm Cẩm đi bắt cá, nào là giếng nuôi bống, nào là vườn dâu Tắm đã gặp vua.

Ở đây dân còn kiêng tên của Tắm Cẩm nên gọi Tắm là *đón* và Cẩm là *bồi*.

Đền chùa ngày nay bị tàn phá gần hết nhưng nhìn vào cái nền, những viên đá kê cột đủ hình dung được qui mô rất rộng lớn. Xưa kia chùa ở trên chợ họp ở dưới rất sầm uất. Trước cửa đền ở chân núi có một cái ngòi gọi là « *Ngòi con Tên* » thẳng tắp. Đây là con đường thủy cội thuyền vua quan hàng năm về dự « *Lâm sơn yến thạch* ». Lâm sơn có tên tục là núi Dạm. Người ta gọi ngòi con tên là vì nó bắn dất cồ rùa, chặt ngang núi rùa. Đầu rùa trôi xuống dưới thành làng Phương lưu (phương : thơm, lưu : trôi) ở chỗ núi bị xẻ nay thành hai cái hang một bên chảy nước trắng, một bên nước đỏ, tục gọi là hai cuống họng : cuống họng chảy nước trắng là máu, cuống họng chảy nước đỏ là máu.

Thôn Môn-tự ở trước cửa chùa thuộc xã Nam-sơn có 100 mẫu ruộng được triều đình chuẩn cấp

cho dân sở tại để làm phí khoản cho việc đèn nhang tu bổ. Hàng năm có ngày 8 tháng 9 dân làng mở hội rất vui. Dân 18 xã Vô giảng đều tổ chức rước kiệu rất long trọng tại Đền bà Tắm Cẩm. Ở vùng này dân cũng kiêng hai tiếng Tắm, Cẩm và gọi là *Đón, Bồi*.

Hồi bà Tắm còn sống vẫn vậy đây cùng vua dự tiệc. Sau bà tu ở chùa (chùa Dạm; chùa này lớn có tiếng, chia ra nhiều gian, có nhiều cửa. Mỗi khi đóng cửa phải mất từ chiều đến tối mịt, do đó dân có câu : Mười sáu trăng treo, mười bảy sây giương chiếu, mười tám đóng cửa chùa Dạm. Hàng năm vua nhà Lý tổ chức yến tiệc ở đây nên gọi là *lâm sơn yến thạch*).

Vậy về di-tích, truyện Tắm Cẩm ở Bắc ninh có chứng minh rất vững chắc.

Còn về bút tích, thì trên đây ta đã thấy có bản văn viết bằng chữ Hán hiện làng Thuận quang còn giữ được và làng Môn tự (xã Nam sơn) có bài văn cúng Tắm Cẩm

Chú thích : Đền Tắm Cẩm nay bị hư hỏng nhiều, kiến trúc cổ như nhiều đền chùa khác đời Lý. Đáng chú ý là đền có nhiều cửa, chia làm nhiều gian.

hàng năm đọc ở ngày Hội đèn bắt đầu như sau :

« *Lý triều Hoàng bảo Hoàng thái Hậu, linh cảm Ý lan huý Mệnh, hiệu Khiết-nương, thẳng quang Bồ-lát từ hạ* »

Người giữ các bản văn nói đây là cụ Bá Phương và Bà Khôi, cụ tiên chỉ làng Môn tự. Ông Phó Phùng bên làng Thuận-Quang, các nhân vật này còn sống cả hiện thời.

Căn cứ vào các điều kể trên ta thấy có đền thờ Tắm Cẩm, có sự tích Tắm Cẩm, có văn-kiện nói Tắm là hoàng-hậu đời Lý và trước đó là Ý lan thái-phi.

Còn nói rằng Sử-gia viết về Ý-lan sao không đã động gì đến Tắm Cẩm, ngược lại thì ta có thể cho rằng vị Sử gia nào viết truyện này đã bỏ sót trong đã sử và chánh sử nước ta thiếu gì việc quan trọng gặp mấy còn bị Sử thần lãng quên ! Ở truyện này chỉ có sử thần hay sử gia bỏ sót, nhưng dân chúng ở hai làng Môn tự và Thuận quang đâu có quên. Tóm lại giấy trắng mực đen của chánh quyền thường thua kỷ ức của dân chúng, tuy nhiên dân chúng cũng đã có một sự sai lầm là chép Cẩm là chị, Tắm là

em (con người di ghê). Sự thật trong ngôn ngữ của ta bao giờ người ta cũng nói Tắm rồi mới đến Cẩm. Vậy Tắm là chị, Tắm là lan Ý thái phi, Lý triều hoàng hậu. Chính mấy cụ tiên chỉ cũng nhận có sự sai lầm này nhưng người xưa đã viết như vậy, vì là tên huý nên các cụ không dám sửa chữa và các cụ cũng không biết có sự sai lầm ấy từ bao giờ.

Còn đáng chú ý nữa là truyện nhà sư Thái diên đã bảo Tắm nuôi bống ở giếng, sau này chôn xương bống ở dưới chân giường để xương cá thành hài và truyện Thái diên mách Nguyễn Bông lên vào phòng tắm của hoàng hậu để đầu thai vào làm vua nhà Lý, chúng ta có thể ngờ rằng dưới đời Lý đạo Phật rất thịnh, thuyết luân hồi là phần căn bản cho ý nghĩa của luật nhân quả khuyến thiện trừ ác nên nhà truyền giáo đã khéo bày đặt để tuyên truyền cho đạo. Ngay việc Tắm là cô gái hiền lành, ngây thơ, nấu mình trong đám bình dân, đau khổ vì di ghê mà không oán than, lận đận trong nghèo hèn mà không trách phật rồi một ngày kia được làm Hoàng hậu cũng đã thành một truyện đẹp để an ủi

TRUYỆN TẮM CÀM

và khích lệ người đời rồi. Vậy có lẽ nào người ta lại bỏ qua mà không pha thêm ít nhiều màu sắc thần thoại cho dễ chinh phục lòng tin tưởng của đại chúng?

PHỤ CHÚ

Nhân dân địa phương còn kể ra thêm một số chi tiết như sau :

1) Ông hàng gánh dầu đến cho hội bị trời nắng nực quá đã ngừng chân dưới đám mây, gánh dầu dề một bên rồi ông chớp mắt đi một lúc. Do việc này ông đến chỗ nộp dầu chậm, bị các chức dịch quở. Ông liền kể cho họ nghe rằng chỗ ông nghỉ là chỗ có cô gái hát dầu, mấy cứ che ở nơi cô gái ấy như cái tàn, thật vô cùng kỳ lạ. Ông bảo cô đi coi hội, cô trả lời mời ông cứ đi trước, cô sẽ đi sau... Nhờ có truyện này các quan liền đi tìm cô Tấm, sau này hàng năm có rước kiệu, ông hàng dầu bao giờ cũng đi trước kiệu Tấm.

2) Ở cách làng Thuận quang không ngoài một cây số, có một

cái bát gọi là Mả vàng. Đây là nơi chôn sống bà Dương thái hậu và 72 cung nhân đã bị triều đình của vua Nhân-Tôn khép vào tội âm mưu hãm hại Ý lan thái phi. Sau này Ý-lan sợ các vong hồn tác oán đã cho dựng trong một đêm 72 ngôi chùa để cầu siêu. Dân chúng còn nhớ rằng những người bị hành tội bằng cách chôn đến cổ rồi bị lấy bừa bừa 72 cái đầu luôn một lượt.

3) Nguyễn Bông được thờ làm Thành hoàng ở làng Sút, năm nào cũng có rước kiệu. Dân làng Thuận quang phải lên làng Sút lấy nước về dâng lễ.

Tóm lại, do những di tích này, ta có thể kết luận rằng Tấm tức Ý lan thái phi là một nhân vật có thật trên lịch sử Việt Nam. Đền của bà ở làng Siêu loạt giữa 18 xã huyện Võ Giàng và Thuận Thành (Bắc ninh) đến nay vẫn còn khói hương nghi ngút.



■ LẠI ĐIỆN TỬ: MỖI GIẤY VỎ XONG 7 CHAI RƯỢU

● Cách đây một tháng, Thụy Điển vừa phát minh một chiếc máy vỏ rượu và đóng nút. Mỗi giờ vỏ được 24.000 chai rượu và đóng nút. Một con mắt điện tử xem chừng... Gấp chai nào dở bản, to nhỏ, nứt rạn v.v... tức khắc máy gạt đi nhường chỗ cho chai khác.

XUÂN ĐÌNH MÙI



truyện ngắn ★ BUI-KIM ĐÌNH

V ù năng ly uống nốt chỗ rượu còn lại rồi nói với người vũ nữ

trước mặt anh :

— Mình ra nhảy boston đi Phương.

Người con gái đứng lên với dáng điệu chậm chạp và miễn cưỡng :

— Thôi mà anh, anh say quá rồi, còn nhảy gì ?

— Ai say? Bậy ! — Vũ nói — Anh mà say được ư ? Rượu đây mang ra đây !

Phương nhìn Vũ ái ngại, nàng ngồi xuống ghế rồi mỉm cười — nụ cười thật nhẹ, không buồn, không vui, không vẻ nên mấy may một phần nào ý nghĩ nơi Phương. Lát sau Phương nói :

— Anh không nên uống rượu nhiều quá, đêm về khuya nguy

lắm, lại sắp đến giao thừa rồi.

— Đem ngay rượu ra đây —
Vũ nói — Tài phán đâu? Bộ sợ không có tiền trả hay sao? Nói xong, Vũ móc túi quăng ra một xấp giấy năm trăm.

Thế rồi Vũ cứ uống. Tới khi men rượu đã thấm dần vào cơ thể. Vũ thấy đầu choáng váng và hai hàng mi nặng trĩu. Mắt Vũ như hoa lên, mọi vật chung quanh anh như chập chờn đảo lộn. Những ngôi sao lấp lánh ánh sáng, trong khung cảnh vũ trường như muôn ngàn vì tinh tú xoay tròn bủa vây quanh Vũ. Âm thanh của một bản nhạc kịch động sôi nổi như xoáy buốt vào góc sâu thẳm kín trong tâm hồn Vũ. Khuôn mặt người vũ nữ trong khoảnh khắc bỗng nhợt nhạt rồi chợt biến thành Vân — người yêu của Vũ — người đã làm anh đau khổ, tuyệt vọng từ mấy ngày nay. Vũ đứng lên dơ hai tay chới với, nhưng anh đã khụy xuống bần. Thấy vậy, Phương la lên và mọi người quay về phía Vũ nhìn soi mói.

Bỗng một vũ nữ trẻ đẹp vội chạy lại bên Vũ nâng anh dậy rồi nói :

— Trời ! Anh Vũ ! Sắp qua năm mới rồi còn say thế này ?

— Bồ cữ của Châu hả ? Tiếng người quản lý hỏi.

— Không đâu ! — Châu trả lời — Bà con quên. Em đưa anh ấy về nhé, anh say quá rồi.

Nói xong, Châu nhờ người bạn đồng nghiệp dìu Vũ ra đường.

o o o

Vũ thọc tay vào túi quần, cầm chắc khẩu súng lục rồi làm bộ bình thần bước vào cầu thang máy. Vũ ấn nút số 4, chiếc thang máy từ từ lên cao. Sau mấy ngày tìm kiếm, hôm nay Vũ đã được biết chỗ ở của Vân, người yêu phản bội — và Thanh — kẻ tình địch của Vũ. Vũ thấy lòng hồi hộp lạ thường. Anh đi dọc theo hành lang để liếc nhìn số phòng. Cuối cùng Vũ mạnh dạn xô cửa phòng ở gần cuối dãy. Một cảnh tượng bị òi hiện ra trước mắt Vũ: Vân đang lả lơi nằm gọn trong vòng tay Thanh. Sự tức bực đã dâng lên cùng độ. Vũ không nói một lời, anh chĩa mũi súng về phía hai người rồi bóp cò liên hồi. Những tiếng nổ chát chúa vang lên.

Mùi khói súng khét lẹt và dầy đặc. Hai thân người đè lên nhau, máu chảy loang lổ tẩm nệm trắng. Vũ thấy mắt Vân trợn trừng nhìn mình, sự kinh hoàng còn ghi trên nét mặt nàng. Giữa khi ấy Vũ thấy có tiếng chân người chạy rầm rập bên ngoài. Vũ chạy vội ra cửa để tìm đường lẩn trốn. Nhưng đã muộn trước mặt sau lưng Vũ đều có bóng cảnh sát. Vũ dơ súng bắn vào người cảnh sát gần nhất. Không có tiếng nổ, súng Vũ đã hết đạn rồi. Vũ cuống cuống ném súng thật mạnh vào người cảnh sát trước mặt rồi vội vã lao lên bờ tường lạnh lạnh, trong khi cảnh sát ở hai bên chạy ập về phía Vũ. Vũ kinh hoàng rú lên một tiếng rồi lao mình xuống đường. Và trong giây phút chơi vơi sợ hãi này, Vũ nghe như có một giọng nói mơ hồ vọng bên tai :

— Anh Vũ, Anh làm thế ?

Vũ bừng mở mắt, mồ hôi toát ra như tắm. Thì ra Vũ vừa qua một giấc mơ kinh khủng. Vũ ngồi bật dậy, sự kinh hoàng còn ghi trên nét mặt anh. Bên cạnh Vũ là một thiếu nữ trẻ đẹp :

— Anh mơ gì mà hét to quá! Em sợ hết hồn.

Vũ dơ tay quạt mồ hôi rồi hỏi:

— Đây là đâu? mà cô là ai?

— Em là Châu. Anh còn nhớ Châu không? trước em ở cùng Châu xóm với anh ở Ngã Bảy. Bây giờ em làm vũ nữ ở bar Mễ Ly, vì thấy anh say quá nên đưa anh về đây.

Sau khi lấy lại được bình tĩnh, Vũ nói :

— Anh say lắm hả Châu?

Và không đợi Châu trả lời. Vũ nói tiếp :

— Anh nằm mơ ghê quá ! Trong giấc mơ anh giết hai người

— Em đoán là anh có chuyện gì buồn ? Lúc mơ anh thường nhắc đến tên cô Vân nào đấy. Bây giờ anh tỉnh rượu chưa ?

— Tỉnh rồi, nhưng vẫn còn sợ lắm

Một lát sau Vũ nói tiếp :

— Nhà có nước không Châu ? Anh khát nước quá !

Châu đứng dậy, nàng vội công tắc điện rồi rót nước cho Vũ. Ánh sáng chan hòa làm Vũ thấy mình đang ở trong một

căn phòng nhỏ, một giường, một tủ áo và một bàn trang điểm.

— Em không ở với gia đình hả Châu?

— Không anh ạ. Em muốn phòng ở đây để đi làm cho tiện.

Giọng Vũ thật trầm buồn :

— Đã Giao thừa chưa em ? Thật chán ! Tết nhất mà say sưa thế này.

— Qua năm mới rồi anh ạ. Anh thấy không ? Tiếng pháo đã nổ thừa rồi. Lúc Giao thừa anh đang say nên em không dám gọi.

Vũ cười chưa chút :

— Xuân này, anh làm rộn em ghê, em có sợ sui cả năm không ?

— Sui gì ? Anh rõ khéo lo xa. Nói xong, Châu cười rồi tiếp lời :

— Thế mà đã ba năm rồi em không được gặp anh. Ba năm mà như thay đổi cả cuộc đời. Anh dọn nhà đi vài tháng thì khu xóm bị giải tỏa. Thời gian này gia đình em thật cực khổ.

Má em đau nên không đi bán hàng được. Em để tâm tìm anh để nhờ anh giúp đỡ, nhưng chẳng thấy anh đâu. Sau đó, em phải đi làm vũ nữ...

Rồi như sự nhớ ra điều gì Châu hỏi Vũ :

— Còn chị Vân là ai hả anh ? Chắc là người yêu của anh ?

— Vân đã bỏ anh rồi — Vũ nói giọng cay đắng — Vì anh nghèo nên Vân đã bỏ anh mà đi với thằng Thanh cận.

Tiếng Châu như reo lên :

— Thanh cận thì đi chiếc Prefect phải không anh ? Em biết rõ thằng cha ấy lắm ! Hắn «mế» em lắm ! Hắn thường vung tiền ra để mua chuộc em, nhưng em không chịu... Nhưng một lát, Châu tiếp lời :

— Em tuy là vũ-nữ nhưng em có hạng, trẻ đẹp nhất trong bar. Thằng Thanh cận cứ năn nỉ xin em địa chỉ để đến nhà chơi nhưng em không cho. Hắn mua thật nhiều tickets mời em đi chơi nhưng em không đi, em ghét hắn kinh khủng. Nói xong, Châu ngồi tựa lưng vào thành giường.

Vũ lặng yên nhìn Châu. Cô hàng xóm bé nhỏ năm xưa đã thành một thiếu nữ nhan sắc. Trong dáng ngồi thoải mái, Châu dịu dàng như nụ cười thấp thoáng trên môi nàng. Đầu Châu hơi cúi xuống, mái tóc ngắn phủ đầy hai bên má, che khuất một nửa khuôn mặt. Cặp mắt tuy trong sáng nhưng như mang một nỗi buồn sâu kín. Vũ bỗng thấy một bóng người biết rõ về dĩ vãng của Châu. Nàng là con lớn nhất trong gia đình đông con nghèo túng. Ba Châu nghiện mà thất nghiệp, Châu phải phụ giúp má nàng tần tảo buôn bán từ tinh sương đến chiều tối để giúp đỡ gia đình. Sinh trong gia đình nghèo nên ở tuổi thơ của Châu chỉ toàn là sự phấn đấu. Đứa con gái mười lăm tuổi chưa hề nuôi một ước mơ về tương lai mình như con đường vào đời trái hoa, cũng như Châu chưa hề ước mơ lên thật cao nhìn vào ánh sáng thành phố tràn đầy màu sắc. Châu chỉ mong sao gia đình nàng được đầy đủ ấm no.

Thấy Vũ lặng im, Châu hỏi :

— Anh nghĩ gì đấy anh Vũ ?

— Anh nghĩ lại hồi xưa, khi Châu còn nhỏ.

Châu mỉm cười cúi xuống rồi ngập ngừng nói :

— Em nhớ rõ dịp Tết Nguyên đán cách đây chừng bốn năm anh nhỉ, anh cho em một trăm đề may áo mới. Đến ngày Tết thấy em mặc áo cũ anh hỏi, em chạy không trả lời, nhưng chắc anh cũng hiểu rằng số tiền ấy em đã thêm vào để mua thuốc phiện cho ba em.

Châu nhìn Vũ rồi tiếp bằng giọng chân thật :

— Gia đình em chịu ơn anh nhiều lắm. Em nhớ mỗi lần ba em thiếu thuốc mà em tới hỏi mượn tiền anh, nếu có anh cho mượn ngay. Bây giờ thì gia đình em đã khá, em mới mua cho ba má em một căn nhà khoảng bốn trăm ngàn. Ba má em, nhất là thằng Mạnh, vẫn thường nhắc đến anh luôn.

— Thằng Mạnh hồi này thế nào — Vũ hỏi — Nó có học hành gì không ?

— Có chứ anh. — Năm

nay nó lên đại học rồi anh a, mới đỗ tú-tài xong. Em có quen một giáo sư, anh chàng này nâng đỡ Mạnh rất nhiều, nên kỳ rồi nó đỗ bình thứ anh a.

Châu ngừng nói, nàng hướng cặp mắt nhìn về xa xôi như nhớ lại dĩ vãng. Lát sau, Châu nói bằng giọng nhẹ, trầm :

— Em còn nhớ rõ vào một buổi tối anh đưa em tới bệnh viện Phước-Thiện để thăm người anh họ của em đang đau nặng. Buổi tối hôm ấy trời mưa lâm râm anh nhĩ, chúng mình đi trên con đường trải đá nhỏ, hai bên là vườn cây hoang vắng. Anh chỉ những hạt mưa lất phất trong ánh sáng vạng vọt rồi nói : Mặt em buồn như khung trời hôm nay. Em thuộc lòng câu đó, nên mỗi khi đi trong mưa đêm, em lại nghĩ đến anh.

Ngừng một lát, Châu nói tiếp :

— Em mong anh hiểu cho vì hoàn cảnh em mới làm nghề này.

— Anh hiểu ! Châu không có gì đáng trách — Giọng Vũ bỗng trở nên cay đắng — Thiếu gì con gái nhà tử tế, con ông họ

ông kia vì đam mê mà sa ngã. Hạng đó mới đáng khinh.

Châu không thấy sự chua xót trong lòng Vũ, nên nàng bỗng vui tươi hồn nhiên trở lại :

— Bây giờ anh ở đâu, anh Vũ ? Mà anh còn viết văn không ?

— Anh thì chẳng ở đâu nhất định — Vũ nói — Còn nếu không viết văn thì sẽ... đối đãi ra.

Giọng Châu ân cần :

— Mùa Xuân này anh ở với em anh Vũ nhé. Mỗi năm người ta thường vui ba ngày Tết, nhưng em, em lại buồn vào những ngày ấy.

ooo

Vũ sống với Châu đã gần một tháng. Và suốt trong thời gian ấy hình ảnh của Vân vẫn ghi vào lòng Vũ những kêu gào tiếc nuối chuỗi ngày dĩ vãng. Đôi khi với sự săn sóc của Châu, Vũ cũng thấy lòng thư thái, nhưng từ một tuần nay Vũ thấy Châu như có một nỗi buồn. Anh thường bắt gặp cặp mắt Châu u buồn nhìn ra ngoài song cửa và xa vời như đuổi theo mây bay. Một hôm Châu nói :

— Anh a, có lẽ chiều thứ bảy này em phải đi Cấp.

— Em đi Cấp làm gì, hả Châu ? Vũ hỏi.

— Thăm một người bạn em bị đau nặng.

— Bạn em bị đau nặng, sao em không ra thăm hôm nay mà thứ bảy mới ra ?

Châu bối rối, lát sau nàng ngập ngừng nói :

— Vì mấy bữa nay em mắc bận.

Vũ tỉnh ý nên đọc được ngay sự bối rối trong mắt Châu. Vũ tin rằng Châu có điều gì giấu anh nhưng vì muốn cho Châu yên tâm, nên Vũ không gặng hỏi.

Đêm nay Vũ không ngủ được. Bên anh, Châu vẫn ngoan ngoan nằm thờ ơ. Ánh đèn ngủ màu xanh huyền ảo càng làm tăng thêm nét kiêu diễm của Châu. Vũ ngồi dậy ra khỏi giường, vặn đèn sáng rồi châm thuốc hút. Vũ phân vân không hiểu Châu có điều gì giấu mình...

Và khi thấy chiếc sắc tay của Châu trên bàn, Vũ tò mò sờ ra xem. Mặt Vũ bỗng sáng lên: một

tấm carte visite của Thanh cận nằm trong tay Vũ, anh lầm lẫm đọc : « Em Châu. Anh đến thăm em song không gặp, nên anh gửi chị Thịnh lại giấy này. Vậy theo đúng lời em hẹn nhé, trưa thứ bảy em nhớ lại anh rồi chúng mình đi Cấp. Hôn em. Thanh. »

Đọc xong, Vũ tức giận như điên lên được. Anh không ngờ ngày nay Châu lại rơi vào vòng tay quyến rũ của Thanh. Vũ bực tức đi lại bên giường lay Châu dậy :

— Châu — Tiếng Vũ gọi như quát.

Châu lim dim cặp mắt, nàng ngái ngủ dơ hai tay làm cử chỉ âu yếm để kéo Vũ xuống. Vũ vùng ra nói :

— Châu! Dậy mau!

Châu mở to mắt nhìn Vũ như dò hỏi.

— Em đi Cấp với thằng Thanh Cận hả Châu ? Vũ nói.

Châu ngỡ ngàng e ngại vì Vũ đã rõ mọi chuyện. Châu ngồi dậy, nàng không khóc mà nước mắt trào ra. Lát sau, Châu nói :

— Vì... Vì... em... yêu anh nên em mới đi với Thanh. Em biết rõ anh có... tha thiết với

chị Vân lắm. Giọng Châu như ghen lại. Còn em... em chỉ là vũ nữ, mùa Xuân đã mất nên em làm sao có thể ăn đời ở kiếp với anh được, nên em muốn dùng nhan sắc để quyến rũ Thanh... Như vậy, Thanh sẽ bỏ rơi chị Vân và chị Vân sẽ trở về với anh.

Bây giờ Vũ đã hiểu tất cả. Một niềm thương cảm vô biên tràn ngập lòng anh. Vũ không ngờ Châu lại có tâm hồn cao thượng và đáng phục đến thế. Vũ âu yếm vuốt tóc Châu rồi ghé sát vào tai Châu chân thật

nói — giọng nói chân thật ấy phát xuất từ đáy sâu thẳm kín nhất của tâm hồn anh :

— Em đừng làm như thế ! Tại sao người yêu của anh bây giờ không phải là Châu được ? Anh sẽ cưới em ! Vậy từ ngày mai Châu phải nghĩ việc đi nhé, anh không bằng lòng cho em đi nhảu nữa đâu.

Qua song cửa, gió Xuân nhẹ thổi làm lay động tấm màn trắng. Châu nghe như có một luồng gió hạnh phúc tràn ngập vào hồn...

★



★ MÁY GẶT CÓ TỪ ĐỜI NÀO ?

Nói chung thì việc cơ-giới hóa nông-nghiệp tại Âu, Mỹ bắt đầu từ sau đệ-nhất thế-chiến, và bành trướng rất mạnh sau ngày kết-thúc đệ-nhị thế-chiến.

Ngược lại lịch-sử, Anh quốc đã sáng-chế chiếc máy cày đầu tiên năm 1790, nhà chế-tạo đã được Chính-phủ ban khen và cấp bằng khai-thác độc quyền.

Tại Mỹ, máy đầu tiên ra đời năm 1828, và máy đập lúa, sau đó ít lâu. Nga là nước đầu tiên chế tạo một máy hỗn-hợp, vừa gặt, đập, xay, giã, sấy khô rồi vỏ bao : Chỉ cần 5 phút là lúa tươi dưới ruộng đã có thể bán ra thị-trường.

Máy này đã được trình-bày kỳ Đấu-xảo quốc-tế năm 1931, và chiếm giải nhất.

một mình trong thành phố Huế

KIỆM - THÊM

tôi một mình trở lại
đường phố cũ xanh xao
bước chân thăm gỡ nhịp
đếm tuổi vàng tiêu hao

hai hàng cây khép lại
ôm tôi trong vòng tay
hôn lên từng mớ tóc
đã bạc màu chưa cay

một mình trong thành
như khách lạ qua đây
bạn bè đi tám hướng
tôi thăm lặng cúi đầu

có đơn trong quán trọ
rượu cháy cả vành môi
cố quên màu dĩ vãng
ngồi ngắm cảnh mây trời

một vòng xe thồ mố
đi về vùng ngoại-ô
chiếc quan tài buồn bã
người thiếu-nữ khăn sô

đi qua nhà tình-nhân
sao mà im vắng thế
người bỏ đi xa rồi
để khu vườn hoang phế

tôi một mình trở lại
đường phố cũ lao đao
bước chân dồn gõ nhịp
ngắm nỗi buồn dâng cao

thôi, tôi về liễu hạ
trú ngụ tuổi thanh xuân
mãi nghe chim ca múa
chiều nhìn mây xây tầng

★ KIÊM - THÊM

ON người vốn tò mò,
khi đã có đủ ăn đủ
mặc, lại muốn tìm
hiểu những bí ẩn của trời đất,
lo lắng tự hỏi tương lai của nhân
loại sẽ hướng về ngả nào cũng
như luôn đảo bời trong dĩ vãng
thử đó là nguyên thủy sinh vật
từ đâu mà lại (xin xem Phổ-Thông
số 75, bài «Tổ tiên của loài người
là ai ?») Từ ngày Darwin cho ra
bộ sách về thuyết tiến hóa cách
đây hơn một thế kỷ (1859) câu

hỏi về nguyên thủy loài người
được rút gọn lại : con người có
phải từ khỉ mà lại không ? Đưa
Giám mục Samuel Wilberforce,
một nhà văn-vật-học có tiếng
thế kỷ trước, trong một buổi cãi
lộn với nhóm bênh vực Darwin
ở Oxford, còn khôi hài muốn xáo
định hỏi thêm nhà sinh vật học
Thomas-Henry Huxley ông từ
khỉ mà lại bèn phía ông hay bèn
phía bà (xin xem Phổ-Thông số
175, bài «Tiên hoả»).

người
và

khỉ

★ Vô-Quang-Yên (Paris)

NGƯỜI TỪ KHỈ

MÀ RA

HAY KHỈ

TỪ NGƯỜI

MÀ LẠI

?

Khỉ sẽ là loại động vật quí báu

Câu chuyện khỉ những năm gần đây lại được đưa ra bàn tán vì một số công tác khảo cứu khoa học đưa nhau ra đời: trong cuốn sách Budongo, nhà nhân loại học người Anh, bác sĩ Vernon Reynolds, thuật lại tám tháng khảo sát trong một cánh rừng ở Uganda, trong một cuốn phim, bá tước Hugo van Lawireck kể lại hai tháng sống của bà Jane Goodall, một nhà vạn vật học người Anh, giữa những đám khỉ rừng ở Tanganyika; đồng thời, nhiều bản thuyết minh của bác sĩ Andrijaan Kortlandt, ở Viện đại học Amsterdam, trình bày một số tài liệu lược lặt được trong nhiều chuyến thám hiểm ở Kivu và Guinée.

Những nhà bác học đang khảo cứu nhiều về khỉ vì nhiều duyên cớ. Trước hết, ai cũng phải công nhận trong số thú vật trên mặt đất, khỉ gần giống người nhất. Sau là số khỉ ngày càng ít dần vì bị săn bắn sợ rồi một ngày nào giống khỉ kiệt nòi, ta sẽ khó lòng tìm hiểu chúng, nhất là ở trạng thái tự do giữa những điều kiện thiên nhiên. Thật vậy, loại

khỉ đười ươi (orang-outan) chỉ còn khoảng 5-6000 con trên khắp mặt đất; người ta ước chừng loại khỉ đột (gorille) còn nhiều hơn nhưng không quá 15.000 con, chỉ loại khỉ chimpanzé là còn nhiều nhất, khoảng 25 000 con, nhưng loại này rất được đòi hỏi trong những cuộc khảo cứu và được học; rồi đây, nếu cuộc ghép thân khỉ vào người thành công, loại khỉ này sẽ là một của quý khó lòng cung cấp đủ.

Khỉ là một người bạn con gần với ta

Như vậy ta hiểu vì sao người ta cấp bách muốn biết thêm về khỉ. Đối với người thường, khỉ chỉ là những động vật biết làm trò cười trong các rạp xiếc hay ở vườn bách thú. Ở nhiều bộ lạc châu Phi, khỉ là một món ăn ngon. Bên Hoa-kỳ, khỉ được trọng dụng hơn, gần đây đã thành phi hành gia trước con người. Ở Thụy-điển, năm 1964, còn có cả một cuộc triển lãm về hội họa trưng bày những bức tranh do một con khỉ ở vườn bách thú Boras vẽ. Đối với những nhà khoa học, khỉ là một người bạn gần gũi với ta. Nhiều nhà nhân loại học và động vật học đồng ý cho loài

khỉ chimpanzé rất giống ta từ mặt cơ thể, sinh lý, cho đến thái độ, tâm lý và ngay cả ở mặt thông giao xã hội. Tuy nhiên, nhiều nhà bác học khác, mặc dầu chịu nhận những điểm tương đồng giữa ta và khỉ, lại ước trí tuệ của chúng quá ít nở nang, về chất cũng như về lượng, nên không thể xem chúng như người được. Đây là chưa nói đến những nhà thần học bảo linh hồn chỉ dành cho loài người mà thôi.

Trong số những nhà khoa học cho khỉ giống người, những nhà sinh vật học và bác sĩ y khoa một đảng, những nhà vạn vật học đảng khác, không nhìn khỉ với cặp mắt giống nhau. Những thầy thuốc thì thấy ở khỉ một loại động vật dễ thí nghiệm rất tốt, từ khoa thủ thuật, ghép thận, mổ não, cho đến những phương cách trị liệu, gây ung thư, tiêm thuốc mồi. Những nhà vạn vật học thì chú ý nhiều hơn đến những liên quan giữa người và khỉ, muốn che chở chúng, tôn trọng tự do của chúng, muốn lập ra khu lưu trữ để chúng sống được tự do khỏi sợ con người săn bắn, giết chóc. Như vậy, họ còn có dịp khảo cứu chúng trong những điều kiện tự nhiên, biết đâu lại không đưa ra ánh sáng

cách sống của con người những ngàn năm trước đây. Khỉ đang còn an lòng ở chỗ trong thiên nhiên hoàn toàn.

Theo nhiều chuyên gia, khỉ từ người mà lại

Thật vậy, số người tin ở một nguồn gốc chung giữa khỉ và ta không phải ít. Từ cuối thế kỷ trước và nhất là ở thế kỷ 20 này, biết bao cuộc khám phá đã muốn chứng minh liên quan giữa người và khỉ, đem thêm tài liệu cho giả thuyết tiến hóa của Darwin. Những nhà nhân loại học đã tìm ra được biết bao bộ xương, mảnh sọ có thể dùng để vạch đường nối liền khỉ và người: những Dryopithecus, Australopithecus, Pithécantropus, Neanderthalien, cũng những Oreopithecus, Gigantopithecus... Nhưng nhìn kỹ lại những bộ xương, mảnh sọ này, tuy mới xem qua tưởng như là những mức của cuộc tiến hóa, thật ra là đại diện cho biết bao cành của một cây gia hệ um tùm. Nói một cách khác, dần dần người ta thấy người khỉ ng phải từ khỉ mà lại, mà chỉ là một người bà con xa với khỉ cùng chung một thủy tổ trước đây hàng ngàn đời.

Nhiều nhà vạn vật học, phần lớn người Đức, như Gaudry Ranke, Kollmann, Kloatsch Zittel, Westenhofer và Kr chokps, còn đi xa hơn : khảo sát cơ thể, so sánh hình sọ, cách tháp răng, độ cong của tủy xương cùng bàn chân, xương hông, phương hướng những cơ quan sinh dục, họ cho con người ở một mức sơ khai hơn khỉ. Nói rõ hơn, những nhà bác học này cho khỉ từ người mà lại ! Kết luận lạ lùng này một đàng phù hợp với những truyền kỷ của nhiều bộ lạc châu Phi và ở Nam dương, một đàng vừa được nhiều nhận xét lại chứng thực

Khỉ trước kia là một giống người nhác nhóm

Khỉ khảo cứu những loại khỉ chimpanzé ở vườn bách thú, bác sĩ Kortlandt ở Viện đại học Amsterdam nhận thấy chúng rất chóng biết làm nhà ở hay dùng vật liệu làm khi giới dụng cụ. Chúng biết dùng đất, đá hay những mảnh gỗ liện vào những người đi xem lại phá rầy chúng hay người giám thủ mà chúng chẳng ưa. Điều lạ là ở trong rừng chúng chẳng biết làm như vậy. Tại sao chúng đã có thái độ, cử chỉ giống người ? Để trả lời câu hỏi này, nhà động vật học người Hòa-lan đã tổ chức một loạt nhiều

chuyến thám hiểm từ 1960 đến 1965 ở Phi-châu.

Không những chỉ xem xét cử chỉ của khỉ trong rừng, ông còn đề rải rác đây đó nhiều vật liệu như thức ăn, hoa đồ hình khỉ hay một con báo bằng rom mà đầu và đuôi có thể cử động được... để thăm dò phản ứng của chúng. Những tài liệu thu lượm được thật quý báu và lạ kỳ. Trước hết người ta nhận thấy khỉ không phải phần lớn ở trong rừng như thường tưởng mà là ở những đồng cỏ có khi khô héo, nóng nực, miễn là có một đám cây nằm dọc theo giòng nước để chúng có thể núp bóng những buổi trưa hè oi bức. Ở đồng cỏ, chúng có vẻ thung dung, thư thái hơn ở trong rừng. Hai tay buông thẳng, ít dùng, chúng thích đi bộ từ cây này qua cây khác hơn là vọt nhảy. Khỉ ở đồng cỏ, chúng thích ăn thịt sống, săn bắt những thú vật trẻ như sơn dương, khỉ nhỏ có đuôi. Nhưng khi vào rừng, chúng chỉ sống với hoa quả mà thôi. Trước con báo bằng rom biết cử động là địch thủ ghê rợn truyền thống của chúng, khỉ rừng chỉ biết kêu gào hay rung những cành cây hướng về con

báo : cũng lắm chúng nhảy lên cao với cành cây trong tay nhưng chẳng bao giờ đập trúng đích. Trái lại khỉ đồng cỏ dùng gậy tự vệ, lắm lúc đập trúng vào báo. Vẫn biết trong rừng cây cối nhiều, khó lòng vung gậy, như ở đồng cỏ nhưng bác sĩ Kortlandt suy ra khỉ nguyên ở đồng cỏ. Biết ăn thịt, chúng biết dùng gậy đá để săn bắn. Như vậy, chúng sống tương tự con người nguyên thủy, vì thủy tổ ta cũng đã sống ở đồng cỏ. Khi con người biết làm giáo, thương, giết được xa hơn thì khỉ hết còn tranh giao được với người và dần dần rút lui vào rừng, sống với hoa quả dễ hái trên cây.

Từ đây khỉ ngày càng xa người. Giả thuyết của bác sĩ Kortlandt vô tình chứng minh tư tưởng của nhiều bộ lạc châu Phi cho khỉ trước kia là một loại người nhác nhóm, mất trách nhiệm, tránh việc làm, dần dần trốn vào rừng sâu và sống trong một trạng thái nửa người, nửa vật.

Khỉ và ta khác nhau ở địa hạt nào ?

Rất cuộc, một câu hỏi vẫn còn

được đặt ra lại : ta khác gì khỉ ? Thật khó trả lời. Về mặt trí khôn và lý tính, chúng chẳng thua ta xa. Thí nghiệm của những chuyên gia như Kohler, Yerkes, Kohts, Guillaume, Meyerson, Nissen,... cho ta thấy chúng rất biết lý luận. Có khi chúng còn tìm ra được những lời giải mà khảo cứu viên chẳng nghĩ đến. Khi nhà tâm lý học người Mỹ Kellogg thử so sánh một con khỉ với đứa con ông, ông nhận thấy đến một tuổi rưỡi, khỉ thông minh hơn đứa trẻ, nhưng sau đấy đứa trẻ tiến lên bằng và vượt quá khỉ.

Như tưởng khỉ cũng có ý thức về biểu tượng. Người ta đã thử thưởng chúng những thẻ tiền có thể cho vào máy tự động để được thức ăn. Nếu không được đem dùng ngay, chúng nổi giận nhưng vẫn khư khư giữ thẻ tiền cho đến lúc được đem « tiêu ». Tuy nhiên, về mặt này, nhà tâm lý sinh vật học Gouas-tard, người Pháp, mặc dầu chịu nhận khỉ biết lý luận vì biết liên kết những trưng thu với nhau, cho chỉ có người là có thể có ý thức trừu tượng.

Về mặt lời nói, người ta đã thức biệt được hơn ba mươi tiếng kêu khác nhau tiêu biểu

NGƯỜI VÀ KHÍ

cho mọi loại cảm tình, xúc động. Đây phải chăng là khởi thảo của ngôn ngữ.

Cách dùng dụng cụ, như đã thấy, cũng không phải là độc quyền của loài người. Khỉ kh ng những chỉ biết dùng dụng cụ sẵn có như gậy đá. Chúng biết làm ra dụng cụ. Bà Jane Goodall đã thấy chúng bẻ gãy cành cây và lột sách lá để làm gậy thọc vào tổ mối, đợi cho mối bu vào nhiều thì lấy ra ăn!

Sau cùng, về đời sống công cộng, cũng như chúng ta khỉ biết sống thành xã hội có cấu tạo hệ thống hẳn hoi. Nhà tâm lý học Freud và các đồ đệ cho ý thức luận lý là đặc sắc của con người vì chỉ có người là biết cảm lòng trước nỗi đớn đau.



CHÍNH ĐÂY RỒI!

Trong trại tàn binh có một anh, ngày ngày anh thẩn thờ trong trại để nhặt những tờ giấy vụn vất bừa bãi dưới đất. Anh ta cảm lên coi cẩn thận rồi lại liệng bỏ, miệng lầm bầm:

— Không phải nó! Không phải nó.

Quối cùng viên chỉ huy trưởng phải gửi anh ta tới quân y viện để khám bệnh. Khi anh ta cầm tờ giấy nghỉ phép trong tay, mọi người nhìn anh là tờ giấy sẽ bị vứt bỏ; nhưng anh ta lại reo lên:

— Ờ! Chính đây rồi!

XUÂN ĐÌNH MÙI



hoa hạnh-phúc

★ VƯƠNG HUYỀN TRANG

(Gia-định)

Cùng nhẹ bước hái hoa trên đường mộng
Sánh vai nhau xao xuyến ngập trong hồn
Nắng xuân sang trăm sen hồng lồng-lộng
Rực rỡ chào hoa hạnh phúc suy tôn

Đôi chim Loan dập dìu bao quặng luyến
Lóng nở hoa đón gió ngọt muôn phương,
Say hạnh phúc dệt ngàn câu thương mến,
Ngồi sân sàng chờ đợi bậc đế vương

Hương tình ái bay vờn trong lời lá
Gió tán xuân quện nhạc khúc êm đềm
Hoa lá buồn chiều đi về với vũ
Tàn tạ rồi góp nhặt cánh sao đêm

Hoa đẹp lắm sáng ngời trông thật lạ
Đẹp huy-hoàng hơn cả ngọc kim cương
Hoa hương trinh đứng về trong nắng hạ
Cho đôi hồn chìm đắm nhạc yêu-thương

XUÂN HÒA - BÌNH VÀ XUÂN DÂN - TỘC

★ THIÊN - SƠN

Đ

ã qua hai cuộc hưu chiến mà chẳng lần nào được kéo dài để nói chuyện Hòa Bình như lòng ta mong mỏi.

Tết này sẽ có hưu chiến nữa mà rồi sẽ ra sao?

Nếu là cuộc biểu diễn trên khán đài lâu lâu hai phe đối thủ được nghỉ xả hơi để rồi sẽ đấu tiếp thì khán giả chẳng cần có ý kiến.

Nhưng đảng này khán giả đứng ngoài vòng mà cứ bị lôi vào chiến cuộc và phải làm nạn nhân thì kẻ nạn nhân không thể làm thính mà chịu chết.

Do đó mà họ phải nói lên tiếng nói của dân - tộc.

Dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa vẫn coi ngày Nguyên Đán là ngày trọng đại. Ngày đó kẻ tha hương cầu thực cũng về đoàn tụ với gia đình. Ngày đó còn là ngày liên hoan giữa xóm giềng, làng nước. Ngày đó cổ nhiên người ta muốn nghe tiếng pháo hơn tiếng súng, muốn nhìn xác pháo hơn xác chết và sau 22 năm chiến tranh người ta muốn thấy báo hiệu cho một nền hòa bình kéo dài hết năm này qua

năm khác để bù đắp lại những chuỗi ngày tang tóc đau thương.

Do đó mà chúng ta muốn Xuân năm nay là Xuân Hòa-bình.

Người ta thường nói ý dân là ý trời mà sự giả nhà trời là Đức Giáo Hoàng nay cũng đồng ý với ta.

Hơn nữa, ở nước Việt Nam này, ngoài Trời còn có Phật và chính Phật cũng đã có lúc xuống đường.

Hơn thế nữa, ở ngoài nước ta, ở cùng khắp mọi nơi trên thế giới không ngày nào là không có đấu tranh - đấu tranh đòi Hòa bình cho chúng ta.

Thế là chúng ta muốn, Trời muốn, Phật muốn, loài người muốn.

★

Ngày Tết, ngày nhứt không nên hài tội ra đây làm gì nhưng ta thấy rằng số người muốn chiến tranh đó nay cũng lần lần yếu thế.

phải củng cố nó để phòng thủ và cũng có thể dễ tấn công Trung Hoa lục địa.

Mặt khác, Mỹ lo củng cố Tây Đức ở mặt trận Âu-châu, lấy Minh-trước Bắc-Đại-Tây-Dương làm hậu-thuần. Nhưng với Nga-xô Mỹ cẩn-thận hơn, không dùng chiến-tranh nóng mà dùng chiến-tranh lạnh. Chiến-tranh lạnh không thành công nên phải chấp-nhận chung sống hòa-bình.

Nhưng hòa-bình quá cũ lại biến thành bỏ-bịch. Tây-Phương thấy Mỹ bỏ-bịch với Nga cũng hết muốn phòng thủ theo chiến-lược lúc đầu. Pháp dờ chừng đầu tiên rồi lần lần hết thấy đèn dờ chừng.

Chính Tây-Đức bây giờ cũng dờ chừng hết đòi bom nguyên-tử của Mỹ để phòng thủ và cũng hết coi Nga là kẻ thù bất-cộng đái-thiên.

Phòng-tuyến phía Tây lơ lơ lại càng cần phải củng cố phòng tuyến phía Đông, vì Nga không đáng sợ mà Tàu đáng sợ hơn.

Chẳng những thế Mỹ còn biết bỏ với Nga để khống-chế Trung-Cộng

Nhưng nay Trung-Cộng đã có

vì một chiến-lược tổng-quát mà Mỹ phải theo đuổi là ngăn chặn cho kỹ được ảnh hưởng của ộng sản Trung-Hoa ở những phần đất còn lại của Thế-giới tự-do tại vùng Đông-Nam-Á này.

Việt-Nam là một ải địa-đầu, một tiền đồn của Thế-giới tự-do.

bom nguyên tử, có hỏa tiễn hạch tâm thì lối phòng thủ hay tấn công bằng vũ khí cổ điển nay đã lỗi thời. Phòng tuyến phía đông cũng không cần phải có nữa.

Một là phải dùng tới lực lượng nguyên tử. Hai là phải chung sống Hòa bình.

Dùng tới lực lượng nguyên tử thì Mỹ vẫn ăn trộm nhưng Mỹ không còn giữ độc quyền nên không dám khinh xuất.

Mà chống sống hòa bình cũng không phải là chuyện dễ đối với một khối dân-tộc đưng chất chứa căm hờn vì những lỗi lầm của Mỹ.

Nhưng dầu sao thì Mỹ đã đòi hường. Đòi hường nên đòi giọng. Không nói lên những lời cay đắng khinh bạc nữa mà đã bắt đầu ôn hòa lễ độ, có vẻ thiết yếu hiền lành, thấy dễ thương đáo dề.

oOo

Ngày Tết, người Việt - Nam là những người hiền hòa khả - ái hơn hết thấy Ngày thương họ có thể gây gỗ với nhau, sạt - phạt lẫn nhau nhưng ngày Tết họ cố gắng quên hết thù hận để nói với nhau những lời hòa - ái để nối lại tình thân. Chính ngày Tết là ngày làm sống lại những

tình-cảm đẹp đẽ của con người : tình đồng-loại, nghĩa đồng bào, tiếng nói của quê - hương và máu mủ.

Xuân này có thể khởi điểm
cho một mùa Xuân Hòa Bình.

Xuân Hòa Bình mà cũng là
Xuân Dân Tộc. Mà cũng là Xuân
Nhân loại vì tất cả nhân loại đều

mong muốn cho Hòa - Bình sống
lại ở Việt-Nam

Hơn nữa, lại có Phật Trời hộ
trợ.



* NGHỆ THUẬT GIỮ CHỜNG

Một buổi chiều thứ bảy, hai cô bạn gặp nhau ở vỉa hè
Bô-na. Cô Ánh nói với cô Hồng :

— Này Hồng ơi ! Mày có quen ai, giới thiệu giúp tao
một người thư ký.

Cô Hồng hỏi lại :

— Thế thư ký hiện đang làm với mầy đó nghĩ việc
rồi sao ?

— Tao tự cho nghĩ đấy chứ. Tao muốn lựa một cô thư
ký nào thật xấu để ảnh khỏi đề ý mời được. Chứ cô nào
đẹp vào làm, không chóng thì chầy cũng sẽ rơi vào tay
ảnh cả.

* DANH NGÔN

— Người mà ta nói láo nhiều nhất là chính ta.

PROUST

— Ai muốn làm đẹp lòng hết mọi người sau cùng là
làm cho nhiều người nghĩ kỹ và oán ghét.

MICHAEL

tác giả, tác phẩm — tác giả, tác phẩm

VŨ •

• KHẢO

KHOAN •

★ DUY - THỨC

VŨ - KHẮC - KHOAN sinh
năm 1917, tại Hà Nội.
Hiện là Giáo sư tại
Viện Quốc-Gia Âm-Nhạc và Kịch
nghệ ở Sài Gòn. Vừa viết truyện
vừa viết kịch. Đã xuất bản
những kịch phẩm như : Thăng
Quoi, Giao Thừa, cả hai đều được
đăng trong tạp chí Phê-Thông
Hà Nội của cơ quan Hội Cựu
sinh viên Luật, xuất bản trước
năm 1954. Tập truyện ngắn luận
đề của ông là « Thần Tháp Rùa »
đã đoạt giải Văn-chương Toàn-

quốc năm 1958-1959. Qua năm
1962, ông cho xuất bản kịch
phẩm « Thành Cát Tư Hãn ». Vũ-
khắc - Khoan cộng tác với
hầu hết các tạp chí văn-nghệ
tại Sài Gòn. Thường xuyên ông
hoạt động văn-nghệ cùng với
nhóm « Quan-điểm », quy tụ
nhiều cây bút xuất sắc hiện nay
như Mặc-Đỗ, Lê-quang-Luật,
Nghiêm-xuân-Hồng, v.v.

Tập truyện ngắn « Thần Tháp
Rùa » gồm 4 mẫu truyện ngắn :
Thần tháp Rùa, Trương Chi,

Nhập Thiên Thai và Người đẹp trong tranh, chúng ta thấy ngay đặc điểm của Vũ-khắc-Khoan là thường lồng những hình tượng sống uốn nắn theo luận đề, dưới khung cảnh câu chuyện xưa tích cũ.

Mẫu truyện «Thần Tháp Rùa» nói lên tâm trạng bất an của lớp thanh niên trí thức. Truyện đề cập đến lối suy tư cùng thái độ mong muốn nhận lãnh trách nhiệm của lớp trí thức trước cuộc thế xoay vần. Nỗi băn khoăn, dằn vặt của lớp người thanh niên trí thức có nhiệt tâm với khuynh hướng quốc gia dân tộc, trước cuộc tranh chấp ý thức hệ của hai phe Tư-bản và vô-sản, đã được nhà văn Vũ-khắc-Khoan diễn đạt như sau : « Mã-khắc-Tư, cầm bu mà thiên hạ phản đối. Một đàn tư bản đề xuống. Một đảng vô sản vùng lên. Ấn tượng Hán Sở tranh hùng thuở xưa lại diễn. Chúng ta thật đã sa vào cái thế trên đe dưới búa. Tư bản đề xuống mà hùa theo là tư cách tiểu nhân. Vô sản vùng lên, nếu nhập vào, ắt mất tự do».

Trước cuộc diện đầu lòng như thế, người thanh niên theo quan niệm họ Vũ không phải

chỉ biết chán nản thất vọng và cầu an, mà trái lại phải biết nhận lãnh trách nhiệm của từng lớp trí thức tru tử và trách nhiệm đối với quốc gia dân tộc không phải là độc quyền của một ai, mà lại là thể chung của toàn dân. Muốn rõ, chúng ta hãy theo dõi đoạn đối thoại giữa chàng thanh niên trí thức họ Đỗ với thần nữ Kim Qui mà chàng đã gặp trong một đêm dạo chơi hồ Kiếm. Thần nữ đã có công với đất nước này trong việc xây thành Cổ-Loa thời xa x a :

« Trong binh pháp : thường nhắc đến bối thủy. Chàng nhận thấy chưa ? Không tiến cũng chết. Mà đứng yên lại càng chóng chết ..

Không biết một mình có làm nổi không ?

Sao lại một mình ? Thời đã đến, ắt là cái thế chung cho phần đông thiên hạ. Và lại kiếm thần sẽ giao phó tận tay, chàng ngần ngại ư ?

Thật ư ? kiếm thần...

Nhập kiếm-thần chính là nhận nhiệm vụ ..

Sang đến chuyện Nhập Thiên Thai, Vũ -khắc -Khoan muốn mượn điển tích Lưu Nguyễn để tả lại những khi Quốc Công cũng

canh đấu chống xâm lăng, dân là Cộng sản phản bội dân tộc. Phản bội anh em, phản bội thiên chức làm người lúc nào cũng cần phải có tinh cảm để sống. Lưu Nguyễn như trong truyện của Vũ-khắc-Khoan kể lại, sau khi chán cảnh thần tiên trở về quê hương, đã quá muộn màng vì đã qua 600 năm rồi. Nguyễn và Lưu đều ôm mặt khóc, khóc vì không thể sống với tiên nữ, họ không còn là người, tất nhiên tình người không có trong khi xử đối với nhau.

Đây là một chuyện ngắn thần thoại viết dưới hình thức kể chuyện, vì vậy, cái tôi kể lại trong truyện đại diện cho một số nhà trí thức muốn sống đúng với thiên chức làm người, biết khóc, biết cười, biết rung cảm mãnh liệt nên, đành từ giã bàn tay ngà của tiên niu lại để trở về với loài người, dẫu loài người có tầm thường, hèn hạ chẳng nữa.

Con người có ý thức hệ toàn diện là con người không thể tách rời xã hội mình đang sống. Cũng như Lưu Nguyễn vì muốn yêu, muốn được thoải mái cõi

mở nên đã từ giã cái thiên thai đang chán kia. Và đó chính là điều mà Vũ-khắc-Khoan muốn nói lên sự trái ngược của con người trí thức tiểu tư sản và con người xã hội chủ nghĩa.

Với con người Mác-Xít không được phép có tình thương yêu. Nghệ thuật diễn đạt tâm trạng mâu thuẫn của con người may mót là chủ ý của tác giả.

Vũ khắc Khoan cho hai nhân vật Lưu, Nguyễn lồng trong hình tượng sống uốn nắn theo luận đề là... con người quốc gia tuy có thối nát song còn có phương cứu chữa để tiến bộ, vì thế, «cái tôi» của ông còn ham sống rời khỏi nhà lao mưu đồ việc lớn cho dân tộc sau này. Hãy nghe ông viết ! Cũng may một lũ linh gác ở đây biết là tôi hay kẻ chuyện mua vui cho anh em. Anh cũng nhận thấy điều ấy. Chắc vì thế anh mới nghĩ ra cái kế hoạch này. Kẻ cũng may cho anh đấy, vì theo thường lệ ở mỗi trại giam, khi đi ngủ có bạo giờ được phép tùm năm tùm ba đầu...

Vũ khắc Khoan so sánh con

người không tình cảm Mác-xít như chủ nhân cõi thiên thai mà Lưu Thần, Nguyễn Triệu tới thăm như sau :

Thật cũng may mà anh bị bắt. Nếu không thì chính anh, một ngày kia, cũng phải bắt buộc bỏ cái thiên thai của anh... Sử sách còn ghi lại đó. Từ Thức đã bỏ thiên thai, và Lưu — Nguyễn tất nhiên, cũng thế...

Tóm lại, qua hai mẫu truyện ngắn điển hình « Thần Tháp Rùa » và « Nhập Thiên Thai », ta thấy các nhân vật của họ Vũ đều là những người thông minh, mang nặng sắc thái suy tư thắc mắc, dấn vật của lớp trí thức tiểu tư sản trong thời kỳ lịch sử của đất nước hiện nay. Văn viết rất điêu luyện, và thuần tình chất Á đông.

Qua đến bình diện thoại kịch điều đáng chú ý là Vũ-khắc-Khoan đã tiến bộ nhiều. Thật vậy, tác giả của những kịch ngắn « Thăng cuộc », « Giao thừa » trước đây đã không gây tiếng vang nào. Hồi đó, người ta chỉ biết một Vũ-khắc-Khoan đạo diễn của bình diện thoại kịch vùng Tề hay sông Hồng kịch xã

xa xưa. Mãi về sau, đến năm 1962, kịch phẩm « Thành Cát Tư Hãn » ra đời, dài 200 trang gồm 3 hồi, một màn giáo đầu và một màn vĩ thanh thì Vũ-khắc-Khoan đã chinh phục được bạn đọc. Kịch của ông lại trùng tên với vở kịch của nhà văn Vi-Huyền. Đặc xuất bản trước đó sáu hay bảy năm. Hai ông đã gặp nhau ở một cái tựa kịch nhưng đã khác hẳn nhau ở lối xây dựng nhân vật và kể luôn cả cách dựng kịch nữa.

Kịch xây ra tại trại quân Mông Cổ, ở ngoại thành kinh đô Tây Hạ, trong lều bán doanh Thành Cát Tư Hãn, sau khi quân Mông cổ đại thắng và chiếm được Tây Hạ.

Hồi thứ nhất là cuộc đối thoại giữa Thành Cát Tư Hãn với ông già sử giả người Tây Hạ đến dâng sách quý để xin Đại Hãn lui quân. Vua Tây Hạ đã chết Đại tướng Mông Cổ là Dương Bản về báo là Thái tử Tây Hạ bị ám sát bởi Cổ-giã-Trường, một thuộc tướng tâm phúc của Thái tử vì Thái tử có lòng muốn đầu hàng địch. Trước

khí chết Thái tử đã gọi em ruột của Cổ-giã-Trường là Sơn Ca đến nói vài điều. Sơn Ca được Đại Hãn gọi đến trại. Sơn Ca xin ba điều : tha chết cho người sử giả, cho nghỉ ngơi một đêm và ngủ với đàn bà. Thành Cát Tư Hãn muốn mua chuộc Sơn Ca nên cuối cùng phải nhượng bộ ba yêu sách kia.

Hồi thứ nhì, ông già sử giả gặp Sơn Ca trong lều Đại Hãn. Hai bên trao đổi ý kiến để làm sáng tỏ quan niệm của họ. Ông già thì nghĩ đến Quốc Gia, dân tộc, Sơn Ca luôn luôn chỉ biết đến mình. Ông già nói đến cuộc sống cá thể hòa nhịp vào đại khối, Sơn Ca nói đến lý tưởng cá nhân thoát ly ra khỏi cộng đồng. Ông già bị hành quyết. Đại Hãn xuất hiện đối thoại với Sơn Ca. Họ nói về đàn bà, rượu và gái. Giữa lúc ấy tướng Mông Cổ là Húc Bột Đào đào ngũ rồi lại tự ý quay về Thúc Bột Đào bị chém, Đại Hãn tiếp tục tra hỏi Sơn Ca chỗ ở của Cổ-giã-Trường rồi lại khoét hai mắt của Sơn Ca, đem hành quyết bao nhiêu mạng người để lấn áp tinh thần Sơn Ca. Công chúa Giang Minh của Tây Hạ cuối cùng xuất

hiện can thiệp xin tha mạng cho đám vô tội và hứa sẽ đưa Cổ về hàng. Hồi thứ ba, Đại Hãn bận uống thuốc trường sinh. Quân sĩ hoang mang vì cái chết của Thúc Bột Đào. Quân sư Lý Tử bị Cổ giết chết. Giang Minh đem nạp mạng mình đòi đổi lấy mạng Truật Xích, con của Đại Hãn, vừa bị quân của Cổ bắt. Truật Xích bị giết. Cuộc phản công của toàn dân Tây Hạ bắt đầu. Dương Bản tử trận. Thành Cát Tư Hãn làm li, khốc liệt ngồi trên ngai trở thành tượng đá.

Ngoài ra màn giáo đầu còn cho ta thấy Sơn Ca mù lòa, xuất hiện cùng với một số thực khách trong quán vắng bên đường, và màn vĩ thanh Sơn Ca lên đường về hướng mặt trời mọc.

Kịch phẩm xuất bản, gây nhiều luồng dư luận khen chê trong mọi giới. Tư tưởng và sắc thái độc đáo trong vở kịch của Vũ-khắc-Khoan là đầu đề cho các lời phê bình. Có người cho rằng Vũ-khắc-Khoan đã thấm nhuần tư tưởng của Nietzsche, và của Sartre, hay

của Camus. Thành Cát Tư Hãn của vũ-khắc.Khoan, mạn rợ độc tài, không tin ở sức mạnh siêu hình nào, tự lao đầu vào cuộc chinh chiến, khát máu, để tìm nguồn sống, khiến ta nghĩ đến con người « siêu nhân » của Nietzsche. Nhưng cuối cùng Thành Cát Tư Hãn mất tất cả, nào thuộc hạ, nào đứa con yêu và ngay cả Giang Minh công chúa của xứ Tây Hạ. Thành Cát Tư Hãn đã dở ra như pho phỗng đá trên ngôi vàng vô vị. Có người cho rằng lối tư tưởng trên đây của họ vũ trùng hợp với tư tưởng xưa kia của Nietzsche và trong khi sáng tác vở kịch, có thể trong thư phòng của họ Vũ không có lấy một cuốn sách của Nietzsche. Xét về nhân vật Sơn Ca, có người cho rằng Sơn Ca là con người hiện sinh của Sartre, của Camus. Sơn ca là hiện thân của nếp sống tự mình làm chủ lấy mình, thờ ơ với mọi biến cố xảy ra chung quanh mình và chỉ vì mình mà thôi. Sơn-ca tuy không phủ nhận mọi giá trị tôn giáo, chính trị, luân lý, nhưng vẫn coi thường những thứ đó. Tuy nhiên, nếu xét cho cùng, Sơn ca có đứng

vững cũng phải nhờ có Cổ già Trường tuy không xuất hiện trên sân khấu, nhưng đã là cái cơ để Thành Cát Tư Hãn không giết hại Sơn ca mà chỉ khoét mắt y thành con người tàn phế. Nội cái điểm nhờ vào, Cổ già Trường để được sống, đủ để chứng tỏ Sơn ca không phải là loại người tự làm chủ lấy kiếp sống của mình rồi. Ngoài ra nhân vật Sơn ca chẳng có gì hấp dẫn vì gã chỉ nghĩ đến mình quá nhiều. Nhân vật nòng cốt cho vở kịch và bắt mọi người phải suy gẫm nhiều chính là Cổ Già Trường vậy, tuy không xuất hiện nhưng họ Cổ có đủ đức tính phong độ để hấp dẫn người đọc. Tóm lại, kịch phẩm Thành Cát Tư Hãn đủ để chứng tỏ họ Vũ có thừa tài năng trên bình diện thoại-kịch, lối xây dựng nhân vật điển hình và độc đáo, cách dựng kịch rất hoạt động, vở kịch có nhiều kịch tính và đối thoại thì hào hứng, điêu luyện. Vũ khắc Khoan với tài năng hiện có sẽ còn nhiều hứa hẹn với chúng ta về cả hai bộ môn truyện và kịch.

Chúng ta đang kỳ vọng vào họ Vũ.

Đường vào thơ

Mếu tặng Bút Nhóm Hoa-Tâm-Tư — Biên-Hòa
(tác giả thi phẩm Đường-Sống)

*Đường vào thơ nghìn xuân ai đã biết,
Trời thanh quang lồng lộng nét khai tim.
Dáng kiều thơ bụng xỏa tóc mây huyền,
Đón mặc khách qua nhạc tiên dịu dặt.*

*Đường vào thơ trắng xanh vờn tuổi bae,
Muốn cánh nhung, cánh lụa nở trong sương,
Những kỳ hoa từ lòng đất dâng hương,
Quyện hồn khách tài danh, trang dững liệt.*

*Đường vào thơ gửi bao niềm tha thiết,
Khói mây buồn còn giăng kín non sông
Cảnh diêu linh làm tan nát cõi lòng,
Qua nét bút mộng vàng son vẫn đẹp!*

*Đường vào thơ xóa buồn thương số kiếp,
Quên hận sầu, ca nét đẹp thiên nhiên
Vũ trụ quan... trắng nước mưa làm duyên,
Tình đất nước thấm nhuần tình nhân loại.*

★ MẠCH-QUẾ-HƯƠNG
(Vĩnh-Bình)



ai lo

phận

này

★ V.S PRITCHETT

● PHONG-SƠN dịch

Bạn đọc sẽ thường thức ở đây, giọng văn bình thản, lạnh lùng của V. S. Pritchett, nhưng hàm chứa những khía cạnh, tâm lý sâu kín nhất của con người trong cuộc sống phức tạp của những người dân ở một thị trấn nhỏ miền thung lũng Tô Cách Lan.

Từ xa, người ta đã thấy một tấm biển sáng ánh đèn căng trên một căn gác để «ấy chữ «Hớt Tóc» rất hoa mỹ. Tôi bước lên căn gác đó và vào một căn phòng nhỏ nhìn ra một cái sân chơi ánh mặt trời, nóng

bức với những đồng tóc vùn trên sàn gỗ, những tấm khăn mắc trên sợi giây kẽm và những tờ báo vút bừa bãi trên mấy chiếc ghế đầu.

— Mời ông ngồi, tôi sắp xong rồi. Người thợ hớt tóc nói với tôi

XUÂN ĐỊNH - MUI

AI LO PHẬN NÀY

Có lẽ đó chỉ là một câu mời mọc an ủi vì thật ra gã còn phải làm việc rất lâu cho người khách đang ngồi trên ghế hớt tóc. Người khách đó hình như cần hớt gội kỹ lưỡng lắm.

Trong một góc thị trấn như thế này, dường như mọi người đều sống bằng sự chờ đợi một cái gì. Trong khi tôi chờ đợi giờ xe lửa đến, tôi vào phòng hớt tóc này và lại phải đợi đến lượt tôi. Khu phố nhỏ nằm trong một cái thung lũng chỉ có một con đường dài và một con sông đục ngầu lặng lẽ chảy giữa những hàng thùy dương trông rải rác quanh những ngôi nhà.

Tôi cầm lấy một tờ nhật báo. Những hàng «tit» lớn chạy trước mắt tôi.

— «Một bà lão bị ám sát».

— «Cô em gái của một mục sư bị bắt quả tang khi cô ta ăn cắp một đôi găng tay trong một cửa hiệu».

— «Một người nhìn nhận thi hài của vợ mình trôi giạt trên bờ bề cách hai ngày trước đây nay lại bắt gặp nàng đi chơi trên bờ sông».

— «Trong cánh đồng phía bắc cách thành phố 10 cây số, người

ta vừa tìm thấy một đồng xương của các chiến binh từ trận từ tám thế kỷ trước».

Tôi đặt tờ báo xuống và bắt đầu để ý đến hai người trong phòng.

Người thợ hớt tóc vẫn chăm chú làm công việc của gã. Những miếng tóc xoắn vào nhau, đen loáng, rớt trên sàn gỗ. Người khách mà tôi liếc nhìn được nét mặt hẩn trong tấm kính, khoảng 40 tuổi. Da ngăm đen, hẩn có đôi mắt thật sáng, hai hàng lông mi dài. Đôi mắt hẩn mỗi khi nhìn xuống trông tái xanh. Ngoài đôi mắt sáng ra, trông hẩn có vẻ đặc yếu. Da hẩn, sau khi người thợ hớt tóc cạo xong, trông vàng tái như người Ấn-độ. Mỗi một nhát kéo cạo lách tách hoặc mỗi nhát dao cạo rào rào, lại gọi lên trên mặt hẩn vài nét thích thú, thỏa mãn.

Người thợ hớt tóc vẫn chăm chú và rất khéo léo trong công việc. Gã cũng trạc 30, da mặt hung hung, mái tóc dài chải tẽm ra đằng sau gáy, trông gã trẻ trung và tịh, ranh lắm. Hai người không nói gì với nhau cả.

Người thợ hớt tóc làm việc này đến việc khác lặng lẽ: quét xà phòng vào cái bàn chải lông, mở dao cạo, đẩy cái ghế dựa về

phía chậu nước. Bây giờ, gã đổ nhẹ đầu người khách ngã về sau, mở vòi nước, xát xà phòng và cẩn thận gội đầu cho khách. Khi gã dùng nước « SHAMPO - ING » để gội đầu cho người khách, gương mặt gã sáng lên vẻ vui thích.

— Có còn lâu không ông ? Tôi hỏi. Tôi đi chuyển xe lửa sắp tới đây.

Gã liếc nhìn đồng hồ trên vách :

— Vài ba phút nữa thôi, thưa ông.

Chắc chắn là gã biết rõ giờ tàu chạy. Gã đẩy một cái máy nhỏ có ba chân đến gần người khách rồi đỡ đầu người khách vào trong một cái chụp giống như cái mũ nồi đen.

Thế rồi, « công cuộc » hớt tóc đó cũng trôi qua, nào là hớt tóc, cạo râu, cạo mặt, rửa mặt bằng khăn thấm nước hoa nồng, gội «shampoing», tắm hơi nước, vậy tại... Thật là một vụ hớt tóc hoàn bị và tôi nghĩ đến số tiền người khách phải trả.

Người khách đứng dậy, nhìn gáy hấn trong gương. Đầu hấn hớt cao, với bộ «com.lê» lót vai

rất rộng có vẻ như một sĩ quan. Cái khăn bằng lụa ló ra trên túi áo tương xứng với chiếc cà vạt màu xanh xam óng ánh. Hấn xốc lại cổ áo cẩn thận trong khi người thợ hớt tóc dùng bàn chải phát nhẹ trên lưng áo, hấn có vẻ hài lòng lắm.

— Chào anh Fred nhé! Hấn nói với nụ cười.

— Vâng, chào anh. Một ngày gần đây nhé. Gã hớt tóc mỉm cười hóm hỉnh trả lời.

Rồi gã chưa chút nhìn theo bóng người khách và cái đầu tượng trưng cho công trình của hai bàn tay gã, mất hút. Hấn chẳng trả một đồng nào cho gã cả.

Tôi ngồi vào ghế. Chiếc ghế còn nóng hổi. Gã hớt tóc quàng vào người tôi chiếc khăn lớn. Gã vẫn mỉm cười như có một kỷ niệm vui gợi lên trong trí gã. Tôi nhìn vào cái máy bơm hơi nước và bây giờ mới biết công dụng của nó là làm cho những lỗ chân lông giãn ra.

Gã hớt tóc liếc mắt về phía cửa rồi nói :

— Ở đời, có nhiều kẻ ham

muốn nhiều thứ, có kẻ chỉ muốn một ít thôi. Đối với tôi, có một cái máy như thế cũng đủ lắm rồi.

Gã quét vào cổ tôi một ít nước mát rồi bắt đầu cạo lược, kéo lên tay. Gã nhẹ nhàng tôi cúi xuống. Liếc nhìn lên tấm gương tôi thấy rõ mặt gã và toàn thân gã cúi xuống đầu tôi, chăm chú làm việc. Với đôi mắt xanh, đôi môi luôn có nụ cười nửa miệng, gã có cái vẻ bướng bỉnh, chưa chút.

Gã nói với một tiếng thở ra :

— 3 đồng « shilling » mỗi lần. Hấn đến đây hớt hàng tuần như vậy ông ạ !

Im lặng một lát, tôi nghe tiếng kéo lách tách. Rồi giọng gã nói :

— Đầu tóc của hấn bị rụng dần, vì lẽ đó hấn đến đây để săn sóc luôn như vậy. Hấn sợ bị hói đầu. Nhưng làm sao được. Có thể làm cho nó chậm hoi phần nào thôi chứ không thể làm cho hết được. Làm sao mà có thể trẻ mãi không già, phải không thưa ông ?

Gã lại mỉm cười hóm hỉnh.

Nhưng hấn có già lắm đâu.

Tôi nói.

Gã hớt tóc lại khom người xuống :

— Hấn là một kẻ đáng thương. Giọng gã nói nhỏ hẩn lại trong lúc gã vẫn chăm chú làm việc. Hấn sẽ phải chết một ngày gần đây. Hấn bị bệnh lao phổi.

Gã nhìn tôi trong tấm kính rồi tiếp. giọng có vẻ mỉa mai :

— Thật là tuyệt diệu!

— Ông nói cái gì tuyệt diệu? Có phải vì các bác sĩ có thể chữa dễ dàng bệnh lao phổi?

— Ồ, nói gì mấy ông bác sĩ. Tôi nói về những kẻ bị lao phổi. Hừ, thật là kỳ lạ, những người biết trước mình sắp chết, họ kỳ lạ lắm!

Tiếng lách tách của cái kéo trên tay gã vẫn đều đều. Trong đôi mắt xanh đục của gã bỗng bừng lên một tia sáng. Gã làm một cách chăm chú dường như gã để ý đến từng sợi tóc của tôi.

Ông có thấy rõ cái cổ của hấn không? Gã đột nhiên hỏi tôi.

— Không, có gì lạ lắm à?

— Vâng, ông không để ý đó. Hấn có một cái sẹo dài phía

trái cần cõ

Gã liếc nhìn mặt tôi trong tấm kính rồi tiếp:

— Hẳn tự cắt cõ nó đấy. Chứng lao phổi chưa đủ làm cho hấn chết...

Vẫn nụ cười khì hiều nở trên môi gã hớt tóc. Tôi nhớ lại những lời chào hỏi của hai người hồi nãy: «Chào anh FRED nhé!», «Vâng, chào anh, một ngày gần đây! ALBERT!»

Gã hớt tóc lại tiếp:

— Hấn đã có ý định tự tử từ lâu.

— Có chắc thế không? Tôi nói.

— Ô, ông nói cái gì? Đúng là nó tự tử. Nó đã yêu một người con gái...

Tiếng nhát kéo vẫn lách tách đều đều trong chân tóc tôi. Gã chép miệng nói tiếp:

— Vẫn là chuyện muôn thuở của loài người. Hấn đã yêu một người con gái trẻ đẹp nơi hấn cư trú. Người con gái đó cũng thương yêu hấn, săn sóc cho hấn khi hấn đau ốm nằm liệt trong phòng. Tình thương và sự ân cần thăm viếng, thể thối, không có gì khác... Đó là một thiếu nữ thật xinh đẹp.

Tôi hỏi:

— Chắc hấn ta si mê lắm.

— Vâng, những người bị lao phổi thường bị khao khát tình yêu như thế.

Gã bỏ cái kéo xuống và cầm lấy cái tông - đơ mới nhất. Gã lại liếc mắt nhìn tôi rồi nói:

— Nhưng ông biết không? Người thiếu nữ trẻ đẹp đó là... vợ tôi. Vâng, ví hòn thề của tôi...

Giọng gã hơi run run dường như có cái gì chưa chát gày xúc động cho gã:

— Hấn tên là Albert, tôi quen hấn từ hồi còn đi học, hai đứa học một trường và thành đôi bạn thân. Hấn hơi gàn gàn một tí. Khi bắt đầu có việc làm khá giả thì hấn lại mắc bệnh. Tôi săn sóc phục dịch cho hấn, hấn chẳng lấy thế làm phiền...

— Thế hấn say mê tán tỉnh người yêu của ông, ông tỏ ra thế nào? Tôi hỏi.

— Tôi vẫn dễ yên như không có việc gì xảy ra cả. Gã lại mỉm cười. Người yêu của tôi làm việc trong cửa hàng đằng trước mặt đây. Đi qua vỉa hè khu phố đó, ai cũng không thể không nhìn nàng thu ngân viên trẻ đẹp ấy. Tôi không muốn khoe khoang

cho sắc đẹp của nàng nhưng ở thị trấn này, còn ai đẹp hơn nàng nữa... À, ông đã thấy dòng sông ở đây không? Chắc ông đã phải qua con sông đó? Hấn đã đưa người vợ chưa cưới của tôi đi chơi thuyền trong lúc tôi đang làm việc... Nhưng, đối với tôi, không có gì quan trọng cả. Người yêu tôi cũng vậy và cho đó là một điều hay.

Gã lại mỉm cười rồi tiếp:

— Tôi hiểu rõ hấn lắm; cũng như tôi hiểu rõ người yêu của tôi. Tôi đã nói với nàng rằng: «Em cứ chiều ý anh ấy đi! Đi chơi thuyền với anh ấy một chút!»

Tôi liếc nhìn thấy cái trán có vài nếp nhăn và đôi mắt xanh đục của gã hớt tóc trong tấm gương. Gã cũng đang nhìn tôi.

Gã nói tiếp:

— Dòng sông đó nhiều sà mù và hơi bùn ảm thấp. Tôi muốn nói là về chiều sà mù bao phủ kín cả dòng sông bởi vì thị trấn này nằm giữa thung lũng. Hơi ảm thấp thật là hại cho sức khỏe ông ạ! Vì thế, sau một cuộc đi chơi thuyền như vậy, hấn sẽ thấy bệnh phát ra ngay, một chứng sưng phổi trầm trọng ông ạ! Gã hớt tóc lại nhếch mép

cười tinh quái). Ngoài ra, hấn hút 60 điếu thuốc một ngày. Người ta có thể ví bệnh tình của hấn như là một cây đèn cây đốt cháy cả hai đầu...

Gã khẽ chép miệng ra điều thương hại:

— Hấn không tránh khỏi đâu. Khi hấn nằm liệt giường, người thiếu nữ đó cũng đến săn sóc cho hấn và đọc báo cho hấn nghe mỗi buổi chiều. Tôi cũng vậy, sau mỗi ngày làm việc tôi cũng đến thăm hấn.

Khẽ liếc mắt về phía cánh cửa đằng trước, dường như gã đợi chờ người khách đó trở lại. Rồi gã đứng trước mặt tôi, cầm hai bàn chải trong hai tay, gã lại nói tiếp. Giọng thật chua chát và cảm tức:

— Ông có biết không? Hấn dám cả gan nói với nàng trước mặt tôi như thế này: «Jenny! Em hãy đưa Fred về nhà anh ta đi, rồi em đến đây ngay để ngủ với anh anh buồn khổ lắm!»

Tôi hỏi:

— Thế ông nói với hấn ta như thế nào?

— Ô, tôi phải lặng thinh bởi vì nếu không, chúng tôi đã phải

lo đám tang cho hắn rồi! Những kẻ bị bệnh lao phổi đều khao khát tình yêu, nóng nảy hơn kẻ khác. Nhưng, như vậy là hắn tự giết hắn.

— Tôi nghĩ rằng.. ông đã có ý định giết hắn từ lâu.

— Tôi giết hắn à! Tôi mà giết hắn à? Gã ngất lờ có vẻ ngạc nhiên rồi mỉm cười như thương hại, gã tiếp:

— Trái lại hắn đã tìm cách ám hại tôi đấy ông ạ! Gã vừa nói vừa chùi hai tay. Hắn đã đầu độc tôi khi mời tôi uống whisky, nhưng hắn đã thất bại.

Gã nhắc một tấm kính lên để sau gáy cho tôi soi rồi hỏi:

— Được không thưa ông!

Tôi chưa kịp trả lời, gã đã tiếp tục câu chuyện:

— Nghĩa là tôi không uống ly rượu hắn mời. Hôm đó, tôi đến thăm hắn như thường lệ vì dù sao hắn cũng là người bạn độc nhất của tôi. Hắn nằm trên giường, gầy đét như một bộ xương. Những đường gân xanh nổi lên, đôi gò má hóp ửng đỏ như bừng cháy, đôi mắt như hai tia lửa. Không phải như sắc diện của hắn hồi nãy đâu. Gần giường

hắn nằm có một chai whisky và một cái cốc. Hắn cố mời tôi uống mặc dầu biết tôi không quen uống rượu đó. Tôi nói với hắn:

— Không, không. tôi không uống được đâu.

— Ừ, biết rồi. Nhưng hôm nay uống một cốc cho vui. Tôi biết vì sao anh từ chối. Anh sợ.

— Sợ, sợ cái gì?

— Sợ nhiễm bệnh với tôi. Ừ! Nếu anh sợ thì anh cầm cái chai mà uống vậy.

Tôi phải bảo hắn im lặng mà nghĩ ngợi và tôi cầm lấy chai rượu. Tôi nói với hắn:

— Có người muốn được một chai rượu như thế này. Đối với bệnh tình của anh, rượu là một thứ thuốc độc. Anh nghe chưa?

— Thuốc độc à? Hắn sững sờ hỏi tôi như vậy.

Sau đó, tôi đem chai rượu cho một người ngoài phố. Người này bị trúng độc và chết. Tôi khám phá ra là rượu đó có pha thuốc độc.

Gã hót tóc kể đến đây bỗng ngừng lại. Gã hỏi tôi:

— Ông có cần đốt chân tôi không?

Tôi gạt đầu. Gã cầm lấy cái lược và đốt lên một ngọn đèn duôi chuột. Tôi nghe hơi nóng của ngọn đèn chạy quanh cổ tôi. Gã nói:

— Làm thế này chân tóc sẽ xoắn lại ông ạ!

Rồi gã tiếp tục câu chuyện:

— Ông hiểu hết câu chuyện rồi chứ?

— Hiểu rồi. Sau đó, ông đối xử với hắn thế nào?

— Không đối xử gì cả. Có điều là tôi cười vợ tôi trong tuần lễ đó. Jenny báo tin đó cho hắn biết thì hắn chỉ nói một câu: « Tôi sẽ tặng cho em món quà mà Fred không bao giờ có thể tặng em ». Chúng tôi hỏi món quà gì thì hắn nheo mắt nói tiếp: « Một món quà độc đáo lắm! »

Thế rồi, chiều hôm đó, hắn cắt cổ tự tử. Gã hót tóc làm bộ dơ cây dao cạo lên cổ gã cắt một cái rồi bật lên cười. Gã lại kể tiếp:

— Hắn mở cửa sổ, gọi một đứa bé ngoài đường nhờ đi gọi nàng Jenny. Nhưng đứa bé lại đến gọi tôi. Thật là một món quà độc đáo cho chúng tôi thật.

Gã hót tóc lấy miếng vải lót nơi cổ tôi, dùng bàn chải lông mềm chải cho tôi thật nhẹ nhàng, sửa lại đường ngoi mái tóc cho tôi rồi bằng một cử chỉ thật êm dịu, gã gỡ khăn choàng trên người tôi ra. Tôi đứng dậy.

Giọng kể chuyện của gã lại tiếp tục:

— Thế rồi, hắn được tôi cứu sống. Bây giờ, mỗi chủ nhật hắn đến chơi với chúng tôi, đùa với mấy đứa con tôi và.. mỗi thứ sáu lại đến đây cho tôi làm một « kỷ công » hót gọi. Người ta thấy hắn mỗi tuần đều có đi xem chiếu bóng với một người đàn bà, không phải luôn luôn là một bà đâu.. Ông ạ, ở đây là một thị trấn chết. Mùa hè thì không đến nổi tẻ lắm nhưng mùa đông tới, ô!.. thôi, ai lo phận này. Albert cũng thế. Bây giờ, hắn không dám cầm lấy cái dao cạo nữa đâu. Mỗi buổi sáng, tôi lại đến cạo cho hắn.

Gã hót tóc lại nhún vai, cười mỉa mai:

— Nhưng mà, tôi có lỗi của hắn đồng nào đâu.

Và sau khi dùng bàn chải quét trên cổ tôi lần cuối cùng, gã đưa nón cho tôi.

tôi ước mơ...

★ XUÂN - TƯỚC

Tôi ước mơ một mùa xuân thanh bình
Với muôn hoa nở nét đằm thắm,
Một mùa xuân giữa lòng non nước
Chim bướm hòa duyên giữa lá cành?

Tôi ước mơ một mùa xuân vui hòa
Với nghìn hương sắc, rợp muôn hoa,
Những nàng con gái cười e-ấp
Đôi chút duyên gần với mộng xa.

Tôi ước mơ một mùa xuân yên lành
Cho đào thêm thắm, liễu thêm xanh,
Mai vàng muôn cánh bay theo gió,
Vang khúc tình ca hợp gảy anh.

Tôi ước mơ một mùa xuân huy hoàng,
Muôn lòng thân ái đón Xuân sang,
Rượu mừng rót mãi ly chung thủy,
Vui đón Giao-thừa pháo nổ rang...



Chao ôi! ai đáp lại lòng tôi
Khi trẻ thơ ngây héo nụ cười,
Khi tiếng súng vang thay tiếng pháo,
Máu hồng thay vạn cánh hoa rơi?...

WALT DISNEY



không còn nữa!

★ Diệu-Huyền

NĂM 1937, khi các màn ảnh trên toàn thế giới chớp lần đầu tiên tung **« Nàng Bạch-Tuyết và Bảy Người Lùn »** (*Blanche-Neige et les sept Nains*), thì tất cả những trẻ nít từ 5 tuổi đến 80 tuổi đều cảm thấy vui khoái, thỏa thích, vừa được xem trong phòng tối một truyện bằng « Tranh vẽ linh động » vô cùng hấp dẫn, say mê, do nét bút tài tình vô song của một đứa trẻ 36 tuổi tên là **Walt Disney**.

Vì rằng, bậc tài hoa vĩ đại ấy, bậc thiên tài hi hữu, bạn thân của các trẻ nít và các con thú vật bé nhỏ ngây thơ, đã sáng tác ra truyện phim kia để cho trẻ nít xem giải trí, và tất cả những người lớn, những ông già, bà cả, các bậc cha mẹ của trẻ nít, khi xem những trò vui của con thỏ, con rùa, con sóc v.v... đều tự cảm thấy mình cũng là trẻ nít, và cũng cười sặc sụa, vỗ tay cười, ôm bụng cười như những đứa trẻ nít vậy.

Và khi nàng Bạch Tuyết bị thuốc độc, nằm chết trên giường, lúc Hoàng tử đẹp trai chưa xuất hiện, tất cả khán-giả đều rung rung nước mắt, hoặc khóc thút thút, từ đứa trẻ nít 5 tuổi đến những ông già, bà già 80 tuổi !

Tôi được xem phim này tại rạp *Philharmonique*, trên Bờ Hà Hoàn Kiếm, Hà nội. Phim chiếu suốt một tháng trời, và tất cả Hà nội đều có đi xem, mỗi người ít nhất cũng đi hai lần. Có những gia đình giàu đi xem đến bốn lần mà vẫn không chán. Bài hát của nàng Bạch Tuyết hát cho mấy con chim bồ câu nghe nơi giếng, tất cả thành phố đều hát theo. Có những nàng Bạch-Tuyết Hà-Nội, bé nhỏ, 9, 10 tuổi, có những Bạch-Tuyết cùng lứa với nàng, 18, 19 tuổi, bắt chước đúng hệt giọng trong trẻo ngây thơ của Công chúa, hát khắp thành phố Thăng-Long, trong nhà, ngoài đường, ở Bờ Hồ, ở trường Nữ Trung học đường Đồng Khánh, ở Hồ-tây, ở Chùa-Láng, ở Đền Voi-Phục, ở Bạch-Mai, ở Khám Thiên, ở Ô-Cầu-Giấy... ở trường Cao Đẳng Đông-Dương..

Suốt một tháng trời, dân chúng Hà-Nội, người Việt cũng như người Pháp, người Tàu, đều sống trong không khí Thần tiên thơ mộng của Công chúa Bạch-Tuyết. Không khi ấy còn thăm mõi mãi không để gì xóa nhòa trong ký ức của tất cả những người đã xem phim.

Và sau đó ít lâu, một tiệm « kem Bạch-Tuyết » ra đời ở Bờ Hà... rồi một « tiệm may Bạch-Tuyết »

WALT DISNEY

chuyên về y phục phụ nữ tân thời.

Rồi có những tiệm sách in hình Bạch-Tuyết và 7 người lùn trên những tấm giấy thậm đề biểu không cho học trò đến mua sách vở, lôi kéo được rất đông đám khách hàng bé bỏng đang còn say mê Bạch-Tuyết.

Nhiều đứa con gái Việt-Nam sinh trong năm ấy (1937) được cha mẹ đặt tên là Bạch-Tuyết. Trước kia, vì kiêng cử màu trắng là màu tang nên ít người đặt tên Bạch-Tuyết cho con. Họ thường đặt những tên *Tuyết-Hồng, Ánh-Tuyết, Yến-Tuyết, Lệ-Tuyết, Mộng-Tuyết, Tuyết-Hoa, Tuyết-Nguyệt, v.v...* Nhưng từ khi xuất hiện « *Blanche-Neige* », tên Bạch-Tuyết trở nên rất thông dụng ở Việt-Nam.

Năm nay, những nàng Bạch-Tuyết duyên dáng kia đã được đúng 30 tuổi, và chắc đã có chồng có con rồi. Không biết các bạn có ngậm ngùi chẳng khi biết *Walt Disney*, người cha đẻ tài hoa của Công chúa *Blanche-Neige* vừa mới từ trần hôm cuối tháng 12 năm 1966 giữa sự luyến tiếc cảm động của toàn thể thế giới ?

Mười năm sau *Blanche-Neige*, phim *Bambi* của Walt Disney ra đời (1947) lại cũng được trẻ nít và người lớn ở khắp các nước trên địa cầu nhiệt liệt tán thưởng. Sự hoan nghênh của khán giả đón phim *Bambi* cũng nồng nhiệt không kém *Blanche-Neige*. Truyện một con nai con tên là Bambi từ lúc mới ra chào đời đến khi già, yếu, không có gì lạ, nhưng cảm động làm sao ! Quyến rũ tài tình làm sao ! Những nét vẽ tuyệt tác, linh động thành những cử chỉ, điệu bộ, diễn tả đúng sát với thực tế và tâm lý, vừa rất nên thơ mộng, khiến cho một con nai tơ đã trở nên một nhân vật vô cùng khả ái, và toàn thể khán giả hồi hộp theo dõi đời sống của nó, vui buồn với nó, lo sợ cho nó, rồi sau cùng thương... khóc cho nó !

Tôi xin thú thật rằng tôi không thể ngăn hai ngón lệ từ từ rơi xuống má khi thấy Bambi đứng buồn bã, cô độc, trên đỉnh núi cao, một buổi chiều tà, sau khi đã mất cái gì thân yêu nhất của nó...

Kế tiếp, các phim hoạt họa thần tiên cùng một loại, *Alice au pays des Merveilles* (1951), *La Belle au Bois dormant* (1959) và các phim về Động vật và thực vật học, về sự kết cấu của Quả Địa

cầu (1960-62), v.v... chứng tỏ Walt Disney là một thiên tài nghệ sĩ độc đáo của thế kỷ XX.

Nhiều nhà sản xuất ci-nê, Âu Mỹ và Nhật bản, đã bắt chước Walt Disney trong nhiều phim hoạt họa rất đẹp, nhưng thiếu hẳn bản chất thơ mộng và triết lý sâu sắc của Walt Disney. Xem xong, những phim ấy không còn để lại một vết tích thâm đậm nào trong tâm hồn khán giả.

Bao nhiêu tiền lời thâu được do các phim lừng danh, Walt Disney xữ dụng hết (trên 7 tỷ mỹ kim) để thành lập một giải trí trường vĩ đại, độc nhất trên thế giới, và cũng là « number one » của nước Mỹ. Đây là một vùng hoang vu ở California tên là *Anaheim*. Walt Disney sửa sang, bài trí, xây cất, thành một xứ thần tiên thơ mộng, rộng lớn, mệnh mông, tên là *Disneyland* (Disney quốc). Người ta có thể gọi đó là... « Thơ mộng vương quốc », hay là *Trần gian tiên cảnh*... mà mỗi năm có trên 7 triệu người vào thăm. 7 triệu « trẻ nít từ 6 đến 60 tuổi »...

oOo

Walt Disney sinh tại Chicago

năm 1901, tên họ thật là Walter Elias Disney. Con út của một gia đình nghèo có năm người con, lúc bé Walt Disney làm các nghề lao động của thiếu niên: bán báo rong, bán nước ngọt, bán kem... cũng như các em bé nghèo Việt-Nam làm các nghề ít tiền đó ở Saigon hiện nay.

Nhưng thấy ông có tài đặc biệt vẽ những tranh hoạt kê, thân sinh của ông cho ông vào học trường Mỹ thuật Chicago. Năm năm sau ông ở trường ra đã trở nên một họa sĩ tài ba. Có người đưa ông đến Hollywood cộng tác với một yai nhà sản xuất phim khôi hài. Nhờ đó, ông dễ dàng được ít vốn, thuê một cô thư ký bé nhỏ lương mỗi tháng không đầy 15 đô-la, và mở riêng một văn phòng họa sĩ ci-nê. Cô thư ký tuy tiền lương chết đói không đủ xài, nhưng miễn phục tài ông và làm việc rất chăm chỉ. Một buổi chiều, cô thư ký không còn một xu dính túi, ngồi luôn ở bàn giấy làm việc không muốn ra về. Ông đến gần hỏi:

— Sao em còn ngồi đây?

Cô thư ký trả lời:

— Ông để em ngồi yên, đừng hỏi.

— Anh không để em ngồi

yên...!

Walt Disney cúi xuống hôn cô say mê. Thế là hai người yêu nhau. Một tuần sau, họ làm lễ cưới. Có vợ rồi và nhờ sự cộng tác quý báu của nàng, Walt Disney bắt đầu sáng tác riêng những cuốn phim hoạt họa về thú vật... con chuột *Mickey*, con vịt *Donald*, con voi *Bambo*... v.v....



TẬP SỰ

Một bác thợ rèn nhận một cậu nhỏ học nghề.

— *Này nhỏ, mày hãy nghe tao nói nhé, tao muốn chỉ trong vòng một giờ đồng hồ là mày phải biết cách xử dụng chiếc búa. Bây giờ mày hãy nghe tao chỉ bảo.*

— *Thưa ông chủ tôi sẽ thử a.*

— *Không có thử gì hết, hãy làm ngay.*

— *Dạ.*

— *Nhìn đây, tao cầm cái kẹp; tao lấy miếng sắt nung đỏ ở trong lò ra; tao đặt nó trên cái đe. Mày sẽ cầm cái búa và khi tao ra hiệu bằng cách gật đầu; mày sẽ nện thật mạnh lên trên...*

(*Kết quả bác thợ rèn phải nằm nhà thương hết hai năm trời, vì cậu học trò đập chiếc búa vào đầu ông ta.*)



KHÔNG biết *Bức thư Paris* này có dịp đến tay bạn trong

ngày Tết chẳng, nhưng nếu trẻ, bạn cũng sẽ nhận được lời hỏi han ân cần, thân mến, từ trời Tây đem lại.

Cũng như bao nhiêu kiều bào, tôi đã nhận được tin tại quốc nội có cuộc tạm ngừng chiến trong dịp lễ Noel, lễ Đầu Năm (1er Janvier) và ngày Tết của ta.

Chúng tôi một phần nào được chút yên tâm, vì chẳng nói, ai cũng biết là chúng tôi hầu hết đều có bà con, họ hàng đang sống trong đau khổ và con em tại chiến địa. Nhưng nếu không ở trong tình cảnh ấy, thì khi nghĩ đến toàn thể đồng bào trong cơn khói lửa, lòng mình cũng se lại.

Vẫn biết tạm ngừng bắn trong vài ba ngày không phải là đình chiến (armistice) và cũng không phải là Hòa Bình, nhưng đâu sao đi nữa, trong 48 hay 96 giờ súng không nổ, bom không dội, lửa không đốt, hơi độc không tỏa, nhà cửa không cháy, xóm làng bình yên. (Chúng tôi mong như thế) Hơn nữa, những con nít không bị cháy như ngọn đuốc tầm dầu, những người mẹ được

ngồi trước bức cửa đề cho con bú, những ông già, bà cả khỏi phải lao mình xuống đường mương hay trong bụi rậm để tránh lửa đạn, mưa bom.

Tuy vẫn biết khi nước nhà gặp thời chiến tranh, thì phận sự của nam nhi là phải dẫn mình vào nơi khói lửa, xả thân vào giữa gian nguy, đề bảo vệ xóm làng và gìn giữ non sông tổ quốc:

« Vẫn biết rằng anh hùng thì chẳng quản, trăm trận một trường oanh - liệt, cái sinh không, cái tử cũng là không ».

(Tiền quân Nguyễn - Văn - Thành).

Nhưng nếu người chiến - sĩ ấy được một hai ngày nhàn rỗi, thì cũng có dịp tắm rửa, xem lại quần áo, ăn bữa cơm nóng và sẽ dành chút thì giờ viết thư về thăm cha mẹ. Rồi trong đêm khuya tịch - mịch, trước mái nhà tranh, bên cạnh chén nước trà tươi nóng hổi, người chiến - sĩ dễ tầm mắt nhìn đồng ruộng bao - la, trời mây cao vợi, và lắng nghe ở xuống quanh và trong tâm hồn bao nhiêu ý đẹp của thời niên thiếu đang xao xuyến như muôn vạn ngôi sao nhấp nháy trên nền trời nhưng.

Còn nếu người ấy đã có gia đình, thì đêm Giao-thừa và ba ngày Tết,

NGÀY XUÂN HOA NỞ DUYÊN LÀNH
ĐIỀM TRĂNG, TÂM SỰ MÂY CẢNH NHỚ THUONG

HOA XUÂN MẮT ĐẸP

★ NGUYỄN-VĂN-CỒN
(Paris)

trên bàn thờ ông bà, sẽ cắm vài cành hoa, đặt một nải chuối, vài trái cam, đôi chiếc bánh, thắp đèn nhang rồi với cả tấm lòng thành kính, tin tưởng, nghiêng mình khấn vái.

Trong bầu không - khí đầy ôn hòa và tình thương nhớ, người chiến - sĩ ấy khi đã gác súng một bên, thì chỉ còn là một người chồng yêu quý, một người cha hiền hậu, vui vầy với gia - đình đoàn tụ. Trong lúc ấy, giữa cảnh êm đềm, trong trẻo, mùi khói hương trên



bàn thờ - tổ - tiên là biểu - hiệu của sự trường - cửu của gia - đình và xứ sở.

Tôi nghiệm thấy và chắc rằng người Âu-phương không bao giờ hiểu thấu được ý - nghĩa thiêng - liêng của Ngày Tết của chúng ta. Họ không hiểu được rằng trong những ngày ấy, hồn của ta hòa hợp với hoài bão, tưởng niệm đến Ông Bà, đón lãnh luồng thiêng liêng của Trời Đất, và từ tốn noi theo con đường Đạo Lý Ôn hòa.

Vì thế, khi khấn vái trước bàn thờ Tổ Tiên, hồn người Việt Nam đã vượt lên bậc Thiện, bậc Nhân, và nếu phải cầm cây súng để bảo vệ Sơn Hà, thì đó chỉ là nghĩa vụ, và lòng người ấy vẫn kính nể phẩm giá của con người và không bao giờ khát máu kẻ khác.

Trong ba ngày Tết và trong những ngày tam ngừng chiến, ánh sáng tươi đẹp của mùa Xuân sẽ soi tỏ đồng ruộng yên lặng, và lòng người hòa thuận.

Ngày tháng là của Trời Đất, sông núi là của Quê Hương, cuộc đời sống là quyền sở hữu của mỗi dân tộc, và mỗi dân tộc có

quyền an hưởng những ngày xuân, tốt đẹp như bất cứ một dân tộc nào. Viết đến đây, tôi xin nhắc lại bài thơ Đường của Lý Thường Ẩn về đời Đường :

TÀO KHÔI

« Phong lộ đậm thanh thần,

Liêm khai độc khởi nhân.

Oanh hoa để hựu tiến.

Tất cánh thị thủy xuân.

mà Trần trọng Kim đã dịch như sau đây :

DÂY SƠM

« Sáng ngày gió mát sương thanh
Ấy ai dậy sớm mở màn trông chơi.

Thú vui chim hót hoa cười,
Phải đâu xuân của riêng ai thế này. »

Ồ hay ! thơ với thần mãi làm mình quên lửng, không kể qua với bạn về ngày lễ Noel và lễ Đầu Năm ở bên này.

Những bạn nào đã ở Paris, và nếu lúc này qua đây, sẽ không nhận được quang cảnh của một vài con đường, nhất là về ban đêm.

Bạn cứ tưởng tượng những con đường lớn như Boulevard

Hausmann, qua các cửa hàng Galeries Lafayette, Le Printemps, như rue Tronchet chạy đến Nhà Thờ Madeleine, Avenue de l'Opéra, Rue de la Paix, Đại lộ Champs Elysées, từ công trường Concorde đến Đài Khải Hoàn (Arc de Triomphe), Rue du Faubourg Saint Honoré... Trên những cành cây hai bên lề đường, người ta treo chi chít muôn nghìn bóng đèn điện đủ màu xanh, vàng, trắng, đỏ; từ bên lề đường này qua bên lề đường kia những tràng giầy đèn bắc qua bắc lại, từ chỗ này đến chỗ kia, cách độ vài chục thước, thì sừng sững những cây Sapin, lớn lá xanh um tuyết óng ánh và mang trên cành những chùm bóng đèn ngũ sắc. Thế rồi, khi đêm xuống (mà mùa này đêm xuống rất mau, mới 5 giờ chiều thì đã tối thui) tất, cả hàng trăm vạn bóng đèn bật sáng lên, tỏa ánh sáng lên nền trời, làm nổi bừng các ngôi nhà, dọi đỏ ửng những tấm kính của các cửa hàng và treo trên cây cối muôn vàng bóng sáng. Quang cảnh vừa rực rỡ, sáng lạng, vừa tung bừng, huyền ảo. Thêm vào đấy, những làn sóng người, tràn

qua, tràn lại, với « ngựa xe như nước, áo quần như nêm », khách bộ hành khố mà chen chân trên lề đường

Tuy có đôi khi tôi phải đi qua những con đường ấy giữa tơ lụa, vàng bạc, hương thơm, hoa thắm, đèn đăng, màu sắc, gà ngỗng tồng tọng, rượu bày la liệt, giữa những đám người chen chúc, xô đẩy nhau, tay bồng, tay mang, vội vàng, hấp tấp đi « sắm Tết », tôi thấy lòng tôi vẫn đứng dừng. Những sóng ồ ào, những luồng cảm dỗ không mảy may nào động tâm hồn tôi, vì tôi chỉ là một người Việt - Nam sống giữa xã hội Âu phương. Và đã là một người Việt Nam, thì khi nào trong trí óc cũng lảng vảng hình ảnh của Quê Hương trong cơn khói lửa, với một số lớn đồng bào đang sống trong thiếu - thốn, sợ hãi. Hơn nữa, khi thấy con nít bên này, trong dịp lễ Noel, đưa thì ôm con gấu, con poupée, đưa thì chiếc xe hơi, tôi chợt nghĩ lại số phận của con nít Việt Nam, nhất là các em nhỏ ở miệt đồng ruộng mà hình ảnh của vài chục em thân mình bị đốt cháy đã được đem qua Thụy-sĩ

để điều dưỡng, nhờ sự từ tâm của một hội Phước Thiện Quốc Tế !

Đêm Noel, đêm Chúa Gia-tô ra đời hẳn là một đêm thành kính hân hoan. Nhưng cũng lại là một đêm cho người trần, cốt tục nô đùa, xa xỉ, say sưa, truy hoan, một đêm — nói như Đàm quang Thiện :

«Trăm nghìn có cũng đồ đi,
Mà mua lấy mặng mỗi khi em
cười » hay nói như Xuân Diệu :
«Khách ngồi lại cùng em, đây gối là
Tay em đây mời khách ngả
đầu say,
Đây rượu nồng và hồn của em
đây,
Em cung kính đặt dưới chân
hoàng tử.»

Nhưng đêm Noel năm nay, theo lệnh của Đức Giáo Hoàng Paul VI, thì tại các nhà thờ ở Âu châu, các vị giám mục khi làm lễ đều cùng tín đồ cầu nguyện cho cuộc Hòa bình tại Việt Nam trong « Pax Christi » và theo lời phán : «Paix sur la terre aux hommes de bonne volonté» (Hòa Bình dưới thế - gian với những người thiện chí).

Lời cầu nguyện ấy và lời ca : « Il est né le Divin Enfant » (Thiên Nhi đã ra đời) chắc hẳn sẽ có ảnh hưởng trong lòng người trên thế giới, nhứt là trong lòng người theo Đạo Gia-tô.

XUÂN ĐÌNH-MÙI

Tôi lại mong rằng với bao nhiêu thiện chí của tất cả mọi người (theo đạo Gia - tô hay các đạo khác) sẽ đủ ảnh hưởng để chấm dứt cuộc chiến tranh ở Việt - Nam. Và Bình-Minh tại Việt - Nam sẽ là Bông Hoa Hòa Bình Vĩ đại. Lúc ấy tất cả chiến-sĩ Việt - Nam sẽ trở về thành thị, xóm làng, «treo gươm, gác súng» để vui hưởng cuộc đời thái - bình. Những chiến sĩ «Sau khi đã làm nghĩa vụ và đã không thẹn với lòng trai» sẽ vui vầy với cha mẹ, anh em, vợ con, bè bạn. Và nếu người chiến sĩ ấy, khi ra đi, để lại một thiếu nữ yêu mến, một vị hôn thê thì sẽ gặp nhau trong cuộc tái hợp «rày ước mai ao». Khác với khi còn ở trận tuyến, người ấy sẽ nghe tiếng nói êm dịu, cầm bàn tay mềm mại, và bên Hoa xuân, sẽ nhìn đôi Mắt đẹp của người yêu !

Viết đến đây, và để chấm dứt « Bức thư Paris », tôi cũng xin nhắc lại bài thơ tôi viết năm 1953. Hãy đón xuân về khắp mọi nơi, Vui lòng đất nước chén đầy vui, Bao giờ nhân loại bình yên nhĩ Dưới mái nhà tranh rộn tiếng cười!!...



Tô - Vỡ

người
trung
kiên
chăn
dê
nơi

BẮC - HẢI

* THANH-VIỆT-THANH



N HÌN lên bức tranh cò, thấy có một cụ già râu tóc bạc phơ, áo quần rách rưới, một tay chống gậy, một tay cầm cò, một cây cờ bằng lông đã tơi tả gần như chỉ còn trơ lại có cái cán, đứng trơ vơ trên cánh đồng khô với đàn dê, đáng vẻ bơ phờ, hốc hác... Ai cũng bảo đó là do tích truyện : « Tô - Vỡ chăn dê nơi Bắc-Hải ». Nhưng nếu phải

hỏi : « Tích truyện thế nào » ? thì trong mười người, chưa chắc đã có được một vài kẻ hiểu rõ tích truyện và kể lại được thông suốt...

Nay nhân buổi Xuân về, năm Dê đến, đem tích ấy kể lại hầu bạn ở đây để cùng nhau tìm lại trong đó ít nhiều chỉ khí trung kiên, gương dũng cảm, lòng hy sinh và cả cái tiết tháo khẳng khái của người xưa trong truyền, tưởng không phải là điều vô ích.

để điều dưỡng, nhờ sự từ tâm của một hội Phước Thiện Quốc Tế !

Đêm Noel, đêm Chúa Gia-tô ra đời hẳn là một đêm thành kính hân hoan. Nhưng cũng lại là một đêm cho người trần, cốt tục nô đùa, xa xỉ, say sưa, truy hoan, một đêm — nói như Đàm quang Thiện :

«Trăm nghìn có cũng đồ đi,
Mà mua lấy mệnh mỗi khi em cười » hay nói như Xuân Diệu :
«Khách ngồi lại cùng em, đây gối là
Tay em đây mời khách ngả

đầu say,
Đây rượu nồng và hôn của em

đây,
Em cung kính đặt dưới chân
hoàng tử.»

Nhưng đêm Noel năm nay, theo lệnh của Đức Giáo Hoàng Paul VI, thì tại các nhà thờ ở Âu châu, các vị giám mục khi làm lễ đều cùng tín đồ cầu nguyện cho cuộc Hòa bình tại Việt Nam trong « Pax Christi » và theo lời phán : «Paix sur la terre aux hommes de bonne volonté» (Hòa Bình dưới thế - gian với những người thiện chí).

Lời cầu nguyện ấy và lời ca : « Il est né le Divin Enfant » (Thiên Nhi đã ra đời) chắc hẳn sẽ có ảnh hưởng trong lòng người trên thế giới, nhất là trong lòng người theo Đạo Gia-tô.

Tôi lại mong rằng với bao nhiêu thiện chí của tất cả mọi người (theo đạo Gia - tô hay các đạo khác) sẽ đủ ảnh hưởng để chấm dứt cuộc chiến tranh ở Việt - Nam. Và Bình-Minh tại Việt - Nam sẽ là Bông Hoa Hòa Bình Vĩ đại. Lúc ấy tất cả chiến-sĩ Việt - Nam sẽ trở về thành thị, xóm làng, «treo gươm, gác súng» để vui hưởng cuộc đời thái - bình. Những chiến sĩ «Sau khi đã làm nghĩa vụ và đã không thẹn với tất trai» sẽ vui vầy với cha mẹ, anh em, vợ con, bè bạn. Và nếu người chiến sĩ ấy, khi ra đi, để lại một thiếu nữ yêu mến, một vị hôn thê thì sẽ gặp nhau trong cuộc tái hợp «rày ước mai ao ». Khác với khi còn ở trận tuyến, người ấy sẽ nghe tiếng nói êm dịu, cầm bàn tay mềm mại, và bên Hoa xuân, sẽ nhìn đôi Mắt đẹp của người yêu !

Viết đến đây, và để chấm dứt « Bức thư Paris », tôi cũng xin nhắc lại bài thơ tôi viết năm 1953 *Hãy đón xuân về khắp mọi nơi, Vui lòng đất nước chén đầy vui, Bao giờ nhân loại bình yên thì Dưới mắt nhà tranh rộn tiếng cười...* ● *

Tô - Vỡ

người
trung
kiên

chăn
dê
nơi

BẮC - HẢI

* THANH-VIỆT-THANH



N HÌN lên bức tranh cổ, thấy có một cụ già râu tóc bạc phơ, áo quần rách rưới, một tay chống gậy, một tay cầm cờ, một cây cờ bằng lông đã tơi tả gần như chỉ còn trơ lại có cái cán, đứng trơ vơ trên cánh đồng khô với đàn dê, đáng vẻ bơ phờ, hốc hác... Ai cũng bảo đó là do tích truyện : « Tô - Vỡ chăn dê nơi Bắc-Hải ». Nhưng nếu phải

hỏi : « Tích truyện thế nào » ? thì trong mười người, chưa chắc đã có được một vài kẻ hiểu rõ tích truyện và kể lại được thông suốt...

Nay nhân buổi Xuân về, năm Dê đến, đem tích ấy kể lại hầu bạn ở đây để cùng nhau tìm lại trong đó ít nhiều chí khí trung kiên, gương dũng cảm, lòng hy sinh và cả cái tiết tháo khảng khái của người xưa trong truyện, tưởng không phải là điều vô ích.

không nên làm giữa cái thời đại xô bồ, gian manh, lừa đảo này..

Tô-Võ, tên tự là Tử-Khanh, quê ở Huyện Đổ-Lăng, sinh vào đời Vua Võ-Đế nhà Tây-Hán (140-87) trước kỷ nguyên Cơ-Đốc). Ngay khi còn bé, Tô-Võ đã có tính khác lạ hơn người : học hành biến nhác, chóng quên, hay nóng nảy nhưng lại biết phục thiện và thường thốt ra những lời khẳng khái, đánh thép làm ai cũng chú ý.

Sử chép rằng năm Tô-Võ được 13 tuổi, tại một giải núi gần huyện Đổ-Lăng, có một tướng cướp rất hung ác, một hôm sai bộ hạ đến nhà Tô, lừa mưu bắt cóc Tô đem về sào huyệt, dùng lời ngon tiếng ngọt dụ dỗ để khiến Tô làm hướng đạo dẫn đường cho chúng về « ăn hàng » một nhà phú hộ có bà con với Tô. Tô nhất quyết từ chối, bảo rằng không thuộc đường đi. Tên cướp nói : « Nhà người có bà con bên ngoại với phú hộ. Ta đã dò biết và thấy người thường được phú hộ đưa về nhà chơi luôn. Lối ra vào trong nhà phú hộ, tất người đã thuộc nằm lòng. Sao người lại dối ta mà bảo là không biết ?

Nếu người thuận dẫn đường cho ta vào được nhà phú hộ và bắt được ái nữ của phú hộ về làm vợ, thì ta sẽ thưởng cho ngàn vàng. Đẳng không, buộc lòng ta phải giết người.. »

Chẳng chút sợ hãi, Tô lại còn điềm nhiên đưa tay chỉ vào mặt tên cướp, mắng rằng : « Ông là kẻ cướp, muốn giết của, bắt con gái người ta mà nhát gan, không dám xông xáo, tự mình đánh thẳng vào nhà ấy, lại đi mượn tay một đứa con nít như tôi dẫn đường để cầu sự an thân, sao đáng gọi là chúa đảng khiên được lâu la ? Đẳng ông cố ngày sẽ tan và thân ông rồi cũng sẽ mất. Tôi dù nhỏ, nhưng không đến đòi tham vàng mà bỏ nghĩa được. Ông đã bắt tôi, tha giết thế nào lại chẳng được hà tất phải dùng lời hăm dọa.. »

Tên cướp thấy Tô ăn nói chừng chạc, dám ra mện không nỡ giết, muốn tha cho về nhưng lại sợ lâu, bèn đem giam Tô vào một phòng tối, mỗi ngày chỉ cho ăn vài nắm cơm hẩm. Thỉnh thoảng, tên cướp lại vào thăm chừng, xem Tô có vì sợ chết đói mà đổi ý chịu dẫn đường cho

hắn không. Nhưng lần nào cũng vậy, lòng Tô vẫn một mực không nghe.

Sau, nhờ có một lâu la già thường ngày đem cơm tối cho Tô ăn, thấy vậy động lòng thương, bèn lên cứu Tô, đưa Tô về tới tận nhà. Từ đó, viên phú hộ lại càng yêu quý Tô hơn, thường lui tới cùng Tô, khuyên răn, dạy dỗ Tô nhiều điều hay.

Tuy nhiên, tánh Tô vẫn luôn khác người. Vào mùa hạ, trời nóng nực, ai cũng sợ lửa. Vậy mà Tô sau giờ học, lại vào ngồi häng giờ bên lò lửa, mồ hôi tuôn như mưa. Về mùa Đông, tiết trời trở lạnh, tuyết, Tô không chịu ở nhà trùm chăn, hong lửa như mọi người. Mà lại cỡi trần ra đứng ngoài trời luyện tập võ nghệ... Cha mẹ Tô thấy con thế, tỏ ý không bằng lòng, gọi Tô vào trách. Tô thưa : « Con nay đã 15 tuổi, lớn khôn rồi, nếu con không tự rèn luyện lính nết, và tập cho thân thể con quen được điều khổ nhọc, thì sau này gặp việc

vất vả, khó khăn, e con sẽ chịu đựng không nổi, mà rồi cái tính phóng đảng của con cũng sẽ không sửa chữa được chăng ?

Nghe con nói vậy, cha mẹ cũng chịu, lại thêm nhờ phú hộ nói giúp, nên cứ để mặc tình Tô muốn làm gì thì làm, miễn đừng xao lãng việc học thì thôi.

Quả nhiên, về sau, khi đến tuổi trưởng thành, Tô trở nên một người dũng mãnh, khẳng khái và kiên nhẫn có thừa. Ai cũng nức lòng khen, tiếng đồn đến tai vua Hán Võ-Đế. Hán Võ Đế bèn vời Tô về triều, phong cho chức Trung-lang-tướng. Từ đấy, Tô đem hết chí bình sinh ra giúp nước, rất được lòng yêu của Vua và của cả dân chúng trong thành.

Nguyên nhà Tây-Hán, từ khi Võ-Đế lên ngôi, vì muốn mở mang bờ cõi nên thường đem quân đi đánh Nam, phá Bắc, chinh Đông, phạt Tây, biên thùy luôn có việc binh đao. Nhưng khi xưa quân sang xâm lấn bờ cõi nước Hung Nô, thuộc về phía Bắc, nội và ngoại Mông-cổ, thì Hán Võ-Đế bị cầm chân. Quân Hung kháng cự mãnh liệt, làm

cho Võ-Đế phải bao phen thăm bại, tổn tướng hao binh rất nhiều. Trong một trận, chúa Hung-Nô là Thuyền-Vu bắt được của Võ Đế hết hai viên dũng sĩ Lý-Lăng và Vệ-Luật.

Võ-Đế vô cùng thất vọng, tự bấy giờ mới biết là dùng võ lực không thắng nổi Hung-Nô, bèn đổi chiến lược, mượn cớ cầu hòa, đề mưu tính việc phản công về sau. Nhưng trong lúc bối rối, vua không nghĩ ra được người tài giỏi, có khoa ăn nói, đầy đủ mưu trí đề tùy cơ ứng biến, hầu chọn làm sứ giả sang Hung. Ròng rã ba ngày liền suy đi tính lại, thấy không ai hơn Tô Võ, vua bèn cử Tô làm chánh sứ. Trước lúc lên đường, vua ân cần ban ngự tửu cho Tô và dặn Tô phải cố công dò xét tình hình, địa thế đất Hung, ghi chép những đường sông, ngách núi, chỗ nào hiểm yếu, chỗ nào thuận lợi cho rõ ràng, đề khi có dịp thì đem quân sang đánh. Vua lại cắt cho Tô 100 tùy viên và ban cho Tô một cây cờ bằng lông, gọi là cờ Mao-tiết. Tô uống cạn chung ngự tửu, cầm cờ Mao tiết, lạy từ vua ra đi...

Nhưng Thuyền-Vu chúa Hung-Nô, không phải là một tay dễ đánh lừa. Trái lại, Vu còn có thừa tài trí đoán biết được giả tâm của Võ-Đế và luôn nuôi mộng lớn chiếm Trung nguyên Vị thế, Vu đã bắt bí, dụ hàng hai dũng tướng của nhà Hán là Lý-Lăng và Vệ-Luật, hòng có thể lợi dụng được về sau. Vu khôn khéo cất nhắc cho hai tướng ấy làm quan cao, bổng lộc hậu, lại thêm tỏ vẻ trọng vọng, luôn cho dự bàn việc quốc sự, làm hai tướng dần dần lung lạc, quên hẳn nhà Hán, hết lòng phụng sự cho Hung.

Ngay khi Tô Võ vào đến đất Hung, Vu đã cho hai tướng ấy ra đón đề nhờ hai tướng khơi mào dụ hàng Tô. Tô cả cười không thèm nói năng gì cả, chỉ xin cho được gặp chúa Hung Chúa Hung lâm triều, Tô dâng quốc thư, ứng đáp trôi chảy, mạch lạc, mặt không hề đổi sắc, cử chỉ không chút sơ sệt. Chúa Hung thấy vậy, biết Tô là kẻ đại tài, cái ý dụ Tô hàng lại càng làm chúa Hung thêm nhất quyết. Chúa Hung được xuống ngai, tự tay đỡ Tô dậy

dùng lời êm dịu bảo Tô rằng : « Tô đã có ý muốn giảng hòa với nhà Hán từ lâu, nay khanh đến đây thật là hợp tình hợp cảnh lắm. Ta mong hai nước sẽ dứt nạn can qua, để cho nhân dân được yên ổn làm ăn và quân lính được nghỉ ngơi, xây dựng xứ sở, ngày thêm giàu có. Nhưng ta lại muốn có sự liên lại giữa hai nước, cho tình hòa hảo được bền, nên xin mời Tô khanh ở lại giúp ta ít lâu ».

Tô võ từ chối, một mực xin về. Vu cả giận, bèn đưa ra ở ngoài công quán. Rồi Vu ngầm sai hai tướng đầu hàng trước kia là Lý Lăng và Vệ Luật, bảo phải hết lòng lui tới cung phụng Tô, dụ lộ hàng. Tô vẫn luôn cự tuyệt, lại còn dùng lời khuyên hai tướng nên bỏ Hung về Hán. Nhưng đối với hạng người đã tham sanh quý tử, đã quên hẳn Tô quốc rồi, làm sao có thể một sớm một chiều mà hồi tâm được, nhất là khi Tô đang ở vào cái thế yếu, bị giam cầm? Lời Tô chỉ là tiếng gió thoảng ngoài tai họ...

Một đêm tuyết rơi, trời lạnh, hai tướng lại đến phân trần

cùng Tô « Tướng quân đang ở trong hang hùm, nếu không đầu hàng, tất rồi sẽ phải mất mạng, như thế phỏng có ích gì ? Chúa Hung là người biết trọng dụng nhân tài. Như bọn tôi đây mà còn được gia phong quyền tước trọng hậu đường này, nếu tướng quân chịu đầu Hung thì oai quyền, phú quý lo gì không thỏa dạ !... »

Tô Võ lúc ấy không còn dằn được sự tức giận, bèn đứng phắt dậy, chỉ tay vào mặt hai kẻ phản vua, quên nước, lòn cúi quân thù, mắng lớn : « Thật là không ngờ chúng bây lại tán tận lương tâm đến thế ! Đã khom lưng thờ kẻ ngoặt hang, tự mình không biết hổ thẹn, lại còn dăm xuôi đại tá lung lạc lòng trung của ta ! Hai người hãy ra ngay, lìa khỏi nơi này tức khắc và từ đây về sau đừng mang mặt đến khuấy rầy ta nữa. Ta nhất quyết không hàng giặc và cũng sẽ không nhận hai người là người cùng nước với ta... »

Bị mắng, hai người đỏ mặt, nhưng không dám trả lời Tô. Bèn quay về tâu lại cùng Vu. Vu giận, sai giam Tô vào hầm

đá, bỏ đói đến năm sáu ngày. Tô nằm trong hầm tối chịu đói khát, rét lạnh, thân thể gầy còm nhưng vẫn cố chịu. Tô nhai tuyết ngậm cho đỡ khát và bứt lông áo nhai cho đỡ đói. Qua ngày thứ bảy, chúa Hung cho là Tô đã chết, sai người đến mang xác Tô quăng ra đồng. Nhưng kẻ ấy thấy Tô vẫn còn sống, luôn ngồi bên vách đá với cây cờ Mao Tiết trên tay, thì lấy làm lạ, bèn tâu lại chúa Hung. Chúa Hung nghe thế, cho Tô là thần, nên không dám giết, chỉ khiến đầy Tô lên Bắc Hải, giao cho chăn một đàn dê, toàn là dê đực, bảo rằng khi nào những dê ấy đẻ được con, thì sẽ tha Tô về nước. Tô biết thâm ý của chúa Hung, nhưng vẫn không chịu đầu, mỉm cười theo đàn dê đi đây.

Bắc Hải là một vùng đất hoang vu, núi non hiểm trở, cỏ khô đồng cháy, cả năm không thấy có một bóng người lai vãng, thuộc về huyện Chính Biên, tỉnh Hoàn Lặc, giáp ranh với Hiệp Tây bây giờ.

Hằng ngày Tô cùng đoàn

tùng nhân bắt chuột, giết mổ mà ăn. Mãi rồi, chuột cũng hết, mổ cũng không còn, phải ăn đến cỏ như dê... Tô tìm một hang đá, trú thân ở đó ngày này qua ngày khác, tránh mưa đỡ nắng, vô vắn khổn khổ, râu tóc dài ra, quần áo rách nát, đến phải dùng lá che thân, tay Tô vẫn không lúc nào chịu rời cây cờ Mao Tiết, tượng trưng cho lòng trung trực của bầy tôi. Thời gian trôi qua, cứ thế kéo dài suốt 19 năm trời... Đoàn tù nhân dần dần ngã gục, chết lần chết mòn vì đói, vì bệnh... Cây cờ Mao Tiết trên tay Tô cũng xơ xác, lông rụng dần theo mưa nắng, tuyết sương, chỉ còn trơ lại có cái cán không...

Tục truyền rằng một hôm, tuyết rơi nhiều, lại thêm trời có bão, Tô đang ngồi trong hang đá, bỗng nhiên có một con đười ươi con chạy vào trú rét, Tô động lòng thương, bèn ôm lấy con đười ươi ủ vào mình để chuyển hơi ấm sang cho nó. Nhờ vậy, đười ươi con khỏi chết vì rét... Qua cơn bão, đười ươi mẹ đi tìm con, đến

hang đá của Tô, thấy vậy, sinh lòng cảm kích... Từ đó, đười ươi mẹ luôn tìm thức ăn mang đến dần ơn cho Tô. Lâu ngày, Tô thấy đười ươi có nghĩa, bèn lấy làm vợ, gọi là Hồ phụ. Về sau, đười ươi sinh được một con, đặt tên là Hồ Nhi.

Đến khi giặc Hung yếu thế, luôn thua nhà Hán, phải cầu hòa, Vua Hán Võ Đế buộc Hung đưa Tô về Trung Nguyên trước rồi mới giảng hòa sau. Thuyền Vu dối rằng Tô đã mang bệnh, chết từ lâu. Một tôi thân nhà Hán là Thường Huệ không tin, bèn dùng mưu nói thác rằng vừa bắt được thủ thư của Tô do chim nhạn đưa về, điều ấy chứng tỏ là Tô hiện vẫn còn sống. Thuyền Vu nghe vậy, tưởng thật, không dám giấu việc đây Tô, bèn sai một đạo quân ngày đêm ra Bắc Hải rước Tô đưa Tô về đất Hán, Đoàn tể tướng nhân khi xưa 100 người, giờ còn lại được có 9. Thân xác người nào cũng gầy còm, yếu đuối, râu tóc chồm bờm như dã nhân, ai trông thấy cũng phải động lòng sa nước mắt... Tô có ý đem Hồ Phụ và con

về nước, nhưng Hồ Phụ ngấm mình thân phận dã nhân, nên không dám theo về, đành ôm con ở lại chốn đồng khô, cỏ cháy, dùng hang đá của Tô ngày xưa mà trú ngụ để được trọn tình cùng Tô. Khi chia tay, mẹ con Hồ Phụ theo đưa Tô đến mấy dặm đường, khóc kè rất lâm li, ai oán. Người đời sau có làm hai bài thơ, diễn tả nỗi lòng Tô Võ và Hồ Phụ lúc chia tay, nguyên tác bằng Hán văn, dưới đây là bản dịch của Ngô chỉ Lan:

*Ngập ngừng bụng chén ly bát.
Nghĩ mình muôn dặm, thương
người năm canh...*

*Nhớ duyên kỳ ngộ ba sinh
Trăm năm xin gửi chút tình từ
đây...*

*Đỗ quyền đề đoạn văn thiên lý
Ổ thước sào hang nguyệt nhất
chi*

*Dứt nhân duyên, để lại biên thù
Cho nặng gánh chung tình ra
thế thế*

*Dù Hồ Lễ có cam lời hải thệ
Tội thông thiên biết để cho ai*

Còn non, còn nước, còn dài... »

Tiếp theo Tô Võ, là lời Hồ Phụ :

Lá lay con tạo cơ cầu,
Sóng tình chưa lấp thành sầu
đã xây.

Đưa chàng một chén từ đây,
Nhạn về ải Hán, loan bay dặm Hồ

Ví xưa kia vương lấy chàng Lãng
Thì duyên thiếp đã sum vầy chỉ lý
Vị phu, quân hề tâm thiếp lụy.

Vị phu quân hề, thiếp chiếc thân!

Câu Ô đã cách trở sông Ngân,

Đêm thất tịch lấy ai làm đôi
ngẫu ?

Chàng từ thiếp ba lưu động khẩu
Thiếp đưa chàng thủy đáo nhân
gian.

Trăm năm đá tạc bia vàng !...»

Câu chuyện nghe ra đây thì vị.

Có thể rằng việc Tô Võ lấy

đuôi ươi (1), sinh con kia, là

thật, vì đuôi ươi là một giống

vật không khác chi người mấy,

lại nữa trong những ngày cô

quạnh, trái tim Tô không phải

là sắt đá, thì lửa tình chàng tất

cũng dễ nhen lên, bùng cháy...

Và cũng có thể rằng, câu chuyện

Tô lấy đuôi ươi, chỉ là một

huyền thoại mà người ta cố tình

thêu dệt nên để làm cho câu

chuyện thêm đậm đà, xúc tích

vậy thôi, Dù sao, ta cũng không

nên vin vào sự kiện ấy mà cho
là thật, vì xét theo chính sử,
không thấy có việc Tô lấy đuôi
ươi...

Nhìn qua tích truyện «Tô-Võ
chấn dè nơi Bắc-Hải», người
ta không thể không bồi ngùi, cảm
kích và mến phục. Quả Tô là một
kẻ nhẫn nhục, khẳng khái, kiên
trung vô bờ bến. Khi lãnh sứ
mạng ra đi, Tô còn là một
thanh niên cường tráng, tuổi
mới ngoài ba mươi, đời hoa
đầy tình lực, nhựa sống tràn đầy.
Vậy mà sau 19 năm bị lưu đày
nơi ải Bắc, lúc trở về, tuổi chỉ
hơn năm chục, nhưng, Tô lại
trở thành một cụ già râu tóc
bạc phơ thân hình gầy yếu,
như người bảy mươi, điều đó
thật không ai có thể cầm lòng,
không thương xót được !...

Tất cả đối với Tô, cảm như
đã mất trọn vẹn... Duy chỉ có
trái tim Tô, tấm lòng son sắt
của Tô, là còn sống mạnh trong
tâm hồn Tô lúc đó và cả trong
tâm hồn nhân thế nghìn sau
mến cảm, như chúng ta ngày
hôm nay đây, chẳng hạn. *

(1) — Có bản chép là Bạch-
hầu, tức khỉ trắng.

bi ca tống - nguyên

□ TỐNG-MINH-PHỤNG

● Sau cơn ngũ giết mình thấy trên đầu mười
ngón tay mùa xuân đã về

Người mẹ già tóc điểm trắng pha sương hái lộc
dành cho thằng con trai ngoài trận tuyến

Từng đàn chim bắc nhịp cầu ca ngợi bình minh
Trong niềm tin tưởng vô biên đó, anh kết nụ hình
hài

Loài hoa Cầm vẫn muốn đời bất diệt.

● Đêm trái sáng lạc đà vào sa mạc. Em ngự đỉnh
bình yên. Vầng đất hoang thẳng mọi da đỏ ngồi lì
trên cây củi mục. Anh lớn lên hai mươi năm giết
chóc giận hờn.

● Lời tự tình cùng bằng hữu tiếng dây xích cây lên
thành phố, tiếng đại bác chào mừng sinh nhật quê
hương. Ta xin người lần cuối cùng những âm thanh
kỷ dị loài chim ục, những ngôn ngữ hơn bốn ngàn
năm ta chưa bao giờ nghe nói tới. Hồi bằng hữu
cùng ta xây hầm trú ẩn, cùng ta hát lên bài ca quê
hương, bài ca của những kẻ lưu đày thế hệ.

● Ôi ! Đêm trái sáng - Ngày bon Napalm



Những mùa XUÂN

truyện ngắn ★ HOÀI-TRINH

THẮM thoát mà đã 14 năm rồi. Mười bốn năm qua mau quá, khiến Thân tưởng chừng như chỉ mới ngày nào đây của 14 năm cũ.

Xuân lại mùa Xuân...

Mặc dầu đã có không biết bao nhiêu đổi thay vĩ đại từ Xuân năm ấy cho đến Xuân năm này, Thân vẫn còn thấy khư khư trong lòng niềm thương nhớ xa xôi.

Ấy cũng bởi không khí hôm nay cũng na ná giống thời kỳ tiền đình chiến của thời khói lửa ngày xưa. Những leo thang quân sự cùng những đòn phép chánh trị, vận động Hòa bình v.v... làm chàng

thêm xót xa, đau đớn, vì một phần bội lớn lao nhất lịch sử của những bạn đường năm cũ đã dồn ép chàng vào cảnh dở khóc, dở cười ngày nay.

Những ngày mùa Xuân 1953 là những ngày bị thâm nhứt trong đời chiến đấu của chàng. Từ Mừng-một Tết, tiếng đại bác, phi-cơ thì như thét gào thay cho pháo mừng Xuân của một dân tộc ra chuộng Thanh bình, an cư lạc nghiệp. Thực dân Pháp càng cảm thấy suy yếu, càng nỗ lực đánh mạnh, cố đem hết tàn hơi khủng bố làm áp lực cho một cuộc tranh chấp hòa giải gần đây.

NHỮNG MÙA XUÂN

Thân cùng mọi lứa thanh niên đồng tuổi, sớm giác ngộ nhiệm vụ cứu quốc, đã hòa mình trong cuộc chiến đấu giải phóng quê hương với mọi tầng lớp nhân dân. Tuy chỉ giữ một địa vị khiêm nhường không mấy gì cân xứng với trình độ trí thức cũng như khả năng công tác của chàng, Thân vẫn không lấy làm buồn phiền, bất mãn. Trong công cuộc kháng Pháp hiện tại ít nhiều gì cũng là góp phần cho guồng máy được chạy đều, khỏi trục trặc là quý lắm rồi. Hơn nữa, chàng lại tự nhủ: «Mình không làm thì ai làm vào đây? Điều cần thiết là làm tròn phận sự để cho công việc khỏi phải tình trạng so le, không tiến triển đồng đều. Bây giờ không phải là giai đoạn ở đó đề cần nhắc, tranh dành hơn thua, mà chỉ có việc đẩy mạnh cuộc chiến đấu đến thành công mau lẹ. Hậu thế sẽ xét công luận tội...»

Trên đường công tác, Thân đã gặp người bạn gái đồng quan điểm. Hôn lễ của họ đã cử hành trong vòng thân mật, đơn giản sau đó ít lâu. Bây giờ, Thân đã có hai con: 1 trai, 1 gái. Gia đình chàng vẫn sống yên vui trong nguy khó thiếu thốn của cuộc chiến tranh dai dẳng, khốc liệt.

Nhưng rồi mùa Xuân năm đó đã mang tang tóc đến cho người chiến sĩ can trường này. Cuộc pháo kích lớn lao cũng như những hồi oanh tạc rừng rợn của những đoàn phi cơ Pháp, đã gây tử thương cho vợ chàng.

Thân đau đớn xót xa. Từ lúc mất mẹ, hai đứa con thơ của chàng đã đeo dính lấy chàng không rời nửa bước.

Làm sao bây giờ?

Đời sống trong khu vực chiến đấu ngày càng khó khăn thêm. Mọi người đều trút tất cả năng lực vào cuộc chiến đấu quyết định. Thân cũng không thể làm khác hơn và cũng không biết gọi cao cho ai.

Đã vậy, sau ngày vợ chết, Thân càng cảm thấy trách nhiệm của chàng quá nặng nề. Ngoài cái thù chung của dân tộc, chàng còn có cái thù riêng của vợ. Nhứt định chàng phải hoàn thành cho kỳ được tâm nguyện, tận diệt quân cướp nước cũng như quân bán nước.

Sau một đêm suy nghĩ, Thân thấy chỉ còn có cách là đem hai con về gởi cho mẹ hiện đang sống trong một vùng bán chợ, bán quê tương đối yên ổn. Như vậy, chàng sẽ rảnh

tay lo việc nước và trả thù nhà. Mà hai con chàng chắc hẳn cũng sẽ được ấm no, đầy đủ bên cạnh bà nội.

Thân đã đem hai con về gởi cho mẹ sáng ngày Mừng-Năm năm đó.

Tội nghiệp ! Con gái lớn của chàng tên Bích tuy chỉ mới 6 tuổi, nhưng cũng cảm thấy cái buồn chia ly. Khi nghe cha nói sẽ đưa chị em chúng về ở với nội, Bích đã ôm lấy chàng mếu máo :

— Ở với bà nội buồn lắm Ba về ở với chị em con nữa nghe.

Thân đau đớn khuyên con :

— Không. Con với em con về tạm ở với nội ít lâu, ba tìm được nhà khác sẽ về rước hai chị em con.

— Sao ba không ở luôn nhà bà nội với hai chị em con ? Ở đó cũng được cần gì phải kiếm nhà khác cho mất công ba ?

— Ba phải đi làm kiếm tiền nuôi chị em con nữa chứ. Ở đó lấy gì ăn ?

— Thì bà nội nuôi...

Thân lại ôm con, thở dài :

— Bà nội già rồi làm sao nuôi cha con mình mãi cho được. Thôi,

con hãy ngoan lên, Nghe lời ba đừng cãi ba buồn.

Bích muốn nói nữa nhưng nghe cha nói vậy đành phải làm thinh nhưng coi bộ không vui. Thằng Trọng thì chưa biết gì, chỉ nhong nhèo với cha :

— Hồng, con hồng thêm ở với nội đầu. Con muốn ở với ba hè.

Thân vuốt tóc con, gương gao :

—Ừ, thì rồi con sẽ ở với ba.

Rồi tay bồng tay mang. Thân đã đưa hai con về với mẹ.

Mẹ chàng mừng rỡ đón con, cháu. Và đã khóc mùn mủn khi nghe đầu chết thảm, nghe con, cháu phải đói khổ, gian lao, cơ cực. Nhưng sau con mừng tuổi, mẹ chàng đã bảo :

— Được, con để hai cháu ở lại với Mẹ. Riêng phần con, mẹ khuyên con hãy nên đi sớm. Càng sớm chừng nào càng tốt chừng ấy. Bọn chó săn, chim mồi, tăng công kiếm việc sẽ không bỏ qua một cơ hội nào để chỉ chỗ, dâm thọc đầu. Mẹ không biết làm gì và đang làm gì nhưng mẹ tin rằng nếu con lọt vào tay chúng rồi thì không thể nào mà không nhận những tội lỗi do chúng cố tình gán cho con.

Bà mếu máo :

— Bây, tám năm trời mới được gặp con nhưng mẹ không dám giữ con ở lâu. Lòng mẹ đau đớn biết là đường nào ? Nhưng tình thế không thể làm khác hơn. Con hãy liệu thu xếp mà lên đường để hai cháu đó cho mẹ lo.

Thân nhìn hai con, gwyn luyến. Chàng chưa muốn đi... không muốn đi nữa. Chàng muốn ở lại với hai con, ở lại mãi mãi với hai con thơ đại sớm mất tình mẫu tử... Nhưng nghĩ đến những tên bán nước, cạy gió bẻ măng, dựa thế giặc dữ để hoành hành, cướp bóc, hà hiếp lương dân, vu cáo hãm hại những người vô tội đang có nhan nhân khắp nơi trên đất nước khốn khổ này, chàng đành thở dài cất bước.

Tình thế không thể kéo dài được nữa. Con đường chàng đã chọn từ lúc còn dang độ thanh xuân là con đường duy nhất để giải thoát tâm hồn đầy bi thảm của chàng trong lúc này. Đành rằng chàng có thể chết dễ dàng nhưng đó cũng là một cái chết đầy danh dự, chết trong sự tiếc thương tưởng nhớ của mọi người còn hơn là nản ná chung chạ với bọn hàng thần lơ lảo rồi cũng có ngày chết nhục nhã vì sự phản bội của chúng.

Thân còn nhớ rõ...

Lúc chàng từ giã mẹ ra đi, Trọng đã ngủ nhưng Bích còn thức, nằm trên võng để đưa em, Bích không dám xuống nhưng hai mắt cứ thao láo nhìn cha. Nếu không có những lời hăm he, rầy la của bà nội chắc nó đã ngồi dậy ôm cha không cho đi.

Thân chưa xót quá. Chàng không can đảm rời chân trước cái nhìn thêu não của con gái. Chàng đành bước lại ôm mặt con, hôn một hơi dài, âu yếm dỗ dành :

— Thôi con ở nhà chơi với em Ba đi ít bữa sẽ về rước chị em con.

Bích buồn bã :

— Ba đi mau nha bà... Con... nhớ ba lắm...

Giọng nó nghẹn ngào và đầy nước mắt. Thân cũng nghẹn ngào :

—Ừ, con ráng ở nhà ngoan ngoãn vui chơi, đừng làm bà nội buồn phiền. Thế nào trong ít bữa nữa, ba cũng sẽ về rước chị em con. Rồi chàng hôn con lần nữa đoạn đứng lên đi nhanh như chạy trốn...

Chỉ một năm sau đó lệnh ngưng chiến đã được ban hành trên khắp lãnh thổ Việt-Nam. Và hiệp-ước

ác nghiệt Genève đã cắt chia đất nước làm hai miền bởi con sông Bến Hải. Thân cũng như nhiều bạn đồng ngũ không chấp nhận được điều đó nhưng vẫn không thể làm gì khác hơn.

Mười năm trời kháng chiến gian lao, khổ nhọc, gối đầu nằm xuống, hy sinh bao nhiêu xương máu, rốt lại rồi phải chịu cái kết quả bẽ bàng, xót xa. Và Miền Nam. Thành Đồng Tộc quốc (mà mai thay!) lại lần nữa bị hy sinh.

Thân muốn trở về sống với mẹ và hai con nhưng lại cảm thấy xấu hổ với những người thân yêu đó. Mặc cảm tội lỗi đối với người vợ hiền đã chết thảm vì những tràn đạn đại liên của hàng chục chiếc phi cơ sát nhân cứ vày vô tâm trí chàng. Sau khi dò hỏi tin con, chàng được biết chúng đã được sống yên lành với bà nội. Vùng đất đó từ trước vẫn không bị chiến tranh tàn phá. Mảnh vườn của chàng với số ruộng đất hàng năm đã cung cấp cho bà cháu sống một đời đầy đủ, sung túc. Thế là Thân đã thấy yên lòng. Chàng che ngôi nhà nhỏ bên mồ vợ sống cuộc đời gần như vô vị giữa chốn nước độc rừng thiêng.

Lòng chàng đã trở thành nguội lạnh trước sự kiện nát lòng đó. Chàng sẽ quên tất cả, sẽ không bao giờ để tâm vướng bận vào những trò tráo trách, đời thay gian ngoa, trí trá của loài người nữa.

Tất cả đối với chàng bây giờ đã trở thành vô nghĩa. Và tình đồng loại, đồng bào, đồng chí, đồng nghiệp v.v... chỉ là những danh từ rỗng tuếch mà bọn người nhiều thủ đoạn đã khôn ngoan thối phồng lên để lợi dụng người nhẹ dạ dễ tin.

Thân gần như đã quên tất cả thế giới loài người. Chỉ trừ những khi phải cần đổi chác, mua sắm những thứ cần dùng thông thường cho sự sống. Thân không tiếp xúc, giao thiệp với ai cả. Chàng sống như một con người cô lõ của thời tiền sử, gần với thiên nhiên và nhờ ở thiên nhiên nhiều hơn ở đồng loại.

Cho đến ngày nay...

Đã mười bốn năm qua, chàng mới quay gót trở lại làng xưa.

Không phải chàng đã chán ghét cuộc sống cô tịch, buồn tẻ mà chỉ vì một lý do hết sức giản dị:

«vùng của chàng không còn ở được nữa».

Thân đau túi vô cùng.

Nhưng biết làm sao bây giờ?

Chàng không thể bó tay chịu chết một cách vô lý được. Chàng đã là chứng nhân của một giai đoạn. Chàng thấm thía hơn ai hết câu nói bất hủ của ai đó: «lịch sử chỉ là một trò tái diễn».

Niềm an ủi duy nhất của chàng là được gặp mẹ và các con. Mẹ chàng đã già lắm rồi. Hai con chàng cũng đã lớn khôn.

Mười bốn năm rồi còn gì nữa? Bích giờ đã 20 và Trọng 18. Cả hai đều mạnh khỏe, xinh đẹp. Nếu Trọng đã giống chàng thời trai trẻ như khuôn thì Bích là hình ảnh người vợ hiền xấu số.

Nhưng Thân hết sức đau xót vì hai con không biết chàng là ai cả. Nghe bà nội nói là cha của chúng, chúng miễn cưỡng nhìn nhận như vậy chứ không có vẻ mặn mà tha thiết cho lắm.

Chàng cảm thấy đau nhói trong tim trước sự kiện này.

Nhưng biết làm sao?

Làm sao phiên trách những đứa trẻ đã 14 năm chưa được gọi một

tiếng cha, một tiếng mẹ không tỏ vẻ khẩn khít, nồng nàn với một người từ đâu đến nhận là cha của chúng? Hơn nữa, từ lâu nay vì sợ những chuyện lời thôi

Chung đã yên trí như vậy.

Bây giờ, Thân lại bỗng dưng xuất hiện, đột ngột quá khiến cho tình cảm của chúng bị đảo lộn, thiếu chuẩn bị... khó mà quen cho được.

Dẫu vậy, tình phụ tử là cái gì thiêng liêng, cao quý không thể đo lường được. Bích và Trọng lại ở trong tuổi đã có trí khôn nên dần dần chúng cũng tiếp nhận được những sự kiện éo le kia. Do đó, thân tình đã đến mau lẹ giữa cha con.

Cho đến hôm nay, mùa Xuân lại về.

Lòng Thân bỗng thấy xốn xang, xao động. Chàng cảm thấy nhớ hơn bao giờ hết buổi chia ly ngày Tết năm xưa... Đôi mắt của Bích nhìn chàng trong giờ phút đó sao hệt như đôi mắt của người vợ hiền trước phút lâm chung. Nhưng điều đó mãi đến ngày nay, đã 14 năm qua chàng mới phát giác ra.

Thân ngậm ngùi ngồi ôm mặt, băng khuông.

Hai chị em Bích và Trọng đi chơi về thấy cha có vẻ buồn, sà lại tíu tít hỏi:

— Ba làm gì mà có vẻ buồn quá vậy ba?

— Ba nghĩ gì đó, nói cho con biết với.

Thân nhìn hai con, lòng thấy nhẹ nhõm phần nào. Chàng gượng cười nói:

— Ba đang nhớ lại một trưa mùa Xuân như thế này hồi 14 năm trước, ba đã phải đề hai con ở lại với nội để ra đi làm nhiệm vụ công dân và cũng để trả thù cho má con. Lúc đó, Trọng đã ngủ. Bích eòn thức. Bích đã nhìn ba .. muốn khóc mà không khóc. Bây giờ ba mới nhìn ra cái nhìn của Bích lúc đó sao mà giống cái nhìn của má con trong lúc hấp hối quá.

Bích an ủi cha:

— Nhớ làm gì chuyện cũ ba? Không ai khóc giữa mùa Xuân. Đầu mùa Xuân xưa, hay mùa Xuân nay cũng vậy. Mười bốn năm xưa, ba đã không khóc, mạnh dạn ra đi chiến đấu làm

cho chúng con hãnh diện, về vang vì đã có người cha hiên ngang góp phần chiến đấu bên cạnh bao nhiêu anh hùng dân tộc. Và con, tuy chưa biết gì nhưng theo ba nói thì cũng .. không khóc.

Bích lại cười:

— Đúng là không khóc giữa mùa Xuân mà! Rồi từ mùa Xuân đó cho đến mùa Xuân này, trò lịch sử muôn đời lại tái diễn. Có gì đâu ba. Sống rồi lại thấy mà. Đời cứ thế dần xoay. Nhưng chung cục rồi thì thiện ác đáo đầu chung hữu báo. .. Tang tóc, đau thương, khổn khổ của dân tộc này rồi sẽ qua. Và no ấm, Thanh bình, an cư lạc nghiệp sẽ trở lại cũng như kẻ ác sẽ đền tội. ..

Trọng cũng nổi lời:

— Mùa Xuân xưa ba đã không khóc, chị hai cũng không khóc thì mùa Xuân này có việc gì đáng để chúng ta khóc đau? Chị hai nói phải đó ba. Ba nên vui đi. Hân bây giờ hương hồn mẹ con cũng ngậm cười nơi chín suối. Còn ba tuy ba chưa già nhưng ba cũng có quyền tạm nghỉ ngơi cho khoẻ trí. Hai chị em con sẽ thay thế ba

trong tất cả những việc sau này. Ba đừng lo. Hai con xin hứa là sẽ không bao giờ quên gương sáng ngày xưa cả, ba, sẽ không bao giờ quên cái chết đau thương của má và nhất là không bao giờ để dăng tin tưởng một cách quá hấp tấp những lời hứa hẹn ngọt bùi của bất cứ là ai. Ba hãy vui đi. Vui cho hai con cùng vui với ba trong cuộc trùng phùng này.

Thân nhìn hai con. Hai giòng lệ nóng từ từ rơi nhưng chàng cũng gượng cười vuốt tóc hai con chậm rãi nói:

— Phải. Hai con ngoan lắm. Không ai khóc giữa mùa Xuân bao giờ. Nhất là trong hoàn cảnh của cha con chúng ta, vì hiện nay

trên mảnh đất đau thương này còn không biết bao nhiêu cảnh đau thương, ly tán, cha mất con, chồng mất vợ. ..

Hai giòng lệ vẫn tuôn tràn trên má Thân. Nhưng đó là những giòng lệ sung sướng.

Bích và Trọng im lặng nhìn cha rồi nhìn nhau mỉm cười.

Ngoài kia nắng Xuân hồng chói chang nhưng từng cơn gió dịu nhẹ, hiền hòa lại thổi lên hiu hiu mát. Trên cành cây sau vườn vài con chim lên tiếng hót líu lo, ngon ngọt như một bản Tình ca êm ái ca ngợi mùa Xuân còn mãi.

NGŨ TƯỜNG CHUYỆN GÌ

Một người bị giải vào khám lớn. Viên giám thị bắt g phải cời quần áo để tắm.

— Ông nói sao? Người tù ngạc nhiên hỏi.

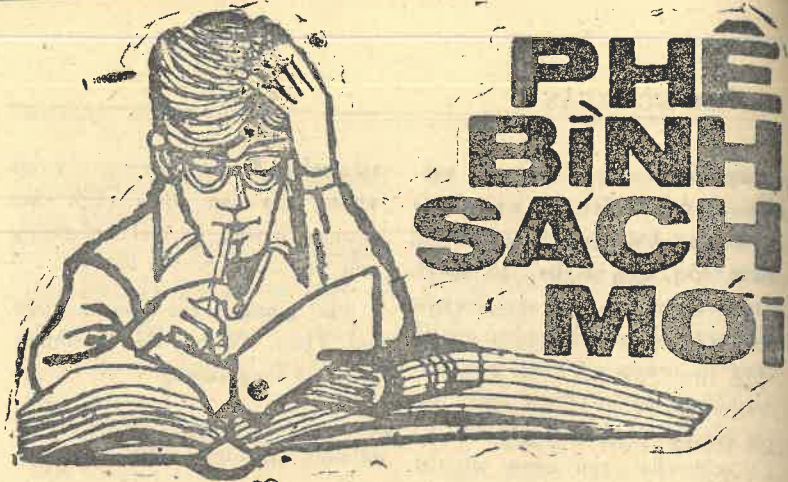
— Đi tắm?

Viên giám thị gật đầu:

— Ủ, đi tắm — Có sao không? Bộ từ trước tới nay

Ảnh không tắm lần nào cả ư?

— Xin lỗi ông. Đây là lần đầu tiên tôi mới bị ở tù.



* Xuân-Hồng-Yến *

ĐẤT MẸ

t h o

PHƯƠNG - ĐÀI

TRONG những năm gần đây, làng thơ Việt-Nam của chúng ta có nhiều cây bút phụ nữ tham dự. Nếu Nhà Ca đã thành công phần nào ở lĩnh vực thơ mới trong cuộc phiêu lưu tư tưởng lẫn ngôn ngữ, nếu Tuệ Mai, Hoàng Hương Trang nắm vững những cá tính độc đáo trên những đề tài về chiến tranh, tình yêu và tuổi trẻ, nếu Tôn Nữ Hỷ Khương và Hồng-Khắc-Kim

Mai đã tạo được những cảm xúc êm đềm, rạo rực, vừa e-dè, vừa táo bạo, của con tim cô kính Huệ đô, thì nhà thơ phụ nữ Phương Đài đến với chúng ta bằng tập thơ « Đất Mẹ » với dáng điệu bình dân pha trộn vài nét lãng mạn dịu hiền của thời đại.

Chúng ta nhận thấy trước hết cô Phương-Đài không hề tham vọng săn đuổi ngôn ngữ tân kỳ, hoặc ráo riết tìm tòi tư

ĐẤT MẸ

tưởng cao siêu. Cô không hề muốn trở thành một nhà thơ tư tưởng. Với một hoài bão khiêm tốn, cô trình bày với chúng ta những cảm nghĩ chân thành của mình.

Tập thơ Đất Mẹ gồm những bài thơ nói về quê hương Việt Nam trong thời kỳ máu lửa lan tràn:

*Đất mẹ đơn đau vừa trở tỉnh
Mà sao khói lửa vẫn chưa
tàn ?
(Muộn Màng)*

hoặc :

*Mười năm chinh chiến cơ cầu
Trời Việt-Nam đỏ xám màu
thé lương
(Đội Mùa)*

Thơ của Phương Đài vẫn nằm trong khuôn khổ niêm luật, âm điệu phù trầm. Đầu đó, chúng ta mơ màng đắm mình trong một không khí thời xưa cổ, bay bướm và thiết tha :

*Đã nghe kiếm thép gào sương
lạnh*

*Hà đội thu vàng ử giấc mơ?
hoặc :*

*Ba cõi trời rung trắng
chuyền nhịp*

*Đôi bờ nước loạn bóng
xa hình*

Nhiều người có thể trách rằng thơ của Phương Đài phảng phất nét già nua. Kê điếm sách này không nghĩ vậy vì trong cái không khí cô điển âm u của cô, chúng ta có thể gặp những tia sáng tạo chói chan, những hình ảnh độc đáo.

Ngoài ra, nét lãng mạn thanh tao của cô trải lên thơ một màu sắc êm dịu, tươi mát.

*Em có nghe lòng khoác tịch
liêu
Thu xưa hồ hững khối lam
chiều*

hoặc :

*Em có nghe lời vọng viễn
phương
Bàn tay vờ hệt bóng thiên
đường
Nhạc thu nào ngã chiều có
quanh*

*Vàng võ chim trời lạc cánh
sương*

Đó là tất cả những cảm xúc

đôi đào nữ tính của Phương
đã thổi vào thơ một hơi thở
êm đềm sáng khoái. Nhưng tập
thơ *Đất Mẹ* còn có những nét
sôi động kiêu hùng, để cho
Phương Đài có dịp hòa mình
vào ý chí quật cường của dân
tộc :

*Tinh hoa truyền thống
Thao thức trong hồn dân tộc*
(Bất khuất)

hoặc :

*Nuôi lửa nhiệm màu theo
tháng năm*

*Để nuôi bèn vầng mộng âm
thăm*

*Bao nhiêu tiềm lực vừa run
rẩy*

*Ngã xuống bên đường chết
lặng câm*

(Gác trọ chiều thu)

Nhà thơ Phương Đài không
hề muốn chìm tâm hồn vào
tình yêu đôi lứa. Cô chỉ thích
nâng niu những cảm nghĩ trứ
tình được nét bi hùng trước
cuộc chiến tranh phi lý trên
quê hương :

*Lịch sử quanh qua một dốc
cao*

Diễn trường vang dội tiếng

hoan hô

*Em không còn phút giây hư
ảnh*

*Tôi cũng bùng tai giọng suối
hồ.*

(Gác trọ chiều thu)

Có thể ở tập thơ đầu, nhà
thơ Phương Đài gặt hái đôi
chút thành công nhỏ. Làm thơ
đôi với cô chưa hẳn là một
tôn giáo, hay một món nữ trang.
Chúng ta chỉ biết rằng thơ cô
tràn ngập những cảm nghĩ
sống thực.

Nhưng tập thơ của một tác
giả nào đây là của một thi
hào đi nữa, chưa hẳn là một
khôi ngọc trong suốt không tí
vết. Chúng ta có thể gặp số
đoán của cô qua những bài thơ
nói về những cơn sốt của lịch
sử, những bài thơ khô khan,
có những nét đẹp cảm thạch
mắt cả linh động. Ngoài ra, ở
những bài hoài hương, cô
vẫn xử dụng lối thơ tiền
chiến.

*Nghiêng nghiêng vành nón
nữ sinh*

*Hồn nhiên tuổi mộng, bình
minh cuộc đời*

(Tình gửi sông xanh)
hoặc :

*Trăng ngà vượt núi sương
pha ngọc*

*Lặng lẽ trời xanh tiếp nước
xanh*

(Nhớ về xứ Quảng)

Để tài của cô phần nhiều đã
được biết bao người khai
thác từ trước, do đó, đọc thơ
cô chúng ta không bắt gặp

những khám phá đến mê cảm,
những cái đẹp lộng lẫy đến
mức tàn bạo.

Tóm lại, cô Phương Đài làm
cuộc hành hương cô độc trên
Đất Mẹ rất ít lẽ vật, nhưng
nhiều lòng thành kính. Tập thơ
đầu tay của cô là một tiếng
nói tha thiết góp vào bản
trường ca bị đất và thảm thiá
của dân-tộc vậy.

✱



BỎ ĐI TÂM !

Trong một quán cơm, anh Năm xích lô đang ngồi
vừa nhấp nhấp ly bia, vừa khêu khêu vào móng cô chủ
quán :

— Này cô... em, cho anh xin miếng khô bò !

Cô quán đang pha cà phê, bỗng bị anh xích lô « khêu »
đit, bèn nổi xung lên, mắng :

— Váy đồ hả ! Bỏ đi nhe... tâm !

Anh xích lô cười khà khà, hỏi vặn :

— Chà, dạo này danh từ « Bỏ đi tâm » thanh hành
quá ! Nhưng không biết « bỏ đi tâm » là gì nhỉ, hở cô...
em chủ quán ?

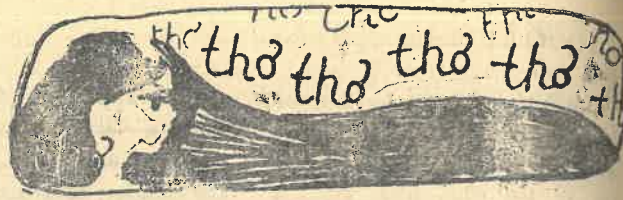
Cô quán càng câu, nói to :

— « Bỏ đi tâm » là « bỏ đi dè... » đó, biết không ?

— O ơ... sao mà giải nghĩa kỳ cục vậy ?

— Nè, tôi nói « hoạch toét » ra cho mà biết : « Con dè
đứng vào hàng thứ tám trong một giáp : Tý, Sửu, Dần,
Meo, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi... vậy nói « Bỏ đi tâm » là chữ
anh... « bỏ đi dè đó, biết chưa ? » Hà Hà . . .

— ? ? ? . . .



hoàng hôn

★ TÔN-HOÀNG-THAO

Chiều ngưng, nắng động nẻo về
 Trên thành quách đồ nỏ nề dáng xưa.
 Với thân này đã bao giờ,
 Một đời viễn mộng bấy giờ ngồi đây.
 Xin Em một chút sum vầy,
 Cho tròn tuổi mộng ngày mai lên đường



trong đêm tối

★ PHƯƠNG-TẤN

Ta giống thơ chạy quanh người
 Lửa khuya, hờn mỏng ta cười đầy tay
 Người theo ta xuống phương này
 Ta theo người xuống chân mây nhân gian.

CHIỀU chiều, tới giờ tan sở, Trang thường ra quán nước ngay đầu hẻm để uống một chai la-de và chờ bạn. Bạn anh, có xe vespa, khi về tới nhà, phải đi qua con đường anh ở, nên thường đến đón anh về cho đỡ tốn tiền xe. Và, sức mảy mà anh đón được xe để về trong giờ tan sở, dù là xe lô hay xe buýt.

Chiều nay, một buổi chiều giáp

Tết, sau khi sở nghỉ, Trang lại tới quán. Quên mặt khách, cô chủ quán liền lấy chai 33 thật lạnh và cái ly mang đặt ra bàn. Trang nhón nha uống, đôi mắt thần nhiên trước giọng xe cộ xuôi ngược, tập nập Chỉ trong vòng nửa tiếng nữa bạn anh sẽ lái xe tới.

Trang chợt nhận thấy sự xuất hiện của lũ trẻ nhỏ. Anh không lạ gì bọn này. Chúng tụ tập nơi đây để chờ đợi những chiếc

CON HẸM NGÀY CUỐI NĂM

Truyện ngắn ● HOÀNG-THẮNG



cyclo đạp — có những người lính ngoại quốc mặc quần áo chiến ngôi — trò tới. Rồi lại những cuộc đấu ó sẽ nổi lên. Mỗi lần ngồi uống la de là mỗi lần Trang được coi sự sống động của chúng. Trong hèm, có một ổ điểm chuyên rước khách ngoại kiều. Trang cũng chẳng biết nó nằm khoảng nào vì con hèm có nhiều ngõ ngách ngang dọc ngoằn ngoèo. Mỗi khi có chiếc cyclo chở ngoại kiều tới, lũ trẻ nhỏ chạy ào tới, nhao nhao giành giật nhau. « Chiếc xe này của tao », « của tao, tao xi trước », « Chú để tôi coi xe cho chú nhé! », và khi có một chiếc xe thứ hai, thứ ba trò tới, chúng lại tề ra nhao nhao giành giật nhau. Người phu xe như đã quen thuộc với cảnh này nên cũng kệ chúng. Đứa nào coi xe cũng được. Kề ra họ cũng chẳng cần phải mượn bọn nhỏ coi xe làm gì, nhưng chuyện này đã trở thành một cái lệ. và mỗi lần rước mỗi tới chỗ ở chơi bởi, dù có bớt 5, 10 đồng cho lũ trẻ cũng chẳng thấm thía vào đâu so với số tiền huê hồng mà họ được hưởng do chủ chứa chia cho. Đứa nhỏ khi đã giành được mỗi lần trèo lên xe chễm chệ ngồi

và khi người phu xe và khách chơi đi ra, nó tự nhanh xuống để nhận số tiền mà nó được hưởng

Trong lũ trẻ nhỏ này có đứa chỉ độ 5, 6 tuổi và có khi là con gái nữa. Mỗi lần kiếm được tiền chúng mua kẹo bánh ăn liền hoặc uống nước ngọt. Chỉ riêng có taxi chở mỗi tới là chúng đành chịu không moi được ra tiền.

Nhìn lũ trẻ con, Trang nói nhỏ:

— Thế là hôm nay, con hèm này lại bắt đầu được tấp nập bởi những người lính ngoại quốc ra vào

Được một thời gian, một hai tháng gì đó con hèm này tuyệt không có lũ trẻ nhỏ giành giật mỗi, tuyệt không có bóng những người lính da trắng, da đen vào ra. Thở chơi bởi bị bố. Lốp bị bít, lốp chạy thoát được không dám trở lại nữa và giờ đây sự sinh hoạt của mấy cô gái lại bắt đầu. Cảnh này đã tái diễn hằng năm bấy lần rồi. Hoạt động mạnh quá bị động ở Nghỉ ngơi ít lâu lại hoạt động như cũ. Rồi động ở. Rồi hoạt động lại. Như một chiếc giây xích móc nối bằng những vòng tròn,

Trang cũng phục những bác tài taxi hoặc phu xe. Khi ở nhện bị động hồi đêm trước, sáng hôm sau họ đã biết ngay và không mang mỗi tới nữa và họ cũng trở lại ngay khi cửa động bắt đầu mở được chừng vài tiếng đồng hồ. Sự thông tin của giới yêu hoa kẻ rá cũng mau thật.

Uống hết chai 33 mà bạn vẫn chưa tới, Trang bèn kêu một chai nữa. Ngay lúc đó có một chiếc cyclo chạy tới đỗ lại ngay đầu hèm. Lập tức lũ trẻ em chạy ào ra, vì trên xe có một người Mỹ da đen mặc thường phục ngồi. Sau khi gạt đầu cho một đứa nhỏ coi xe, bác cyclo gạt đầu gọi người Mỹ và chỉ vào trong hèm. Y cũng gạt đầu và thủng thủng bước theo vào. Nhưng chỉ năm phút sau, cả bác phu xe lẫn người Mỹ đã trở ra. Xem mặt cả hai người đều không tươi tắn. Bước tới quán nước, người Mỹ da đen lắc đầu ra ý bảo bác xe cứ việc đi đi, còn y kéo ghế ngồi.

Đứa bé giữ xe liền chạy lại đòi tiền nhưng bác tài xua tay lắc đầu:

— Bữa nay hồng có đâu mà.

Thằng kia nó chê gái già nên tao cũng chẳng có động nào.

Đứa bé nghe nói xịu mặt bỏ đi chỗ khác. Còn bác xe cũng xoay đầu xe và trèo lên yên đạp đi luôn.

Còn chủ quán bước tới hỏi người khách mới:

— Bìa?

Người Mỹ da đen gạt đầu:

— Yes! Beer!

Cũng do kinh nghiệm, cô chủ quán chỉ mang chai 33 ra thôi mà không mang ly. Những người Mỹ tới đây, hầu hết đều cầm chai tu chứ không rót ra ly. Trang không hiểu, đó là vì thói quen hay vì tập quán,

Một đứa nhỏ tới gạ người Mỹ da đen đi chơi gái nhưng y lắc đầu. Đứa nhỏ dợm bước đi nhưng cố nán lại để mời thêm lần nữa. Lần này y cau có xua đuổi, quay sang thấy Trang đang ngồi uống la de, y mỉm cười chào.

— Good evening!

Trang cũng chào lại. Người Mỹ da đen rút bao Winston mời anh hút. Trang cảm ơn rồi rút lấy một điếu và mời lửa cho

điều thuốc của khách. Chỉ lũ trẻ nhỏ đứng bầu quanh chỗ ngồi, người Mỹ da đen bảo Trang :

— Tôi ghét nhất bọn này. Chúng xấu lắm !

Ngay chính Trang, anh cũng không ưa lũ trẻ nhỏ, tuổi của chúng là tuổi cấp sách tới trường học chứ không phải bỏ nhà chạy ra giành giật mỗi coi xe, cũng như giật tay người ngoại quốc để xin thuốc lá hoặc kẹo chewing-gum hoặc hơn nữa là dẫn khách tới chỗ chơi bởi Nom bản mắt quá, Trang không hiểu bên nước họ có xảy ra những chuyện đó không nhưng chắc chắn, ở đây, cái nghề này cũng mới phát sinh mà thôi — nơi chỗ buôn bán. Trang cũng từng được nhìn tận mắt những đứa nhỏ có khi là một đứa con gái 11, 12 tuổi mời khách đi gái. Chính anh cũng đã được nghe « thầy đi cô này ngon lắm ! (Ồn trẻ lắm !) » do một đứa con gái chừng 12 tuổi mời. Hồi ra anh mới biết, mỗi lần dắt mỗi như vậy, đứa nhỏ được chủ chữa trả 10 đồng tiền cồng dẫn khách tới cho họ.

« Tuy ghét tụi nhỏ, nhưng Trang cũng biết, chúng nhảy vào

cái nghề mới lạ này cũng do bởi sự có mặt của người ngoại quốc. Nếu không có họ, khu vực gia đình chúng ở sẽ không có động chơi bởi dành riêng cho người ngoại quốc, và chúng sẽ đi học. Kể ra cái tệ đoan này cũng phải quy lỗi vào cha mẹ chúng. Nếu họ chịu khó chăm sóc tới con cái thì chắc chắn họ sẽ ngăn cấm chúng không được làm cái nghề này.

Nghe người Mỹ da đen nói bọn nhỏ xấu, Trang cũng biết như vậy nhưng anh lại cũng cảm thấy khó chịu, khi mình được nghe chính bởi một người ngoại quốc nói. Anh liền trả lời :

— Sở dĩ có lũ trẻ con như thế kia cũng chỉ vì người Mỹ sang đây.

Người Mỹ da đen tròn xoe mắt, đôi môi dày cong lên, y nói :

— Chúng tôi, những người Mỹ sang đây để giúp người Việt Nam các anh diệt « Vi Gi » mà !

Trang gật đầu :

— Tôi hiểu, các anh những người Mỹ, sang đây là để giúp chúng tôi diệt Vi Gi. Chúng tôi biết các anh sang đây là giúp

nền tự do của chúng tôi. Nhưng cũng chính vì sự có mặt của các anh mà nảy sinh ra những tỳ trẻ con kia. Anh hiểu chứ !

Người Mỹ da đen gật đầu :

— Tôi hiểu. Nhưng dù sao tôi vẫn ghét chúng. Tôi biết anh là người tốt.

— Cảm ơn anh. Sự thật chính tôi cũng không ưa bọn chúng.

Ngay khi đó, một chiếc xe hơi hiệu Plymouth dừng lại trước ngõ làm hai người cùng nhìn ra. Một người con gái, từ chỗ ngồi trước tay lái mở cửa bước xuống. Bạn trai của cô ta — một người Mỹ da đen — cũng mở cửa bước xuống theo.

Hai người đứng sát nhau nói thêm vài câu chuyện rồi mới chia tay. Sự cao thấp giữa hai người nổi bật vì người con gái chỉ đứng tới ngực gã đàn ông mà thôi. Và màu da lại tương phản hơn nữa. Một người trắng hồng. Một người đen sần. Tuy không có đầu óc kỳ thị chủng tộc, nhưng nhìn hai người đó, Trang cũng cảm thấy xốn sang, khó chịu. Anh như thấy mình vừa mất một

thứ gì rất quý báu.

Người con trai và người con gái mỉm cười chào nhau và bắt tay từ giã. Người con trai da đen mở cửa xe chui vào và lái xe đi thẳng và người con gái nhàn nhàn đi vào trong ngõ hẻm.

Người Mỹ da đen đang ngồi uống nước bên cạnh Trang ngược nhìn theo người con gái mặc áo dài có đôi vai rộng và thắt nhỏ nơi eo, màu xanh da trời của chiếc áo nom dịu mắt làm sao. Tà áo dài tha thướt tung bay như con vương vấn trong đôi mắt kẻ si tình, dù nàng đã đi khuất sau dãy nhà. Trang thấy y khẽ thở dài rồi nhún vai và dơ cao chai 33 uống cạn chỗ nước còn lại.

Trang thầm biết, trong thâm tâm người Mỹ da đen kia đã đột nhóm một sự thêm muốn được như bạn đồng chủng tộc với y. Trước mắt y, người con gái đó phải là con nhà lành.

Bởi vì nàng có dáng điệu khoan thai chính chặc. Nàng đẹp và có vẻ tri thức. Uống cạn chai bia y dơ tay áo chùi mép và lẩm bầm « very nice ! ».

Riêng đối với Trang, người

con gái đó đã không phải xala gì, đối với anh. Ngay khi nhìn rõ nàng, anh đã giặt mình kinh ngạc. Một sự kinh ngạc đến tột độ. Bởi anh biết rõ nàng quá. Mười đó! Con bé con, anh đã biết rõ từ mười năm nay rồi. Hồi đó anh mượn nhà ngay bên cạnh gia đình của Mười. Ba của bé Mười uống rượu say sưa tối ngày. Còn mẹ của cô bé cõn bận buôn bán ở chợ. Nên không có ai trông coi tới bé cả. Hồi đó, bé Mười mới lên chín, lên mười gì. Mỗi lần đi học về, bé tự động xuống bếp lục lọi cơm để ăn, bởi mẹ bé trước khi đi chợ đã thổi cơm sẵn cho chồng con. Sau đó bé chạy ra cửa sổ nhìn với lũ nhỏ đồng tuổi, hoặc chạy sang nhà Trang xem anh có nhớ mua thứ gì không. Cứ mỗi lần thèm uống café hoặc mua mấy điều thiếu lễ, Trang lại nhờ cô bé chạy đi mua. Và mỗi lần nhờ vả như vậy, anh lại cho bé một hai đồng ăn quà hoặc cho bé mấy cuốn truyện nhi đồng.

Ba năm sau ông già của bé Mười, sau một bữa nhậu đã bị trúng gió và chết. Nhà thì nghèo không đủ tiền lo liệu ma chay,

nên bà mẹ của Mười phải nhờ ông liên gia trưởng đi quyên tiền bà con lối xóm để có số tiền mua hòm và mượn xe đến đem xác ông đi chôn.

Nửa tháng sau má con Mười dọn nhà đi nơi khác ở. Từ đó, Trang không biết gì về gia đình của bé Mười nữa. Và chiều nay, năm trôi thêm qua, Trang gặp lại Mười, không phải là con bé mặc quần áo cũ kỹ, mà là một cô gái dậy thì nẩy nở, đầy nhựa sống. Và «cái» dậy thì đầy nhựa sống đó đã biết tiếp xúc, đã biết giao du với người con trai, và là một người ngoại quốc. Một người Mỹ da đen!

Tự nhiên Trang thấy buồn tủi trong lòng. Không phải anh buồn tủi vì cô bé Mười năm xưa giờ đây lớn lên đã quên anh nhưng anh buồn vì «bé Mười» đó đã thành một công cụ của những người xa lạ tới đây. Họ dễ dàng thân nhận những người con gái bé nhỏ — như Mười — quá.

Từ sự buồn, tức tức giận vợ, Trang quay ra hằn học nói với người Mỹ da đen vẫn ngồi bên cạnh. Y đã gọi thêm một

chai nữa để uống.

— Đó, anh thấy không. Người con gái vừa đi qua là con nhà tử tế đó. Tôi biết rõ gia đình cô ta. Và một người bạn của anh đã «hiếu» cô ta.

Như không biết rõ lời nói chua chát của Trang, Người Mỹ da đen chép miệng nói:

— Tôi rất tiếc không được quen biết một người con gái nào như cô vừa rồi. Tôi cần lắm. Từ khi sang đây tôi chỉ toàn gặp những người con gái làm tiền nham nhờ không chú ý cẩn thận là chúng lấy hết tiền của mình. Những lũ trẻ con dẫn gái. Và chỉ có thế mà thôi.

Trang cau mày:

— Tại anh chỉ thích đi tới những chỗ mà chỉ có bọn họ thôi thì anh gặp sao, nổi những loại người con gái như cô vừa rồi.

Người Mỹ da đen gật đầu:

— Tôi hiểu. Nhưng nào tôi có quen ai để được giới thiệu hoặc được quen biết đâu.

Y ngập ngừng nói thêm:

— Nếu anh giúp tôi.

Trang xua tay:

— Không. Tôi đâu có thì giờ để đi làm những chuyện đó. Nếu làm như vậy, tôi cũng như lũ trẻ con kia hay sao?

Người Mỹ da đen vội vã lắc đầu:

— Anh đừng nói thế. Tôi không nghĩ như vậy đâu. Tôi đang cần có bạn. Bạn trai hay gái. Những người bạn chân thật. Gặp anh tôi quý anh lắm, nhưng chắc anh chưa hiểu ý của tôi.

Trang gật đầu:

— Có thể như vậy.

Người Mỹ da đen dơ tay:

— Thôi chúng tôi tạm chia tay. Hẹn bữa khác gặp anh ở đây.

— Good bye! It's nice to see you again.

Khi người Mỹ da đen đi rồi, Trang mới chợt nhớ ra bạn của mình chưa tới. Trời đã bắt đầu tối. Đèn đường đã bật. Mãi nói chuyện, anh đã không để ý đến giờ giấc. Nhìn đồng hồ gần 7 giờ. Trang đoán chắc bạn mình đã kết chuyện gì đó nên không thể đến đón anh được. đành đi bộ về vậy. Trang tự nói với mình.

— Tính tiền cô Mai. Bữa nay tôi đành phải đi bộ về. Tên kia tôi giờ vẫn chưa lại.

Nhìn những chiếc xe chạy qua — xe nào cũng có khách ngồi — cô chủ quán cười:

— Thôi đi bộ cho khỏe chân. Sức mấy mà đón xe lúc này.

★ □

Mây chiều rối tóc

★ BÌNH-ĐẠT-SƠN (KBC 4493)

Chiều nao nắng nhuộm vàng sông Vĩnh
Áo trần dưng chân đỏ bến phà
Cây cỏ đôi bờ xanh đầy nước
Đồng đồng ngọt sữa : lúa đơm hoa

Cửu-long nước cuộn gom về bể
Chín khúc phù sa sóng hận đầy
Mấy dãy nhà tranh thừa tường nhớ
Người đi thương xóm khói mù mây.

Lửa đỏ Phù-Nam đêm chợ Lách
Đạn gạo xung kích dậy ven sông
Chim khuya hải cánh lời tha thiết
Bỏ lại niềm đau giữa bến Giồng

Trái ngọt cây lành chua lửa đạn
Trầu cau héo đỏ chuyện đôi mươt
Tình xưa vĩnh cửu chôn lòng đất
Có lá tròn trắng tắt nụ cười

Chiều nay sông lạnh buồn tẻ tái
Có lá neo thuyền đổi mặt trông
Nàng sẽ nghĩ gì trong đám khách
Họ còn trở lại để sang sông ?

ngày Xuân
tìm hiểu khoa
thôi miên

TÔI ĐÃ
THÔI-MIÊN
HƠN

MỘT TRIỆU
NGƯỜI

★ LÂM-TÙNG-SINH

J. Polgar không phải là một nhà thôi miên học, nhưng ông ta có thể sai khiến bất cứ một người nào bằng nhãn lực của ông ta.

Sau khi tỉnh cơn tự phát giác ra khả năng thôi miên siêu việt của mình, J. Polgar đã thí nghiệm và thành công trước các nhân vật lừng danh hồi tiền bán thế kỷ XX : Thủ tướng Anh Churchill, Tổng thống Mỹ Roosevelt, nhà phân tâm học Đức Freud v v...

Ông đã thử dùng thôi miên sai khiến một người đàn bà cầm dao đi giết người... và kết luận rằng THÔI MIÊN LỰC KHÔNG THỂ LÀM THAY ĐỔI BẢN NĂNG VÀ TÂM HỒN CỦA KẺ BỊ THÔI MIÊN.

Dưới đây là lời thuật của ông J. Polgar.

Trong buổi thuyết trình đầu tiên của tôi tại Carnegie Hall, ở New-ước. Sau khi dùng nhân lực thôi miên một người đàn bà chịu làm thí nghiệm, tôi bảo : « Bà hãy nhìn con dao để trên ghế kia. Đúng nửa tiếng đồng hồ nữa, bà sẽ cầm nó, và đi lên đây giết ông Smith là người đàn ông ngồi ở bên phải tôi này này. Thôi, bà hãy thức tỉnh lại, tôi hẹn bà đúng nửa giờ sau. »

Những lời nói trên đây của tôi đã làm cho hàng ngàn khán giả xầm xì bàn tán. Họ tỏ ý nghi ngờ thôi miên lực của tôi.

Trong khi chờ đợi cái thời gian nửa tiếng đồng hồ là ba mươi phút, là một nghìn tám trăm giây, tôi tiếp tục đọc bản thuyết trình của tôi.

Thình lình, bị mãnh lực thôi miên của tôi sai khiến, bà khán giả nọ vụt đứng lên, cầm con dao và xăm xăm đi lên bục, tiến về phía ông Smith, lúc này đang hồi hộp đến mồ hôi nhỏ giọt.

Tất cả mọi khán giả đều nín thở, theo dõi cuộc thí nghiệm. Bà nọ cứ tiếp tục đi đến

gần ông Smith, và mũi dao sắc bén đã bắt đầu đâm thủng chiếc áo ngoài của ông ta. Nhưng cũng ngay lúc đó, bà nọ rùng mình một cái, loi táy. Con dao rớt xuống đất; ông Smith mới hoàn hồn.

Tôi đứng lên nói :

— Thưa quý ông, quý bà... như lời tôi vừa trình bày lúc này bà khán giả này không thể có hành động vượt quá bản năng của bà ta, không thể nào giết ông Smith được. Nếu không, tôi không dám liều lĩnh. Thực thế, kể cả lúc đang ở trong tình trạng bị thôi miên, một thể nhân chỉ có thể giết người; nếu thể nhân đó có một tâm hồn sát nhân... Và ngược lại, tôi cũng đã thất bại rất nhiều trong những công cuộc sai khiến người ác làm việc thiện...

Để chứng minh lời tuyên bố, tôi mời vài khán giả tình nguyện lên gần tôi, để tôi thôi miên và giao cho mỗi người một tấm thiệp, dặn họ đọc kỹ. Rồi tôi bảo họ trở về chỗ cũ.

Tôi tiếp tục thuyết trình thêm mười phút nữa, làm như không

có chuyện gì xảy ra, rồi mới gọi những khán giả nọ trở lên diễn đàn. Họ trút bày hàng tá đồng hồ, bút máy, bóp phoi lên mặt bàn. Đó là những vật họ vừa lấy cắp của những người chung quanh.

Sở dĩ những khán giả nọ chịu tuân theo lời sai khiến của tôi, làm việc phi pháp là vì họ đã bị tôi dùng tâm lý mê hoặc. Tôi đã ghi trong những tấm thiệp câu này : « Các ông có trọng trách gom góp một số tiền lớn để cứu vớt hàng ngàn đứa trẻ mồ côi đói khát. Những người sẽ bị các ông lột vòng vàng, đoạt tiền bạc là những nhà triệu phú giàu có tiền rừng bạc bể. Các ông cứ can đảm làm việc nghĩa, không có gì đáng ngại ».

Nhưng cũng có khi thôi miên lực của tôi không có hiệu quả đối với người có ý chí mạnh.

Một buổi kia, trong cuộc thí nghiệm với một nhân viên cao cấp của một ngân hàng. Sau khi thôi miên sai khiến ông ta làm được nhiều hành động khác thường, như ký tên vào trên một tờ giấy giả rồi, tôi bảo :

— Đây là một chứng phiếu

50.000 Mỹ-kim. Tôi ra lệnh cho ông ký vào đây.

Tức thì nét mặt nhân viên nọ thay đổi. Bản năng chống đối của một người đứng đắn làm tâm hồn ông ta thức tỉnh trước tình trạng mù quáng vì thôi miên. Ông ta lắc đầu từ chối. Tôi phải ra lệnh tới ba lần, ông ta mới chịu cầm bút ký, nhưng nét chữ nguệch ngoạc đến không ai có thể nhìn nhận được. Thôi ra tuy bị cưỡng bách bởi mãnh lực thôi miên, nhân viên nọ vẫn còn đủ trí khôn để ký một chữ không thể bảo đảm.

Kết quả này cho tôi ý thức được rằng một người bị thôi miên vẫn luôn làm theo ý nghĩ của ông ta, chứ không hướng theo ý nghĩ của thôi miên gia.

Trong một buổi thí nghiệm tại đại học đường Columbia ở New-ước, tôi thôi miên mười tám sinh viên và đưa cho mười tám ly nước và bảo : « Các anh hãy uống champagne hảo hạng đi ». Sau khi đưa ly nước lên miệng uống, họ nhắm nháp như thấy ngon lành lắm. Thí nghiệm một lần nữa với một nhóm khác tôi cũng đưa nước lạnh và bảo

à rượu mạnh, tức thì họ đưa lên miệng uống và phun phì phì xuống đất, như có vị giác của chất rượu mạnh thật.

Tiếp theo đó, tôi gọi một khán giả lên diễn đàn, bảo anh ta : « Tôi sẽ dí một thanh sắt nóng vào người anh. Và tôi cầm một thanh sắt lạnh dí vào bắp tay anh ta. Tức thì anh ta suốt soa đau đớn; và lạ lùng thay trên da thịt anh ta nổi lên những vết phỏng như bị bỏng thật. Mai đến khi tôi bảo rằng tôi không đốt anh ta đâu, những hiện tượng kỳ lạ kia mới biến mất. Ngược lại; tôi bặt một que diêm (que) châm vào đầu ngón tay một khán giả và bảo rằng dĩ đầu một chiếc dũa, người nọ không cảm thấy một chút gì đau đớn, đầu ngón tay không bị phỏng rất, mặc dầu khói đen còn ám ở da thịt ông ta.

Tôi đã cố gắng tìm hiểu, cũng không thể nào giải thích được những hiện tượng nọ cho hợp với khoa học. Và cho đến ngày nay, cũng chẳng có một nhà bác học nào có thể cắt nghĩa cho tôi hiểu tại sao một người đang ở trong tình trạng bị thôi miên, da

thịt nổi lên những vết phỏng, da rằng y không bị dí lửa, cũng như trường hợp ngược lại, một người bị đốt nóng tay lại không cảm thấy bị đau đớn.

Tiếp tục hồng trần cuộc thí nghiệm, tôi đã đạt được những kết quả bất ngờ là có thể dùng thôi miên làm cho con bệnh không cảm thấy bị đau đớn khi lên bàn mổ để bác sĩ giải phẫu.

Tiếng tăm tôi vang dậy khắp Mỹ quốc và lan sang khắp Âu châu.

Một bữa nọ, trong một buổi thuyết trình trước quân đội, một vị tướng lãnh hỏi tôi rằng có thể dùng thôi miên làm một khí cụ không. Tôi đáp :

— Có thể lắm. Và tôi không lấy làm lạ khi nghe nói các cơ quan mật vụ đối phương đã đi trước chúng ta về vấn đề này.

Để chứng minh câu nói của tôi, tôi đã thí nghiệm bằng cách sai khiến một quân nhân, làm một hành động phản quốc. Muốn đạt được kết quả tôi bảo gã rằng hành động đó rất cao đẹp, vì nó phục vụ cho nhân loại, vượt tầm quốc gia nhỏ bé.

Thế chiến thứ hai bùng nổ được ít lâu, giáo sư Estabrooks,

một nhà tâm lý học chuyên về thôi miên, được mời đến phòng cơ quan phản gián ở Hoa Thịnh Đốn. Tại đây, người hỏi ông :

— Giáo sư có thể tin rằng các sở mật vụ Nhật, Ý, Đức khai thác khoa thôi miên để áp dụng vào công tác gián điệp ở Mỹ này không ?

Giáo sư Estabrooks nghiêm trang đáp :

— Có chứ. Đối phương không đợi gì bỏ qua lợi khí này. Chỉ chừng hai trăm gián điệp Trục, bị điều khiển bằng thôi miên lực đã làm hư hỏng mọi kế hoạch dù bí mật, nguy trạng đến đâu — của chúng ta.

Giáo sư Estabrooks đã lặp lại nhiều lần ý nghĩ đó. Ông đã viết : « Công việc thôi miên một vị tướng lãnh để tiết lộ những bí mật, và hành động phản bội lại tổ quốc không quá khó khăn. Bom nguyên tử, khí khí không có tác dụng gì trên bình diện này. Chúng ta phải thêm vào mục khí giới của chúng ta một loại khí cụ : Những khối óc bị thôi miên điều khiển. Những phát minh ghê gớm nhất của

những nhà bác học sẽ còn có tác dụng gì nếu họ đã vô tình bị mãnh lực thôi miên của địch chi phối ? Chúng ta có thể trồng cây vào một thứ hỏa tiễn nào, một thứ trái phá nào, một thứ phi cơ nào nếu một khi chúng ta không thể hoàn toàn tin cậy vào những người điều khiển nó không ? »

Ngay từ năm 1917, một nhà tâm lý học Hoa kỳ đã đề nghị dùng thôi miên sai khiến một sĩ quan tù binh Đức tiết lộ những bí mật của địch. Nhưng những nhân vật quân sự Mỹ đã phản đối phương pháp này, cho rằng vi phạm luật quốc tế đối với các tù binh địch. Nhưng những nhân vật đó đã lầm, vì trong hai trận thế chiến qua, phe Trục đã còn dùng cả hàng trăm nghìn thủ đoạn tàn bạo hơn thế. Tất cả mọi phương tiện để tiêu diệt địch thủ đều tốt, tất cả mọi phương pháp làm chúng mở miệng đều hay.

Trên mọi bình diện, khoa thôi miên đã đạt được chân đứng, từ khoa học đến y học v.v...

Nhưng trong đời tôi, điều

làm tôi thích thú nhất là cuộc tranh hùng với các y sĩ trong một buổi hội nghị y tế quốc tế.

Bữa đó tôi bị các vị bác sĩ nọ tỏ vẻ nghi ngờ thôi miên lực của tôi, và muốn tôi thử tài. Tôi... liền thực hành, mời viên y sĩ hùng hổ nhất lên ngồi cạnh tôi. Tôi đã dùng nhỡn tuyến sai khiến ông ta một cách khó nhọc. Tôi bảo ông ta thở hồn hèn, rồi bảo rằng ông ta bị đau răng. Tức thì nét mặt ông ta trở nên đau đớn và kêu la ầm cả hội trường. Kết quả này đã khiến cho cử tọa phải kêu tôi ngừng lại...

Trước khi giải mê cho ông ta, tôi bảo :

— Thôi, ông hãy thức tỉnh



* DANH NGÔN

— *Khô tâm quá, nên tìm cùng lòng Thượng-đế để cầu an hơn là đem nỗi lòng phú giao cùng người thế.*

MICHAEL

— *Người có thể lực nhất trên kẻ khác là người có thể lực trên chính mình.*

TISSIER

lại, nhưng ông không được nhớ những việc gì vừa xảy ra... Ông sẽ quên tình trạng bị đau răng và trở lại hoàn toàn bình thường.

Nói xong, tôi bật tay một cái. Viên y sĩ nọ đứng thẳng người lên, phá cười và nói với cử tọa: hầu hết là đồng nghiệp của ông ta ;

— Đấy, các bạn thấy không? Tôi đã bảo thôi miên chỉ là trò bịp bợm. Ông Polgar có sai khiến tôi ngủ được đâu.

Dưới hàng ghế cử tọa phải lên những tiếng la ó mĩa mac ăm ỹ. Viên y sĩ nọ vẫn ngơ nhiên không hiểu gì :

— Sao? Các bạn cười gì thế?

* *



Ngậm đắng MÀ CA

Truyện ngắn

● NGUYỄN-VĂN-HỒNG

TÔI không ngờ gặp lại Nga ở đây, thật không ngờ. Ở đây là yếu khu số 10, nằm trên liên tỉnh lộ X. phía bên trên là núi rừng trùng điệp của Trường sơn Trung-Việt, của khúc ruột què hương. Sáng ra có từng mảng khói đá trôi xuống hướng đông nam, những mảng khói tan đi, nhỏ dần theo những luồng gió lạnh. Tại sao Nga lại có mặt nơi này? Đó là câu hỏi lý ra tôi phải nghĩ đến trước nhất. Nhưng không phải chỉ có thể thôi

đâu, hình như lúc gặp Nga tôi đã quên hết mọi sự. Súng nổ dòn tan, bụi bay mù trời, và hình như loại đèn treo này được thắp ở đây thường xuyên từ gần một năm trở lại đây, một thứ đèn phải sáng để xua đuổi bóng tối, phải cháy để cầu nguyện. Để cảnh cáo với cây cỏ rằng có sự hiện diện của ta. Một loại nến chong ở giáo đường. Tôi chỉ biết Nga hồng lên trong thứ ánh sáng đỏ Súng vẫn nổ như bắp rang, trong

những âm thanh chất chứa đó có cả đạn của tôi, một ra-phanh rồi hai ra-phanh, một kết, hai kết, ba kết. Và biết đâu chẳng có Nga góp tay góp tiếng vào. Nếu quả vậy thì thật là bất hạnh cho lũ con của Nga mai này, nói theo điệu quả báo luân hồi. Một viên đạn xéo qua, đằng sau tôi một tiếng kêu của phản xạ, tiếng kêu của một thằng vừa gục xuống, thế là vĩnh biệt những lần cầm trại, điểm danh. Tôi cảm thấy hối hận về những điều vừa nghĩ về Nga. Thật là điên cho những ai nghĩ và tin về chuyện số mệnh, luân hồi, những ân, những oán, những đầu thai, kiếp này, kiếp khác, nói theo một thằng bạn thì đó là những thứ phù phiếm ngu dân. Nhưng mà Nga, em đừng bắn, Tôi không muốn Nga tham dự vào trò chơi lớn này. Tôi chỉ mới nghĩ tới mà bỗng đã ghen ngào. Tôi vờ tiến lên, tôi cố gạt gài lòng can đảm của mình. Tôi tự bày ra một lối bố trí buộc mình tiến lên theo đội hình chữ chi về phía cánh trái, đó là chiến thuật không có trong binh thư. Áp dụng phương pháp này. Có hai cái lợi, vừa để tránh tầm đạn từ hướng thung lũng, vừa

để lại gần Nga. Ở đây cho dù một hành động lỗ bịch chưa chắc đã kiểm soát được, hướng hồ một thế tiến với dụng ý mờ ám trong ý nghĩ. Trận chiến mỗi lúc một khốc liệt hơn, chúng tôi đã có tiếp viện pháo binh, không quân, nhảy dù, những chiếc dù đang đưa như ruồi xanh. Thật là thi vị nếu đây là một cuộc thao diễn, một cuộc tập trận và chúng ta chỉ có quyền xài với đạn mả tử. Tôi lại yên tâm. Một chiến hữu mũ đỏ rơi xuống một đường mương ngay cạnh tôi, hẳn không kịp cuốn dù đã hóm cây tiêu liên sát hông tôi như sẵn sàng nhả đạn. Tôi cố cúi xuống thấp hơn để nhỏ hẳn cao hứng thì bỏ mẹ. Người lính dù buông giọng như thân mật, hay ít ra cũng quen biết nhau rồi.

— Ê bồ, còn thuốc lá không, hết từ chiều chưa kịp mua, đổi thuốc thì đếch làm gì được. Cho điếu.

— Tôi không biết hút, ghê lắm như cha là hết nước.

— Ờ m. lính tráng gì tôi vậy con, thời buổi này mà không hút, cù lẩn con ơi! mẹ kiếp.

Quả tạt đạn rơi đúng chỗ thằng mũ đỏ nhảy xuống lúc này, thật là may, nếu nó không lại gần tôi để xin thuốc! Đắt bán tung lên. Thằng mũ đỏ coi bỏ gạn li vẫn oang oang như trong một cuộc dạ hội. Giọng thật bình tĩnh:

— Xáp lâu chưa?

— Mới!

— Đồng không?

— Biết!

— Còn mình?

— 3 đại với mấy thằng d.

9 9

Tôi nhìn rõ gương mặt người lính nhảy dù, hẳn cũng nhìn tôi như một tự kỷ ám thị, hẳn nói với giọng kể cả.

— Ra trận mà đeo lon, ngu như bò! Khóa mấy?

Tôi nhìn hẳn, chắc chắn là không có chút thiện cảm nào, nhưng:

— Ê thầy, thầy nhớ ra con?

Người lính nhảy dù tiến về phía tôi còn cách hai bước.

— À, té ra... (ngập ngừng)

— Con là Đồng nè thầy,

Đồng chân chì, trưởng ban văn nghệ lớp đệ nhất B2, thầy không nhận ra sao?

— Thầy bà cái cục c... mày đi biệt động là phải, tao tiết rồi, tao nhớ ra rồi.

— Thầy còn nhớ con Nga không thầy?

— Đã bảo đừng có thầy trò chi hết, Nga nào?

— Nga ở cuối đường vô Tánh, gần bờ hồ đó, Nga trước học ở Yersin đó.

— Hẳn sao? Mày vẫn lằng mằng ra phếch, coi chừng chết. Không phải ở đâu cũng đem chuyện con gái ra được hết.

— Không, Nga nó có trong trận này kia mà, không biết nó...

— Một tầm đạn lửa đi giữa khoảng cách hai chúng tôi, tôi chợt nhớ cái giọng rất chi mô phạm của ông thầy Việt văn mà tụi lớp tôi vẫn đặt cho ông một cái tên rất hợp: Tiến rằng vàng, ông ta là Đặng anh Tiến, ăn nói có duyên, bạo miệng, vua khâu dâm, chỉ phải cái tôi rất nhất gãi, có nhiều đứa dựa vào yếu tố sau cùng kết luận rằng liên rằng vàng dè ngầm.

Nhìn nước da bánh mặt, với màu đối thoại xem như một phát giác mới nhất, tôi thăm bảo trong lòng: thôi, đúng rồi. Chuẩn úy Đặng anh Tiến là con đẻ giữa núi đồi lụa thừa của Đà Lạt. Con đẻ bị dày ra giữa một ốc đảo của chiến cuộc, Tiến rằng vàng khoáng gái và ưa vàng tục tuy nhiên hẳn đóng kịch đạo đức quả là một diễn viên tài ba, hẳn làm tròn vai trò một ốc tòi đương vẽ lại hình ảnh của ông thầy năm xưa thi viên sĩ quan nhảy dù hồi tôi.

— Mấy lên bao giờ mà tài vậy? Chẳng đi trước tao à?

— Dạ 19, mới lên được 5 ngày nay.

— Đóng ở đâu?

— An Khê? Còn thầy?

— Đã bảo ở đây không phải là trường học, cứ thấy thầy hoài tao cho phép mày gọi tao như tao gọi mày vậy, nếu mày cảm thấy khó xưng hô thì gọi tao là chuẩn úy, tao gọi mày là thiếu úy, có cần thì thêm cái tên phía sau cho nó đậm đà cũng chẳng sao, mày không thấy trở ngại chứ? Tôi vừa cười vừa lặp lại câu hỏi:

— Dạ, vậy, dạ thầy. Chuẩn úy đóng ở đâu?

— Tao đóng ở hậu cứ, dưới Qui-Nhơn kia, tao đã đem nhà tao xuống đó luôn rồi, ở tao quen, mày có vợ con xơ muối gì chưa?

— Dạ chưa! Không chừng cuối tháng con có phép xuống Qui-Nhơn đó, có lẽ nhờ thầy mai mối.

— Tao cảnh cáo lần chót, không có thầy trở cớ khó gì hết mày đừng xưng con tao đâm ngược! Coi chừng kia mày! Tôi nằm xuống theo tiếng la thất thanh của chuẩn úy Tiến, của ông thầy liệt văn Đặng anh-Tiến của con đẻ ngăm răng vàng.

Giữa lúc ấy thì hỏa lực của địch bỗng mạnh lên, như một ngọn đèn sắp tắt, địch phản công dữ dội, chúng ở trong thế gọng kìm của chúng tôi, gồm thủy, lục, không quân và pháo binh có đủ. Hình như chúng phản công để mở huyết lộ. Chúng tôi phải trở về vị trí cố thủ để tự vệ, do đó câu chuyện giữa chuẩn úy Tiến và tôi phải dừng lại nửa chừng.

Sau khi tham dự một buổi họp báo, được thiết lập ở một rừng cây phía thung lũng, tôi đưa Nga về. Buổi họp báo được tổ chức như một cảnh trong phim thời sự, có những cố vấn Mỹ, có vài vị tướng tá, với những lời khen tặng, ca ngợi và huy chương. Tôi cố rảo mắt tìm viên chuẩn úy nháy dù nhưng chẳng thấy, có lẽ ông thầy của tôi đã đáp trực thăng về lại hậu cứ hay ông ta lại bất bình về lối xưng hô của tôi nên không bao giờ trong cuộc đời ông lại muốn cảnh cáo tôi một lần nữa. Một thứ tình sư đệ bỗng rất rào trong huyết quản đó. Có lẽ đây là lần đầu trong đời tôi cảm thấy và tin được rằng có sự qui mến chân thành, thiêng liêng về một ông thầy học, bình thường tôi khinh họ, tôi gớm, tôi tởm đến giọng về những vị giáo sư khả kính của chúng ta.

Nga quay lại hỏi tôi:

— Anh đương thả hồn nghĩ lung gi đó?

— Đâu có, anh đương nghĩ đến em, đến tương lai của chúng ta, của tôi, của em và những kỷ niệm bé thơ của mình với

phổ phường Đà-lạt. Anh thêm một giọt cà phê Thủy-tạ, và hình dung trời, sương mù ở Luân Đôn. Với anh, Đà Lạt bây giờ xa còn hơn Luân Đôn của những ngày học địa lý nhất niên nhị niên. Anh nhớ từng đêm gió lùa qua khu học xá, gió có mang theo tuyết mỏng, gió tuyết không làm anh lạnh, trái lại anh thêm, anh ao ước gió mạnh, gió nhiều hơn nữa, để anh được đi em qua những con dốc và đo hơi ấm của hàn thử biểu trong chính lòng bàn tay của em.

— Anh khéo nịnh, làm to rồi bỏ ới! Em đâu còn như xưa nữa em hư hỏng lâu rồi, từ dạo anh chưa vào quân trường kia, anh cứ giả vờ thơ ngây, con gái ghét thứ đàn ông đó, dù họ biết là các anh đóng kịch.

— Anh biết hết rồi. Anh thuộc lòng từng chi tiết, còn hơn là người ngoan đạo thuộc những lời kinh nghi thức ở nhà thờ, nhưng anh nói những điều ấy với ai, không lý anh đem chuyện của em ra kể cho bạn bè anh cho viên chỉ huy trưởng anh nghe à? Nga đi nép vào tôi, đoạn đường trở về yếu khu lổm chổm

sỏi đá và có nhiều dốc cao dựng đứng. Tôi nhìn vào đôi mắt của Nga thật lâu, nhìn như để tự vấn mình, có gì ở đó, cái gì đã làm đôi học trò của tôi đánh mất những hồn nhiên, cái gì ở đôi mắt ấy đã giúp tôi phấn đấu, cái gì? Cái gì đã biến tâm hồn tôi chóng cần cỏi? Tôi bảo Nga vừa đủ nghe.

— Anh có tin rằng anh biết hết mọi sự không? Nếu tin thì anh khỏi phải kể lại, vì mỗi lượt chỉ nhờ đến không thôi cũng đủ để anh thấy những mất mát rồi. Chắc em thừa biết chúng ta sống trong những lừa đảo, không lừa đảo là đại, nhưng lừa đảo nhiều quá, đôi khi đánh mất chúng mình, ở một lứa tuổi nào đó, một hoàn cảnh nào đó, một ngôi trường nào đó, người con gái làm công việc yêu đương cũng như sáng ra phải súc miệng, đánh răng nói cách khác anh không trách con gái kể cả em, vì người đời ai lại chẳng vậy, phải đếm cửu chương chứ, song thay vì hai lần một là hai hai lần hai là bốn hai lần ba là sáu, hai lần bốn, là tám, năm lần một là năm, năm lần hai là mười, năm lần ba mươi lăm,

năm bốn hai mươi, năm năm hai mươi lăm. Các em lại đọc chín tám mười một, chín tám bảy hai, chín bảy sáu ba, chín sáu năm bốn thế là thế nào?

Nga nắm lấy tay tôi thật chặt nâng cúi xuống thấp, hất tâm mắt về mắt tôi một cách tình nghịch biểu lộ một thứ trách móc nũng nịu thật dễ thương. Giá không có những vị sĩ quan đi về theo sau, tôi đã bế Nga lên hay ôm ghì nàng vào lòng để hôn những chiếc hôn thương. Tuy vậy tôi vẫn tìm lại được những cảm giác êm ái xưa kia, những cảm giác tôi đã trót phung phí ở dọc cuộc hành trình của tuổi chiến cuộc. Những cảm giác tôi đã chia sẻ cho Nga trong tình yêu Nguyên Đăng.

— Anh không ngạc nhiên khi gặp Nga ở đây sao?

— Có chứ, nhưng ít thôi.

— Sao Nga chẳng nghe anh hỏi gì hết?

— Anh có ngạc nhiên, đã làm luật sư không công cho em, anh tự đặt các câu hỏi rồi anh giải thích lấy, ban đầu anh tưởng em sung vào nữ trợ tá,

em làm sĩ quan cứu thương, sáng nay nếu không có cuộc họp báo lộ thiên ấy chắc anh cũng không đoán ra em đi làm phóng viên chiến trường, kể ra đều cũng hợp với mơ ước của em đó chứ? Có điều con gái nên ở Sài-gòn thì hơn, đi trận là cướp nghề của con trai, đi thử một hai lần ném mìn cho biết là được.

Tiếng súng vẫn lác đác nổ, đêm giao thừa ở đâu đây? Tiếng súng không liên lạc làm tôi nhớ đến những năm đốt pháo lậu. Tôi nhớ đến những phong pháo dài của ông anh rể tôi. Tôi có người anh rể rất khoái chơi pháo, và nhìn mai nở vào một mùa xuân trước đây tôi đã thức trắng đêm với anh tôi, tôi chăm sóc cành mai, tôi chia vui với anh tôi khi có một nụ mai nở 7 tai, 9 tai, 10 tai. Đó là những mùa xuân trọn vẹn cả đời tôi. Bây giờ thì hết rồi! Tôi không còn một lý do gì để trở về nữa. Anh tôi đã già hơn xưa, hẳn thế, em tôi sẽ thay tôi làm công việc đó, các cháu của tôi sẽ lớn lên có vợ có chồng. Mẹ tôi suốt đời mù mắt, công lung nhìn đàn con

lớn lên mất hút ở gốc đa cuối làng, với tương lai là những dãy đèn treo, loại hỏa châu thấp thay cho bạch lạp hai hàng với đất đai là đồng hoang cỏ cháy, với ruộng vườn là bom đạn cày sâu, với mùa cào cỏ, lấy thây người làm phân bón cánh đồng. Anh ơi, chị ơi, mẹ ơi, em ơi, các cháu ơi, bằng hữu tôi đâu hết rồi? biết bao giờ chúng ta cùng trở về tụ hội đông đủ trong một ngày giỗ tổ? không bao giờ hết. Tôi cảm thấy tủi hổ. Tôi bùng mặt khóc. Tôi nhớ về dĩ vãng, một thứ dĩ vãng kết bằng những ngày tháng nhọc nhằn với những lời ca cay đắng. Tôi muốn ngã xuống thật mau để thân thể khỏi phải hứng thêm những mùa nắng hạ, tróc vẩy sồn vai. Tôi chạy trốn, nhưng phải chạy trốn ở đâu đây khi ám khí phủ đầy trời, khi mớ tóc khô cần đã ngã màu già nua. Tôi lại nghĩ về một mùa xuân có chim hoàng oanh réo rắt ngợi ca bình minh — những con chim với tiếng hót thanh bình mời gọi. Tôi phải rủ thêm những thằng bạn thân, chỉ một hai người cũng đủ, chúng ta cũng ngấm lại địa bàn

chúng ta tự chọn lấy một phương hướng để làm một cuộc xuất hành năm mới.

Tôi chợt thức giấc, Nga vẫn nằm bên tôi, ngáy ngon lành. Nhìn thể phàm của Nga tôi nghĩ đến sự vụng về của những cô con gái tập làm mẹ cho đứa con so. Đứa con mà từ lâu tôi vẫn nao nức đợi chờ một bà mẹ đảm sanh. Đứa con mà tôi sẵn sàng nhường ngôi để tự nó bắt đầu làm lại những ấn tin cho một kỷ nguyên mới. Đứa con được nuôi bằng sữa mẹ, đứa con lớn lên trong đất đai phì nhiêu, trong ruộng đồng quê hương; có lúa ngô nặng bông, sây hạt mà không cần phân bón bởi thầy người Bếp lửa giữa căn nhà sắp tàn. Căn nhà vách gỗ, lợp lá, bụi đồ cao chuyền bảm dầy Căn nhà ở yếu khu số 10 nằm trên liên tỉnh lộ X. Tiếng tí tách của những thối củi sau cùng làm tôi liên tưởng đến những cái tết ở nhà quê, những nồi bánh tét, bánh chưng, bánh rò, thơm phức mùi nếp mới. Tôi, thể hệ chúng tôi đã làm thân củi khô chum vào lò lửa đỏ. Thế hệ của con cái chúng tôi không phải là thế hệ của những cây củi khốn nạn đó. Phải không Nga! Anh chờ đợi một mùa giá g sinh — Anh không

muốn em phải hà hơi cho con biết nói, anh cũng không muốn đứa con chui ra từ cánh tay của em đã phải bước 5, 7 bước trên hoa lá ở khu vườn thượng uyển nào cả. Con là con, con không phải là cha Em hãy ngủ thật ngoan, em sẽ mơ thấy voi 10 ngà, em sẽ thấy mình nằm trong hoang cổ, em mơ gì tùy ý em, nhưng mai sáng khi từ bỏ chiến trường này, trở về Saigon nhớ mang theo cho anh niềm an ủi sau cùng đó. Anh gọi về cho em một ít mây trời Đà Lạt. Anh ở lại, anh bằng lòng ở lại, tiếp tục làm phân bón, làm những cộng rơm khô. Mùa giáng sinh thứ ba trong lịch sử nhân loại đang tới.

(Viết để làm quà Xuân cho Đoàn-minh-Hải, Võ-Thế-Nghĩa).



những tay tồ

trong ngành gián-điệp

LỪNG DANH QUỐC - TỂ

★ **NGUYỄN-MINH thuật**

(Tiếp theo Phê-Thông 183)

**LÝ - LỊCH ĐÔI VỢ
CHỒNG**

Tháng 2 năm 1960.

Sở phản gián và cơ quan tình báo Trung ương bộ Chiến Tranh Anh quốc nhận được một văn thư mật của sở phản gián thuộc bộ Hải Quân báo cáo về việc mất các tài liệu sáng chế hai loại vũ khí của quân đội Hoàng Gia là Tiềm Thủy Đinh Nguyên Tử Elizabeht II và phần lực cơ siêu thanh phóng pháo H. T. 21.

Thật là một tin động trời, tuy

nhiên việc bị đánh cắp này chưa hề tiết lộ ra ngoài, nên dân chúng và quốc tế không hay biết. Và lại, phòng phản gián bộ Hải quân qua ý kiến của Thủ Tướng, muốn giao cho hai cơ quan S. I và MI.5 là hai cơ quan phản gián dân sự và quân sự tài ba nhất của Anh, hợp tác cấp thời truy tìm « cá mập nhí trùng » cũng như phải khám phá cho được mảnh lưới gián điệp Nga đang hoạt động tại Luân Đôn.

Chiều ngày 3-4-1960 một điệp viên quan trọng và tài ba của sở tình báo Trung ương; bí số L.18 được biệt phái tới phòng nghiên cứu phát minh bộ Hải Quân, dưới nhiệm vụ họa viên đồ bản.

Có dáng dấp nghệ sĩ, mái tóc bông bông, đôi mắt sâu dưới cặp mày rậm, L.18 là một nhân viên giỏi, sau một tuần làm việc, anh đã dò la được vài chi tiết.

Mỗi tuần, từ Salisbury có một đôi vợ chồng son trẻ mới cưới, ông chức loại thường, chàng giúp việc tại bộ Hải quân Công xưởng Salisbury, tên chàng là Harry Houghton, còn nàng Ethel Gee từng sự tại văn phòng chỉ huy Trường Cơ xưởng.

Họ vừa cưới nhau, hơn năm tháng, sống rất hạnh phúc nên thường đưa nhau về Luân Đôn nghỉ cuối tuần gần bên hồ Devonshire Road.

Ông Harry Houghton năm nay vào khoảng 28 tuổi, còn bà Ethel Gee 25 tuổi, họ có dáng dấp mảnh khảnh; nếu ông Harry tóc nâu, màu hung xám, mặt vuông, thân hình không cao thì Gee tóc bạc màu hung, mắt xanh nước

biển, mũi dọc dừa, miệng luôn có nụ cười xinh và cao hơn chồng.

Họ lại có người bạn rất thân là kỹ sư Gordon Arnold Lonsdale thuộc phòng phát minh, năm nay 36 tuổi, tóc đen, mắt nhỏ, trán cao, thân hình mập mạp, miệng cười rất duyên và tánh tình rất vui vẻ, chính căn nhà là của ông ta cho vợ chồng Harry Houghton thuê hằng tuần.

● Nhân vật thứ tư lọt bầy

Và người thứ tư bị giăng bầy bắt đó là Lonsdale, anh ta vẫn yên chí là tổ chức chưa hề bị bề nên cứ thản nhiên đi nhậu tối hôm ấy.

Mãi một giờ hơn, anh ta trở về nhà, vừa bật đèn bước vào nhà, anh ta giật nảy mình khi bắt gặp Georges Smith ngồi đấy tự bao giờ.

Anh ta lấy lại bình tĩnh gay gắt:

— Ông là ai?

Smith lạnh lùng đáp:

— Scotland Yard!

Lonsdale cho tay vào túi nhưng đã muộn, hai người đàn ông khác

đã khóa tay anh ta dẫn ra xe!

Tại sở trung ương tình báo, cả bốn người trong tổ chức gián điệp đánh cắp tài liệu phát minh vô khí tối mật gửi về điện Cẩm lĩnh đều bị sa lầy. Mỗi người bị nhốt trong một căn phòng riêng, chờ đợi cuộc thẩm vấn.

Mở đầu cuộc thẩm vấn là anh chàng Lonsdale, anh ta được gọi lên gặp «ông già» đầu tiên, ông già nhìn anh ta chậm rãi bảo:

— Nào, ông bạn kỹ sư của tôi có biết điều không? chúng tôi sẽ sẵn sàng đón tiếp những người làm lạc.

Nở một nụ cười ngạo mạn trên môi, Lonsdale im lặng để trả lời cho «ông già».

Mặc dù hết ông già, tới Smith và các nhân viên thẩm vấn chuyên môn khác, Lonsdale vẫn cứ cứng đầu cứng cổ im lặng. Anh ta bảo:

— Các anh có thể hỏi tôi tất cả những câu hỏi mà các anh cần. Nhưng câu trả lời của tôi sẽ là: không biết — đó là điều khiến các anh mệt đấy nhé!

Không chán nản, hết ông già tới Smith, tới tấp chất vấn

Lonsdale một cách kiên nhẫn:

— Tại sao, anh mang trong người hai thứ tiền 1500 anh bân và 5 anh bân. Tại sao anh lại mang chi phiếu mà không mang tiền mặt? Tại sao chi phiếu 1500 anh bân lại bỏ vào bao thư mà không có địa chỉ người nhận... tại sao, tại sao?

Lonsdale vẫn cắn khầu, Smith vẫn hỏi:

— Tại sao anh mang 15 giấy đô la 20 mỹ kim trong một bao thư khác? Tại sao cũng không có địa chỉ người nhận?

Lonsdale vẫn im lặng, Smith xoa tay, bập môi, cuối cùng bảo:

— Khá đấy!

Mặc cho Smith nói gì thì nói, Lonsdale vẫn một mực giữ vững thái độ im lặng, tuy nhiên đối với ban phản gián thì việc kiên nhẫn là thường, bởi phải thừa sức chịu đựng mới có thể khai thác được bọn cứng đầu cứng cổ như các tay gián điệp Nga. Sau cùng Smith chợt nghĩ là cần khai thác Houghton và Gee hơn là châu chực Lonsdale mãi, điệp viên 18 của cơ quan phản gián trung ương, đành gật gù:

— Lonsdale anh can đảm lắm, nhưng chúng tôi sẽ tìm ra manh

mỗi trong nay mai, mà lúc đó... như anh biết tội của anh nặng lắm, anh có thể chết hiểu chưa?

Lonsdale mỉm cười, hần chột gọi giết Smith lại, chàng hơn hờ xoay lưng về phía cửa:

— Thế nào, anh đã biết điều rồi nhỉ?

— Không phải thế, tôi mới nói, nếu tôi ở vào trường hợp ông tôi sẽ làm như thế mà thôi, và ông, nếu ông ở vào trường hợp tôi ông sẽ làm gì?... Smith hăm hăm bỏ đi ra ngoài, chàng dặn dò viên lính canh:

— Không cho uống, không cho ngủ nhé!

Smith cho điện Houghton lên trước, chàng bật đèn chiếu ngay mặt hần đoạn hồi:

— Thế nào, anh bạn chắc biết điều hơn đồng đội chứ? Lonsdale đã nói tất cả. Houghton có vẻ nghi ngờ, mặt hần xam lại, Smith nhận ngay về thay đổi của đối thủ chàng bắt mạch được sự lo nghĩ của đối phương, chàng nói thêm vào:

— Lonsdale cho biết anh và hần cùng trong tổ chức K. G. P.

có đúng không? Anh, cần biết điều, và lại anh chỉ là đồng lõa, chính Lonsdale mới là chánh phạm.

Quả nhiên Houghton, chỉ là một con cừ non của Smith, anh ta chép môi thở dài lưỡng lự giây phút đoạn nói toạc ra:

— Tôi là cựu sĩ quan tình báo của Nga, về sau được bổ dụng vào cơ quan nghiên cứu chính trị cục và được theo học lớp gián điệp Ukraine, sáu tháng sau tôi được đưa sang đây và từng sự tại Salisbury với tên Harry Houghton:

— Tên thật của anh là gì?

— Morris Cohen Kroger! 31 tuổi gốc vùng caucasic.

— Hôm nay anh gặp Lonsdale để làm gì?

— Để nhận tiền lương của tôi 125 anh bản.

— Còn 15 tờ đô la 20 đồng là tiền gì? Tôi chưa được biết?

— Tiền đó là lương của Alex?

— Alex là ai?

— Người đàn ông bị bắt, anh ta là gián điệp Nga, làm việc tại tòa đại sứ Mỹ.

Smith giết mình, chàng không ngờ bọn họ lại có nhiều tay tổ như vậy, chàng lấy lại vẻ mặt thần nhiên và nói:

— Alex cũng là nhân viên của Lonsdale sao?

— Vâng, Lonsdale là Đại tá Nobotonlev Pinsdaski chỉ huy cục bộ phản gián KGP tại Luân-Đôn.

Vợ được của bỏ, Smith mừng rỡ, chàng vỗ vai Houghton bảo:

— Anh bạn đáng thưởng lắm!

Sau đó chàng cho đòi Ethel Gee sang phòng riêng, vừa bước vào buồng mẹ ta đã lên tiếng:

— Tôi không có tội, tôi không làm gì phi pháp cả.

Smith mỉm cười, chàng bảo:

— Vâng tôi biết bà vô tội thưa bà Lena Helen Kroger!

Mặt Lena Helen Kroger tái xam lại, mẹ ngã ngồi xuống ghế, Smith hỏi:

— Thế nào, bà có nói thật nội vụ chứ?

Biết có dấu cũng vô ích, mẹ Kroger khai huych toạc ra:

— Alex chính là Alexander Johnson phục vụ tại tòa Đại sứ Hoa kỳ với chức vụ Tham vụ văn hóa

tòa Đại Sứ. Alex chính là Đại úy Travinski Pelevnov tình báo Hải quân Nga đặc trách cục bộ đánh cắp tài liệu mật của bộ quân lực Anh gửi sang tòa Đại Sứ Mỹ nhờ tu chính. Chính Johnson từng là tùy viên Hải quân tòa Đại sứ Mỹ tại Thổ Nhĩ Kỳ và tại Phi luật Tân, chính vì đó, hần đã từng đánh cắp các tài liệu quan trọng về tiềm thủy đỉnh nguyên tử Nautilus và Polaris trao cho Nga, chưa hết chính bản đồ phòng thủ Clark một căn cứ không quân quan trọng của Hoa kỳ tại Phi luật Tân cũng do hần đánh cắp, vì thế mà năm 1960 hần được đưa tới Luân Đôn làm phụ tá cho Lonsdale tức Đại Tá Pinsdaski.

Công trình của vợ chồng Kroger tìm mọi cách đánh cắp tài liệu của căn cứ Hải quân Salisbury trao cho Alex, sau đó Alex sẽ tìm gặp Lonsdale trao cho ông ta, kể đó Lonsdale sẽ tiếp xúc lại với vợ chồng Kroger tại tòa biệt thự ở Ruislip Road xác định là tài liệu giả hoặc thật. Hôm mà họ bị bắt chính là hôm Alex nhận tài liệu của cặp vợ chồng Kroger; chẳng dè mòng lưới của họ bị bẻ và bị tóm trọn ở.

Ở gián điệp ở Tòa biệt thự Ruislip Road.

Những tài liệu điều tra được qua các lời khai cung của nhân chứng mà cũng là đồng lõa, điệp viên Smith đưa bà Kroger về căn nhà tại Ruislip Road, vì chính là trụ sở gián điệp quan trọng của nhóm K.G.P. Liên xô. Theo chân đôi vợ chồng mụ Kroger còn có "ông già" tức Sir Winston Halifax Thanh Tra Ferguson, Trung Sĩ Winter Bottom, Smith và cả Anne Parker một nữ thám tử của Đội tình báo phụ nữ.

Smith biết rằng Lonsdale tổ chức ngôi nhà của hắn thành một trụ sở kiên cố bảo đảm an ninh và khoa học, một kẻ đột nhập, một điệp viên khả nghi tức thì bị khám phá ra ngay, nhờ một hệ thống điện tử từ trường đặt ngầm khắp nơi, các luồng điện này sẽ quy về một máy khuếch âm phóng đại rồi vào máy vô tuyến truyền hình và vô tuyến điện ký, do đó chẳng những hình ảnh kẻ lạ hiện lên trên màn ảnh mà đến tiếng động thuộc loại gì cũng được ghi nhận đầy đủ chính xác.

Xem như thế đủ thấy nhóm

K.G.P làm việc rất chu đáo mà việc tổ chức của họ cũng tinh tế tới mức tuyệt kỹ.

Trong khi đó, Lonsdale không hề ở tại tòa biệt thự Ruislip Road mà chỉ đến trú ngụ tại một căn phòng ở đại lộ Canley Drive, số 45 mỗi tháng giá thuê là 20 anh bân (khoảng 4500đ VN)

Tuy nhiên căn buồng này cũng trang bị đầy đủ máy điện thoại mắc ngầm ở trong vách tường, thoại dây cửa chuông đã reo, bên trong có thể để phòng hoặc phi tang tài liệu. Từ căn phòng này Lonsdale có thể liên lạc với vợ chồng Kroger, và chỉ huy một hệ thống các tay điệp viên hoạt động mà hắn không cần phải ra mặt nhờ một loại máy vi âm điện tử loại bỏ túi giống như bật lửa. Máy này có hiệu lực xa những 10 cây số, do đó việc liên lạc rất dễ dàng không thể nào so sánh với các loại NRC45 hoặc CRS200, CRS250 (thuộc loại siêu tăng số điện ký).

Trở lại ngôi biệt thự ở Ruislip Road, mụ Kroger cho biết cơ sở của Lonsdale được hai vợ chồng mụ xư dụng vào mỗi lần đi nghỉ cuối tuần và tại đây Lonsdale sẽ

phân phối công việc.

Smith chân lời mụ :

— Bà có cả danh sách những điệp viên chứ ?

— Có, nhưng tôi chỉ biết các tên giả mà thôi.

— Được, không hề gì, bà cứ cho tôi bảng danh sách ấy.

Danh sách đưa ra, Smith xem xong và bảo :

— Bà nói dối, danh sách này chỉ là những tên giả do bà nghĩ ra, còn danh sách thật không phải thế.

Thường Lonsdale chỉ ra chỉ thị bằng máy điện tử vi âm vậy thì bà làm sao biết được, tuy nhiên tôi chỉ muốn bà chỉ tất cả các cơ sở phòng thủ trong tòa nhà này và các dụng cụ về hệ thống điện tử.

Vừa nói, Smith vừa chỉ cái sắc tay của mụ Kroger đoạn quay sang bảo với Anne :

— Phiên cô xem hộ chiếc sắc tay của bà Kroger, xin lỗi bà nhé.

Parker lục soát tất cả mọi thứ, rằng xé cả lên vài bọc màu xanh nhưng chả có gì. Smith bỗng chỉ chiếc bật lửa hiệu Tardley và lọ nước hoa hiệu Three Flowers nói :

— Đây hai thứ mà tôi đang cần dùng.

Bỗng mụ ta bảo :

— Xin ông vui lòng cho tôi vào phòng vệ sinh

Smith nhìn mụ ta đoạn chỉ Parker dẫn đi.

— Được, bà cứ tự nhiên ... nhưng Parker sẽ đưa bà đi.

Mụ Kroger ngần ngừ, Smith cười bảo :

— Parker cô đưa bà Kroger đi đi.

Quả nhiên lát sau, Parker đưa mụ Kroger ra, mặc mụ tái xám xịt; Parker trao cho Smith một số tài liệu đặc biệt gồm có: một phong bì để trắng không ghi địa chỉ, bên trong đựng một cái thơ 6 trang viết toàn chữ Nga, một miếng «lắc» mờ mờ bao bọc ba vì phim thật nhỏ và một trang giấy mặt mã đánh máy.

Thế là thêm một lần nữa, mụ Kroger bị lật tẩy, quả tang là mụ định thủ tiêu tài liệu.

Sau khi quan sát qua tòa biệt thự ở Ruislip Road được canh gác cẩn mật, mụ Kroger được đưa về xà lim riêng chờ đợi sự khám phá của ban gián điệp trung ương.

(còn tiếp)



★ LÊ - HƯƠNG

(Tiếp theo Phở-Thông số 185)

● TẬP LUYỆN

Vũ nữ phải tập luyện từ năm hay sáu tuổi. Các cô gái bé này do cha mẹ ưng thuận cho vào ban vũ của Hoàng-gia, hoặc tự ý chúng nó thích và xin gia nhập. Dù đi một mình hay theo cha mẹ, những nàng vũ nữ tương lai đều đòi phần, thoa son chắt đầu, mặc chân áo lúc tập múa, bưng một bình hoa đến khấu đầu dưới chân vị Quốc-Vương làm lễ ra mắt.

Sau khi được chấp thuận, các cô được nhà vua cấp cho ít nhất là một trăm đồng (1) gọi là tiền lương trả trước. Tiền này là tiền riêng của Nhà Vua. Kể từ ngày ấy, Ngân khố Hoàng-gia trả mỗi cô một tháng sáu đồng. (1) sau dần sẽ tăng thêm. Xưa kia số tiền này được trả bằng

bạc nén; mỗi cô nhận hai hay ba có khi bốn nén tùy theo sắc đẹp của mình.

Sự tập luyện bắt đầu ngay buổi vào Hoàng thành, nhưng khi nào các cô gái đến bảy tuổi thì mới chịu khổ nhiều hơn. Vấn đề kỷ luật cũng rất khắc khe đối với các trò nhỏ bé này.

Trong tám vị Vũ sư có hai hoặc ba bà thầy tuồng. Chính mấy bà này nhận xét các trò nhỏ qua bộ đi tướng đứng để ấn định vai tuồng thích hợp như Hoàng-tử, Công-Chúa, chàng Tiên nữ *Kinarey* (2) vân vân, rồi giao cho một vị vũ sư gọi là *Krou Lokhon*. Mỗi bà thầy tuồng

(1) Số bạc này vào những năm 1929-1930, hiện thời phải nhiều hơn.

(2) *Kinarey* : Tiên nữ có đuôi chim theo thần thoại Bà-la-môn.

VŨ ĐIỀU CAO MIỀN

đầy 12 trò, bắt đầu tập thân mình và chân tay cho mềm dẻo rồi mới đến những động tác khác nhau, sau cùng dạy trọn một vai và tiếp tục coi sóc các buổi tập duyệt hầu những vũ sư tương lai không quên những gì đã thâu thập cùng là tự ý thêm bớt điệu bộ kiểu cách trái với tục lệ ngày xưa.

Người ta chọn một ngày thứ năm trong tuần để các vũ nữ trình diễn lần thứ nhất, vì ngày thứ năm là ngày tốt được vị thần *Samdach Préah Krou*, ông Tổ nghề hát, chủ tọa cuộc nhảy múa. Theo sự tin tưởng của người Miền vị thần này che chở tất cả môn thủ công nghệ.

Y phục trong lúc học múa của vũ nữ gồm có một cái chân (*Sampot*) bằng vải và một cái áo ngắn tay. Vũ sinh phải mặc chân áo như thế suốt thời gian huấn luyện, đến khi bãi tỏ ra nghề mới được thay y phục khác.

Mỗi ngày vào sáng sớm, vũ sinh học cách làm mềm dẻo thân mình. Đối với những động tác của cánh tay và bàn tay, vũ sinh tập một mình hoặc nhờ một bạn đồng lớp giúp đỡ trong những ngày đầu, theo sự chỉ

dẫn của vũ sư. Cô học trò tập uốn cong, xoay và vận vẹo các khớp xương đến khi nào có thể điều khiển dễ dàng tất cả cánh tay từ chỏ vai đến đầu ngón tay theo những tư thế hết sức rắc rối. Đối với chân và bàn chân, vũ sinh lần lượt nằm ngửa rồi nằm sấp, chính vũ sư đôi khi tự tay vận bẻ để tập học trò cách tự điều khiển.

Kết quả vũ sư mong muốn nhất là : sự tự chế các khớp xương và sự duỗi dài bàn tay. Hai đặc điểm này rất cần thiết và hữu ích cho tất cả vũ nữ điều, luyện đã thu nhận sau một loạt tập tành sơ đẳng về lối xoay các ngón tay, cổ tay, cùi chỏ, bả vai và lối duỗi dài bàn tay. Vũ nữ tập rất dễ dàng nhờ một phương pháp thiên phú đặc biệt của dân tộc này.

Khi vũ nữ không thể đạt được kết quả này sau một thời hạn ấn định, vũ sư phải uốn nắn tay chân mềm dẻo bằng cách đấm bóp các khớp xương, riêng biệt các cổ tay và cổ chân bằng giọt mù sương đọng trên lá cây trong vườn hoa Hoàng-gia.

Trước khi bắt đầu học, vũ sinh phải thiết lễ Bái Sư gọi là Sampéas Krou. Mỗi trò dâng lễ 5 diều thuốc, 5 lá trầu cuốn lại, 5 cây đèn sáp ong, 5 cây nhang thơm, keo đầy nước ướp mùi thơm của khói sáp ong (trong keo nước có 3 cọng cỏ « anh Chiền » để cầu thần phò hộ học chống thành tài và giữ được vẻ đẹp mãi mãi), từ 1 đến 5 bóng cá tùy theo giai cấp của vị Thần (thần về ngành vũ thích bóng hơn lễ vật khác), và một cây kim (mũi nhọn của cây kim chỉ sự bền chí mà vũ sinh quyết học hỏi những bí quyết của nghề nghiệp). Các cô gái nhỏ và các thiếu nữ mới được chọn thủ vai tuồng thứ nhất phải sửa thêm vào những lễ vật trên đây 2 bó hoa nhân tạo cắt trên thân cây chuối non thành một hình tháp 3 bậc gọi là Baysey Pachham; các cô thủ vai phụ dâng hai bó hoa cắt trên thân cây chuối thành hình một cái giỏ tròn và đẹp. Lễ vật đặt trên một cái mâm có chân, vũ sinh bưng lễ trước mặt thầy làm lễ. Bà thầy đáp lễ, chúc trò học giỏi và nhiều ít giọt nước thấm trong keo trên đầu trò. Vũ sinh hít tí nước thơm,

đổ vào tay thoa lên mặt đoạn đem keo nước về nhà sau buổi học. Trong 3 ngày sau, keo nước ấy được vũ sinh dùng cho tất cả buổi học trước khi bắt đầu.

Sau lễ Bái sư, vũ sinh khởi sự tập tuồng. Bà thầy họp từng nhóm học trò đóng chung một vai như: Tiên nữ Kinárey, nữ ti chẳng v.v... và bắt tập đượt từng nhóm riêng rẽ. Vũ Sinh tập đượt không có lời ca, không có âm nhạc đệm; bà thầy múa thử cho trò xem rồi bắt trò làm theo. Bà ngồi xếp xuống sàn cầm cây roi mây dài từ một thước đến thước rưỡi đánh nhịp. Đãi khi có trò nào múa sai hoặc lơ đãng thì cây roi ấy nhịp vào móng để sửa, rồi lại tiếp tục nhịp xuống sàn.

Người ta bắt đầu dạy hai lối múa căn bản có liên hệ với tất cả các lối khác là nhịp vũ chậm: Kbach Rongvel và nhịp vũ nhanh: Kbach Ba-chos. Vũ sinh học nhịp vũ chậm trong ba tháng, nhịp vũ nhanh trong hai tháng, và nhịp và tạm biệt: Kbach Lia, trình diễn ở đoạn cuối vở tuồng, chỉ trong ba ngày. Về lối vũ đi nhanh áp dụng khi bay trên mây gọi là Kbach choet

vũ sinh học trong mười ngày và lối vũ đi vào, đi ra, gọi là Kbach Smeu thì học trong tám ngày. Lối vũ tập đoàn các vị Hoàng tử và các vị Thần gọi là Kbach Mul cần một tháng tập đượt. Trong lối này có nhịp vũ đặc biệt của ông Hoàng Ngos rất tế nhị ở cách múa cây gậy thần, vũ sinh phải học suốt sáu tháng mới xong. Sau chót là nhịp vũ Kbach Chhoet. Chung áp dụng trong trận đại chiến giữa các vị Hoàng-tử hoặc trong lối bay trên mây của các nàng Công chúa, vũ sinh phải học trong hai hay ba tháng.

Khi đã học các tư thế, điệu bộ của vai trò xong, vũ sinh lập lại riêng rẽ vài đoạn của vai mình heo tiếng hát đệm rồi cả lớp tuồng theo giàn nhạc và tiếng hát. Lúc các bà thầy nhận thấy những buổi tập đượt đã đầy đủ, người ta sửa soạn thết lễ Bái thần và vũ sư để thử mang mặt nạ vào trình diễn. Lễ ấy gọi là Pithi Sampéas Krou Lokhon Krop Muk, cũng được chọn một ngày thứ năm trong tuần như buổi lễ Bái sư. Ngày xưa, người ta chọn ngày lễ trong một tháng thuộc về Âm (lịch

Cao-Miền có tháng 30 ngày gọi là tháng Âm, tháng 29 ngày gọi là tháng Dương) thường thường trong vòng một hay hai tháng tốt là tháng ba và tháng năm ít lâu sau, người ta chọn tháng năm và tháng chín, ngày nay người ta thiết lễ ấy giữa tháng bảy và tháng tám, khi người ta làm lễ Bái Thần mỗi năm hai lần thì vài chi tiết được bỏ bớt, đại khái như sự triển lãm dụng cụ bắt voi, nhưng lúc nào người ta làm lễ mỗi năm một lần thì không có chi tiết nào được bỏ sót.

Người ta lập 8 ngôi nhà thờ nhỏ đặt theo tám hướng ở giữa phòng tập múa gọi là Rong hat. Đó là những ngôi nhà ti hom bằng gỗ hay tre, nóc thiếc hay lá, bề cao lối một thước tượng trưng cho nơi nghỉ của các vị Thần gọi là Réan Téveda. Ngôi nhà ở hướng Đông có ba tầng lầu, bảy ngôi khác chỉ có một tầng, nhưng lễ vật bày ra cúng vẫn giống nhau ngoại trừ hai bó hoa gọi là Baysey Thom lớn hơn các bó khác được thêm vào ngôi nhà thờ chánh ở hướng Đông. Lễ vật ấy vẫn là bó hoa cắt trên thân cây chuối, bông tươi, để

Trước khi bắt đầu học, vũ sinh phải thiết lễ bái sư gọi là Sampéas Krou. Mỗi trò dâng lễ 5 điều thuốc, 5 lá trầu cuốn lại, 5 cây đèn sáp ong, 5 cây nhang thơm, keo đầy nước ướp mùi thơm của khói sáp ong (trong keo nước có 3 con ốc « anh Chiền » để cầu thần phù hộ học chống thành tài và giữ được vẻ đẹp mãi mãi), từ 1 đến 5 bóng cà tùy theo giai cấp của vị Thần (thần về ngành vũ thích bóng hơn lễ vật khác), và một cây kim (mũi nhọn của cây kim chỉ sự bền chí mà vũ sinh quyết học hỏi những bí quyết của nghề nghiệp). Các cô gái nhỏ và các thiếu nữ mới được chọn thủ vai tuồng thứ nhất phải sửa thêm vào những lễ vật trên đây 2 bó hoa nhân tạo cắt trên thân cây chuối non thành một hình tháp 3 bậc gọi là Baysey Pachham ; các cô thủ vai phụ dâng hai bó hoa cắt trên thân cây chuối thành hình một cái giỏ tròn và đẹp. Lễ vật đặt trên một cái mâm có chân, vũ sinh bưng lễ trước mặt thầy làm lễ. Bà thầy đáp lễ, chúc trò học giỏi và nhiều ít giọt nước thấm trong keo trên đầu trò. Vũ sinh hợp tí nước thơm,

đổ vào tay thoa lên mặt đoạn đem keo nước về nhà sau buổi học. Trong 3 ngày sau, keo nước ấy được vũ sinh dùng cho tất cả buổi học trước khi bắt đầu.

Sau lễ bái sư, vũ sinh khởi sự tập tuồng. Bà thầy hợp từng nhóm học trò đóng chung một vai như : Tiên nữ Kinárey, nữ ti chẳng v.v... và bắt tập đượt từng nhóm riêng rẽ. Vũ Sinh tập đượt không có lời ca, không có âm nhạc đệm; bà thầy múa thử cho trò xem rồi bắt trò làm theo. Bà ngồi xếp xuống sàn cầm cây roi mây dài từ một thước đến thước rưỡi đánh nhịp. Đôi khi có trò nào múa sai hoặc lơ đãng thì cây roi ấy nhịp vào mông để sửa, rồi lại tiếp tục nhịp xuống sàn.

Người ta bắt đầu dạy hai lối múa căn bản có liên hệ với tất cả các lối khác là nhịp vũ chậm : Kbach Rongvel và nhịp vũ nhanh : Kbach Ba-chos. Vũ sinh học nhịp vũ chậm trong ba tháng, nhịp vũ nhanh trong hai tháng, và nhịp và tạm biệt : Kbach Lia, trình diễn ở đoạn cuối vở tuồng, chỉ trong ba ngày, về lối vũ đi nhanh áp dụng khi bay trên mây gọi là Kbach choet

vũ sinh học trong mười ngày và lối vũ đi vào, đi ra, gọi là Kbach Smeu thì học trong tám ngày. Lối vũ tập đoàn các vị Hoàng tử và các vị Thần gọi là Kbach Mul cần một tháng tập đượt. Trong lối này có nhịp vũ đặc biệt của ông Hoàng Ngos rất tế nhị ở cách múa cây gậy thần, vũ sinh phải học suốt sáu tháng mới xong. Sau chót là nhịp vũ Kbach Chhoet. Chung áp dụng trong trận đại chiến giữa các vị Hoàng-tử hoặc trong lối bay trên mây của các nàng Công chúa, vũ sinh phải học trong hai hay ba tháng.

Khi đã học các tư thế, điệu bộ của vai trò xong, vũ sinh lập lại riêng rẽ vài đoạn của vai mình heo tiếng hát đệm rồi cả lớp tuồng theo giàn nhạc và tiếng hát. Lúc các bà thầy nhận thấy những buổi tập đượt đã đầy đủ, người ta sửa soạn thiết lễ bái thần và vũ sư để thử mang mặt nạ vào trình diễn. Lễ ấy gọi là Pithi Sampéas Krou Lokhon Krop Muk, cũng được chọn một ngày thứ năm trong tuần như buổi lễ Bái sư. Ngày xưa, người ta chọn ngày lễ trong một tháng thuộc về Âm lịch

Cao-Miên có tháng 30 ngày gọi là tháng Âm, tháng 29 ngày gọi là tháng Dương) thường thường trong vòng một hay hai tháng tốt là tháng ba và tháng năm ít lâu sau, người ta chọn tháng năm và tháng chín, ngày nay người ta thiết lễ ấy giữa tháng bảy và tháng tám, khi người ta làm lễ bái thần mỗi năm hai lần thì vài chi tiết được bỏ bớt, đại khái như sự triển lãm dụng cụ bắt voi, nhưng lúc nào người ta làm lễ mỗi năm một lần thì không có chi tiết nào được bỏ sót.

Người ta lập 8 ngôi nhà thờ nhỏ đặt theo tám hướng ở giữa phòng tập múa gọi là Rong hat. Đó là những ngôi nhà tí hóm bằng gỗ hay tre, nóc thiếc hay lá, bề cao lối một thước tượng trưng cho nơi nghỉ của các vị Thần gọi là Réan Téveda. Ngôi nhà ở hướng Đông có ba tầng lầu, bảy ngôi khác chỉ có một tầng, nhưng lễ vật bày ra cúng vẫn giống nhau ngoại trừ hai bó hoa gọi là Baysey Thom lớn hơn các bó khác được thêm vào ngôi nhà thờ chánh ở hướng Đông. Lễ vật ấy vẫn là bó hoa cắt trên thân cây chuối, bông tươi, đẽ

sáp, thuốc lá, trầu, cơm và nước thơm. Trong mỗi nhà có hai bó hoa Baysey Pachham, hai bó Slathor, hai bình đựng nước thơm gọi là Tik áp, 5 cây đèn sáp, 5 cây nhang thơm, 5 chén nhỏ cơm nếp rang nở, 5 chén đầy hoa, một gói thuốc lá và trầu cau. Trước ngày lễ, người taruóc 10 vị Sãi đến phòng tập múa đọc kinh gọi là Sot Monn để cầu phước. Các vị Sãi đến vào buổi tối, ngồi cạnh 8 bó hoa Slathor và 8 bình nước thơm, đọc kinh Phật trước sự hiện diện của các vũ sư và vũ sinh. Đoàn, các vị bảo Vũ sư và vũ sinh lập lại 5 điều cấm của Đức Phật: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

Hôm sau, vào 8 giờ sáng, người ta để một cái sáp trong phòng tập, trên sáp phủ mảnh vải trắng để những mặt nạ và mào: ở giữa là mặt nạ của vị tu sĩ gọi là Muk Eysey, bên trái là mặt nạ 10 mặt gọi là Muk Đốp hay Tossa Muk mặt nạ của vua chẳng, rồi đến mào của Hoàng hậu, Công chúa và mặt nạ của chẳng và người không lồ, bên mặt là mào của các vị thần, vua,

Hoàng tử và những mặt nạ của những vai nam. Trước sáp ở phía trái có một sợi dây da trầu để bắt voi, một sợi dây xiềng chân voi bằng giấy tết lại và một cái móc tai voi để trên một cái mâm gỗ, những dụng cụ này để khấn nguyện các người quá vãng. Cạnh đây có tám bình tháp tiện bằng thân cây chuối non thành ba, năm, bảy và chín tầng, hai bó hoa Beysey Pachham, một bó hoa Slathor, hai keo nước thơm một cái tô lớn đựng nước thiêng (1) tượng trưng một cái hồ gọi là Tik Sambuor và nhiều mâm đựng thức ăn: hai đầu heo sống, hai đầu heo luộc, hai con gà, hai con vịt tươi, hai con gà, hai con vịt luộc, hai con cá bống luộc, hai trái dừa, hai miếng xôi vị, hai đĩa bánh, hai đĩa kẹo mứt, hai đĩa xu xoa, hai chén chuối chưng và hai chén mía tiện từng khâu. Phía trước các mâm ấy có vài mâm đựng vải và vật dụng trang điểm. Những lễ vật này để cúng thần và các người quá vãng, nhưng ngoài ra

(1) Nước thiêng là nước lấy ở giữa giếng sông Tonlésap để cúng kiến theo tục lệ đạo Bà-la-môn.

cũng phải tặng chút ít cho vị chủ bài có phần sự tổ chức buổi lễ. Người ta cho vị ấy năm đoạn vải trắng, bốn bó hoa thơm, bốn mâm trái cây, năm cây đèn sáp, năm cây nhang thơm, một tô cơm, năm đồng bạc và mười hai đoạn vải trắng khác.

Buổi lễ bắt đầu. Bản nhạc Piphat ngồi ở hướng Đông. Gần bên các nhạc sĩ cũng có bảy lễ vật: nhiều bó hoa Baysey Pachham, Slathor và Chom, vài tô cơm, năm cây đèn sáp, năm cây nhang thơm, năm đoạn vải trắng năm đồng bạc, một mâm đựng thức ăn, một mâm đựng bánh trái, hai đầu heo luộc, hai con gà, hai con vịt luộc và năm đoạn vải trắng để dưới cái trống nhỏ Sampho là nhạc khí thần của ban âm nhạc. Người ta đốt tất cả đèn cây và nhang thơm. Vị chủ bài gọi là Tép Robam hay Chumit Sophan đọc lời thỉnh nguyện các vị Thần vũ và Thần âm nhạc. Các vũ sinh đứng lên, bưng mâm lễ vật để cao hơn đầu đi qua bốn hướng Đông, Tây Nam, Bắc. Một vũ nữ rót nước dừa ra tô, một cô khác rót rượu, rồi tất cả hót hột nổ vải ra bốn hướng.

Ông chủ Bài, đại diện cho vị Thần vũ lấy mặt nạ ăn sĩ mang vào, rồi bắt đầu lấy mặt nạ vị Thần 10 mặt Ravana mang vào cho một vũ sinh. Ông lần lượt lấy các mặt khác mang tiếp



Kinārey,
tiên nữ trên
Thượng giới

cho những đứa học trò hiện diện theo mỗi vai chúng nó đã tập. Đoàn, ông cột mặt nạ bằng một sợi dây vải không có xe lại, ông nhúng tay vào nước thiêng rảy nhẹ trên đầu Vũ sinh, chấm đầu thơm xoa trán chúng, kèm chút phấn. Ông ngỏ lời khen ngợi và chúc Vũ sinh thành công và hạnh phúc, rồi gỡ hết mặt nạ ra. Vũ sinh chia từng toán nhảy múa. Nhạc tấu dồn dập. Hết một bài, Vũ sinh ngưng lại, đeo mặt nạ, đội mào rồi cũng nhảy múa lần nữa.

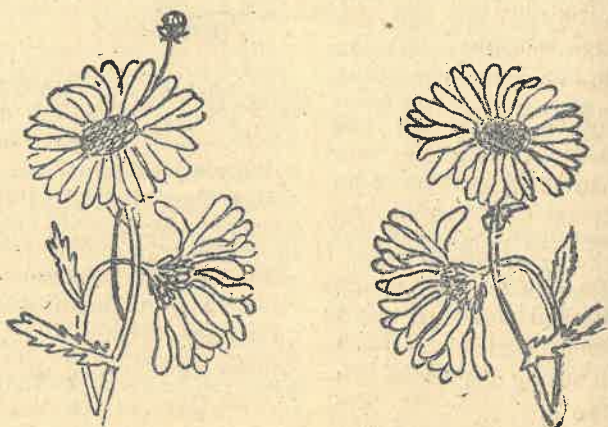
Đến đây, lễ chấm dứt. Các vũ sinh đã thành vũ nữ kể từ giờ ấy và được phép mặc các y phục tùy theo vai trò mình đóng

(Còn tiếp)

MÌNH ƠI! MÌNH ƠI! MÌNH ƠI! MÌNH ƠI!

Mình thích

HOA CÚC



KHÔNG?

★ ĐIỀU - HUYỀN

MÌNH ƠI, Tết này mình có định mua hoa gì về chưng trong nhà cho đẹp không?

— Tùy sở thích của em. Em ưa hoa gì, anh mua hoa ấy.

— Em theo sở thích của mình, chứ bộ! Mình ưa hoa gì, em ưa hoa đó.

— Anh, thì tất cả những loại hoa bán trong dịp Tết ở đường Nguyễn-Huệ, anh chẳng thích một loại nào.

— Em cũng thế.

— Tất cả hoa ấy đều nhảm cả, rửa cả, phải không em? Năm nào cũng ngán ấy thứ hoa, ngán ấy sắc hoa, ngán ấy nhụy hoa. Cứ mỗi năm là người ta đem hoa chưng bày ra đấy, cũng ở một khu đất giả tạo ấy, cũng trong cái chậu trơ trẽn ấy, còn đâu hương phấn thiên nhiên, thanh tao thơ mộng nữa? Tội nghiệp cho mấy cành Mai, khóm Cúc, phải đóng vai tuồng bán sắc buôn hương, làm đẹp mắt cho khách yêu hoa giành nhau trả giá! Khác nào những thân gái diêm, phấn son lõe loét, ngồi sắp hàng để khách chơi hoa lựa chọn, bỏ tiền ra mua. Hết một thời Xuân, cánh hoa tan tã, đời hoa úa tàn. Tết,

anh không thích chơi hoa là thế.

— Với lại, thời buổi này hoa Xuân không đẹp nữa, có phải không Minh?

— Đúng. Hình như lòng trời không thuận, lòng đất không lợi, lòng người loạn ly, cho nên lòng hoa cũng không còn hương nhụy như xưa. Cứ xem như hoa Mai: Bạch Mai thời nay rất hiếm tìm đâu cho ra? Hoàng Mai đời nay cũng ít hoa, mỗi cành vừa thưa vài mươi nụ. Hồi anh ở Trà Khê, ngày 30 Tết anh cầm rựa ra rừng chặt một cành mai đem về trong lao xá, hoa nở ánh vàng kín cả nhánh, chói lọi như một khối vàng nở hoa.

Hoa Cúc cũng thế. Các giống hoa Cúc ngày nay toàn là Cúc lai chứ không phải cúc thật. Cho nên Cúc bây giờ đâu có thơm dịu như Cúc xưa.

— Cúc lai là thế nào hả Minh?

— Nguyên Cúc thời xưa bông nhỏ và cánh mịn. Cúc bây giờ bông to và cánh thô kệch, nhạt nhẽo, không màu, không ánh, Đa thế. Cúc chính tông là màu vàng, và màu trắng, chỉ hai màu vàng tươi và trắng mịn đẹp lắm, không như bây giờ Cúc pha đủ thứ màu, vàng, đỏ, hồng, xanh,

tím, mà toàn là màu chết.

Cho nên đời nhà Tần, dưới thời Tần-An-Đế (397-419) nhà Thơ trứ danh **Đào Tiềm** chỉ yêu một thứ hoa, là hoa Cúc. Hơn 300 năm sau, một Thi sĩ đời nhà Đường, **Vi-Ứng-Vật** (dưới thời Đường Đức Tôn, 780-805), cũng yêu hoa Cúc, bắt chước Đào Tiềm mà làm thơ ca ngợi hoa Cúc.

— Bài thơ thể nào hử Minh?

— Bài **Hiệu Đào Bành-Trạch**:

Sương lạp tụy bách thảo
Thời cúc độc nghiên hoa
Vật tính hữu như thử
Hàn thử kỳ nại hà
Xuyến anh phiếm trọc tửu
Nhật nhập hội diên gia
Tân túy mao thiềm hạ
Nhất sanh khời tại đa
(Thi-văn-tập)

— Mình dịch ra thơ Việt cho em nghe đi!

Sương rơi, trăm cỏ héo,
Riêng Cúc nở xanh tươi
Vật tính khác nhau thế,
Nóng, lạnh không dời dời.
Hái hoa ngâm rượu đục,

Nhà nông tối nghỉ ngơi.

Dưới hiên say lúy túy

Cần chi nữa trên đời!

Hoa Cúc ngâm vào rượu, đã là rượu đục chẳng nữa, cứ đến chiều tối ngồi dưới mái nhà cò mà uống rượu cúc thì sống trên đời cần chi hơn nữa! Đó là Cúc thời xưa, cúc thơm dịu dàng, uống vào mê ly, chứ cúc đời nay đem ngâm rượu, thả uống xá xị con cộp còn hơn!

— Bộ các ông thi sĩ đời xưa khoái uống rượu Cúc lắm sao, Minh?

— Chả khoái mà **Đỗ-Mục** dưới thời Vua Đường Văn-Tôn (827-841), rủ bạn lên ngồi trên đỉnh núi Tê-Sơn uống rượu Cúc. Nay ta ngâm lại bài **Tê Sơn đăng** cao của nhà thơ vẫn còn thấy thích thú vô cùng: **Giang hàn thu ánh nhận sơ phi** **Dữ khách huê hồ thượng thúy vi** **Trần thế nan phùng khai khẩu tiêu**

Cúc hoa tu tháp mãn đầu quy
Dân tương minh đỉnh thủ giai

Bất dung đáng cao thán lạc huy
Vãng cò lai kim chỉ như thử
Ngân sơn hà tất thể triêm y?
(Phản Xuyên Thi-tập)

— Mình dịch ra thơ Việt đi.

Giòng Thu băng lảng nhận vừa bay

Cùng bạn, rượu bầu, leo đỉnh mây

Cười nụ, vượng trần, môi nở kiêu,

Cúc hoa, xuống núi, tóc đơm đầy

Hãy vui cảnh đẹp, ngồi cao ngất,

Lơ tiểch chiều tà, uống tít say!

Lên ngon Ngân sơn sao khác nhĩ,

Mặc đời như tiể, chuyện xưa nay!

Thi sĩ bảo ta hãy yêu hoa Cúc hãy lên núi cao ngồi uống rượu Cúc, cho say lúy túy, rồi lúc về hãy hái hoa Cúc dặt dầy đầu đầy tóc, chứ hơi đau than tiếc chiều tà, khóc thời quá khứ! Ngẫm xem trên cõi trần này chúng ta đâu có gặp được nhiều cơ hội đáng cho ta cười!

Một nhà Thơ khác, cũng nổi danh Thi thánh **Vương chi Hoán** dưới thời Vua Đường Huyền Tôn (713-756) có người bạn đến thăm chơi đến ngày phải về, đem rượu Cúc lên núi cao để uống rượu làm thơ tiễn

bạn:

Kể đình tiêu sắt cổ nhân hi

Hà xứ đáng cao thủ tổng quy

Kim nhật tạm đồng phương cúc từ

Minh triều ưng tác đoạn bông phi!

(Tống-Biệt)

dịch:

Kể đình hiêm bạc, hắt hiu ghê!

Tìm chốn đáng cao tiễn bạn về!

Còn tạm hôm nay thơm rượu cúc,

Cỏ Bông mai đã tách Sơn-Khê!

Thường thường hoa Cúc nở vào đầu mùa Thu. Đến mùa Xuân đã bắt đầu tàn, theo thời tiết ở phương Đông. Nhưng cũng có nhiều khóm Cúc nở chậm. Thi sĩ **Tạ-Hạo-Nhiên** thời Đường Đại Tôn, có hai câu thơ trong bài **« Tầm Lục Hồng Tiệm bất ngộ »**:

Cận chủng ly biên cúc

Thu lại vị trước hoa

« Cúc trồng gần bên giếng

Thu đến chưa nở hoa »

Thường, Cúc nở đúng vào mùa Thu, cho nên các nhà Thơ Trung-Hoa, Nhật-bản và Việt-

Nam tả mùa Thu thế nào cũng
không quên hoa Cúc.

Như trong bài «**Thu hứng**»
của Thi bá **Đỗ Phủ**, ở thời
Vua Đường Duệ-Tôn (712-771):

*Ngọc lộ điêu thương phong thụ
lâm*

*Vu-sơn Vu-giáo khí tiêu sâm
Giang gian ba lãng kiêm thiên
dãng*

*Tái thượng phong vân tiếp địa
âm*

*Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ
Cô chu nhất hệ cố viên tâm
Hàn y xứ xứ thổi đao xích
Bạch đế thành cao cấp mộ châm*

— Minh dịch luôn ra thơ
Việt đi.

— Lúc này, Thi sĩ sang đất
Thục, gặp mùa Thu buồn bã
quạnh hiu, nhớ nhà mà cảm hứng
ra thơ :

*Hu hất rừng sương động cỏ
phong*

Vu-Sơn Vu-Giáp khí mỏng lung

*Nước sông tung sóng, trời lồng
lộng*

Già ới lửa mây đất mịt mùng.

Cúc nở hai mùa xao xuyến lệ.

*Thuyền trôi một chiếc vãn vương
lòng*

Đã đây áo lạnh người may cất,

*Chầy nện chiều vang Bạch-đế
cung.*

Phiêu lưu vào đất Thục, xa
cảnh Trường An cố đô, chỉ nhớ
hai lần hoa Cúc nở mà đến rơi
lụy chứ không nhớ gì khác hơn,
thì chẳng biết Thi nhân yêu hoa
Cúc quý hoa Cúc đến nhường
nào !

Trong lúc đó, chính ở Trường
An, Thi sĩ **Triệu Hồ** dặt bức
tranh tàn thu cũng làm nổi bật
hoa Cúc và hoa Sen trong cảnh
cô liêu sầu hận :

*Tử diệp bán khai ly cúc tỉnh
Hồng y lạc tận chữ liên sầu.*

*«Cúc tía, nở hoa, màu tịch mịch
Sen hồng rụng cánh, cảnh thế
lương»*

— Minh ơi, người ta bảo hoa
cúc Nhật bốn đẹp lắm phải không
minh ? Chắc các Thi sĩ **Phù-tang**
làm thơ ca ngợi hoa cúc nhiều
lắm nhỉ ?

— Nhật-bồn mới thật là qu
hương của Hoa Cúc. Nhưng các
nhà thơ Nhật không có «**thao**

thao bất tuyệt» như các ông thi
sĩ Tàu. Họ chỉ phác họa sơ qua vài
nét thôi : đó là quan niệm nghệ
thuật thi văn của họ.

Sosei Hoshi (Thế kỷ thứ IX)
tả cảnh **Chiều thu** :

Cô độc, tôi ngắm

Những hoa cúc ở Yamato

Nở trong bóng hoàng hôn

Trong lúc dễ kêu

Thi sĩ **Oshikishi No Mitsune**
(854-903) trong bài **Bạch Cúc** :

Tuyết trắng rơi đầu mùa,

Lăn lộn với

hoa cúc trắng.

Ta nên hái chăng ?

Ransetsu (1654-1707), tức
giận vì các nhà trồng hoa đã
bán đã gây ra nhiều giống cúc
giả tạo không thơm và không
đẹp như cúc nguyên thủy của
thiên nhiên, có làm bài thơ :

Hội trăm Cúc

Cúc vàng, cúc trắng

Lay trời đừng có

Cúc nào khác nữa

Một bài khác, tả hoa cúc :

Ồ kia, Cúc nở

Bướm ơi, bay đến đây

Dựa với cúc vàng !

Ấn độ cũng là một nơi sản
xuất hoa Cúc nhưng Thi sĩ Ấn
độ không thích hoa Cúc mấy,
nên ít có thơ nói về hoa Cúc,
hầu hết là ca ngợi hoa Sen, hoa
Chà là, hoa Asoka. Nhưng có
một cổ tích về hoa Cúc Ấn-độ,
do một thi sĩ vô danh đặt ra,
còn lưu truyền trong Văn-Học
Sử ngày nay.

— Chuyện như thế nào hả
Minh ?

— Một mầu chuyện ngắn thôi,
nhưng rất thơ mộng. Một đêm
sáng trăng, một mỹ nữ, . .
nhớ người yêu đã chiếm được
tim nàng. Nàng đến gần một đóa
hoa đẹp, dịu dàng hỏi :

«**Hoa ơi, Hoa !** Chẳng có thật
yêu ta không ? Yêu ít ? Yêu
nhiều ? Yêu say mê ? »

Vừa nói, nàng đưa tay ra định
hái hoa để ép vào lòng, nhưng
một vị Tiên bỗng xuất hiện, bảo
nàng : «**Cô gái kiêu diễm ơi, cô**
đừng sờ vào đóa hoa ấy. Hãy đề
yên cho Hoa làm tròn thiên
mệnh ! Nhưng, trái lại, ta cho
phép con chọn một đóa hoa
khác trong khu vườn này. Hoa
ấy có bao nhiêu cánh thì người
chồng của con sẽ sống lâu được

bấy nhiêu năm, và hạnh phúc của con cũng lâu ngần ấy. »

Thiếu nữ hồi hộp đi khắp vườn, không tìm được đóa hoa nào nhiều cánh. Hầu hết chỉ 4 cánh, 5 cánh mà thôi. Thất vọng, buồn rầu, nàng ngồi khóc nức nở. Bỗng nhiên, nàng trông thấy một một đóa hoa cẩm chướng Ba-tư, màu vàng rực rỡ, nhưng nàng đếm... chỉ có 10 cánh hoa.



Nàng nghĩ ngợi một lúc, mần mê nụ hoa, rồi rút cây trâm cài trên mái tóc, nàng dùng mũi trâm bén nhọn xé mỗi cánh hoa ra thành 5 cánh nhỏ, rồi 10 cánh... 20 cánh... Đóa hoa Cẩm chướng bấy

giờ có đến 200 cánh... Một hạt sương trong như Kim cương rơi vào lòng hoa, một ánh trăng nhiệm mầu chiếu vào nhụy hoa, hoa Cẩm chướng hóa thành một hoa mới, nàng đặt tên là hoa Cúc.

Thế là hôm sau nàng gặp lại người yêu, và hai người kết duyên, hạnh phúc lâu bền 200 năm !

— Hay quá, mình há !

— Ừ, hay quá... Rất tiếc một xứ đã sản xuất được một chuyện cổ tích về hoa Cúc thật diệu tuyệt như thế lại ít có những bài thơ hoa Cúc.

— Ở Tây phương có hoa Cúc không, mình nhỉ ?

— Cho đến cuối thế kỷ XVIII, các nước Tây phương không có hoa Cúc. Năm 1789, một nhà buôn Pháp ở Marseille tên là **Pierre Louis Blancart** đi buôn bán ở Ấn độ, Trung Hoa và Nhật bản, thấy các vùng này có thứ hoa Cúc đẹp quá, mới xin giống đem về xứ. Lần đầu tiên, Blancart đem giống hoa Cúc Nhật dâng lên vua **Louis XVI** để trồng trong vườn hoa của vua. Rồi sau cũng chính

Blancart dâng 2 bụi hoa Cúc Ấn độ cho Hoàng hậu **Joséphine** vợ Hoàng đế **Napoléon Ier** để trồng ở vườn hoa của dinh thự La Malmaison. Đó là những cây hoa cúc đầu tiên trồng ở Âu châu.

Blancart chết ngày 16 tháng 3 năm 1826, thọ 85 tuổi, được nổi tiếng là có vườn hoa cúc đẹp nhất ở Âu châu, do từ Nhật bản và Ấn độ đem giống và trồng, và cũng do nơi vườn hoa cúc của ông sản xuất, gởi bán khắp các nước Tây Phương. Sau ông, là cựu Trung tá **Bernet**, thích chơi hoa Cúc, cũng thiết lập một vườn Cúc, nơi đây ông dùng phương pháp khoa học cho hoa Cúc lai, hoa lớn, cánh cong, và rực rỡ đủ màu, xanh đỏ, tím, cam, hồng, có cả Cúc đen nữa. Nhưng cúc đen (huyền cúc) khó gây giống lắm và hiện giờ không có nữa.

Năm 1856, người ta kê khai cả nước Pháp và Âu châu có trên 300 giống Cúc lai khác nhau về màu sắc, về hình thức, về mùi thơm, nhưng tất cả là con cháu của các giống hoa cúc Nhật bản và Ấn độ, Tổng quát hoa cúc Tây phương tuy bông

lớn, thay đổi nhiều màu, nhưng không có hương vị, nhất là hương vị của hoa Cúc nguyên thủy Á Đông. Loại Huỳnh Cúc của **Đào Tiềm**, **Đào Phủ**, **Ransetsu**, **Nguyễn Khuyến**... đã trở thành hiếm ! Năm 1900, do sáng kiến của ông **Contant**, một kỹ sư yêu hoa Cúc, chính phủ Pháp có mở một Hội chợ triển lãm quốc tế về hoa Cúc. Có trên 10.000 nhà trồng cúc khắp thế giới tham dự. Trong dịp ấy, người Nhật có đem những cây hoa cúc của họ đến



dự triển lãm. Dĩ nhiên là họ chiếm quán quân vì các Nhật bản vẫn đẹp hơn, thơm hơn, và có mỹ thuật tinh xảo hơn. Giải nhất tặng cho một bụi Huỳnh-Cúc Nhật từ nơi gốc chia ra 3 nhánh thành hình tam giác, và nở tất cả 200 bông, thơm ngát.

Đặc biệt không dự thi, là một khóm Cúc của Nhật Hoàng Mutsu Hito nở 800 (tám trăm) bông !

— Có nhà Văn nhà Thơ nào của Tây phương ca ngợi hoa Cúc không, Minh ?

— Ít lắm. Thỉnh thoảng, như Thi sĩ François Coppée có một câu, về mùa Hạ :

Juste en cette saison où meurt la chrysanthème

(Chính ở mùa này mà hoa Cúc chết)

Nhà văn Jean Lorrain bảo :

« Ce sont moins des plantes que des âmes »

(Hoa Cúc không phải là một loài thảo mộc mà là một linh hồn)

André Theuriot có một câu cảm nghĩ trữ danh :

« ils sont tristes comme un adieu »!

(Hoa Cúc buồn như một cuộc chia ly !)

Chưa nói đến nhà văn Pierre Loti có viết quyển truyện rất hay : « Madame Chrysan-thème » (Hoa Cúc phụ nhân) nói về người đàn bà Nhật.

XUÂN ĐÌNH - MÙI

Ông Tú chăm điều thuốc Jade hút vài hơi rồi kết luận :

— Mùa Xuân không phải mùa hoa Cúc. Hay là nói ngược lại cũng thế : Hoa Cúc không phải một loại hoa của mùa Xuân.

Bà Tú hỏi :

— Thế sao cứ đến Tết là người ta bán hoa Cúc nhiều thế hả Minh ?

Ông Tú lắc đầu :

— Thời buổi đảo-diên, mà em! Bao nhiêu chân giá trị đã bị đời sống làm mất cả. Mùa Xuân bây giờ không còn hương vị, hoa không còn linh hồn như những mùa xuân xưa.

Bà Tú nhớ chuyện cổ-tích Ấn-độ, âu-yếm ngã đầu vào vai chồng, tủm tỉm cười, bảo :

— Minh ơi, Đêm Giao-thừa năm nay, em mua một cành hoa Cúc, em lấy cái ghim-gút em xỏ mỗi cánh hoa thành 200 cánh để hai đứa mình sống được 200 tuổi, và hạnh phúc tràn trề như cô gái đẹp Ấn-độ, Minh nhé !

Giọng nói của Bà Tú ngây-thơ dễ thương lạ !

Diễn Họa

Tháng Bảy

PHƯƠNG
DUYÊN

Em vẫn chờ đợi mãi
Một ngày anh trở về
Trời hai mùa tháng - bảy
Em nhớ thương nào nỡ

Saigon ngoan hiền lắm
Mây trắng trôi dịu dàng
Vội nắng-lạnh gió mát
Vội ngóng trông ngõ ngang

Bao giờ anh trở lại
Cho em mặc áo hồng
Cho anh nhìn yên lặng
Yêu thương tràn đôi lòng

Cho anh thăm thi hỏi
Cho anh thăm giận hờn
Cho em ngồi nín lặng
Nghe như lòng yêu hơn

Ôi, phương trời gió cát,
Che mờ bóng anh về !
Trời hai mùa tháng bảy
Em nhớ thương nào nỡ !

PHỒ-THÔNG — 186

9 NGÀY
Ở



TRUNG TÂM 3
NHẬP NGŨ
TUYÊN MÔ

(Tiếp theo P.T. 184)

CÀNG nghĩ chúng tôi càng thêm đau lòng, buồn tủi. Và có sống vào những hoàn cảnh này mới thấy rằng mình còn nhiều điểm phức, còn nhiều tin yêu vào ngày mai. Con đường đi tôi không đến nỗi phũ phàng, đánh quỵ gối nơi đây. Ít ra sau cơn mưa trời lại tạnh. Mùa đông qua đi để mùa Xuân đến.

Có tiếng kêu gọi của anh em để trở lại trại đã dẫn chúng tôi về với thân phận mình hiện hữu.

Tôi ôm lấy vai Tính tiếc rẻ những giây phút trầm lặng suy tư qua, để cùng anh em trở về.

Nắng lúc này đã lên cao. Chúng tôi nhìn với lại ra cổng trại để gửi sự giả từ thêm muốn. Đỉnh quay sang tôi bảo thêm: Giá cứ cho mình ở ngoài này, làm mãi đến trưa chiều hãy về cũng được.

Tính đáp thay bằng ý nghĩ an ủi:

— Vây là quý rồi. Còn muốn hơn nữa (?)

Một anh bạn đi kể ba chúng tôi cười nói:

— Nghĩ đến những giây phút được trở lại với gia đình mới thấy thần tiên. Nhìn ra ngoài đường lộ thấy lòng nôn nao lạ.

Tôi gật đầu cùng cảm nghĩ. Vì, trên cõi đời này, đối với chúng tôi hiện tại còn niềm ao ước nào bằng !...

Tuy vậy, mà khi chúng tôi về đến cổng trại bắt lực tưởng đầu còn sớm, không ngờ vừa đúng giờ cơm trưa bắt đầu.

Sau khi kiểm điểm lại số người đi tập dịch thuốc toán chúng tôi xong, được về trại nghỉ ngay, khỏi bị sự kềm chế nào, nên lòng đỡ bần khoản tủi hờ.

Sân trại buổi trưa thật chói chan ánh nắng.

Không trung thỉnh thoảng rít lên tiếng động bùng tai của những máy bay phản lực vút ngang, cắt đứt câu chuyện giữa chúng tôi và tiếng cười, giọng ca vọng cổ của anh em trong trại.

Một chút gì êm ái ở lòng. Ba chúng tôi mỗi cho nhau mỗi người một điều thuốc rồi quay ra ngủ, quên cả buổi ăn trưa, quên cả ra khu tiếp tân đón người nhà đến thăm.

Và, vẫn tiếng hát của Thanh Tuyên đánh thức chúng tôi dậy, kết thúc giấc ngủ trưa làm một mối, nặng nhọc.

Và, chúng tôi lại kéo nhau lên câu lạc bộ để lót lòng, dù biết rằng câu lạc bộ không mấy tốt đẹp và vệ sinh, do người đầu thầu quá cầu thả, thiếu tổ chức. Nghĩ đến tiền tiêu vào hơn là tình cảnh của anh em trại sinh sống nơi này.

Những buồn thương nỗi nhớ từ đâu kéo về dâng nghẹn cả miếng ăn. Ba chúng tôi chỉ biết nhìn nhau và nhìn nhau không nói nên lời. Nhất là khi Tính móc ví ra nhìn lên tấm ảnh đứa con trai đầu lòng; rất kháu khỉnh dễ thương, khiến tôi không khỏi bùi ngùi quay đi nơi khác giấu đôi giòng lệ cảm xúc nhớ thương đến con mình, và những đứa trẻ thơ vô tội sống trong thời loạn ly này, chúng đã tội tình gì để nhận lãnh nỗi đớn đau, cách biệt!

*Trời ơi! Chiến tranh!
Chiến tranh!
Thật là dã man, tàn ác!
Đâu tình yêu thương?
Đâu lòng nhân đạo?
Bề khổ này ai tát cho vơi?*

Chúng tôi xin thấp nén hương lòng cầu nguyện sự an lành, tươi đẹp chóng về trên mảnh

đất thân yêu này, để nụ cười nở khắp những vành môi, những đôi má sẽ ửng hồng kết nụ hôn ngọt lịm, yêu mà không còn nơi quấy phá!

Hội hoa đăng sẽ mở ở giải đất quá đau thương này.

Chúng tôi sẽ hát, sẽ nhảy, múa, vui mừng đời đời kiếp kiếp, từ nắng hạ đến mưa đông.

Ý nghĩ đẹp dễ tràn ngập hồn của chúng tôi trong lúc này, thì tiếng còi tập hợp đã trả chúng tôi về với những hồi họp buổi chiều. Buổi chiều đọc tên những anh em được trả về nguyên quán, của người trung sĩ nhất hiền hòa mang tên Thẩm.

Mỗi âm thanh phát ra của người trung sĩ là một bồi hồi xúc động khắp lòng trại sinh. Giây phút này mới thấy rõ sự buồn rầu lo lắng của kẻ còn ở lại và nụ cười hân hoan trên môi của người ra về, tạo nên một bầu không khí vô cùng phức tạp. Ba chúng tôi đều ở trong tình trạng nuôi hy vọng có tên mình, nhưng danh sách đã gần hết vẫn chưa thấy gì, tôi bèn rủ Đình, Tính trở lại câu lạc bộ, thì một sự ngạc nhiên lần

chưa xót đến với chúng tôi là Tính được ra về.

Phổ phường chiều nay hẳn có sự hiện diện của Tính.

Tôi cầm tay Tính gửi hết tâm sự của kẻ ở lại với con người nhiều điểm phúc đó, một ít ganh tặc vô lý trong khi Đình lặng xăng kiếm giấy viết vài giòng gửi về với gia đình.

Nhìn Tính khuất dần ở cổng trại, tôi ngậm ngùi cầm tay Đình kéo về trại nghỉ ngơi và buồn. Hai chúng tôi muốn làm một việc gì để quên sự ra về của Tính, nhưng chẳng biết làm gì, muốn đi tập dịch cho khuấy khoả cũng chẳng được, vì chiều

nay trời đổ cơn mưa nên trại sinh được miễn.

Buồn ơi là buồn!

Chúng tôi 3 người, giờ còn lại hai, ngồi kề lưng nhau nhìn mưa gào gió thét. Mưa ngoài trời và cả ở lòng hai chúng tôi.

Tiếng ca vọng cổ của vài anh em hòa với tiếng mưa chiều thật nào nuốt lòng người.

Rồi lại chờ giờ cơm và đợi đêm về tẻ lạnh. Cuộc sống của hai chúng tôi vẫn không có gì thay đổi. Những buồn nhớ cũng vơi dần, khổ cực cũng chai hẳn lại.

(Còn nữa)

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số. 26.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặt biệt các món ăn Tiều
- Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Há nỡ im lìm chốn cửa không

(Họa thơ Ông NGUYỄN-VỸ đăng trong Phở-Thông số 184)

I

Cửa Phật linh thiêng chớ chẳng không.
Hai ngàn năm lễ đất Tiên Rồng.
Thiền môn mấy bận đã ngang trái;
Vận nước bao lần tưởng tận vong.
Đất Việt dân hùng riêng một cõi,
Trời Nam nhân khi nở hai lòng.
Giang sơn, đạo pháp chung gìn giữ,
Một mất một còn việc chẳng xong.

II

Cuộc đời mù mịt tợ hư không,
Nghiep số không riêng con cháu Rồng
Sĩ khí hùng cường dân nước thịnh;
Đạo tâm tao loạn tin-thành vong
Cờ kim chung thủy không hai dạ.
Nam Bắc keo sơn vẫn một lòng.
Dưới bóng Phật đài xin thệ nguyện:
Đạo, đời nhiệm vụ phải làm xong.

LY-HƯƠNG TỬ

(Nguyễn-văn-Tiểu, Paksé Laos)

4.000 NĂM

dân-ca

VIỆT - NAM



Hưởng-ưng lời kêu gọi của tôi trong Phở Thông số 185,
một số bạn đọc thân-ái đã sốt sắng gửi về tòa soạn rất nhiều
câu Ca-dao, hát hò, hát giã gạo, v.v... từ các tỉnh, quận xa.

Tôi xin quý bạn nhận nơi đây lời cảm tạ nồng nhiệt của tôi

Bắt đầu từ số này, tôi xin lần-lượt đăng mỗi kỳ những
bài đã nhận được. Mong quý bạn vui lòng gửi tiếp-tục và xin
loại bỏ những bài đã đăng rồi trong những số cũ và số mới

Một lần nữa, xin thân-ái cảm ơn quý bạn.

N V.

● Cửa Ô. Phạm-Phương Phi 2.8, Gialong, Quinhon
Những dân-ca Bình-Định

- 1.— Lấy Chồng Phườn-Mới ăn dừa,
Lấy chồng dưới Chut ăn dừa mỗi rặng (1)
- 2.— Có chồng Phù-Mỹ ăn dừa,
Có chồng Dương-Liêu đập xơ dừa mỗi tay (2)
- 3.— Muốn ăn bánh ít lá gai,
Có chồng Bình-Định, sợ dài đường đi
- 4.— Gió đưa mười tám lá xoài,
Có chồng Bình-Định cho dài đường đi

(Tại sao lại 18 lá xoài ? Nhờ các bạn ở Bình-Định
giảng giải giùm)

- 5.— Ai coi lên núi mà coi,
Coi bà Quán Tượng cỡi voi mình vàng (3)
- 6.— Thấp nhang mà vái ông bùa
Tôi xin tốt tuổi tôi lựa sáu cô
Phải chị tôi có tiền bồ
Xuất ra tôi cưới sáu cô một lần

(1) Phườn mới tức là thôn Tân Phụng (Bình-Định) Chut, một làng ở Bình-Định.

(2) Phù-Mỹ : 1 quận của Bình-Định. Dương-Liêu : một làng.

(3) Bà Quán tượng, là nói bà Bùi thị Xuân, một Nữ tướng Tây-Son.

Có nhất buồn tảo bán tần
Có nhì sắc thuốc nuôi thân mẹ già
Có ba đẹp ghề quét nhà
Có tư pha nước cho ta uống cùng
Có năm giữ chiếu xếp mùng
Có sáu tắm rửa nằm chung một giường !

- 7.— Ghe bầu trở lại về đồng
— Con gái theo chồng bỏ mẹ ai nuôi ?
— Mẹ tôi đã có người nuôi
Tôi theo chủ lái tôi xuôi vô Giồng (4)
- 8.— Gió đưa gió đẩy cột chòi
Anh đen như mồi mà đòi vợ xinh
— Mẹ mầy đi bán xà-rinh (5)
Tiền đâu mà cưới vợ xinh cho mầy ?
— Nghèo thì nghèo, tôi cũng cưới con vợ cho xinh
Đến khi nẫu (6) có hỏi nợ, hai đứa mình cùng lo
- 9.— Anh đi ghe anh đội nón ghe
Anh về làm rẽ anh che cái dù.
Dù thời dù lựa cánh dơi
Trong nhà hết gạo dù ơi là dù ! ! !
- 10.— Chiều chiều xuống bãi mà trông,
Trông người bán mắm mà không thấy về

(4) Giồng : một làng chài ở duyên hải tỉnh Phan-Thiết.

(5) Xà Rinh : một loại tôm ở Bình Định, nhiều vỏ, nhỏ con.

(6) nẫu, nậu : họ, người ta (ngôi thứ ba, số nhiều).

- 11.— Dây tơ-nồng không trồng mã mọc
Con gái đất này không chọc mà theo
Gái sao gái hôn gái hào
Trai chưa làm rể, gái vào làm dâu ?
- 12.— Cây trăm nhánh dồn về một cột
Nước ngàn sông chảy hội một dòng
Ồ anh bầu ơi ! Anh đừng lánh đục tìm trong
Đây em cũng giữ một lòng đợi anh.
- 13.— Ngồi buồn thất gióng đi buồn
Xuống Vạn cân mấm lên nguồn cân gai (7)
Thiếp dẫn chàng đừng có nghe ai
Nón rách mặc nón giữ bộ quai cho bền
- 14.— Bài hát trẻ em Bình-Định
Chặt đôn đong
Chị có chồng
Em ở góa,
Chị ăn cá
Em mút xương,
Chị nằm giường
Em nằm đất,
Chị ăn mật
Em liếm ve,
Chị ăn chè
Em liếm bát,
Chị coi hát
Em trả tiền

(7) gai, lá gai làm bánh ít.

- Chị đi thuyền
Em đi bộ
Chị cà đồ
Em nấu canh,
Chị đấm hành
Em kho mấm,
Chị đi tắm
Em gội đầu,
Chị đi cầu
Em xắc thịt,
Chị địt
Em ngủi
Chị chưởi
Em nghe,
Chị pha nước chè-phe, em uống !

CHỮ-THÍCH : Các cụ già nói rằng bài này có từ khi Pháp mới đến đô hộ Việt-Nam, và (chè phe) có nghĩa là (cà-phê) đọc trại. Cái «cam chịu» của đứa em không phải là không có lý do, vì mọi cố gắng của nó để được cuối cùng nó sẽ thắng và được thưởng thức món lạ : cà-phê, của Tây mới đem qua lần đầu tiên.

- 15.— Bình-Định có núi có con
Có nàng Tô-thị ăm con chờ chồng (8)
- 16.— Một mình mình một bơ-thờ
Vịn cục cục ngã vịn bờ bờ xiêu
Lòng anh yêu, dù cho cục ngã cũng yêu,
Cục ngã mặc cục bờ xiêu mặc bờ

(8) Núi Vọng-Phu ở quận Phù-Cát.

17. — Ngó lên gò mã
 Ngó xuống Gò-găng
 Gặp chị bề mông
 Trật quần bắt kiến
 — Thấy tôi hay liến
 Chị biểu bắt giùm
 Tôi bắt một đôi
 Thấy cái đăm đen thui ! (9)
18. — Ai kêu ai hú bên sông
 Tôi đang vá áo cho chồng xuống ghe.
 Ai kêu ai hú sau hè
 Tôi đang vá áo không nghe chuyện gì
19. — Một anh cũng chối không
 Hai, anh cũng chối không
 Thuyền nào anh chèo chống biển đông
 Thuyền nào anh đưa giữa giòng sông *Giang-hà* ?
 Thôi, thôi, anh đừng chối nữa mà
 Trâu băng ruộng sạ dẫu mà còn đây !
20. — Hòn đá cheo leo
 Con trâu nó trèo, con trâu nó trượt
 Con ngựa nó trèo, con ngựa nó bỏ,
 Anh thương em cam khổ tận cớ chi kim,
 Mất em đi, khó kiếm khó tìm,
 Kiếm được em về như cây kim lườn sợi chỉ,
 Thục đắc bất dĩ, em không biết nghĩ thuở xưa
 Hồi nào tóc dài, da trắng, miệng đắng, com hôi,
 Hai tay anh bế em ngồi
 Sao bây giờ em dứt nghĩa, tình thôi sao đành
 (Còn nữa)

(9) Câu này tục, nhưng chúng tôi cứ xin chép nguyên văn : Vì lại, tục nhưng không trơ trẽn, không thô kệch, một đặc tính của lời hát Việt-Nam.

VỤC THẨM

Truyện dài tình cảm □ THẨM-THỆ-HA

(Tiếp theo Phở-Thông 185)

Nhất là những cô bé vị thành niên.

Hoàng lắc đầu lia lịa :

— Lệ-Chi là chúa xuyên-tạc. Chính cậu đang bị chúng quất quăm đây.

Rồi chàng nói thật khế như muốn nói với chính mình : « Những cô bé vị thành niên đều nguy-hiểm ! » Tuy lời nói khế nhưng cũng vừa đủ lọt vào tai hai cô gái đối diện. Tự nhiên, Phượng thấy bên-lên đỏ mặt. Lệ-Chi thì vẫn vui-vẻ hồn-nhiên :

Không sao đâu ! Cậu sụi thì có Chi và Phượng khiêng về.

Phượng kéo trở về câu chuyện :

— Rồi sau ra sao, cậu ? Cậu kể tiếp đi.

Hoàng hơi chau mày, đôi mắt đang sáng rực niềm vui bỗng dịu xuống như che phủ bởi một màn mây u ám. Giọng chàng cũng gọn một niềm thất vọng xót xa :

— Thế rồi, một việc bất ngờ xảy ra làm cho đồ vỡ tất cả..

Rồi chàng gằn giọng lặp đi lặp lại :

— Thật là bất ngờ ! Thật là bất ngờ !..

Phượng linh cảm một sự không hay đã xảy ra cho Hoàng. Nàng im lặng, lòng hồi-hộp lo âu. Lệ-Chi liếng thoảng thế mấy cũng cảm thấy lòng bồi hồi. Nàng buông đứa xuống, mắt đăm đăm nhìn cậu, miệng há hốc ngạc-nhiên.

Hoàng như sống ngay giữa cơn phong-ba buổi sáng. Chàng ngẩng nhìn lên, vành môi diêm một nụ cười chua chát. Chàng ôn tồn thuật lại câu chuyện đêm qua ở bến Bạch-Đằng, tiếp đến câu chuyện vừa xảy ra buổi sáng ở lớp học.

Chi và Phượng lặng im nghe, ngờ ngác như vừa trải qua một cơn ác mộng. Lệ-Chi không thể cười đùa được nữa. Phượng như sống thật trong hoàn-cảnh của Hoàng. Cả hai không biết nói gì bây giờ. Một lời an ủi sẽ trở nên vô duyên ; một tiếng cợt đùa càng trở nên trơ-trẽn. Khi Hoàng

VỤC THẨM

thuật dứt, sáu mắt im lặng nhìn nhau. Mặt Phụng hơi chớm đỏ, không biết vì buồn hay vì giận.

Hoàng bỗng cất tiếng cười :

— Sao Lê-Chi không đưa lên cho vui ? sao Phụng không phát biểu cảm-tưởng gì cho cậu rõ ? Hai cháu buồn giùm cậu à ? Có gì đâu mà buồn ! Cậu đã xử sự theo lẽ phải. Cậu đã lên thẳng văn phòng, báo cho ông Hiệu-trưởng bắt đầu từ hôm nay. Ông hiệu-trưởng cầm giữ lấy lệ. Tên giám học nói vài lời than phiền học sinh, nhưng mắt hần rục lên một nụ cười đắc thắng. Cậu là kẻ chiến bại không còn manh giáp Cậu ra về trước bao cặp mắt khinh khỉnh đuổi theo. Cậu bước lên xe, tai còn nghe văng lại những tràng cười mỉa mai, đặc ý.

Tức giận quá, Phụng buột miệng đọc to một câu thơ năm lòng của Nguyễn công Trứ :

« Quân tử lúc cùng thêm thẹn mặt ».

Và Lê-Chi cũng tức tối thét lên :

— Tiểu nhân đắc chí tiểu hi hi ».

Hoàng nghe hai câu thơ mà hiểu rõ nỗi lòng của hai cháu. Chàng nhìn chúng đầy vẻ tin yêu, bao nhiêu bức tức, lo buồn đều rửa sạch. Vầng trán chàng trở nên trong sáng. Nụ cười tươi tắn lại nở trên môi. Chàng muốn phá

tan bầu không khí nặng trĩu :

— Cậu vừa chứng-minh một chân lý

Lê-Chi trở về hồn nhiên đi dõm :

— Chân lý gì hở cậu ?

Hoàng đáp lại :

— Chân lý bất-diệt : « Những cô bé vị thành niên đều nguy hiểm ». Tại chúng, cậu mới thất bại.

Phụng không bằng lòng :

— Cũng có những trường hợp ngoại lệ chứ cậu.

Lê-Chi lại lầu lỉnh :

— Chị Phụng muốn nói trường hợp của chị đó. Nhưng cậu hãy liệu hồn !

— Sao lại liệu hồn ?

— Vì Phụng là cô bé vị thành niên nguy hiểm nhất đó.

Đáp xong, Lê-Chi cất tiếng cười to, Phụng phát nhẹ vào vai bạn rồi cũng bẽn lẽn cười theo Hoàng bắt đầu ăn ngon lành, mặc dầu mâm cơm đã nguội từ bao giờ.

CHƯƠNG III

Vừa trông thấy Hoàng bước vào nhà, ông Vinh tươi cười nói :

— Kia, chú Hoàng, cả tuần nay mới thấy mặt chú. Hai cháu Hạnh

VỤC THẨM

và Lan cứ nhắc chú mãi.

Vừa nói ông vừa đưa tay bắt tay Hoàng có vẻ rất thân-mật. Hoàng cũng vui vẻ nói :

— Lúc này bận quá, không rảnh rồi đi đâu được. Hôm nay chủ-nhật mới có thì giờ rảnh, lại thăm anh chị và các cháu.

Ông Vinh và Hoàng là đôi bạn cùng quê. Vì Hoàng nhỏ tuổi hơn nên ông Vinh xem chàng như em, thâm tình từ bé đến lớn vẫn không bao giờ thay đổi.

Tự xem mình như người nhà, không đợi mời, Hoàng tự nhiên ngồi xuống chiếc ghế salon bằng da sang trọng đầu mặt với ông Vinh.

Ông Vinh nhìn chàng tò-mò :

— Chú mà bận gì ? Nghe hai cháu nói chú vừa rồi thôi dạy trường Văn-Dền kia mà.

Hoàng gật đầu :

— Phải, tôi đã thôi dạy ở đấy một tuần rồi, nhưng tôi còn dạy ở trường khác. Lúc này là mùa thi Đề-nhi lục-cá-nguyệt, chấm bài đừ cả người.

— Chú thôi dạy ở đấy là phải. Hơi đâu đem mồ hôi của mình mà làm giàu cho kẻ khác. Tôi

nghe nói mà còn tức giận thay !

Hoàng mỉm cười vì câu lý luận của bạn, chàng đưa mắt nhìn quanh :

— Hai cháu đâu anh ?

— Chúng vừa đến hãng xuất-nhập-cảng của mẹ chúng. Một lát hai cháu sẽ về. Có lẽ chúng còn ghé chợ Saigon mua vài thứ trái cây.

Ông Vinh đưa thuốc mời Hoàng. Chàng tự bắt lửa châm vào thuốc, mắt nhìn theo làn khói tản mạn bay lên cao. Ông Vinh thâm-thuat hỏi :

— Chú còn dạy ít quá, làm sao đủ sống ? Ngoài nghề dạy học, chú còn định làm gì không ?

— Tôi định viết báo.

— Ông Vinh lộ vẻ mừng rỡ thật tình :

— Phải đó, nghề dạy học và nghề viết báo là hai nghề cao quý. Tôi rất thích hai nghề ấy.

— Anh thích, sao anh không theo hai nghề đó ?

— Thích là một lẽ mà hành nghề được hay không là một lẽ khác. Chú còn nhớ : Khi mình còn đi học, tôi và chú thường ngày làm báo viết tay. Chú thì

luôn luôn làm chủ bút, còn tôi thì chỉ làm nhận lấy cái nhiệm vụ khiêm-tốn là «chép bài»

Ông Vinh vừa nói vừa cười hề hề, như sống lại quãng đời vui tươi khi cấp sách Hoàng cũng thấy thích-thú khi ôn lại kỷ niệm xưa. Thủa đó chàng mê say văn chương một cách kỳ lạ. Giấc ngủ của chàng thường bị ám ảnh

bởi sách. Từ năm Đệ-nhất-niên trở nên, năm nào chàng cũng chủ-trương một tờ báo viết tay do Vinh phụ-trách kỹ-thuật. Khi ra trường chàng đeo đuổi theo sở-thích của mình là dạy học, viết văn, còn Vinh quay sang ngành thương-mãi. Vinh trở nên tỉ phú, Chàng chỉ là một nhà giáo kiêm nhà văn, tuy không giàu nhưng cũng sống phong-lưu,

Vinh trở lại vấn-đề :

— Tuy tôi thành-công về ngành thương-mãi nhưng tôi vẫn luyến tiếc cái hoài-bảo của chúng mình ngày xưa. Tiếc rằng tôi không có tài như chú.

Hoàng tặc lưỡi, giọng chán-nản :

— Anh khéo đùa chớ tôi mà có tài gì. Trên mười năm lăn lóc

vẫn không tạo nổi cho mình một sự-nghiệp về tinh-thần cũng như vật chất. Văn-chương thì cồng kềnh mà thân-thể thì luôn luôn trôi nổi nay Chợ-Quán, mai Cầu-Kho một Xóm-Củi, thật là chán pheo.

Thấy bạn chán và có vẻ bi-quan, Vinh bỗng muốn triết-lý vài câu cho cuộc đời càng u tối thêm :

— Ngày còn đi học, chú thích nhất câu thơ cảm đề Truyện Kiều : «Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy», chứng tỏ chú có tâm hồn nghệ-sĩ và rất giàu tự-tin. Nhưng sau khi lăn-lộn trên trường đời, ta mới thấy triết-lý của cô-nhân thật xác-đàng, phải không chú ?

Hoàng ngồi trầm-ngâm nghĩ, ngợi về hai lẽ « tài, tình » mà bạn vừa nêu ra. Chính chàng phân vân không rõ mình có đủ hai yếu-tố đó hay không. Thấy bạn tư-lự, Vinh phát-biểu ý nghĩ của mình :

— Tôi cho thuyết « sắc sắc không không » của nhà Phật vượt tất cả mọi triết-lý ở đời. Tài mà gì, sự nghiệp mà gì ? Cuộc đời cao sang nơi biệt-thư nguy-nga hay cuộc đời xê-dịch Cầu Kho,

Xóm Củi, rồi cuộc rồi cũng chỉ là không không...

Rồi Vinh cao-hứng ngâm ời giọng thật chán chường :

Có thì có sự mây may,

Không thì cả thế-gian này cũng không.

Thử trông bóng nguyệt lòng sông

Mới hay không có, có không là gì.

Hoàng phì cười. Một ý nghĩ mỉa mai ngộ nghĩnh vụt đến trong óc chàng. Chàng muốn hỏi : «Biết như vậy, sao anh còn lo làm giàu làm gì?» Nhưng chàng không thốt ra lời. Chàng biết bạn nói thật, sự mâu thuẫn cổ điển cũng do ở sự thành thật ấy mà ra. Chàng còn biết rõ Vinh giàu có không phải do tài kinh doanh của mình mà do tài đảm đang lịch lãm của vợ. Mặc dầu sống trong nhung lụa, Vinh vẫn giữ được bản chất nghệ sĩ, thời còn thơ, và không thể phát triển nghệ sĩ tính qua hành động, nhà tỉ phú trong sách này đành nghiêng về đạo lý để giải tỏa ăn uất dồn ép tận vực thẳm của tiềm thức. Lâu nay, nhàn cư quá, Vinh bỗng tìm được cái thích thú trong việc nghiên cứu giáo lý của đức Thích Ca.

Gia đình Vinh là một gia đình quái lạ, ít tìm thấy được ở xã hội Việt Nam. Gia đình này gồm có bốn nếp sinh hoạt riêng biệt, mặc dầu lồng chung dưới một mái nhà đồ sộ, nguy nga. Ông Vinh gặp ai cũng thao thao về Phật giáo. Bà Vinh gặp ai cũng b n chuyện hội hè, và hát cải lương. Hạnh lúc nào cũng chứa một kho chuyện ciné, gặp người là xõ ra như pháo Tết. Lan thì chứa đầy một bụng thơ, từ thơ trữ tình đến thơ trào phúng, từ thơ giá trị đến thơ con cóc, nàng mà tuôn thơ ra thì cả nhà phải bịt tai, bịt mũi.

Hoàng quen thuộc với gia đình này quá nên chẳng có tài chịu tất cả mọi thị hiếu. Hôm nay, thấy Vinh từ chuyện nghề nghiệp chuyển sang chuyện đạo lý, Hoàng biết mình sắp sửa phải nghe một tràng lý thuyết nhà Phật. Chàng chuẩn bị tinh thần để lắng nghe.

Vinh nói thao thao như năm lòng kinh điển.

— Càng suy ngẫm việc đời, tôi càng thấy triết lý Phật giáo thật vẻ cùng thâm thúy. Con người vì chấp ngã nên luôn vương vào vòng khổ sở. Chủ là giáo sư Việt

vấn, chắc chú có nghiên cứu nhiều về Phật giáo ?

Hoàng đáp đề vừa lòng bạn :

— Tôi có nghiên cứu chút đỉnh nhưng thẩm vào đâu với sự hiểu biết của các vị Thượng tọa, Đại đức chân tu.

Vinh cười hiền lành :

— Chú nên nghiên cứu tận tường mới thấy triết lý nhà Phật rất cao siêu. Đạo Phật chia ra làm nhiều phái nhưng tôi mộ nhất phái Thiền tông. Phái này chủ trương «bất lập văn tự», chỉ dùng tâm để ấn tâm gọi là phép «lâm truyền». Để tôi đọc bài kệ này của Lục tổ Huệ-Năng cho chú nghe :

Bồ đề bốn vô thọ

Mình cảnh diệt phi dài

Bồn lai vô nhất vật

Hà xứ nhạ trần ai.

Bài đó dịch là :

Bồ đề vốn không cây,

Gương sáng đâu có dài.

Bồn lai không một vật

Lấy gì nhiễm trần ai

Theo bài kệ này, Phật tánh giống như gương sáng nhưng không phải là một vật thì không bao giờ bụi bặm bên ngoài có thể làm vẩn đục được. Như vậy thì nhiều người tri và hạnh sai, thật đáng tiếc thay !

Hoàng ngồi lặng nghe, mới tùm tùm cười :

— Anh hiểu triết lý Thiền Nam Tông rất sâu xa. Tôi cũng có thuộc một bài kệ của ngài Thập Tú, vị phân chủ phái Thiền Bắc Tông như sau :

Thân thi bồ đề thọ

Tâm như mình cảnh dài

Thời thời cần phát thức

Mạc sử nhạ trần ai.

Bài đó có người dịch là :

Thân là cây bồ đề

Tâm như dài gương sáng.

Ngày đêm thường lau sạch

Đừng để nhiễm trần ai.

Ngài Thần Tú quan niệm trái ngược với Lục tổ Huệ-Năng. Phật-tánh như tấm gương sáng, bị bụi trần làm vẩn đục, vậy chúng sanh phải đoạn trừ mê vọng để Phật tánh được hiển hiện. Theo ý anh, quan niệm của vị sư tổ nào đúng ?

Vinh trầm ngâm suy nghĩ, chưa biết đáp thế nào.

Giữa lúc đó, có tiếng xe hơi ngừng trước ngõ, rồi giọng liu lo của Hạnh và Lan vẳng vào.

Hoàng ngảnh nhìn ra. Hạnh lộng lẫy trong chiếc áo màu hồng cổ hở, mặt nàng cũng hồng lên do sự phản chiếu của màu áo dưới tia nắng ban mai. Lan mặt jupe serré, dáng người thanh thanh, đôi chân uyển chuyển, gương mặt lộ vẻ thủy mị, ngây thơ.

Vừa trông thấy Hoàng, Hạnh

mừng rỡ reo lên :

— Chú Hoàng !

Lan cũng vui vẻ :

— Dữ hôn, hôm nay chú mới đến, làm túi châu trông gần hết. Bắt đền chú đó...

Hoàng cười thay câu đáp. Hạnh lại nói :

— Biết hôm nay chú lại, Hạnh mua nho cho chú ăn đây. Hạnh biết chú thích nho tươi, phải không chú ?

Hoàng đáp cho vừa lòng Hạnh.

— Phải rồi, cháu Hạnh ngoan quá.

Lan chu miệng cà nanh :

— Còn Lan không ngoan, hở chú ?

— Lan cũng ngoan lắm.

Hạnh và Lan cùng cười hồn nhiên, sung sướng. Ông Vinh cảm thấy vui lây với bạn và các con. Như trức nhớ lại điều gì, Hạnh nói ngay :

— Chú Hoàng ơi, chú lên lầu với cháu đi. Hai cháu có chuyện này hay lắm, hay vô cùng.

— Và hấp dẫn, ly kỳ, bí mật nữa, phải không Hạnh ?

— Lẽ dĩ nhiên !

Ông Vinh vui vẻ :

— Hai cháu đợi chú mãi. Chú lên xem hai cháu muốn hỏi thăm gì đấy. dịp khác chúng ta sẽ bàn tiếp về Phật-giáo.

Hạnh, Lan hí hửng bước lên

thang lầu, nhanh nhẹn như hai con chim non. Hoàng lần bước theo sau. Ông Vinh ngồi lại một mình, tâm hồn lại chìm đắm trong suy tư.

Đây là ngôi biệt thự bốn tầng lầu, mỗi tầng có nhiều phòng chia thành phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn, phòng đọc sách, phòng làm việc, phòng giải trí v.v.. Mỗi phòng đều có máy điện thoại tự động riêng để gọi phòng này sang phòng khác, từ tầng dưới lên tầng trên. Để nhớ và dễ gọi điện thoại, chủ nhân đánh số phòng và chỉ gọi một cách giản tiện: phòng 1, phòng 2, phòng 3 v. v... y như tổ chức trong một bộ tham mưu quân sự.

Lên đến tầng ba, Hạnh hướng dẫn vào phòng bảy tức là phòng giải trí, căn phòng này rất rộng rãi, đồ trang trí như Salon, bàn, tủ đều bằng formica đủ màu kiểu tối tân và trang nhã. Trong phòng có bày nhiều thứ đàn như piano, violon, guitare espagnole... một cái máy quay phim cỡ nhỏ, đủ tạp chí ciné ngoại quốc, rất nhiều poupées Nhật bản, rất nhiều mặt nạ quái dị dùng trong những buổi khiêu vũ trá hình.

Hạnh lại mở tủ lấy ra hai chiếc đĩa to rồi bày mấy thứ trái cây vừa mua vào đĩa : nào bom, nho, sá ly, toàn những thứ trái cây nhập cảng đắt tiền.

Hạnh chồm chồm cười rất tươi :

— Dành cho bà má một đĩa, còn một đĩa phần chú Hoàng

Lan chu miệng phản đối :

— Không có phần em à ?

— Có chứ.

— Vậy phần em đâu ?

— Phần em là vỏ và hạt, mặc sức mà soi.

Hoàng phì cười :

— Hai chị em đùa nhau mãi. Cháu Hạnh muốn nói: phần chú Hoàng tức là phần của cả hai cháu đấy.

Hạnh được dịp cặng trêu em :

— Ê ê tham ăn, lêu lêu mắc cỡ.

Lan đỏ mặt cười nhẹ nhàng:

— Lan đùa chơi chớ ai lại dành ăn với chú Hoàng, phải không chú? Lan thường dành ăn với chị ấy thì có.

Hoàng thấy mến bản tính ngây thơ của Lan. (Hàng lấy làm lạ trong con người trẻ con ấy lại chứa đựng cả một tâm hồn nghệ sĩ. Có lẽ đó là di sản tinh thần của cha, cái phần tinh túy của Vinh ngày còn thơ đã vô tình kết tinh lại trong nàng.

Hoàng ngồi xuống ghế. Lan

đưa đĩa trái cây đến trước mặt chàng:

— Chú Hoàng ăn đi, chưa hết lại cho Lan.

Hoàng cầm lấy một chùm nho sửa chia làm ba trao cho Hạnh và Lan mỗi đứa một phần. Lan cầm lấy phần mình, ngửa mặt lên, tay đưa chùm nho vào miệng. Nàng ăn ngon lành như con dê mèn gặm cỏ non vào buổi ban mai, lúc ạt sương còn đọng trên ngọn cỏ. Hoàng mỉm cười với ý tưởng so sánh ngộ nghĩnh ấy.

Hạnh vừa bẻ từng trái ăn vừa hí hớn nói:

— Phim Lolita sắp chiếu đấy. Chừng nào chiếu, chú Hoàng dẫn Hạnh, Lan đi xem nhé.

— Nhưng Hạnh phải báo trước cho chú hay tin mới được. Chú không thường theo dõi tin tức ciné.

— Chú Hoàng không mê đào chộp bóng à ?

— Có chứ, nhưng vừa thôi.

— Chú mê ai, nói thử xem nào.

— Chú thích xem Audrey Hepburn và Sandra Dee.

Hạnh cười to lém lỉnh ;

— Trời ơi, chú nhè mê hai

đứa con nít

— Audrey và Sandra là con nít à ?

— Nhưng họ đóng toàn phim con nít. Chú có cảm quan giống hết nhân vật Françoise Sagan

Hoàng mỉm cười im lặng không biết nói sao. Chàng biết

mình đang khơi nhằm cái «khô ciné» của bé Hạnh. Lần thứ nhì, chàng chuẩn bị tinh thần để lắng nghe những tràng pháo nổ rộn rã của đêm ba mươi Tết. Hạnh liền thoáng cho nổ liên hồi.

(Còn tiếp)



LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

○ Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ ĐIỀU - HUYỀN

★ **Bạn Ngọc Mỹ, ấp 4, Hoàng Hoa Thám Giadinh**

Ngày 19-5-1947, tức là ngày 29 tháng 3 năm Đinh Hợi (Năm này nhuận tháng hai)

Ngày 18-4-1947 : 27 tháng 2, nhuận, năm Đinh Hợi.

★ **Bạn Nguyễn-tường-Duy, Quang Trung, Quảng Ngãi**

— Ngày 20 tháng 7 năm Đinh Hợi, là ngày 4-9-1947.

— Đã gởi cho bạn số báo 122.

★ **Bà Thái văn Châu, Trịnh Phong, Nha Trang**

Năm Đinh Hợi (1947) có nhuận tháng hai, không có nhuận tháng Tư.

— 18 tháng 4 Đinh Hợi tức là 6-6-1947.

□ **Bạn Mai-Dương-Tuyết, Saigon**

Rất cảm động xem thư bạn. Nhưng mấy bài thơ «Tri kỷ», rất tiếc không thể nào đăng được vì tính cách hoàn toàn cá nhân. Bài đăng vào mục «Tiếng Nói của gái và trai thế hệ» phải phản ánh một tâm trạng liên quan đến hiện tình xã hội, chứ không phải tâm sự cá nhân. Mong bạn thông cảm.

□ **EM Tuấn Kiệt, Qui Nhơn**

Chị Điều Huyền rất tiếc không biết địa chỉ của lực sĩ Thiết Côn (?) Em cứ gởi bài về mục «Diễn đàn tuổi trẻ»,

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

△ **Bạn SVSQ Võ-Bình KBC 4100**

Ngày 22 tháng 2 năm Đinh Hợi : 14-3-1947

Ngày 22 tháng 2 nhuận, Đinh Hợi : 13-4-1947.

△ **Bạn Trần Quang Trung KBC 4420**

Ồ. Trần-tuấn-Kiệt có thơ đăng trong P.T. không phải là giáo sư và không có giấy học bao giờ.

△ **Bạn Tuyết Loan, Văn Khoa, Saigon**

Một sự kiện : un fait, a fact.

Một điều kiện : une condition, a condition.

Một dữ kiện : donnée, d' un problème, that which is admitted, given.

△ **Bà Lê-thị-Mẫn, Cao Thắng, Saigon**

Cao-Thắng, quê làng Lê-Đông, huyện Hương-Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, con nhà nông. Năm 1885, ông được 20 tuổi, theo Phan-dinh-Phùng khởi nghĩa Cần-Vương. Rất thông minh và có chí, tự đức được súng theo kiểu súng Pháp. Bị trúng đạn chết trong lúc chỉ huy tấn công một đồn Pháp, năm 1893.

△ **Ô. Duy Lương, Cần Thơ**

Chữ Ciel (Trời) của Pháp không phải là gốc nơi chữ Thiên của Hán-tự, mà là do chữ la-tinh **Caecum**. Chữ Terre (Đất) do latin **terra** chứ không phải do Hán tự **Địa**. Người Tàu đọc Thiên địa là **Tian-di**.

△ **Ô. Nguyễn-v-Tân, Gia Định**

— Ngày 31-12-1899, là ngày 29 tháng 11 năm Kỷ-Hợi

— Ngày 31-12-1900, là ngày 10 tháng 11 năm Canh Tý.

— Ngày Mồng 1 Tết năm Canh Tý, là ngày 31-1-1900

△ **Bà Lâm-minh-Châu, Vĩnh Long**

Theo phương pháp Ogino-Knauss ngày thứ 14 sau ngày bắt đầu có kinh nguyệt, có thể chắc chắn thụ thai.

Thí dụ : Ngày 1 có kinh nguyệt

2 "

3 "

4 "

5 "

— Không thụ thai được

10

11 —

12 Có thể thụ thai

13 —

* 14 Chắc chắn thụ thai

15

16

17

18 Còn có thể thụ thai

19 —

— Không thụ thai được

31

Về các chi tiết, bà hỏi, xin xem lại các số Phở-Thông cũ, Diệu Huyền có trình bày rất đầy đủ.

Δ **Bạn Ngô Yết, Kiến Hòa**

— Ngày 24-1-1951 ; 17 tháng chạp năm Canh Dần

— Hội Việt-Mỹ (cơ-quan văn-hóa Mỹ) ở:

55 Mạc-dĩnh-Chi, Saigon

■ **Bạn Vũ-thành-Vân, Quảng Ngãi**

Thành thật cảm ơn những cảm tình thân ái của bạn —
Thơ, còn đang xem.

○ **Ô. Hồ-viết-Quảng, Tam kỳ**

Ngày 10 tháng 9 năm giáp-thân, tức là ngày 26 tháng 10 năm 1944.

▲ **Ô. Trang-thanh-Liêm, Thoại-sơn**

Có quyền sách «Nhị thập tứ hiếu» nói về chuyện 24 người con có hiếu, ở thời xưa. Rất tiếc P.T. không đủ chỗ để đăng lại sự tích những nhân vật ấy.

□ **Em Tường Linh, Nha trang**

Ngày 11-11 Ất-dậu : 15-12-1945

Δ **Cô Lê-thị-Henriette Hữu, Pnom-Penh**

Monseigneur Belsume là một vị Tổng Giám-mục Pháp ở Marseille. Năm 1721, hải cảng Marseille bị bệnh dịch hạch giết chết gần nửa triệu người trong một tháng. Đức cha Belsume là vị cứu tinh của thành phố, đã hy sinh tài sản và đến cả tính mạng để cứu sống một nửa dân số thoát được tai nạn kinh khủng. Dân chúng Marseille đặt tên Ngài cho một đại lộ để ghi ơn.

Δ **Thượng sĩ Ng. đồn Túy KBC 4428**

Ngày 27 tháng 2, năm Nhâm Thân : 2-4-1932

Δ **Em Mai-Tử-Hùng, An-xuyên**

Ngài 16 tháng 10 Mậu Tý : Ngày Thứ ba 16-11-1948

Ngài 16 tháng 11 Mậu Tý : Ngày Thứ năm 16-12-1948

Δ **Em Diệp-Tấn-Trung, An-xuyên**

Em mới 18 tuổi mà đầu tóc trắng một nửa, là tại máu. Chỉ có mua thuốc nhuộm tóc về nhuộm, chứ y-khoa không có thuốc chữa bệnh bạc tóc.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

● Em Trương. Căn-thờ

Em lên Saigon đến tòa soạn, sẽ có công việc cho em làm

● Bạn Kông Tân. Huỳnh-thức-Kháng. Tam-kỳ

S.W.I. : South-West Ireland (Tây-Nam xứ Ái-nhĩ-Lan)

Scout Shop, 25 Buckingham, S.W.I. là một trại hướng-
đạo-sinh ở Ái-nhĩ-Lan

Δ Ô. Ng-v-Bê. Saigon

Muốn đổi tên cần phải làm đơn đến Quận, và sẽ do
Tòa án quyết định. Nếu còn vị thành niên phải do cha mẹ
đứng đơn.

Δ Bạn (không rõ tên) ở 338/b/3 Phan-thanh-Giản Saigon

Ngày 5-10-1947 : 21 tháng 8 năm Đinh Hợi.

Δ Bạn Thanh Dung. Quảng-Ngãi

Ngày 13 tháng 8 năm Tân Tỵ : 3-10-1941

Ngày 4 tháng 3 năm Mậu Dần : 4-4-1938. Năm này có 2
tháng 7

Ngày 3 tháng 9 năm Kỷ Mão : 15-10-1939

★ Bạn Nguyễn-ngọc-Châu. KBC 4.091

Ngày 6-10-1943 : 8 tháng 9 năm Quý Mùi.

● Bạn Ngọc Hải KBC 4091

Ngày 3-11 Nhâm Ngọ : 20-12-1942

HỖ TÍN

Được hồng-thiệp cháu TRẦN-NGUYỄN-HÙNG-ANH
báo tin lễ thành-hôn cùng LÊ-THỊ-THU-THỦY ở Cai
Lậy, cậu rất mừng cho cháu, và thân-mến chúc hai
cháu được hạnh-phúc trăm năm.

NGUYỄN - VỸ

KUÂN ĐÌNH - MÙI

THƯ BẠN ĐỌC

● Của Hội Sinh-Viên Việt-Nam tại Nhật-Bản

Vietnamese Students' Association in Japan

862 Komaba-cho Meguro-ku Tokyo

Tokyo ngày 11-1-67

Kính gửi Ông Nguyễn Vỹ,

Giám đốc Phổ Thông

Saigon

Thưa Ông,

Sau ngày đại hội thường nhiệm ngày 17-12-66, nhân danh
Hội trưởng Hội Sinh Viên Việt-Nam tại Nhật, tôi xin trân trọng
thông báo cho quý độc giả Phổ Thông biết rõ là Hội chúng tôi đã
thành lập thêm được Hội Bảo Trợ Sinh Viên Việt-Nam tại Nhật,
trong mục đích kết thân Nhật Việt. Chúng tôi tin tưởng và hy
vọng rằng sự tiến triển của Hội Bảo Trợ trong một ngày gần đây
sẽ mở rộng hoạt động trong phạm vi cấp nhiều học bổng cho
sinh viên Việt Nam ưu tú sang Nhật.

Chương trình hoạt động của Hội chúng tôi ngoài mục đích
kết thân Nhật Việt, còn nối liền sự quan hệ giữa sinh viên VN
tại hải ngoại. Chúng tôi hy vọng sẽ được tiếp xúc liên lạc với mọi
giới trí thức VN trong những quan hệ đến VN trên phương diện
văn hóa, kinh tế, khoa học...

Năm nay nhân dịp đầu Xuân, Hội chúng tôi chân thành cảm
tạ sự giúp đỡ văn hóa của quý tạp chí Phổ Thông.

Chúng tôi xin cầu mong các Thầy, các Cha, đồng bào Phật
tử, Công Giáo hãy đồng tâm cầu nguyện.

— Cho Hòa Bình trở lại Việt-Nam.

— Cho vong hồn tử sĩ đã hy sinh vì TĐ Quốc.

Hội Trưởng,

Hội Sinh Viên Việt Nam tại Nhật Bản

PHỔ THÔNG — 186

189

■ **Của bạn Hồ-Vinh-Phu, sinh viên tại Ann Arbor
University of Michigan (Mỹ)**

Ann Arbor, ngày 6-12-1966

Kính Ông,

Kính mong ông tha lỗi cho sự đường đột của tôi. Tuy được biết nhiều về ông và các hoạt động văn hóa của ông, tôi chưa lần nào được hân hạnh hầu chuyện hay hầu thư cùng ông cả. Tôi mạo muội viết thư này, xin hỏi ý kiến của ông một vài vấn đề.

Tôi tên là Hồ-Vinh-Phu, sinh viên tại trường « University of Michigan » tại Ann Arbor, đại diện cho nhóm sinh viên Việt-Nam tại trường này. Trường đại học khá lớn, năm nay có chừng 35.000 sinh viên, và hàng năm có tổ chức một hội chợ quốc tế. Đây là một hoạt động cổ truyền của nhà trường, bắt đầu từ năm 1908. Và trường này là trường độc nhất trong nước Mỹ có tổ chức một hội chợ lớn như thế này. Các tổ chức sinh viên ngoại quốc đều được mời tham dự, kể cả nhóm sinh viên Việt-Nam chúng ta. Những đồ đặc trưng bày đều là các sản phẩm tiêu công nghệ và các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật, v.v...

Nghĩ rằng đây là một cơ hội hiếm có để phổ biến văn hóa nước nhà, vì rằng số người đến thăm viếng hội chợ rất đông, ngoài sinh viên nhà trường còn có quần chúng từ các thành phố khác như Detroit, East Lansing, v. v... chúng tôi nhóm sinh viên Việt-Nam tại đây quyết định tham dự hội chợ. Nhưng chúng tôi kinh nghiệm ít ỏi, lại thêm vì ở xa quê nhà, đồ đặc trưng bày rất ít có. Biết rằng ông là một trong những nhà lãnh đạo của giới văn nghệ sĩ nước nhà, chúng tôi đánh bạo kính nhờ ông giúp đỡ, ngõ hầu có thêm vài tác phẩm văn hóa và nghệ thuật để trưng bày với quần chúng Mỹ. Quần chúng Mỹ phần nhiều biết rất ít về nền văn hóa của Việt-Nam chúng ta và ở đây rất ít khi có cuộc triển lãm gì về văn-hóa nghệ-thuật nước nhà. Nếu ông có thì giờ, rộng lòng giúp đỡ cho, kính mong ông thăm hỏi trong các

giới nhạc, văn, nghệ sĩ xem có vị nào có tác phẩm muốn trưng bày cùng quần chúng ngoại quốc, chúng tôi xin mượn dịp này để giới thiệu văn, nghệ sĩ nước nhà với quần chúng Mỹ. Ngoài việc trưng bày ra, có một vài món đồ chúng tôi được phép bán cho khách đến thăm, vì vậy nếu có tác phẩm nào muốn bán, chúng tôi có thể xin phép để bán giúp.

Ngoài các tác phẩm văn nghệ ra, chúng tôi có thể trưng bày các sản phẩm công-nghệ. Kính mong ông rộng lượng cho vài hàng quảng cáo trong tạp chí Phổ-Thông, của ông. Với số độc giả đông đảo của tạp chí Phổ-Thông, thế nào chúng tôi cũng được sự chú ý của một vài nhà thương mại Hội chợ sẽ bắt đầu từ ngày 3 tháng 2 năm 1967.

Chúng tôi xin thành thật cảm ơn ông trước, và rất mong đợi thư của ông.

Nay kính,
Hồ-Vinh-Phu

Địa chỉ : c/o Viet Nam club
International center
University of Michigan
Ann Arbor, Michigan

hay là : 616 Church
Ann Arbor, Michigan



LỜI TÒA SOẠN : Chúng tôi rất vui lòng đăng nguyên văn bức thư của bạn Hồ-Vinh-Phu, đề các giới Văn-nghệ, Sinh viên, thương mại, muốn tham gia Hội chợ Michigan, cứ viết thư trực tiếp đến bạn Hồ-Vinh-Phu. Chúng tôi xin thành thật có lời khen bạn Hồ-Vinh-Phu và toàn thể anh chị em sinh viên Việt-Nam ở Michigan đã sốt sắng dự phần vào các tổ chức sinh viên hải ngoại.
Phổ-Thông tạp chí.

Hãng B.G.I. THÀNH CÔNG, THỊNH VƯỢNG

Kính chúc Quý Vị

và
HẠNH - PHÚC



Còn trời, còn nước, còn non,
Nước Ngọt Con Cọp ta còn thưởng Xuân
Xuân qua, Xuân lại, bao lần
Nước Ngọt Con Cọp vui Xuân thanh bình.

Mùa Xuân cây cỏ vui mừng

Nhớ tìm đọc

Cỏ Khô

Truyện dài của KIÊM - THÈM

Cung Chúc Tân Xuân

ĂN NGON NGỦ KHOẺ cũng nhờ thuốc BỒ-THẬN

Sâm-Nhung Dược-Tinh

Hiệu Ông Già

Trữ bán khắp nơi

VIỄN - ĐÔNG Dược Phòng

115, đường Phùng-Hưng — CHOLON

N. K. số : 673/BYT ngày 17-1-64

Cần Đến kinh kỳ, Bận bần đã dưới hay là đang

lời Công Hoàn « **ÔNG TIỀN** » Hồi các tiệm thuốc Hoa-Việt

Saigon 228H. & hánh-Tân. Nhà thuốc « **ÔNG TIỀN** » [Phủ-Lâm Cholon

K. N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngựa, Ghé chớ, lờ lờ, gửi lời đến lan tới đó

không phải sáo phất so với ngoài da mà

lời. « **ÔNG GIẢI PHONG SÁT-ĐỘC-HOÀN « **ÔNG TIỀN** »**

Đã nằm uống lợp. Hồi các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **ÔNG TIỀN** Phủ-Lâm Cholon (K. N. BYT. số 3 — 9-5-63)

PHỔ-THÔNG — 186

193

KINH-LÝ VĂN - PHONG

110, đại lộ Nguyễn-Huê—Saigon
Điện-thoại 23. 187



Tham-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373. Phan-thành-Giản

SAIGON



K.N số 260 ngày 20-6-63

KĐ số 192 ngày 27-1-67

Giấp phép số 292 CDVTTND ngày 3-10-1961

Quản-nhiệm : NGUYỄN-VỸ
In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN
231-233, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon